

361-362

15-1 và 1-2-1972



BACHKHOA

XUÂN NHÂM-TÝ * ĐỆ THẬP NGŨ CHU-NIÊN

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẤT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Số kỷ-niệm 15 năm
và Xuân Nhâm-Tý

BÁCH KHOA

Số 361-362 ngày 15-1-1972

TỪ TRÌ 1971 <i>lũng cũng nội bộ và đảo ngược liên minh</i>	05
VÕ QUANG YẾN <i>Nobel khoa học 1971</i>	17
NGUYỄN NHƯ <i>Kinh tế 72, Thực và Mộng</i>	23
VŨ HẠNH <i>vài nét về sinh hoạt văn học, nghệ thuật tại Miền Nam trong một năm qua</i>	31
VÕ PHIẾN <i>nhìn lại 15 năm văn nghệ Miền Nam</i>	39
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>nhìn lại 15 năm văn học Miền Nam</i>	41
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>sau 18 năm tiếp xúc với người Mỹ : vài suy tư về phong trào về nguồn</i>	53
HỒ HỮU TƯỜNG <i>những kỷ-niệm với Bách-Khoa : Bách-Khoa và người tù</i>	67
TRÙNG DƯƠNG <i>những kỷ niệm với Bách-Khoa : Bách-Khoa, nơi từ đó</i>	73
PHAN DU <i>những kỷ niệm với Bách-Khoa : Văn-đàn tình-thoại</i>	77
VÕ HỒNG <i>màu xanh ảo giác (truyện ngắn)</i>	87
DOÃN DÂN <i>canh bạc (truyện ngắn)</i>	93
TRẦN HUIỀN ÂN <i>nói với những mùa Xuân phía dưới (thơ)</i>	108
PHẠM CAO HOÀNG <i>hương cau (thơ)</i>	109

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Đà soạn : 60, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

Giá : 150đ.

Công sở : 300đ.

Nhân dịp cuối năm kính chúc quý vị bạn đọc, quý vị đăng quảng cáo, quý vị phát hành và cổ động cho Tạp chí Bách-Khoa, một năm mới nhiều may mắn, thịnh vượng và hạnh phúc.

Tạp chí BÁCH KHOA

HOÀNG LỘC <i>lại một mùa Xuân sầu xứ (thơ)</i>	110
TRẦN HOÀI THU <i>một ngày cuối năm trên Cao nguyên (truyện ngắn)</i>	111
VÔ ƯU <i>tiềm sinh (truyện ngắn)</i>	117
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>cảm đề «Hoa trắng» và cảm đề «Bay nghiêng vòng đời» (thơ)</i>	133
BÙI KHÁNH ĐÀN <i>Xuân du (thơ)</i>	134
LÊ PHỒ ĐỨC <i>mùa Xuân trở lại thành (thơ)</i>	134
BẢO VÂN <i>câu đố Tết Nhâm Tý</i>	136
BÁCH KHOA <i>đàm thoại với Phạm-Duy về cuộc hội thảo «Âm nhạc Việt-Nam» tại Viện đại học Nam Illinois (Hoa kỳ)</i>	137
SINH HOẠT	
THIỆN Ý <i>Truyện Tàu thế kỷ 20 : một số dòng họ đời Tam Quốc bên Tàu còn sót lại ở Việt Nam</i>	147
TẠ TỶ <i>anh đã đi rồi (khóc Tam-Ích) (thơ)</i>	151
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>gửi theo Tam-Ích (thơ)</i>	153
NGÊ BÁ LÍ <i>quà Nô-en (thơ)</i>	154
PHẠM TĂNG <i>bài thơ gửi anh em Bách-Khoa</i>	155
TRANH BÌA CỦA HỌA SĨ VĂN THANH	

1971, lũng củng nội bộ và đảo ngược liên-minh

TỪ TRÌ

Năm 1971 vừa qua là một năm rất phong phú về các sự kiện chính trị. Hết vấn đề quan trọng này được đặt ra chưa kịp giải quyết thì người ta lại thấy vấn đề kia. Suốt từ đầu năm tới cuối năm không một lúc nào mà đầu óc các vị lãnh tụ trên thế giới được rảnh rang. Nếu không đảo chánh ở xứ này thì lại nổi loạn ở nước kia. Nếu không khủng hoảng tiền tệ thì lại đe dọa chiến tranh. Nhưng sự kiện chính trị quan trọng nhất trong năm đã là các toan tính hòa giải giữa hai phe Cộng sản và Tư bản. Hoa-kỳ đã đi xa trên con đường hòa giải đến độ chấp nhận cho Trung Cộng gia nhập Liên Hiệp Quốc. Nhưng chính khuynh hướng hòa giải này lại đưa người ta tới các lũng củng nội bộ trầm trọng. Đề giải hòa với kẻ thù người ta đã phải bỏ bạn. Ngoài ra để bảo vệ quyền lợi riêng người ta đã có những biện pháp đi ngược lại với quyền lợi chung. Năm 1971 đã là năm mà quyền lợi quốc gia được đề cao hơn bao giờ hết và tình đoàn kết quốc tế cũng bị coi rẻ hơn bao giờ hết. Do đó khung hướng chung của đời sống chính trị thế giới năm 1971 là lũng củng nội bộ trong khuôn khổ một quốc gia hay một nhóm các quốc gia và đảo ngược liên minh trong bang giao với bên ngoài.

Khối Đệ tam thế giới được người ta chú trọng tới nhiều nhất vì khối này trong năm qua đã trải qua những cuộc khủng hoảng hết sức trầm trọng mà hậu quả lớn nhất là cuộc chiến tranh Ấn-Hồi.

Trong khối Tây phương Âu-Mỹ, người ta cũng gặp khó khăn không kém. Khi Hoa-kỳ nhích lại Trung Cộng và tìm cách giảm mức can thiệp ở Âu-châu thì các quốc gia thuộc vùng này cũng đua nhau áp dụng một chính sách độc lập. Ngoài ra cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim đã làm thương tổn tình thân hữu giữa Hoa-kỳ và các đồng minh Âu-châu vào lúc mà lục địa này đang trở thành một lực lượng lớn mạnh.

Khối Cộng-sản cũng rạn nứt thêm trong năm qua. Song song với thái độ độc lập của các nước Cộng-sản Đông-Âu, Trung-Cộng cũng đã khởi sự bắt tay với Mỹ khiến cho các lãnh tụ Nga-sô không còn cách nào để tiếp tục duy trì địa vị lãnh tụ của mình nữa.

Những lũng củng, những lũng củng nội bộ trong các khối một phần lớn là do khuynh hướng hòa giải trong bang giao Đông-Tây tạo nên. Vì các đại cường Tư bản tìm cách công tác với các đại cường Cộng sản nên một số các nước thuộc hai khối đã phải

tìm cách điều chỉnh chính sách cổ hữu của mình.

Khủng hoảng liên tiếp trong khối Đệ tam thế giới.

Một loạt đảo chính tại các quốc gia Á Phi, và ba cuộc chiến tranh Đông Dương, Trung-Đông và Ấn-Hồi đã là những hiện tượng quan trọng đánh dấu đời sống chính trị tại khu vực Đệ-tam thế giới.

Ngay từ đầu năm, một cuộc đảo chính quân-sự đã xảy ra tại Ouganda. Lợi dụng lúc Tổng-thống xứ này là Apollo Milton Obote đã đi tham dự hội nghị các Quốc trưởng và Thủ tướng của khối Liên-Hiệp-Anh ở Tân gia ba, tướng Amin đã cướp chính quyền. Khi trở về, ông Obote đến nương náu tại nước láng giềng là Tanzanie và không ngớt tố cáo Do-thái đã nhúng tay vào vụ đảo chánh lật ông. Vì ông Obote có đường lối khuynh tả trong khi tướng Amin khuynh hữu nên khi vấn đề này được đưa ra trước Tổ-chức Thống-Nhất Phi-Châu, các quốc-gia hội-viên của Tổ-chức đã hết sức chia rẽ. Các nước Phi-châu nào có chính-thể quân sự đều ủng hộ Amin trong khi các nước nào chưa bị đảo-chính đều muốn ủng hộ Obote. Vấn đề đảo-chính tại ông Ouganda đã làm cho Tổ chức Thống-Nhất Phi-Châu mất uy tín rất nhiều.

Cùng một lúc Tổng-thống Guinée là Sekou Touré phát động một phong trào bài Âu-châu để chống Bồ-đào nha và Đức. Phong trào này đã cho

phép ông Touré loại bỏ được các phần tử chống đối bằng cách xử tử 92 người.

Dịch đảo-chính tiếp tục lan sang tới Maroc vào tháng 7-1971. Tướng Medbough, Chỉ huy Ngự-lâm-quân đã cùng với một phần quân đội nổi dậy toan tính lật đổ Quốc-vương Hassan. Tuy âm mưu đảo-chánh bị thất bại nhưng Maroc cũng lâm vào một tình-trạng bất ổn. Giữa một chính quyền bị tố cáo là thối nát và các phe đối-lập càng ngày càng mạnh, Quốc-vương Hassan đã tỏ ra bất lực không thực hiện được một biện-pháp cải cách nào khả dĩ thỏa mãn được nguyện vọng của dân chúng.

Cuộc đảo-chính hụt ở Maroc đã trực tiếp liên-hệ với các biến chuyển quan trọng tại Trung-Đông. Thật vậy, ngay khi cuộc đảo chính này vừa khởi sự thì Đại-tá Gaddafi, Quốc trưởng Lybie, đã tỏ ý triệt để ủng hộ, vì vậy mà Maroc đã đoạn giao với Lybie. Từ khi Nasser qua đời, Đại tá Gaddafi luôn luôn nuôi mộng làm lãnh-tụ khối Ả-rập, do đó ông đã khuấy động khối Ả-rập từ 2 năm qua.

Ngoài vụ đảo chính tại Maroc, Gaddafi còn can thiệp vào cuộc đảo-chính tại Soudan. Nhưng lần này ng đi với phe cầm quyền và giúp cho Tổng-thống Soudan là tướng Nume-rey phá vỡ mọi âm mưu cướp chính quyền của đảng Cộng-sản Soudan.

Cùng một lúc với các cuộc đảo-chánh tại Maroc và Soudan, người ta còn thấy những âm mưu tương tự

tại Irak cũng như tại Ai-cập trong hai tháng 7 và 8-1971 vừa qua. Nhưng cũng như tại Maroc và Soudan, các âm mưu này đều bị thất bại.

Ngoài những lũng củng nội-bộ, khối Ả-rập còn gặp nhiều khó khăn về mặt đối ngoại. Tuy ba nước Syrie, Ai-cập và Lybie đã liên kết thành một «Liên-hiệp các Cộng-hòa Ả-rập» nhưng họ cũng vẫn không đủ mạnh để đối phó với Do-thái. Cuộc hưu chiến giữa Do-thái và Ả-rập do Ngoại-trưởng Hoa-kỳ đề xướng đã chính thức chấm dứt vào tháng 3 nhưng cả hai bên đều không đi tới một thỏa-hiệp nào nhằm tái lập hòa-bình. Nhà hòa-giải Gunnar Jarring đã chán nản trở về Mạc-tư-khoa để tiếp tục chức vụ Đại-sứ Thụy-điển. Vào cuối năm, các nỗ-lực hòa-giải đã gần như thất bại hoàn toàn và Hoa-kỳ đã phải quyết định bán vũ-khí cho Do-thái để duy trì cân cân lực lượng tại vùng này.

Cuộc chiến tranh Việt-nam cũng ở trong tình trạng chưa quyết định. Vào đầu năm khi quân đội V.N.C.H vượt biên tấn công «đường mòn Hồ-Chí-Minh» trên lãnh-thò Lào người ta đã tưởng rằng cuộc chiến tranh Đông-Dương đã thực sự mở rộng. Nhưng sau khi quân đội V.N.C.H rút về vào cuối tháng 3-1971 thì chiến tranh bước vào một giai đoạn lắng dịu và ông Nixon đã quyết định chỉ còn để lại Việt Nam 184.000 quân vào tháng 12-1971.

Tuy nhiên, mặc dầu cho tới cuối

năm, tại Việt-nam chưa có trận nào quan trọng, nhưng tại Kampuchea và Lào thì mặt trận càng ngày càng trở nên sôi động ác liệt dưới áp lực của quân đội Bắc-Việt.

Sự kiện trầm trọng nhất trong khối Đệ-tam thế giới trong năm qua đã là cuộc chiến tranh Ấn-Hồi và sự xuất hiện của tân quốc-gia Bangla Desh vào tháng 12-1971. Dân tộc Đông-Hồi đã nổi dậy đòi ly khai khỏi cộng-đồng Hồi vào cuối tháng 3-1971. Vì Tổng thống Hồi Yahya Khan nhất quyết duy trì thống nhất Hồi nên cuộc nội chiến đã bùng nổ tại Đông Hồi. Sau 8 tháng cuộc nội chiến Đông Hồi đã trở thành một cuộc chiến tranh Ấn-Hồi và kết quả là Hồi bại trận và Đông Hồi đã trở thành một quốc gia độc lập lấy tên là Bangla Desh. Cuộc chiến tranh Ấn-Hồi đã tạo nên một tình trạng khủng hoảng giữa các cường quốc Nga, Mỹ và Trung Cộng.

Chinh đón hàng ngũ trong khối Tây phương

Trong năm 1971 các nước Tây-Âu và Hoa-kỳ cũng không thoát khỏi những khó khăn nội bộ trong khuôn khổ của mỗi quốc gia cũng như trong khuôn khổ của cả khối Tây phương.

Vào tháng 4, tình trạng căng thẳng giữa hai cộng đồng Công giáo và Tin lành tại Ái-nhĩ-lan đã trầm trọng đến độ bùng nổ thành một cuộc nội chiến tại nước này. Tổ chức «Quân đội Cộng hòa Ái-nhĩ-lan» đã phát động một phong trào khủng bố không những

ta: Ái-nhĩ-lan mà còn tại cả Anh quốc khiến cho an ninh của Nữ hoàng Elizābeth II cũng bị đe dọa.

Tại Hoa-kỳ nếu các cuộc biểu tình phản chiến vào tháng 5 không làm cho ông Nixon phải lùi bước thì cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim đã đưa nước này vào một tình hình kinh tế tài chánh khó khăn. Các biện pháp nhằm điều chỉnh cán cân chi phí như «thả nổi» đồng Mỹ-kim, hạn chế nhập cảng, lại làm thương tổn bang giao giữa Hoa-kỳ và các nước đồng minh Âu-châu.

Ngoài ra tại Thượng Nghị-viện người ta đang đòi ông Nixon rút bớt mức can thiệp trên thế giới. Vào tháng 5, Thượng Nghị-sĩ Mike Mansfield đã đưa ra một quyết nghị đòi chính phủ Mỹ phải giảm một nửa quân số tại Âu-châu. Tuy quyết nghị này bị Thượng - viện Mỹ bác bỏ nhưng các đồng minh Tây-Âu của Hoa kỳ đã có cảm tưởng rằng Hoa kỳ không còn muốn có một chính sách hoạt động ở Âu châu nữa. Vì vậy họ đã phải tính tới chuyện phòng thủ lực địa này mà không cần tới Mỹ. Hội nghị các Tổng trưởng Ngoại-giao và Quốc phòng của Liên-minh Bắc Đại tây dương, nhóm họp thường niên vào tháng 6 đã đặc biệt nghiên cứu vấn đề Mỹ rút quân và vấn đề thương thuyết với Minh ước Varsovie của phe Cộng sản.

Trong năm vừa qua nền ngoại-giao của Mỹ lại còn bị lúng túng sau vụ các tài liệu của Ngũ-giác-đài bị tiết lộ

Chính sách đối ngoại của Hoa-kỳ trên 20 năm qua đột nhiên bị đưa ra mổ xẻ trước dư luận thế giới khiến người ta thấy mục tiêu ngoại giao của Hoa kỳ đôi khi không được cao đẹp như người ta tưởng.

Nếu tại Âu-châu, bang-giao giữa Hoa-kỳ và các nước Tây-Âu bị căng thẳng sau khi Hoa-kỳ ban hành các biện pháp kinh tài nhằm cứu vãn đồng Mỹ-kim thì tại Á châu nhiều nước đồng minh của Hoa-kỳ cũng không kém bất bình vì chính sách hòa giải với Trung-Cộng của Hoa-thịnh-đốn. Quốc gia bất bình nhất có lẽ là Nhật-bản. Nước này tuy thu hồi được quần đảo Okinawa sau khi hiệp ước Mỹ-Nhật được ký kết tại Hoa-thịnh-đốn, nhưng cũng lại là nạn nhân của chính sách kinh tài Hoa kỳ. Ngoài ra khi quyết định bắt tay với Trung-Cộng, Mỹ không hề tham khảo ý kiến Nhật khiến chính-phủ của Thủ tướng Sato bị dư luận trong nước coi như là bị Mỹ nhục mạ. Sau Nhật, Đài Loan cũng không kém oán trách Mỹ đã bỏ rơi họ để đưa Trung Cộng vào Liên Hiệp Quốc. Các nước đồng minh Á châu khác của Hoa kỳ như Đại-hàn, Phi-luật-tân, Thái-lan, Việt-nam v.v... cũng không kém lo lắng trước thái độ của Mỹ.

Vì Mỹ lơ là với Âu châu, các quốc gia vùng này đã phản ứng lại bằng cách xiết chặt hàng ngũ hơn lên. Tháng 11, Quốc hội Anh đã chính thức cho phép Anh gia nhập Thị trường chung. Và hiện thời người ta đang tích cực thương thuyết

đề thu nhận không những Anh mà các quốc gia từ trước tới nay đi theo Anh như Thụy-điền, Thụy-sĩ, Bồ-đào-nha.... Nếu các quốc gia này đều được thu nhận vào khối Thị-trường chung thì toàn thể khối Tây-Âu sẽ trở thành một lực lượng lớn mạnh có thể cạnh tranh nổi với tất cả các cường-quốc như Nga, Mỹ và Trung Cộng trên đủ mọi lãnh vực chính trị, kinh tế cũng như quân sự.

Nói tóm lại, Hoa-kỳ càng giảm mức can thiệp ở Tây-Âu bao nhiêu thì lực địa này càng trở nên lớn mạnh và càng độc lập bấy nhiêu. Trong phiên họp cuối cùng các Tổng trưởng Quốc-phòng của Minh-ước Bắc Đ i-Tây-dương các quốc-gia hội viên Âu-hâu lần đầu tiên đã tỏ ý chỉ muốn nhận lãnh trách-nhiệm của mình bằng cách đồng lòng chịu chung một khoản phụ-phí là 1 tỷ Mỹ-kim để tăng cường công cuộc phòng thủ. Vì vai trò của các nước Tây-Âu đã trở thành quan trọng hơn trước nên Hoa-kỳ đã dần dần coi vùng này là một đối thủ hơn là một đồng minh. Vào những tháng cuối năm các sứ-giã của Tổng thống Nixon đã cố gắng ngăn trở các cuộc thương thuyết giữa các quốc gia hội viên khối Thị trường chung và các quốc gia đang nộp đơn xin gia nhập. Vì nếu tổ-chức Thị-trường chung mở quá rộng, sản phẩm của Hoa-kỳ sẽ gặp nhiều khó khăn trên thị trường Âu-châu.

Vai trò của Âu-châu trong đời sống thế-giới đã mạnh đến nỗi trước

khí sang Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa Tổng thống Nixon đã phải gặp một loạt các lãnh-tụ của vùng này để củng cố nội bộ. Trong tháng 12 vừa qua ông Nixon đã liên tiếp hội kiến với các ông Pompidou, Tổng-thống Pháp, Heath, Thủ tướng Anh và Wily Brandt, Thủ-tướng Tây Đức, khiến ảnh hưởng của Tây Âu trong cuộc thương thuyết Đông-Tây sẽ quan trọng nhiều hơn trước.

Thanh toán nội bộ trong khối Cộng sản

Năm 1971 đã là một năm không mấy tốt đẹp cho khối Cộng-sản hay đúng hơn cho sự thống nhất của khối này. Ngay từ cuối năm 1970, đầu năm 1971, công nhân Ba-lan đã nổi loạn chống lại chính-sách kinh tế của chính-phủ Varsovie. Các cuộc nổi loạn này khởi đầu vào ngày 13-12-1970 đã kéo dài tới tháng 1 1971 khiến Đệ nhất Bí-thư đảng, Wladislav Gomulka phải rút lui sau 14 năm cầm quyền. Một chính-trị-gia Gomulka phải ra đi nhường quyền lại cho một kỹ-thuật-gia Edward Gierек, sự kiện này đã nhấn mạnh sự thất bại của chủ nghĩa Cộng-sản trong công cuộc phát-triển Ba-lan. Thật vậy, sau 1/4 thế-kỷ dưới chính thể Cộng-sản, Ba-lan tuy có đầy đủ tài-nguyên vẫn không có một mức sống cao hơn trước. Với ông Gierек, một chuyên viên về sản xuất trong chức vụ Đệ nhất Bí-thư đảng và với ông Piotr Jaroszewicz, một chuyên viên kinh-tế, trong chức vụ Thủ-tướng, Ba-lan hy vọng tiến

triển mạnh hơn trong lãnh vực phát-triển quốc-gia.

Cũng trong năm 1971, một cây cờ thụ thứ hai của khối Cộng-sản bị bật gốc vào tháng 5 là ông Walter Ulbricht. Sau 20 năm cầm quyền liên tiếp, ông Ulbricht đã đột ngột «về hưu». Sự rút lui của ông đã khiến cho các nỗ lực hòa-giải giữa Đông-Âu và Tây-Âu nhất là, giữa Đông-Đức và Tây-Đức được đẩy mạnh hơn lên, vì từ trước tới nay, ông Ulbricht là trở lực chính cho mọi cuộc đối thoại Đông-Tây ở Âu châu. Do đó mà 3 tháng sau, một thỏa-hiệp về Bá-linh giữa bốn đại cường-quốc chiếm đóng được chính-thức ra đời để chấm dứt một cuộc khủng-hoàng đã kéo dài trên 23 năm.

Tuy khuynh hướng hòa-giải giữa hai phe Cộng - sản và Tư-bản càng ngày càng rõ rệt nhưng Nam-tur vẫn bị Nga tố cáo là rời bỏ chủ nghĩa Cộng-sản đi theo Tư-bản. Tháng 8 vừa qua Thống-chế Tito được bầu làm Chủ-tịch nhà nước nhiệm kỳ thứ 6, ông đã lợi dụng dịp này để cải tổ sâu rộng chính thể Nam-tur theo chiều hướng dân - chủ - hóa. Chính phủ Nam-tur được nhiều quyền hành hơn trong khi quyền hạn của đảng Cộng sản bị giảm bớt rất nhiều. Những biện pháp cải tổ này làm lỏng lẻo quyền kiểm soát của đảng Cộng-sản trong khi Nga đang tìm đủ mọi cách để xiết chặt hàng ngũ đảng. Vì vậy mà Tổng Bí thư đảng Cộng sản Nga Léonid Brejnev gửi thư riêng sang cảnh cáo Tito đi quá xa trên con đường dân-chủ-hóa chế độ

và gợi ý muốn sang Pe'grade. Nhưng đề tỏ ra độc lập, Tito thay vì gặp Brejnev lại tuyên bố sẽ sang gặp Tổng thống Nixon và mời Chu-ân-Lai sang viếng Nam-tur. Bang giao giữa Nam-tur và Nga đã căng thẳng đến nỗi trong năm qua người ta đã tưởng rằng Nga sẽ mượn cớ tập trận đề xua quân vào lãnh thổ Nam-tur vào mùa Thu. Nhưng rút cục Nga vẫn phải đề yên cho Nam-tur tiếp tục rời xa chủ nghĩa Cộng-sản chính-thống vì Nga cũng còn phải đối phó với nhiều vấn đề khác quan trọng hơn.

Cuối tháng 3 đầu tháng 4, Đại hội đảng Cộng-sản Nga kỳ thứ 24 đã được triệu tập. Trước Đại hội Leonid Brejnev đã xuất hiện như một lãnh tụ quan trọng nhất của Nga-sô. Nhiều phiên họp đã trở thành những màn độc diễn của ông vì 7 năm sau khi Krouchtchev bị lật đổ Brejnev đã có đủ thì giờ củng cố địa vị và đưa ra một chính sách mới là nâng cao mức sống vật chất của dân Nga bằng cách tăng cường kỹ nghệ tiêu thụ thay vì là dồn mọi nỗ lực vào kỹ nghệ nặng.

Tuy tình hình trong nước được ổn - định nhưng Nga - xô lại gặp những khó khăn ở bên ngoài. Bang giao giữa Nga và Trung Cộng trong năm qua không những không được cải thiện mà lại tạo thêm thù hận giữa hai nước. Bắt đầu từ tháng 7, khi Hoa-kỳ tỏ ý thân thiện với Bắc-kinh, Nga đã hoảng sợ cho rằng Hoa-kỳ đang muốn liên kết với Trung-Cộng để chống lại Nga. Khi

Trung Cộng được vào Liên Hiệp-Quốc thì người ta thấy diễn đàn của tổ chức này đã trở thành một đấu trường đề Trung-Cộng và Nga-sô đả kích lẫn nhau. Thái độ của hai nước trong vấn đề chiến-tranh Ấn-Hồi đã chứng minh rằng sự rạn nứt trong bang giao Nga-Hoa đã trở thành một căn bệnh vô phương cứu chữa. Cả Nga-sô lẫn Trung-Cộng đều không còn che dấu cuộc tranh chấp của họ dưới bình diện ý-thức-hệ nữa nên cuộc tranh chấp này càng ngày càng trở thành một cuộc đụng độ giữa quyền lợi trái ngược của hai quốc-gia.

Năm 1971 đã là một năm thắng lợi ngoại giao của Trung Cộng. Nước này vừa được vào Liên-Hiệp-Quốc vừa được nhiều quốc gia khác trên thế giới thừa nhận. Tuy nhiên Trung-Cộng vẫn không tránh được các cuộc thanh toán nội bộ. Đầu tháng mười tập đoàn cầm quyền Mao-Trạch-Đông đã bị lung lay, đến nỗi phải hủy bỏ lễ kỷ niệm Cách-mạng thành công hàng năm được tổ chức tại Thiên-an-môn. Một nguồn tin tiết lộ rằng Lâm-Bưu, người từ trước tới nay được Mao chọn làm thừa kế, đã âm mưu lật đổ Mao. Từ đó Lâm-Bưu đã biến mất khỏi chính trường Trung-Cộng và hình như ông đã bị thủ tiêu. Trong năm vừa qua Lưu-Thiếu-Kỳ cũng đã trốn sang được Mạt-tư-khoa để thoát khỏi cuộc đàn áp của Mao.

Khuynh hướng hòa giải trong bang giao Đông Tây

Sự kiện đáng được chú ý nhất

trong năm 1971 có lẽ là khuynh hướng hòa giải trong bang-giao Đông-Tây. Ngay từ tháng 4, nền «ngoại-giao bóng bần» giữa hai nước Hoa-kỳ và Trung Cộng đã được mở màn. Lần đầu tiên từ 22 năm qua, đội bóng bần Mỹ đã tới Hoa-lục đề đấu với Trung-Cộng. Ba tháng sau, Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon đã đột ngột loan báo là cố vấn Kissinger vừa bí mật tới thăm Bắc-kinh và ông Nixon cũng dự tính công du Trung Cộng vào năm 1972. Tháng 10, ông Kissinger lại quay trở lại Bắc-kinh trong khi chính-phủ này được Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc thu nhận vào tổ-chức thay thế Đài-loan.

Khi hòa-giải với Trung-Cộng, ông Nixon đã chấm dứt một chính sách chống đối mà Hoa-kỳ đã áp dụng từ trên 20 năm qua. Chính-sách mới của Hoa-kỳ đối với Trung Cộng đã khiến cho các nước trên thế-giới, bạn cũng như thù của Hoa-kỳ lúng túng.

Để ngăn chặn một sự liên kết giữa Hoa-kỳ và Trung-Cộng có thể xảy ra, Nga đã vội vã mời ông Nixon sang thăm Mạt-tư-khoa. Ông Nixon do đó đã có một ưu thế để nói chuyện với các lãnh-tụ Bắc-kinh. Nhờ chính sách giải-hòa với Trung-Cộng, Hoa-kỳ đã làm cho khối Cộng-sản bị chia rẽ hơn nữa.

Nhưng chính sách hòa-giải này cũng chia rẽ khối tự do không kém. Các nước Đồng-minh của Hoa-kỳ ở Á châu, nhất là Nhật và Đài-loan, đã tỏ ra bất bình vì họ không được ông

Nixon tham khảo ý kiến trước. Và từ đó các nước đồng-minh của Hoa-kỳ từ trước đến nay áp dụng một chính sách chống Cộng quyết-liệt đã phải điều chỉnh chính sách của họ lần lần. Nhật đang tìm cách thiết lập bang giao với Trung Cộng. Đại-Hàn cũng bắt đầu nói chuyện với Bắc Cao.

Nhưng khôi hài hơn cả là Nga cũng đang tìm cách ve vãn Đài-loan, một quốc-gia mà từ xưa tới nay Nga luôn luôn gọi là tay sai của Mỹ.

Sự đảo ngược liên minh đã lại càng rõ rệt hơn nữa khi cuộc chiến tranh Ấn - Hồi bùng nổ. Trung Cộng, một nước từ xưa tới nay tự coi mình là bạn của các dân-tộc bị trị thì nay lại ủng hộ Tây-Hồi trong cuộc đàn áp dân Đông-Hồi. Khi ủng hộ Tây-Hồi, Trung Cộng đã vô hình chung liên kết với Mỹ mà Trung-Cộng cho rằng cần phải hạ đề thực hiện Cách-mạng thế-giới. Trong khi Nga lại ủng hộ một nước Ấn-độ theo chế độ dân chủ tự do.

Nếu khuynh hướng hòa giải cho đến tận giờ này chưa mang lại một kết quả cụ-thể nào cho đời sống chính trị Á châu, thì tại Âu châu nó đã cho phép người ta thực hiện được một vài kết quả khả quan. Thật vậy, tháng 8 vừa qua 4 cường quốc chiếm đóng Nga, Anh, Pháp, Mỹ đã đi tới một thỏa hiệp về vấn đề Bá-linh khiến cựu thủ-đô Đức không còn là một nguồn tranh chấp giữa hai khối tại Âu-châu nữa. Đồng thời tại Âu-châu người ta đang nói nhiều tới một thỏa hiệp giữa hai Minh ước đối

nghịch Bắc-Đại-tây-dương và Varsovie, nhằm tiết giảm quân số của cả hai bên để bảo đảm hòa bình cho lục-địa.

oOo

Các nỗ lực hòa giải, các cuộc thanh toán nội bộ, các vụ đảo ngược liên minh đã khiến cho tình hình chính-trị thế-giới năm 1971 trở thành hết sức mập mờ. Năm vừa qua chỉ là một giai đoạn thăm dò, một giai đoạn chuyển tiếp. Người ta đang cố gắng thoát khỏi một cuộc chiến tranh lạnh hay một nền hòa bình vô trang để bước vào một kỷ-nguyên mới, lành mạnh hơn và sáng sủa hơn. Nhưng trong khi chờ đợi người ta có cảm tưởng rằng các cường quốc hữu trách trên thế giới còn tỏ ra hết sức thận trọng trước khi dẫn thân vào một chính-sách hòa-giải. Tiến hai bước để rồi lui lại một bước, đó là chiến thuật hiện thời của các đại cường. Ngay sau khi mời ông Nixon sang thăm Hoa-lục, chính phủ Bắc-kinh đã vội vã tố cáo Hoa-kỳ xâm-lăng. Ngay sau khi nhận lời mời sang Mạc-tur-khoa, Tổng-thống Nixon đã vội vã dọa sẽ hủy bỏ chuyến đi này nếu Nga còn tiếp tục ủng hộ Ấn-độ. Người ta hy vọng rằng năm 1972, sau khi ông Nixon sang Bắc-kinh và Mạc-tur-khoa trực tiếp đối thoại với các phe Cộng sản, đời sống chính trị thế giới sẽ minh bạch hơn.

TƯ TRỊ

Giải Nobel 1971

Giải vật lý học : *giáo sư Dennis Gabor* (Anh)

Giải vật hóa học : *giáo sư Gerhard Herzberg* (Canada)

Giải sinh lý và y học : *giáo sư Earl Sutherland* (Hoa-kỳ)

Đặc trưng của các giải Nobel khoa học năm nay là mỗi giải chỉ thưởng một người chứ không phân chia giữa nhiều nhà bác học như mọi năm. Tên tuổi các nhà khảo cứu được giải ít được công chúng biết đến : phương pháp chụp hình toàn vẹn bên vật lý học, phân tử và cội gốc tự do phía vật hóa học cũng như cơ chế tác dụng kích tố mặt sinh lý và y học đều là những thành tích, kết quả, tuy quan trọng, chỉ được các nhà chuyên môn bàn bạc và chưa có một ứng dụng nào rõ rệt để thấy cho quần chúng.



Dennis Gabor

Giáo sư Gabor sinh tại Budapest năm 1900. Ông đã học ở Viện Bách khoa Budapest rồi qua học tiếp ở Berlin và làm kỹ sư ở hãng Siemens. Từ 1933 đến 1948, ông qua Anh làm khảo cứu ở British Thomson-Houston Co. Bắt đầu từ 1949, ông được bổ làm giáo sư môn vật lý học điện tử ứng dụng tại Imperial College of Sciences and Technology. Đồng thời ông cũng khảo cứu cho hãng Columbia Broadcasting System ở Stanford bên Hoa-kỳ. Ông đã cho in nhiều sách, trong ấy có cuốn « Sáng tạo tương lai » xuất bản năm 1963 đã được người ta chú ý đến nhiều. Đề tài khảo

cứu của ông rất rộng lớn, từ các máy thấu kính từ tính đến các máy dao động với tia âm cực. Ông cũng chăm lo về phương cách phóng khí cũng như về lý thuyết truyền tin. Nhưng khám phá quan trọng nhất của ông là phương pháp chụp hình toàn vẹn đủ mọi phía làm cho hình nổi bật lên như thật. Tuy ông chỉ tìm ra được về mặt lý thuyết thôi, công tác này đã làm ông nổi tiếng khắp các giới khoa học.



Gerhard Herzberg

Giáo sư Herzberg sinh tại Hamburg năm 1904. Ông đã học ở Viện Bách

khoa Darmstadt rồi tiếp tục ở Göttingen và Bristol. Năm 1930, ông được bổ làm phụ tá môn vật lý học ở Viện kỹ thuật Darmstadt. Năm ... sau, ông được bổ làm giáo sư ở Viện Đại học Saskatchewan cho đến năm 1945. Sau đấy ông qua dạy môn quang phổ nghiệm ở Đài thiên văn Yerkes thuộc Viện Đại học Chicago. Từ 1948 đến 1969, ông điều khiển Phân khoa vật lý học ở National Research Council of Canada. Tuy đã về hưu từ hai năm nay, ông vẫn tiếp tục khảo cứu ở đây. Giáo sư Herzberg đã học hỏi suốt đời về quang phổ nghiệm các nguyên tử và phân tử. Những thành tích căn bản trong ngành này đã được ông đem ứng dụng vào môn thiên văn học, thức biệt hàng chục phân tử và gốc cội tự do trong khí quyển các hành tinh, sao chổi và trong không gian.



Earl Sutherland

Giáo sư Sutherland sinh ở Burlingame-Kansas năm 1915. Đậu bác sĩ ở Viện Đại học Washington năm 1942, ông đã là nội trú tại Barnes Hospital. Lần lượt ông dạy các môn dược vật học và sinh vật hóa học ở các trường Y khoa Viện Đại-học Washington và Viện

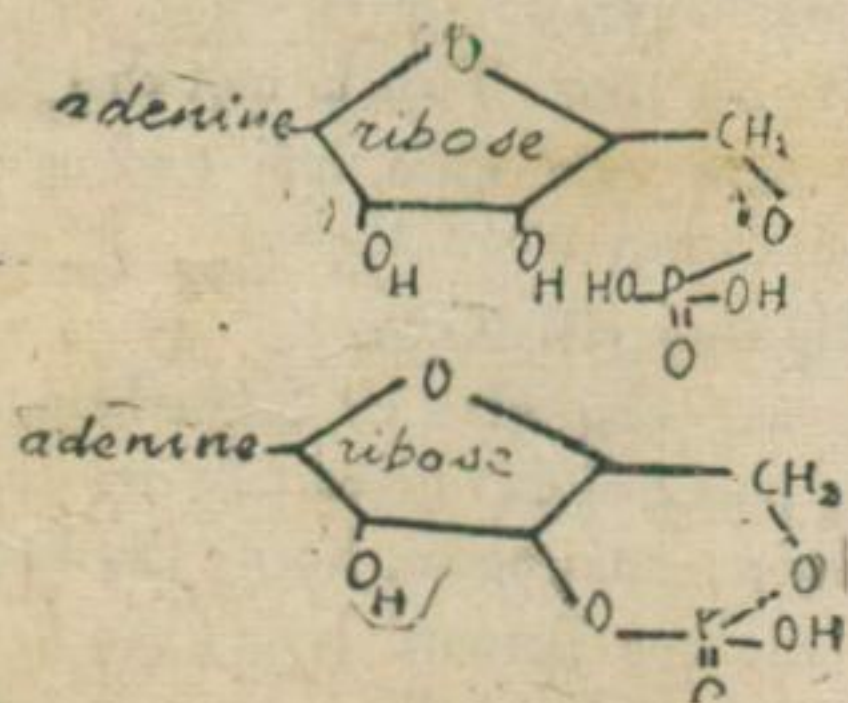
Đại-học Cleveland (Ohio). Năm 1963, ông được bổ làm giáo sư môn sinh lý học ở trường Y khoa viện Đại học Vanderbilt, Nashville. Bốn năm sau, ông qua làm khảo cứu ở American Heart Association. Năm ngoái ông đã được thưởng giải Albert Lasker về nghiên cứu căn bản là một trong những giải lớn nhất về y khoa sau giải Nobel. Công tác khảo cứu của ông chú trọng về cơ chế tác dụng các kích tố hay hormone và thành tích đáng kể nhất là cuộc khám phá chất AMP kết vòng điều khiển mọi động lực và cuộc điều chỉnh của tế bào.

Vai trò của chất AMP kết vòng

Từ mấy năm nay báo chí đã từng bàn tán, trong các phòng thí nghiệm các nhà khảo cứu cũng nôn nao tìm tòi kiểm hiệu, và tháng bảy vừa qua một hội nghị ở Milan bên ý tụ họp hơn năm trăm chuyên gia khắp các nước để trao đổi thành tích, ý kiến hầu mong đưa ra ánh sáng tác dụng của một hóa chất không có vẻ khó khăn, bí mật nhưng quan trọng vô chừng trước cho tế bào, sau cho toàn cơ thể: chất AMP kết vòng. Lúc ban đầu, hóa chất này chỉ được chú ý trong môn nội tiết học, nhưng dần dần người ta nhận thấy động tác của nó lan ra hẳn khỏi giới hạn kích tố, từ thần kinh hệ qua não bộ đến cả địa hạt vi trùng học.

Vào khoảng 1955, giáo sư Sutherland đã từng khảo cứu về tác dụng của chất adrenaline là một kích tố do tuyến

thận tiết ra. Hệ kích tố này tăng thì số lượng chất đường glucose trong máu cũng tăng lên. Người ta cũng còn biết hệ cho kích thích một giếu tố gọi là phosphorylase thì chất adrenaline tác dụng. Nhưng ông rất ngạc nhiên thấy khi cho bổ chung adrenaline và phosphorylase với nhau thì chẳng có phản ứng gì. Trái lại nếu hai chất này gặp nhau trong một môi trường chứa đựng những thành phần của tế bào gan tán nghiền thì tác dụng được thấy ngay. Giáo sư Sutherland đã nghĩ có một chất gì đây ở trong tế bào đã cho phát khởi phản ứng. Từ đây biết bao thí nghiệm cần cù và hai năm sau AMP kết vòng được thức biệt: đây là hóa chất adenosine monophosphate nhưng đầu cuối của dãy acide phosphorique được nối liền với phân tử ribose làm thêm một vòng.



AMP thường (trên)

và AMP kết vòng (dưới).

Cấu tạo chất AMP kết vòng vừa được thiết lập thì người ta cũng bắt đầu tìm được nó khắp nơi, trong các tổ chức động vật có vú (tuồng như không có trong hồng huyết cầu) cũng như ở chim chóc rắn rết, sâu bọ, vi trùng,... Dần dần

từ địa vị « môi giới » AMP kết vòng được đưa lên hàng « trung gian » vì nó không phải là một giai đoạn tạm thời, vô ích mà là một bàn quay có tính động lực, xử sự rất « thông minh » vì biết khảo sát, chọn lựa tài liệu để chuyển lại một cách chính xác, tinh vi.

Lấy ví dụ vai trò trung gian trong tuyến thận. Khi trời lạnh thì tế bào cho tiết adrenaline. Làm sao tế bào biết là trời lạnh ở bên ngoài khi nó được bao kín trong lòng sâu cơ thể? Vì sao khi cơ thể nóng lên thì nó cũng dừng tiết adrenaline? Một ví dụ khác: khi cơ thể khử nước thì tuyến não thủy cho tiết một kích tố, ADH, tác dụng lên tế bào thận để giới hạn cuộc bài tiết nước. Làm sao? Trong bao lâu? Ta phải tưởng tượng sự có mặt trong thận một chất gì có thể « hiểu biết » sự thiếu nước để truyền lệnh cho các tế bào thận giữ nước lại.

Chứng ấy đủ thấy vai trò quan trọng của AMP kết vòng. Lại lòng hơn nữa là chỉ một loại AMP kết vòng mà tác dụng khắp nơi, ở gan, thận cũng như lá lách, dạ dày,... Phân tử thật là toàn vẹn, luôn tác dụng cùng thể thức mà hiệu ứng thay đổi tùy tổ chức. Vả đây lại cũng còn là một điểm khó hiểu khác.

Để biết AMP kết vòng tác dụng thế nào, ta có thể theo dõi thí nghiệm đã giúp giáo sư Sutherland khám phá ra được nó. Tế bào gan có nhiệm vụ cho phát tiết chất đường glucose từ kho tích trữ gọi là glycogene, nhiều ít tùy theo nhu cầu. Nếu trong cơ thể đã có quá nhiều glucose thì kích tố insuline từ lá lách lại truyền lệnh cho tế bào gan tích

trữ chất đường lại trong kho. Nếu trái lại thiếu glucose thì tế bào gan được lệnh phá gãy các phân tử glycogen để cho phát tiết chất đường. Lệnh này có thể do nhiều kích tố đem lại, trong ấy có chất adrenaline đã thấy. Ta cũng đã biết chất adrenaline kích thích chất phosphorylase là một giểu tố để phá gãy các phân tử glycogen. Chính lúc ấy AMP kết vòng nhảy vào cuộc để chế biến những phosphorylase hư mòn ra thành phosphorylase hoạt động, từ đấy kiểm tra cuộc phát tiết chất đường. Đáng để ý là AMP kết vòng đã tác dụng theo hai chiều khác nhau vì xác định độ lượng chất glucose khi tăng, khi giảm.

Còn có một câu hỏi khác là vì sao cùng một chất AMP kết vòng mà ở gan thì nó điều chế cuộc phát tiết glucose còn ở thận thì nó lại kiểm tra cuộc chế tạo các chất steroide? Đây chắc phải tìm lời giải trong khả năng của mỗi loại tế bào. Phức tạp hơn là muốn hiểu làm sao các tế bào biết là lệnh truyền xuống cho loại này hay loại kia, làm sao các kích tố biết là phải mang lệnh lại cho cơ quan này chứ không phải cơ quan khác? Đây cũng là do khả năng của tế bào mà thông điệp được truyền đạt không lầm lẫn. Ví dụ kích tố adrenaline chạy quanh các tế bào, khi nó chạm đến tế bào gan thì chỉ tế bào này tiếp nhận nó, tựa như chiếc chìa khóa chỉ có thể xoay quanh trong một ổ khóa mà thôi. Cũng nên biết không phải kích tố xâm nhập vào tế bào để chuyển lệnh như người ta đã thường tưởng xưa nay mà chỉ đứng ngoài làm hiệu vào. Và ở sau màng tế bào, chú AMP kết vòng nhà ta đã sẵn đây để chuyển tiếp lệnh. Vì

vậy người ta cũng đã gán cho AMP kết vòng danh hiệu thông điệp viên thứ nhì trong kích tố hệ (thông điệp viên thứ nhất chính là kích tố).

Quan trọng như vậy nên số lượng AMP kết vòng rất cốt yếu, nhiều lên hay ít xuống có thể gây nên thác loạn trong cơ thể. Người ta đã nhận thấy ở các bệnh nhân tinh thần cuồng si, suy nhược, số lượng AMP kết vòng tăng gia khi bệnh lên cơn. Ở chứng Parkinson thì số lượng AMP kết vòng lại sụt xuống vì khi cho bệnh nhân uống thuốc loại phenothiazine, người ta đã muốn số lượng ấy tăng lên. Ngày mai đây rồi sẽ có nhiều thuốc men dựa lên tính chất làm tăng gia hay giảm hạ số lượng AMP kết vòng trong cơ thể. Ngoài ra người ta cũng còn có thể khai thác vai trò quan trọng của nó trong các thông điệp kích tố cũng như trong các thông điệp thần kinh. Người ta cũng đã xác định mức bực thích nghi của nhiều giểu tố ở vi trùng với chất AMP kết vòng. Thật là một chất trung gian toàn diện giữa môi trường bên ngoài và bên trong tế bào.

Thưởng giải Nobel sinh lý và y học năm nay cho giáo sư Sutherland, Hội đồng phát giải đã đi theo một con đường đã vạch: năm ngoái, họ đã thưởng ba nhà bác học Bernard Katz (Anh), Ulf von Euler (Thụy-điển) và Julius Axelrode (Hoa-kỳ) về những công tác trên thần kinh hệ mà thần kinh hệ và kích tố hệ là hệ thống điều hòa cơ thể sống.

Cội gốc tự do trong không gian

Trái lại với những nhà bác học thường để tên lại hậu thế với công tác

của mình như Rontgen với quan tuyến X, Marie Curie với chất radium, Einstein với thuyết tương đối... giáo sư Herzberg đã được thưởng giải Nobel vật hóa học năm nay không phải nhờ một khám phá quan trọng nào mà là nhờ đã « đóng phần vào cuộc hiểu biết cấu tạo điện tử và hình học phân tử, đặc biệt về các cội gốc tự do ».

Sau một thời gian khá lâu, từ thuở môn học ra đời, chỉ tìm cách chế biến, ngày nay các hóa sư đã bước qua một giai đoạn mới : tìm hiểu những cách nối hóa học giữa các nguyên tử và cuộc tiến triển của các phản ứng. Muốn vậy, trước hết phải hiểu biết thấu đáo cách cấu tạo các phân tử, kiến trúc của những nguyên tử xây dựng nên chúng. Như vậy, môn vật hóa học trở thành một môn học mới cần dùng vừa lý luận lý thuyết, vừa phân tích thực nghiệm mà những phương sách tìm tòi, kiểm tra vật lý học rất là cần yếu.

Bên phần giáo sư Herzberg thì ông chuyên về môn quang phổ nghiệm, nghĩa là ông khảo sát cách thâm nhập và cách phát xuất ánh sáng của các phân tử và nguyên tử. Luồng sóng ánh sáng mà phân tử thâm nhập hay phát xuất liên quan mật thiết với cấu tạo của phân tử. Vì vậy quang phổ nghiệm là một phương pháp rất chính xác để quan sát và xác định cấu tạo của phân tử và nguyên tử.

Quang phổ của phân tử có thể hiện cho nhà khảo cứu nhiều tài liệu về cách xoay, cách rung và mức bức năng lượng của điện tử. Khi biết được mức

bức này thì người ta có thể tính độ cách giữa hai nhân của nguyên tử. Khác, cũng cần biết hình thể các phân tử nghĩa là cách sắp đặt các nguyên tử trong phân tử. Một cuộc phân tích định tính quang phổ các phân tử có thể đem lại rất nhiều tài liệu về mặt này.

Giáo sư Herzberg đã là người đầu tiên khám phá và phân tích quang phổ nhiều phân tử gồm có hai hay nhiều nguyên tử. Ông đã vạch rõ cấu tạo của nhiều loại khí như dưỡng khí, đạm khí, thán khí, acetylene,... Ông cũng thức biệt được những cội gốc mẫu methyle hay methylene nhờ phân tích quang phổ phân tử.

Giáo sư Herzberg đặc biệt quan tâm đến các cội gốc tự do. Đây là những nhóm nguyên tử chỉ rời ra khỏi phân tử trong khoảng một thời gian vô cùng ngắn khi phản ứng hóa học đang thực hiện. Ông đã kiếm cách đăng ghi được quang phổ trong thời gian ngắn ngủi ấy. Biết được thành phần các cội gốc này, người ta có thể suy ra cơ chế của nhiều phản ứng hóa học.

Quang phổ nghiệm còn là phương sách quý báu độc nhất để phân tích và xác định những hóa chất ở xa như trong không gian và vũ trụ. Lẽ tất nhiên ông không quên áp dụng vào cuộc khảo sát khí quyển các hành tinh. Trong số các đề tài thiên văn vật lý học mà giáo sư Herzberg đã bỏ công học hỏi, có lẽ vấn đề kinh khí được các giới khoa học biết đến

nhiều nhất. Công tác khảo cứu về cách xoay của các nguyên tử khinh khí đã đưa ra một loại quang phổ mới về phân tử khinh khí, đồng thời góp phần vào lý thuyết cấu tạo các quang phổ. Sau này ông lại thành công thực hiện được các quang phổ này trong phòng thí nghiệm. Nhờ vậy mà ngày nay người ta đã xác định được cấu chất chính của khí quyển sao Mộc là khinh khí phân tử, thêm vào một số ít methane và ammoniac. Ông cũng đã dùng quang phổ nghiệm để thức biệt những phân tử này trong số cấu chất các hành tinh.

Công tác của giáo sư Herzberg đã chứng minh một cách rõ rệt liên quan giữa hai môn vật lý và hóa học và sự cần thiết hiểu biết vật lý học trong cuộc khảo cứu vật hóa học. Ngày nay, nhờ ông mà Ottawa trở nên một trung tâm đào tạo chuyên gia về môn quang phổ nghiệm. Hằng năm, vô số khảo cứu viên khắp nơi lại đây tu nghiệp, bổ túc kiến thức đã có. Vì vậy, rất dễ hiểu chánh phủ

Canada đã không ngần ngại thiết lập cho ông một nhiệm sở mới sau khi ông về hưu để khỏi mất thì giờ về mặt tổ chức, quản trị, ông mặc sức khảo cứu, học hỏi.

Chụp hình đủ chiều với tia laser.

Đến nay, giải Nobel vật lý học thường hay lại thưởng những công tác khảo cứu về vật chất, những hiện tượng điện học và từ học, và rất hiếm những nhà chuyên môn về quang học được hội đồng phát giải để ý đến. Nhưng lần này, khám phá thật là hết sức quan trọng vì nay mai kỹ nghệ sẽ khai thác và quần chúng sẽ nghe nói đến nhiều hơn.

Thử tưởng tượng một bức hình ba chiều: ngang, dọc, sâu. Hơn nữa, khán giả có thể đi quanh và thấy từ phía sau! Và tất cả hiện tượng ấy không có nhuộm chút màu gian mẹo, ảo giác nào. Trái lại, hiện tượng đã được thực hiện đưa lên những thành tích về ba động, một lãnh vực mới của ngành quang học.

(xem tiếp trang 157)

Tiến trình của Báo-chí Việt-nam

Báo chí Việt-nam có từ bao lâu?

Báo chí Việt-nam đã qua những giai đoạn nào?

Báo chí Việt-nam đang trong tình trạng nào?

Báo chí Việt-nam sẽ đi về đâu?

Mời tất cả các bạn đến dự buổi nói chuyện về « **Tiến trình của Báo chí Việt-nam** » của Ông Trần-Tấn-Quốc, Chủ nhiệm Nhật báo Đuốc Nhà Nam do Hội Chuyên-nghiep Báo-chí Việt-nam tổ chức tại thánh-đường trường Taberd, 20 đường Gia-Long Saigon, vào hồi 10 giờ sáng Chủ nhật 23-1-1972.

HỘI BÁO CHÍ CHUYÊN NGHIỆP VIỆT-NAM

Kinh tế 72

Thực và Mộng

Trung tuần tháng 11, 1971, liên bộ Kinh Tài cho nờ một phát pháo đùng. Ông Tổng trưởng Kinh-tế hân hoan cuồng nhiệt mệnh danh nó là « Cách-mạng Kinh-tế mùa Thu ». Liên sau đó bộ máy thông tấn nhà nước không ngớt đề cao giá trị cứu quốc siêu việt của « Cách-mạng » và ghi lại thành quả tốt đẹp sơ khởi trong đó có việc : bàn cầu tiêu xuống giá. Báo chí và một số chính khách ở bày sự lo âu và bình luận một cách không thiện cảm. Trong những ngày đầu, dân chúng xôn xao bỏ đi lòng kiếm nhu yếu phẩm như gạo, sữa, đường đã biến mất trên thị trường và được bán ra với giá chợ đen.

Nhiều giới cao cấp, có văn bằng Đại-học Mỹ hộ mệnh đề bảo đảm giá trị lời nói, đã lên tiếng trấn an và đoan chắc một tương lai huy hoàng không quá tầm tay một người ngũ đoản.

Đinh tinh quan sát, người ta sẽ thấy « Cách mạng » đã được phát động một cách hấp tấp, bình như dưới một áp lực đột ngột nào đó. Bằng cớ là một Hành-pháp đã phải rút lại dự thảo ngân sách 1972 để điều chỉnh, danh sách những tiêu đoản được chường « phụ cấp đặc biệt tạm thời » phải duyệt lại để ghi thêm một số đơn vị, việc áp

dụng phân xuất quân binh đánh trên hàng hoá nhập cảng rất lúng túng. « Cách-mạng » mới thấy đúng ở điểm Hành-pháp đã dành quyền quyết định trong những lãnh vực được coi như thuộc thẩm quyền của Lập pháp, do đó căn bản pháp lý của những biện pháp do liên-bộ Kinh-tế Tài-chính ban hành trong khuôn khổ « Cách-mạng » sẽ còn được tranh biện hoài.

Hiện thời có thể nói rằng chưa ai ước lượng đầy đủ hậu quả chi tiết của những biện pháp này, vì chúng chưa được mổ xẻ ở một diễn đàn nào. Người dân có cảm tưởng qua cuộc hội thảo rất gần đây tại trường Cao đẳng Quốc phòng ngay đến những người có trọng trách điều hành guồng máy quốc gia cũng chưa nắm vững được những yếu tố căn bản.

Đề ra ngoài giá trị lý thuyết của « Cách-mạng Kinh-tế mùa Thu » cũng như thành quả rạn vỡ mà những người thủ xướng tiên liệu cho tương lai, chúng ta hãy thử phỏng đoán ảnh hưởng của những biện pháp Kinh Tài mới được ban hành đối với đời sống hàng ngày trong thời gian ngắn ngủi là năm tới như thế nào,

Trước hết là việc đóng góp vào chi tiêu của bộ máy nhà nước sẽ lớn hơn năm trước. Lớn hơn bao nhiêu, thực khó nói. Về năm 1971, nhà nước đã thành công trong việc yêu cầu Lập-pháp biểu quyết ngân sách hồi đầu năm là 235 tỷ; hiện thời lại đã gọi Quốc-hội tu chính ngân sách 1971 là 37,5 tỷ. Điều này chứng tỏ ngân sách không năm nào được dự trù sát thực từ lúc đầu. Tu chính ngân sách trở thành một tập quán như phương thức độ cũ vậy. Ngân sách năm 1972, trước khi được Quốc hội cứu xét, đã phải sửa lại tiếp theo những biện pháp «Cách mạng Kinh tế mùa Thu». Mặc dầu vậy, không ai dám đoan chắc rằng dự thảo mới đã ước lượng mọi hậu quả của những biện pháp này trong lãnh vực chi tiêu của nhà nước. Như trên đã nói, ngay đến những người được gán cho vai trò thủ xướng cũng còn mơ hồ, thì nói chi đến những viên chức có trách nhiệm đưa ra yếu tố đề thiết lập dự thảo ngân sách trong mỗi cơ quan. Rồi lại còn những mục chi tiêu bất ngờ phát sinh ở lời tuyên bố chấp thuận nguyên tắc hành quân cứu nguy lân quốc. Tu chính ngân sách sẽ theo đà mỗi năm mỗi lớn. Khỏi cần biết sự góp phần vào việc chi tiêu của nhà nước có vượt sức đóng góp của dân chúng hay không. Điều cốt yếu — và đã đạt được rồi — là Hành-pháp nắm được một đa số ngoan ngoãn trong Quốc-hội. Hành-pháp không thắng ở màn biểu quyết thì sẽ thắng ở màn phúc nghị. Ta có thể tạm ước lượng

rằng phần đóng góp của dân chúng vào sự chi tiêu của nhà nước trong năm 1972 sẽ tăng lối 25 phần trăm so với năm 1971.

Mặt khác, do những lời tố cáo từ nhiều phía, dân chúng đã thấy rõ rằng sự đóng góp của họ có thể giảm bớt nếu nhà nước diệt trừ được một số tệ đoan trong những cơ quan công quyền. Nào biên thu, nào tham nhũng, nào lính ki ng, nào chia chác công nho một cách trắng trợn. Sự kiện này rất nguy hại vì làm tăng sự bất mãn và làm giảm sự tin tưởng đối với chính quyền.

Việc Mỹ viện trợ tới mức mong mỏi của chánh phủ Việt-Nam hay dưới mức đó không thành vấn đề. Ít viện trợ thì sẽ tăng thuế nữa hay tăng lạm phát cho số tỷ dự trù không thể giảm được. Thuế là hình thức đóng góp trực tiếp, lạm phát là hình thức đóng góp gián tiếp.

Nhà nước có thể giảm chi tới mức nào để hạ bớt phần đóng góp của dân chúng? Đây là một vấn đề rộng lớn, đòi hỏi những quan niệm và quyết định thực sự cách mạng. Tuy cũng dùng danh từ cách mạng nhưng thực sự nhà cầm quyền tuyệt nhiên không nghĩ đến cách mạng trong việc chi tiêu của nhà nước. Nếu có nói đến tiết kiệm thì chỉ là tiết kiệm những mâu nển vụn. Do đó xin miễn bàn đến việc xét lại việc chi tiêu của nhà nước.

Dân chúng đã phải hy sinh thêm để nhà nước có thể tiếp tục xài tiền

ở mức mà nhà nước xét ra cần thiết, dân chúng có còn phải đối phó với việc vật giá gia tăng không? Chẳng cần phải là nhà khoa bảng cũng có thể trả lời ngay rằng việc này không thể tránh khỏi. Đời sống hàng ngày của chúng ta còn lệ thuộc quá nhiều vào hàng hóa nhập cảng thì với việc đòi hỏi xuất đồng bạc, vật giá sẽ tăng hoặc theo nhau mà tăng. Khẳng định rằng mọi thứ hàng đều tăng giá là chối kẹ sự thực. Ngoài bàn cầu tiêu mà cơ quan thông tấn nhà nước đã nhắc đi nhắc lại, hiện thời đã thấy giá sâm banh, rượu chát, bơ nhạt, ba-tê xuống giá khá nhiều, do việc thay đổi quan thuế và phân xuất quân bình. Nói chung, những loại hàng xa xỉ sẽ xuống giá. Có người đưa ra giải thích rằng sở dĩ nhà nước đề những hàng này xuống giá là để chống lại việc nhập cảng lậu thuế mà nhà nước không thể nào ngăn chặn nổi. Thà thu ít thuế để người ta nhập cảng công khai và đóng thuế còn hơn là ấn định mức thuế rất cao, tạo một sự căm dỗ mạnh mẽ cho người buôn lậu với kết quả là không thu được đồng thuế nào hết. Biện minh một cách thực tiễn như vậy là đúng. Nhưng hành động này chứng tỏ nhà nước bất lực trong việc bài trừ buôn lậu cũng như trong việc bài trừ tham nhũng. Xa xỉ phẩm hạ giá chỉ làm lợi cho thiểu số giàu sang. Mãi lực của thiểu số này gián tiếp gia tăng và khoảng cách giữa họ và đại đa số quần chúng có lợi tức thấp lại thêm lớn rộng. Thực vậy Ồnh nhì, Ồnh thuyền,

thư ký công tư sở khi nào mơ tưởng đến rượu chát đóng chai từ Pháp, bơ lát nhãn hiệu con đầm hay ba-tê súc xích Olida. Cải tiến xã hội bằng cách ưu đãi thiểu số giàu sang thì đúng là quan niệm kinh tế tự do theo tiên kiến của Karl Marx!

Trong những ngày đầu, người ta phóng ra tin hàng vải sẽ rẻ rẻ. Rồi nhà nước lại phải áp dụng phân xuất quân bình trên hàng vải nhập cảng. Cũng may mà liên bộ Kinh Tài không cố chấp ghi thành tích. Việc đánh phân xuất quân bình có hai cái lợi. Nhà nước thu được tiền trong lúc rất cần tiền. Thứ nữa, nếu để hàng vải nhập cảng giá hạ cạnh tranh với hàng dệt nội hóa thì kỹ nghệ dệt bông xù sẽ bị một đòn chí tử với hậu quả thất nghiệp trầm trọng. Mà chắc gì đã có đủ ngoại tệ để nhập cảng đủ số vải cần dùng một khi kỹ nghệ dệt trong nước ngất ngư? Do đó thị trường vải đã không bị dao động mạnh, nhưng người tiêu thụ cũng chẳng được hưởng lợi gì.

Trong khi ấy giá nhu yếu phẩm, bắt đầu là gạo, đã tăng đáng kể. Giá sữa còn tăng mạnh hơn nữa. Nhưng sơ với gạo, nhất là đối với người lớn khỏe mạnh, sữa có thể bỏ hẳn hay bớt được. Ấy là chưa kể phát minh rừng rợn mới được công bố gần đây là sữa không thích hợp cho những dân tộc da màu!

Sản phẩm dầu lửa đã trở thành yếu tố quan trọng cho đời sống hàng ngày. Hiện thời mới có giá hơi đắt và giá nhớt tăng. Liên bộ Kinh Tài

còn gồng mình giữ vững giá nhiên liệu như xăng, dầu lửa, dầu diesel, dầu kero. Nhưng sẽ giữ được tới lúc nào? Một khi chính phủ ấn định lại giá nhiên liệu thì giá điện, giá xi-măng, giá chuyên chở sẽ thay đổi theo chiều hướng giá tăng.

Cố gắng xuất cảng cũng sẽ làm tăng giá hàng bán xứ. Thí dụ với hời xuất mới, một kí-lô cá gộc xuất cảng mang lại 450đ. so với giá 350đ. là giá bán trên thị trường Sài Gòn khi chưa có điều kiện thuận tiện để xuất cảng. Do đó giá cá gộc trên thị trường quốc nội sẽ nhích lên. Ghi nhận sự kiện này không có nghĩa là chống đối việc xuất cảng. Nếu ta không đủ ngoại tệ để nhập cảng những thứ tối cần yếu thì đừng nói là hàng còn lại trong nước phải mua với giá cao hơn, ngay đến nhện hân đi để xuất cảng cũng phải làm. Đánh răng ta có thể lược thêm cá gộc, thâu tôm, cua hay sản xuất thêm cây trái để vừa xuất cảng vừa cung cấp thị trường quốc nội nhưng trước hết có yếu tố thời gian. Thứ nữa, lẽ nào lại xảy ra tình trạng phần thặng dư đem xuất cảng sẽ mang lại lợi tức cao hơn là đem tiêu thụ trong nước?

Một ý kiến chính thường được nhắc lại là thuế nội địa sẽ lần lần giữ vai trò ưu thế để cung ứng tài nguyên cho ngân sách quốc gia. Người nông nổi sẽ tưởng rằng chỉ đòi cho được mấy ông nhà giàu, quan lớn đóng số tiền thuế họ còn thiếu lại là vấn đề sẽ được giải quyết. Nếu phần lớn số thuế nhập nội trực tiếp và gián tiếp được

chuyển qua những hoạt động sản xuất trong nước thì cơ cấu giá hàng và giá dịch vụ sẽ thay đổi rất lớn. Mục tiêu của nhà nước lúc này là thâu thêm tiền. Vậy sự di chuyển nói trên không thể nào kết thúc bằng một sự đóng góp rút đi của người tiêu thụ. Đó lại là một yếu tố làm tăng giá mà lúc này khó có thể ước lượng chính xác được.

Điểm thứ ba được đề cập tới là tình trạng nhân dụng. Việc triệt thoái phần lớn quân lực Mỹ, việc tiết giảm viện trợ kinh tế gây ảnh hưởng rộng lớn. Một số nhân viên và nhân công người Việt phục vụ trong những cơ quan quân sự và dân sự sẽ mất việc. Nhân công những hãng thầu hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan quân sự hay dân sự sẽ mất việc. Vì chính những hãng thầu này cũng cuốn gói ra đi. Những khu du hí của lính Mỹ sẽ hết đất làm ăn. Những người sống nhờ việc chạy hàng P.X. cũng phải giải nghệ. Ấy là chưa kể ảnh hưởng gián tiếp của những hoạt động nói trên.

Nhà nước đặt hy vọng nơi những vụ đầu tư ngoại quốc để tạo công ăn việc làm cho số người thất nghiệp này. Phải nói rằng hy vọng ấy rất mong manh. Tư bản ngoại quốc sẽ không đổ xô vào mảnh đất này chỉ vì hời xuất quá lợi. Chiến tranh chưa chấm dứt, tương lai còn bấp bênh thì tư bản ngoại quốc còn dè dặt. Và dù một số tư bản ngoại quốc nào đó có tới kinh doanh ở nước ta thì khả năng thu dụng nhân công cũng sẽ rất giới hạn, chắc chắn không bằng số người cần được

thâu dụng. Kỹ thuật càng tiến bộ thì số nhân công cần thiết càng ít. Và đặt vào địa vị người đầu tư ngoại quốc, tôi gì đi thiết lập những xí nghiệp dùng nhiều nhân công bòn xứ để phải đối phó với những vấn đề nhân sự rất phức tạp và tế nhị?

May ra thiếu số giàu có hiện sinh sống tại Việt Nam, nhứt là những người đã cất dấu tiền bạc ra ngoại quốc sẽ thấy việc đầu tư hấp dẫn chẳng. Mãi lực của họ không bị suy giảm vì những thứ họ xài thường là đồ xa xỉ, bây giờ được mua với giá rẻ hơn. Chánh quyền hình như đặc biệt chiều chuộng họ.

Có lẽ chánh quyền đã không đặt vấn đề tạo lập tư bản bằng tiết kiệm của quảng đại quần chúng. Phải chăng những người thủ xướng Cách-mạng Kinh-tế mùa Thu thú nhận rằng với những biện pháp mới được ban hành, khả năng tiết kiệm của quần chúng đã bị tiêu diệt?

Người ta có cảm tưởng rằng khi nói đến đầu tư ngoại quốc, nhà nước đặt hầu hết hy vọng vào số đầu tư nằm trong lòng đất Việt-Nam. Người dân Việt nào mà chẳng mong muốn thấy đầu tư cuốn cuộn phun lên, đề xuất cảng thực nhiều, thu về thực nhiều ngoại tệ. Và với số ngoại tệ dồi dào ấy, nhập cảng thả dàn như vào năm trước đây! Nghe ngon lành quá. Nhưng coi chừng vỡ mộng. Ta hãy giả định trường hợp thuận lợi nhứt nghĩa là lãnh thổ ta thực sự có mỏ dầu. Từ năm ngoái, các công ty khai thác mỏ dầu bị các nước có dầu ở Trung Đông liên kết bắt buộc phải

nhượng bộ về vấn đề giá cả. Nhờ vậy mà miền Đông-Nam-Á được chú ý tới, với hy vọng những mỏ dầu mới trong miền này sẽ khiến các nước Trung Đông biết điều hơn. Nhưng dù ở Trung Đông hay ở Đông Nam Á, các chủ mỏ dầu vẫn là một. Nước Trung Đông biết điều, đại gì họ bỏ nơi đó để đổ xô sang Đông-Nam-Á nói chung và Việt Nam nói riêng? Và cho tới ngày nào chúng ta mới thâu hồi được một số ngoại tệ đáng kể do việc xuất cảng dầu hồi?

Những công ty khai thác dầu lửa thường ưa giao thiệp với những chánh quyền thối nát, dễ mua chuộc, và họ có dư tiền bạc, mưu lược để tạo ra hoàn cảnh này. Điều chưa sót nữa là tại hầu hết các nước Trung Đông có mỏ dầu, lợi lộc chỉ vào tay những tiểu vương hoặc được chánh phủ dùng vào những việc đầu đầu, còn người dân thì trước sau vẫn nghèo xơ xác. Quốc vương Ba-tư đã xai 100 triệu Mỹ-kim tổ chức lễ kỷ niệm 2500 năm lập quốc trong khi dân chúng Ba-tư vẫn bần cùng đói khổ.

Trên bàn cờ chánh trị quốc tế, một khi nước ta có những mỏ dầu phong phú thì sự chiều cổ của Cộng-sản, nhất là của Trung-hoa lục địa, sẽ tha thiết lắm. Hoặc họ sẽ đi đến thỏa hiệp với tư bản ngoại quốc để chia chác, hoặc họ sẽ không ngừng phá rối với thâm ý thôn tính trong một tương lai gần hay xa. Chiến tranh vì thế có thể kéo dài hoài và ước nguyện hòa bình của chúng ta bao giờ mới thành sự thực? Vì giữ viên ngọc quý mang họa vào thân là thế đó.

Phần phải đóng góp thêm tiền để

nhà nước chi tiêu phần phải đối phó với vật giá lên cao, thêm vào đó một số khá đông có thể mất công ăn việc làm, lợi tức và mãi lực của dân chúng chắc chắn sẽ sút giảm trong năm tới. Khu vực canh nông, chăn nuôi, khai thác lâm sản lệ thuộc an ninh rất nhiều. Nói an ninh người ta nghĩ ngay đến chiến sự. Nhưng nạn trộm cướp cũng đe dọa an ninh trầm trọng, từ Saigon đã lan về nhiều tỉnh. Nếu tình trạng thất nghiệp rộng lớn xảy ra thì hàng-ngu trộm cướp có cơ gia tăng.

Việc đóng thêm thuế cho nhà nước hay mua bán với giá cao hơn không làm giảm mãi lực trong một nền kinh tế thịnh vượng mà căn bản là sự gia tăng những hoạt động sản xuất. Phải nói rằng chúng ta chưa chuẩn bị đủ để gia tăng sản xuất. Có những kỹ nghệ chết dở vì chính sách nhập cảng hàng ngoại quốc. Có những nhà máy — của nhà nước cũng như của tư nhân — xây cất từ mấy năm rồi mà không hoạt động được. Những ai đã tìm cách nhập cảng tàu đánh cá đều biết việc này khó khăn tới mức nào.

Lợi tức của những nhà buôn chắc sẽ kém đi. Ngoại tệ ít thì số lượng hàng nhập cảng cũng ít đi. Việc buôn bán hàng nội hóa, vì lẽ hoạt động sản xuất trong nước chưa thể tăng mạnh trong thời gian ngắn, khó có cơ bù đắp sự sút giảm chờ đừng nói sẽ giúp cho vượt mức hoạt động trước kia.

Cho tới giờ phút này, chắc chắn mới thấy quân nhân công chức được

tăng lợi tức nhờ biện pháp tăng phụ cấp. Tuy vậy đã nghe thấy lời than phiền rằng số lượng tăng chưa đuổi kịp sự gia tăng vật giá từ ngày phát động «Cách mạng».

Nói chung thì đối với đa số lợi tức sẽ không có hy vọng tăng. Trong hoàn cảnh ấy, việc đóng góp thêm cho nhà nước và tình trạng vật giá lên cao sẽ làm giảm mãi lực trung bình từ 30 đến 35 phần trăm. Thất lưng của mỗi người sẽ phải đục thêm vài lỗ !

Sự sút giảm mãi lực sẽ gây khó khăn và hậu quả bất lợi. Những vụ tranh chấp lao động sẽ xảy ra nhiều hơn. Mãi lực quần chúng suy kém sẽ không thúc đẩy sản xuất. Dự định thầu thêm thuế nội địa của nhà nước sẽ khó thực hiện. Lạm phát sẽ gia tăng. Kinh tế nước nhà không thể thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn.

oOo

Chánh phủ cách đây vài năm, đã cho nghiên cứu chương trình kinh tế hậu chiến.

« Cách mạng Kinh-tế mùa Thu » chấp nhận bối cảnh chiến tranh. Dù sẵn sàng tin là nó chứa đựng một cái gì rộng rãi hơn việc phá giá đồng bạc theo sau việc cắt xén viện trợ Mỹ để ngân sách quốc gia có đủ tài nguyên, người ta vẫn chưa thấy kế hoạch thi hành cụ thể để đưa quốc gia ra khỏi ngõ bí.

Dĩ nhiên, trước viễn tượng không mấy sáng sủa của ngoại viện, nhà nước phải duyệt xét lại chương trình kinh tế hậu chiến. Nhưng tương quan

giữa « Cách mạng Kinh tế mùa Thu » và chương trình kinh tế hậu chiến như thế nào ? nhà nước cần gây lòng tin tưởng nơi quần chúng rằng mình đã tìm ra một đường đi đúng và sẽ kiên trì theo đuổi con đường ấy. Bằng không quần chúng sẽ có cảm tưởng người bệnh gặp phải thầy lang định bệnh không rành, vài ngày lại đổi cách chữa bệnh, dùng bệnh nhân làm vật thí nghiệm những phương pháp chữa trị mà chính thầy lang không thấu triệt.

Dù nắm độc quyền chữa trị, thầy lang cũng cần đặt với lương tâm vấn đề trách nhiệm đoạt mạng con bệnh và đề phòng phản ứng nổi khùng của con bệnh tuyệt vọng.

Kinh tế của chúng ta bị đất nhưng chưa tới chỗ tuyệt vọng. Chúng ta vẫn còn giữ được cái bề ngoài thịnh vượng với sản phẩm xa xỉ trên thị trường,

xe cộ chạy loạn tạt trên đường phố, những nơi du hí sang trọng. Nhưng nội lực đã suy giảm và bạo bệnh có thể bất thần phát sinh.

Nhà nước duy trì một mức chi tiêu cao nhưng phần lớn không phải là những sự chi tiêu có khả năng tạo hoạt động sinh lợi. Một rừng gỗ quý mà chỉ biết đôn không nghĩ đến việc gây cây non thì chắc chắn sẽ đến ngày hết gỗ. Nhà nước có phương thế đòi hỏi sự đóng góp tăng của dân chúng, nhưng phải bắt mạch cho đúng đâu là mức chịu đựng chót. Quá mức này, toàn bộ kinh tế sẽ sụp đổ. Người ta đã và còn đương cầu nguyện cho hòa bình. Hãy cầu nguyện thêm đề những nhà lãnh đạo kinh tế, tài chánh được nhiều sáng suốt.

NGUYỄN-NHƯ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.D.

Trong thời-đại duy lý cùng cực của khoa học và cơ khí, một chút triết lý nhân sinh của Đông phương há dễ không ca ngợi tỏ một Phúc Âm hóa giải và đồng thời mở ra một thế giới của những nghịch lý tâm linh ?



✕ THIÊN LUẬN

(quyển hai)

và

THIÊN LUẬN

(quyển một, tái bản)

Sách do nhà An-Tiêm xuất bản. Mua sách xin liên lạc với nhà Đồng Na 270, Đề-Thám Saigon và nhà Lá Bối, 121 lô O, Chung cư Minh-Mạng — Saigon

MARTIN HEIDEGGER

LỜI CỔ QUẬN

Giảng giải về thơ

HOELDERLIN

CON ĐƯỜNG NGÃ BA

bước đi của tư tưởng

Hai cuốn sách trên do Bùi Giáng dịch và viết

Nhà An-Tiêm xuất bản.

Vài nét về sinh-hoạt văn-nghệ trong năm 71

Một nhà xuất bản lớn ở Sài-gòn nhận xét : «Các loại sách Giáo khoa trong năm 71 bán sụt mất 30%, các loại tiểu thuyết mất 70%. so với năm ngoái». Điều nhận xét này đúng, nếu chúng ta thấy những nhà xuất bản tương đối đều đặn như *Lá Bối*, *An Tiêm* chẳng hạn chỉ cho ra đời độ một phần ba hay là phân nửa tác phẩm so với năm qua. Tưởng cần nói rằng sự giảm sút này đã được tính kê trước ngày có những biện pháp được gọi bằng những danh từ đẹp đẽ là cuộc Cách mạng Kinh tế mùa Thu. Bởi vì, từ sau ngày ấy, với cái giá giắc cao vọt từ trên năm trăm đến một ngàn hai một trăm, và sẽ còn đe dọa lên đến một ngàn tư, ngàn sáu... hậu quả sách báo chưa biết đâu mà lường được.

Nhưng nếu năm nay những nhà xuất bản thuộc loại cỡ lớn không dám in nhiều vì vật giá leo thang, người mua sút kém, thì những nhà xuất bản nhỏ, hay nói cách khác là những cá nhân tự xuất bản lấy tác phẩm của mình, về mặt Giáo khoa, có vẻ hơi nhiều. Tất nhiên, khi nhà xuất bản không dám nhận lãnh hoặc chỉ chịu trả tác quyền một cách khó khăn thì một số các nhà giáo phải tự xoay xở in lấy những sách của mình để nhằm tiêu thụ trong số học sinh quen thuộc. Về những nhà xuất bản

mới năm nay, chỉ riêng có nhà *Trí Đăng* là cho ra đời khá nhiều về sách Giáo khoa.

Nói chung, về loại sách này, các nhà xuất bản đều nhận xét trong khả năng tiêu thụ có một sự kiện đảo ngược : những sách nặng về lý thuyết bán không chạy nữa, mà loại giáo khoa ăn - khách là những công trình viết dễ, lý thuyết ngắn gọn, bài tập giản dị và nhiều. Theo đó, một số nhà giao kết luận là cái trình độ học sinh cũng giảm sút đi, đồng thời với sự giảm sút túi tiền của cha mẹ họ. Nhưng ở trong ngành sách truyện, năm nay lại có một số tác phẩm biên khảo đáng được chú ý : *Lá Bối* in Văn minh Ấn độ, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, *Cáo Thơm* in Mộng kinh sư của Phan Du, và Bình Nguyên Lộc đã cho ra đời một tác phẩm dày, công phu, *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt-Nam*, kết quả của mười mấy năm... sách đèn khó nhọc.

Hai tác phẩm được ấn hành như phụ bản của hai tạp chí *Đối Diện* và *Trình Bày* để tránh sự khắt khe của kiểm duyệt là cuốn *Hai mươi lăm năm xây dựng ở Miền Bắc* của Linh mục Trương bá Căn, và tập *Phạm Duy đã chết như thế nào* của Nguyễn trọng Văn. Cuốn thứ nhất được đăng trên 2 số *Đối Diện* đã gây sôi nổi dư luận và mang lại cho Linh mục Chủ nhiệm một cái án vừa phạt

tiền vừa phát tù. Cuốn thứ hai là kết quả của một cuộc hội thảo của sinh viên.

Một điểm đáng nên lưu ý là sách thiếu nhi đã có nhiều cố gắng hơn để chống lại loại truyện nhảm chuyên môn đầu độc trẻ em. Ngoài các nhà xuất bản đã quen biết như *Tuổi Hoa*, *Tuổi Thơ*, *Trăm Hoa*, *Năng Sớm*, gần đây nhà sách *Mây Hồng* đã có những cố gắng thật đáng kể. Do nhiều cây bút yêu trẻ biên soạn, sách này cũng đang thi đua phục vụ lớp độc giả nhỏ một cách tích cực. Tuần báo *Thiếu Nhi* với một hình thức cong phu và nhiều bài vẽ bổ ích cũng được tung ra thị trường.

Các tác giả mới chưa thấy ai thật nổi bật trong năm 71. Nhà xuất bản *Ý Thức* với *Cát Vàng* của Lữ Quỳnh, *Từ Thức* với *Mắc cạ* của Trần Yên Thảo đã giới thiệu với chúng ta những nhà văn mới có một ngòi bút khá vững và những biểu hiện trách nhiệm đáng được quan tâm. Tuy vậy, đây đó, các tác giả ấy vẫn còn vương nặng cái nhìn bi-quan. Bi quan không phải là một cái nhìn thực-tế về đời. Bởi lẽ, dù muốn dù không, con người cũng vẫn phải sống, vẫn phải chấp nhận cuộc đời trước mắt trong một cách thế nào đó mà mình nhận thấy là hợp lý nhất. Nỗi buồn, trong đôi trường hợp, có thể được xem như một dấu hiệu cao cả, nhưng sự bi quan bao giờ cũng là biểu hiện của nhượng bộ, của thất bại.

Nhiều người đã đề cập đến số

lượng đáng kể những sách do Bộ Giáo dục và Phủ Văn hóa ấn hành. Đa số là các công trình dịch thuật sách cổ của ta, và dịch các tác phẩm của nước ngoài. Sách Bộ Giáo Dục được bán với giá khá rẻ, nhưng sách của Phủ Văn hóa thì lại quá đắt, đó là nhận xét mà ông Nguyễn Đại — trong tạp chí Văn Bút số 2 — đã lưu ý chúng ta. Về khả năng dịch thuật thì trong *Bách Khoa* số 358 (1.12.71) ông Nhất-Anh đã từng kêu trời về cái trình độ ngoại ngữ của nhiều dịch giả.

oOo

Cả kịch trong năm thực ra sa sút hơn nhiều. Cải lương tuột dốc, vì không có rạp, vì không có tường tích hay, vì thiếu nâng đỡ, khích lệ, vì sự chi phối của đài truyền hình, và vì tình thế cùng với vật giá leo thang. Trên diễn đàn Văn Bút ông Anh Tuyền đã đề cập đến cái thực trạng này hơn một lần. Trong nhiều số báo tờ *Đuốc Nhà Nam* cũng đặt vấn đề tìm hiểu nguyên nhân sút kém của ngành nghiệp này. Mới đây, kếp Thành Được cũng đã nói đến thực trạng tuột dốc và cái cảnh tình “nghệ sĩ rách bươm” trong giới cải lương.

Thoại kịch cũng chịu chung ảnh hưởng đó. Chỉ có những “sô” trên ti vi, nhưng nội dung kịch ở đây thật là nghèo nàn. Các ban kịch có uy tín như Kim Cương, Vũ đức Duy không có những sáng tác mới và ít xuất hiện. Người ta đã nói nhiều đến số

tiền thu lao ít ỏi của đài truyền hình. Người ta cũng đã thở than vì không có rạp, ngoại trừ một rạp Quốc Thanh đã bị chia xẻ quá nhiều. Người ta cũng đã nói đến tình trạng «không có khán giả kịch» vì cái không khí các Đại Nhạc Hội bày ra trạng thái hỗn độn của Sexy và các màn điệu lố lăng. Chính vếu vẫn là không có kịch bán giá trị. Kịch có nhiệm vụ phản ánh, giải quyết các vấn đề thực trước mắt, nhưng các tác giả không thể phản ánh và không giải quyết được gì trong những điều kiện xã hội, chính trị hiện nay. Vì vậy đề tài hầu hết đều là giả tạo, hoặc cứ quanh quẩn trong các truyền tình lâm cầm, những sự báo thù cá nhân vụn vặt, những truyền mắt con nhìn mẹ và các kiểu lối hối hận để dãi của bọn du đảng. Trong cuộc sáng tác dành cho bộ môn sân khấu của Trung tâm Văn bút năm 71 — mà giải thưởng về cô Kim Cương với vở *Bức tranh lửa thề* nhằm nội dung chống lại văn nghệ đồi trụy, khiêu dâm — người ta nhận thấy đa số công trình dự thi đều lấy đề tài ở trong lịch sử — đúng hơn đó là sự vay mượn sự kiện lịch sử như «những cái dinh đề treo tranh ảnh của mình» — nói theo A. Dumas — cho ta nhận thấy tất cả khó khăn của các tác giả khi phải đề cập thực tại trước mắt. Khung cảnh lịch sử xa xưa không đủ kích thước để chứa đựng các vấn đề hiện tại. Do đó vấn đề bị bó túm lại như các con người béo phì phải mặc áo quần chật chội, coi

thực thảm bại. Cái sự trạng này dễ dẫn đến một nhược điểm lớn lao về mặt kỹ thuật, là *không phù hợp thời tực* (anachronisme). Người ta nghe các nhân vật lịch sử nói đến lập trường, quẩn quẩn quẩn chúng, thấy các nhân vật đời Lê tỏ chức các đảng bí mật, nghe các nhân vật đời Trần nói đến tinh thần quốc tế, v.v...

cOo

Nhưng nếu cải lương và kịch sa sút thì các phim ảnh coi bộ có vẻ rầm rộ đặc biệt. Do ngoại tệ yếu, phim ảnh bên ngoài nhập nội không nhiều, các phim sản xuất trong nước bỗng có một đạo thu hút khán giả đông đảo.

Đúng ra sau gần mười năm lặng tiếng, im hơi — hoặc chỉ cất vài tiếng nói rời rạc — phim ảnh Việt Nam bắt đầu hoạt động xôn xao từ năm 70, với Chiều kỷ-niệm, Loan mất nhưng, Chân trời tím, Áo Ảnh. Trong các phim này chỉ duy có Chân trời tím là đạt đến mức thâu cao (31 triệu) và kể từ đó cho đến bây giờ vẫn chưa có một phim nào vượt được cái số thu ấy. Sự thành công về mặt tài chánh của phim này không phải là do ở cái giá trị thực sự của phim, mà theo nhận định của nhiều người là do các yếu tố này: a) đó là phim màu đầu tiên ở Việt-Nam (1) b)

(1) Trước đó có một phim màu, vào loại gián điệp — Từ Sài-gòn đến Điện biên phủ do Liên Ảnh phối hợp với các diễn viên Đài Loan thực hiện, nhưng không được chú ý mấy.

được chiếu vào dịp Quốc-Khánh là cái cơ hội người ta có thì giờ rảnh để giải trí. c) Vào được một lần 4 rạp trong suốt 2 tuần trong khi các phim khác chỉ 2 rạp và trong một tuần. Còn phim *Áo-Ảnh* là phim thu được yếu nhất (4 triệu) trong năm 70.

Qua năm 71, phim ảnh mới thực sự chạy đua trong cuộc tìm vàng. Vào dịp Tết, hãng Alpha tung phim *Tiếng hát học trò*, Thăng Long cho ra *Xin đừng bỏ em*. Rồi tiếp đó Liên Ảnh cho ra *Điều ru nước mắt*, Kim Cương cho ra *Biển động*, Điện ảnh cho ra *Như hạt mưa sa*, Cosu nam cho ra *Mùa thu cuối cùng*.

Nửa năm về sau, nhiều phim tiếp tục ra đời: *Trống Mái*, *Người tình không chân dung*, *Nàng*, *Trần thị Diễm Châu*, *Mãnh lực đồng tiền*, *Sám hối*, *Lệ Đá*, *Mưa trong bình minh*, *Gác chuông nhà thờ*, *Ngọc Lan*, *Vết thù trên lưng ngựa hoang*. Trong số phim của 71, *Xin đừng bỏ em* của Thăng Long phim (29 triệu 800) và *Biển Động* của Kim Cương (27 triệu 800) là đạt được số thu cao nhất. Thấp nhất là *Sám Hối* (6 triệu) và *Ngọc Lan* (3 triệu).

Qua các phim ảnh đã được thực hiện trong năm và theo kết quả tài chánh đã thu thập được, người ta nhận thấy nghệ thuật màn bạc vừa mới ồ-ạt dấy lên đã đi thụt lùi khá mau. Điểm chính là nhiều nhà sản xuất phim chỉ khai thác óc hiếu kỳ của khán giả và nhắm vào các thị hiếu

nhất thời: khai thác tên tuổi một số đào kép cải lương ăn khách, trình bày những kiểu sexy, đề cao du dương, sử dụng các lối giật gân, ma quái, và các chuyện tình nhảm nhí, hạ cấp. Tất nhiên cũng có đôi phim đề cập đến các vấn-đề xã-hội, vấn-đề chiến tranh, hòa-bình, song cái ý hướng nội dung không đủ sâu sắc để gây nên tác-động nào đáng kể. Người ta nói nhiều đến cái chế độ kiểm duyệt phim ảnh kỳ quặc hiện thời. Và đó là nguyên nhân chính, sâu xa, của sự thấp kém giá trị ở trong phim ảnh. Với một nội dung thấp kém, nghèo nàn thảm hại như thế, nhiều nhà sản xuất phim ảnh lại đặt óc vụ lợi con buôn lên trên mọi nhu cầu nghệ thuật nên việc thực-hiện cũng thật bừa bãi, chớp nhoáng, cốt sao giảm thiểu tối đa mọi sự phí tổn để kiếm đồng lời cho được bảo đảm. Thành thử sau những lời lẽ quảng cáo có cái tính cách gạt gẫm người xem, đa số cuốn phim chỉ chiếu được mỗi một lần ra mắt ở tại Sài Gòn, để sớm đưa về các tỉnh mà «kiếm tiền chợ». Khán giả mất hẳn tin tưởng ở cái lẽ lối buôn bán nghệ-thuật kiểu đó. Và với những phim như thế, phim ảnh Việt Nam rõ ràng không cạnh tranh nổi với loại phim chương Trung Hoa hiện được tiêu thụ khá mạnh ở trên thị trường Việt Nam. Loại phim chương này có một nhược điểm khá rõ là cốt truyện phần lớn đều giống nhau, và có nội dung hiểu sát đến độ làm cho nhiều người hiểu lãnh khùng khiếp, song khéo vận dụng màu sắc, hình ảnh, biết cách khai

thác, lựa chọn diễn viên cùng với các lối quảng cáo khôn ngoan, và trong nhiều phim vẫn giữ được cái luân lý Á đông phù hợp với đại đa số quần chúng Việt Nam.

Phim ảnh Việt Nam bây giờ coi như không có một uy tín nào đáng kể trong giới khán giả Việt Nam. Để gây lại niềm tin đó, người ta còn phải mất công mất sức dài ngày. Nhưng nếu tinh thần ăn xổi ở thị trong mọi thực hiện nghệ thuật vẫn còn, và nếu vẫn còn một cái quan niệm kiểm duyệt hẹp hòi thì phim ảnh vẫn không sao ra khỏi tình trạng suy đồi hiện tại.

Bây giờ, nghe đâu đề cổ ra khỏi cái vùng lầy đó người ta lại đang quay các tuồng tích cải lương (*Cô Lành Cầu Bông*) và đang bắt chước làm churong theo lối Đài Loan. *Báo kiểm xóa hận thù*, hay một cái gì tương tự, đang được thực hiện trên tinh thần đó. Như thế vẫn không phải là một sự đổi mới, mà chỉ là sự thụt lùi và sự mô phỏng vụn vặt. Lối quay các tuồng cải lương lại sẽ giết chết cải lương nhiều hơn và lối làm churong không khéo chỉ gây được sự tò mò buổi đầu mà chẳng mang lại gì hơn ngoài một bắt chước vụng về, theo lối Đông Thi nhãn mặt. Phim ảnh Việt Nam thay vì là cái sọt rác chứa đựng tất cả biểu hiện đồi trụy, vong bản, phải

cố tự tạo một con đường mới, độc đáo, bằng những khả năng vốn có của mình và chỉ có thể tạo những công trình thật sự giá trị khi nào đóng góp vào được cho sự xây dựng tinh thần dân tộc đang bị phá sản năng nề.

oOo

Có lẽ sự rầm rộ nhất trong năm vẫn là báo chí. Và chưa bao giờ báo chí bị nhiều vụ án như thế. Cũng chưa bao giờ báo chí lại bị tịch thu như thế.

Sau ngày độc diễn, báo chí đã kém sôi nổi và gần đây cùng với biện pháp tịch thu gia tăng, vấn đề giấy báo tăng cao là những ngón đòn chí mạng đánh vào báo chí. Mở màn cho năm 72, báo chí đã tự đình bản ba ngày (cố nhiên trừ bốn, năm tờ của chính quyền) để phản đối biện pháp tăng giá giấy báo. Người ta đang tự hỏi rằng với cái giá báo cao vọt như là hiện nay, liệu ai sẽ còn có thể đọc báo khi phải lo ăn lo mặc hàng ngày? Và những báo nào sẽ chết một ngày gần đây? Chắc rằng giấy báo sẽ giết chết báo và nạn thuê báo sẽ làm cho báo chết được mau hơn. Cũng như nạn cho thuê sách từ lâu đã là mối họa cho các loại truyện tiểu thuyết, bây giờ hẳn nó sẽ được phát triển mạnh hơn để đi theo kịp với giá sinh hoạt đang tính những bước nhảy vọt quái đản.

VŨ HẠNH

ĐÃ PHÁT HÀNH :

GIAO-ĐIỂM

TẬP SAN VĂN NGHỆ

do Trần Phong Giao và bạn hữu chủ trương

SỐ 1 : VIẾT VỀ THẠCH - LAM

- ☐ Nhiều quan điểm mới về các tác phẩm của nhà văn tiền chiến nổi danh, linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn.
- ☐ Đầy đủ các mục thường xuyên : Giải đáp thắc mắc, Tin văn văn, Chuyện giải buồn, Phỏng vấn...

ĐÓN COI:

GIAO-ĐIỂM

GIAI PHẨM XUÂN NHÂM TÝ

- ☐ Quy tụ khoảng ba chục tác giả danh tiếng thuộc ba thế hệ văn học : tiền chiến, gạch nối và hôm nay.
- ☐ Với những sáng tác ưng ý nhất được dành riêng cho bạn đọc GIAO ĐIỂM
- ☐ Bìa tranh Nguyễn Trung, do Nguyễn Đồng trình bày, in offset.
- ☐ Giá bán thật thích hợp với túi tiền nhẹ hẫng của bạn đọc yêu văn : 140 đồng.
- ☐ Số in hạn chế, xin quý bạn đặt trước nơi các đại lý sách báo quen thuộc, khắp nơi.

Chào mừng Xuân Nhâm-Tý

Nhà xuất bản An Tiêm kính chúc

*quý Văn hien, Độc giả một năm mới an lạc
và hy vọng được sống Hòa Bình trong năm 1972.*

Nhà xuất bản An Tiêm

CAFÉ - TÙNG

Số 6, Khu Hòa-Bình — DALAT Đ.T.: 2394

*Kính Chúc Quý Khách
một mùa Xuân an Khang và thịnh vượng*

Chủ nhân TRẦN ĐÌNH TÙNG

Chúc Mừng

Được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của:

NGÔ QUANG-SIÊM
và
HUỲNH THỊ TỔ - TÂM

Xin thành thật chia vui và chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc.

*Trần huiễn Ân, Phạm Cao Hoàng, Ngô Thạch Ủng,
Lê văn Trung, Khánh Linh, Hoàng Đình Huy Quan,
và bằng hữu Tuy Hòa, Qui Nhơn.*

Tin Mừng

*Được tin ông bà Nguyễn-Hữu-Đức, số 4, Võ-Tánh DALAT, sẽ
làm lễ thành hôn cho:*

Anh NGUYỄN HỮU CĂN đẹp duyên cùng

Cô NGUYỄN THỊ NGUYỆT HƯƠNG

*Hôn lễ sẽ cử hành tại Dalat vào ngày 06 tháng 01 năm 1972.
Xin thành thật mừng cô dâu, chú rể trăm năm hạnh phúc.*

Ông Bà TRẦN-ĐẠI

G.s. phụ khảo Trường Chánh trị Kinh doanh Dalat

TRONG DỊP TẾT NHÂM TÍ

Nhà xuất bản QUẾ SƠN, 29 Võ Tánh Đ.T. 91363

Mới phát hành toàn quốc 3 tác phẩm:

TỰ TRUYỆN GANDHI

☐ Bản dịch của THÍCH NỮ TRÍ HẢI

☐ Tựa của Thượng Tọa TRÍ QUANG

Tác phẩm nồng nàn sâu thẳm của vị Đại Thánh Ấn Độ đã rời cõi
tĩnh mệnh thanh tu để đi vào cuộc sống trong một thời đại giông bão,
ngửa nghiêng.

☐ 700 trang — Giá **800 \$**

Ở MỘT NƠI AI CŨNG QUEN NHAU

tác phẩm thứ hai của

HOÀNG NGỌC TUẤN

sau cuốn Hình Như Là Tình Yêu

☐ Đây là những bài thơ, những nhạc khúc được viết bằng văn xuôi,
dành cho những ai còn chan chứa yêu thương trong một thời đại đang
giết chết tình người

Bìa offset 4 màu. Giá **180\$**

PHI CÔNG THỜI CHIẾN

của SAINT EXUPÉRY

Kiệt tác của nhà văn nhân bản lừng danh của thế kỷ 20.

☐ Bản dịch của LƯƠNG DINH

☐ Bìa offset Hồ Thành Đức. Giá 180 \$

Nhìn lại 15 năm văn-nghệ **miền Nam**

Khoảng cuối năm ngoái, một hôm gặp nhau ở phòng triển lãm các họa phẩm được chọn lựa cho một giải thưởng lớn, được nghe họa sĩ Ng.P. nhận xét :

— « Những năm sau này, hội họa ở ta hình như tự dừng chùn lại. Không có những tài năng mới, những khám phá mới. Anh đề ý mà coi... trong khắp phòng tranh này tôi mong tìm thấy dấu hiệu của một cái gì mới mẻ : Không thấy ».

Tôi có xem khắp phòng tranh, nhưng tôi không có cái trình độ để nhận định về sự tiến thoái của ngành nghệ thuật này, cho nên anh Ng.P. lại phải giải thích :

— « Trước kia, đại khái là trước 1963, trong mấy năm liền có những cuộc triển lãm do Văn hóa vụ tổ chức; hồi đó ta thường gặp những tìm tòi, khám phá mới hoặc về kỹ thuật hoặc về đề tài hoặc về đường hướng, mỗi cuộc triển lãm đều có phát giác được một vài tài năng mới. Trải qua thời gian từ đó đến nay, các anh em đã thành công độ ấy, bây giờ có sự nghiệp vững vàng : Trịnh Cnug, Nguyễn Trung, Đinh Cường, Nguyễn Khai v.v... Còn trong số những... thành công ở phòng tranh hôm nay, tôi ngờ không ai có triển vọng đi xa.

Tôi không có ý nói nền hội họa ở

miền Nam này chỉ bắt đầu phát triển nhờ hoạt động của Văn hóa vụ. Trước đó mấy năm đã có một lớp họa sĩ nổi tiếng : Phạm Găng, Tạ Ty, Thái Tuấn Duy Thanh, Ngọ : Dũng v.v...

Hai lớp họa sĩ vừa kể, cho đến ngày nay cũng vẫn còn giữ vai trò chính trong sinh hoạt hội họa của ta. Sau họ, thử xem có những tên tuổi nào, những đường hướng nào khác nữa chăng ? »

Tất nhiên tôi không thể giúp đỡ anh Ng.P. trong cố gắng tìm thử ấy : anh đã không tìm thấy một dấu hiệu tốt lành mới, tôi tin theo anh vậy. Và lại, đối với quần chúng ngoài đường phố, đối với những kẻ tay ngang, thì quả thực từ năm bảy năm nay không hay nghe thấy những tên tuổi nổi bật lên trong làng hội họa.

Nhận xét về ngành họa lấy năm 1963 làm mốc. Trong ngành nhạc ở miền Nam, hình như trước và sau 1963 cũng có khác nhau.

Trong khoảng thời gian tiếp theo hiệp định Genève không phải ta không có những nhạc phẩm giá trị; trái lại, bản trường ca đầu tiên của nhạc miền Nam, ra đời chính vào thời ấy. Tuy nhiên, đem so sánh những năm ấy với những năm gần đây thì cái không khí sinh hoạt trong ngành âm nhạc từ 1963 về sau rần rộ hơn biết bao nhiêu : Nhiều phong trào nhạc

mới liên tiếp xuất hiện : du ca, trầm ca, tâm ca... Nhiều nhạc sĩ ca sĩ mới nổi danh : Trịnh công Sơn, Vũ thành An, Nguyễn đức Quang, Khánh Ly... Rất nhiều quán nhạc từ đô thành đến các tỉnh xa xôi, khắp nước, rất nhiều ban nhạc, nhà xuất bản nhạc, hiệu thu băng nhạc, sản xuất đĩa nhạc mới cùng ra đời ào ạt : quần chúng thường thức nhạc được mở rộng thêm, mở rộng hơn trước gấp mấy lần. Trong sáng tác nhạc, có những tìm tòi mới về kỹ thuật, về nguồn cảm hứng, về đề tài v.v... Dân ca cổ truyền cũng có độ phục hồi thành phong trào. Người ta có cảm tưởng một luồng sinh khí mới thổi vào lãnh vực âm nhạc.

Cả một thời kỳ ấy qua đi rồi có để lại thành tích gì đáng kể chăng, bấy nhiêu phong trào ồ ạt có chân giá trị nào chăng ? Đó là vấn đề khác. Chỉ biết đối với quần chúng tay ngang thì, trái với hội họa, ngành nhạc dường như sau 63 phát triển thuận lợi hơn trước 63.

Trong sinh hoạt văn học, trước và sau 63 cũng có ít nhiều thay đổi.

Thời kỳ 1954-63, có kẻ chê là không có thành tích đáng giá, không có tác giả tiêu biểu nói lên tiếng nói tiêu biểu của thời đại, không có những tài năng lỗi lạc như thời tiền chiến v.v; lại có người cho là một thời kỳ đổi mới, sôi động v.v. Chuyện đó hãy còn bất quyết. Dù sao, người ta thấy là đã có có một loạt tên tuổi xuất hiện vào những năm ấy : Doãn quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Dương

nghiêm Mậu, Nguyễn mạnh Côn, Nguyễn Sa, Nhật Tiến, Lê tất Điều, Thế Uyên v.v... Và những tên tuổi ấy vẫn chưa được thay thế, từ 63 đến nay.

Giới trẻ từ ấy đến nay — trong nước cũng như trên khắp thế giới — đã gây nhiều xáo động sâu xa về mặt xã hội và chính trị ; nhưng giới trẻ ở ta chưa nắm được thế chủ động trong sinh hoạt văn học. Không phải lớp sau này có gì thua sút : thiết tưởng đem từng người ra so sánh thì làm thơ mà phóng khoáng đến như Nguyễn đức Sơn, viết truyện mà tài hoa đến như Hoàng Ngọc Tuấn, mà chín chắn như Nguyễn Mộng Giác v.v..., ở thời nào cũng hiếm. Vậy mà họ không gây được phong trào, không quấy động được dư luận, họ không được chú ý như các người viết trước mười lăm năm, trong những nhóm *Sáng tạo*, *Quan điểm* v.v...

oOo

Hội họa thì sau 63 bị ngưng trệ, âm nhạc sau 63 thịnh phát, văn thơ sau 63 ngưng trệ, cảm tưởng ấy chắc hẳn rồi sẽ bị xét lại, cho là chủ quan, là quá giản lược, là mơ hồ, là sai nữa. Nhất là về chuyện họa chuyện nhạc, tôi vẫn không am tường, không dám xác định điều gì. Cả cái cảm tưởng về hoạt động văn học nữa, đây cũng không phải là một kết quả suy cứu với chứng cứ vững chắc. Tuy nhiên, ở đây ít ra đã dựa vào những dư luận phổ biến.

Trong dư luận của giới cầm bút hồi gần đây thường có nhiều phiền

trách cho rằng lớp già đã cản trở lớp trẻ.

Nói «lớp già, lớp trẻ» thì e quá : có thể nói lớp trước cản trở lớp sau. Trước và sau, lấy 1963 làm ranh giới.

Nghĩ rằng lớp trước là những ông bình vôi, là những kỳ đà cản mũi v.v. cho nên đã có nhiều bài báo nhiều tạp chí do lớp sau chủ trương tấn công lớp trước dữ dội. Thậm chí có người lớp sau đã coi lớp trước như «kẻ thù». Xin được dẫn ý kiến của một người trẻ, anh Nguyễn kim Phụng, đăng trên một tờ tuần báo : «Trong gần mười năm nay mà không tìm thấy một nhà văn lạ ở Nam Việt Nam trong khi hoàn cảnh ngày càng khác xưa ! Hình như là vì họ vừa mới lộ ra đã bị phang tới bởi xí quách ? Kẻ thù nhiều quá ! Các nhà văn trẻ đều than van như thế».

Về chuyện than van, tôi cũng có cảm tưởng ấy : Không phải riêng một anh Nguyễn kim Phụng than van như thế đâu. Còn về cái sự phang tới bởi, thì lớp sau phang cũng bặng, có lẽ còn bặng hơn lớp trước. Tuy nhiên, đó không phải là điều quan trọng : đáng chú ý nhất trong câu của anh Nguyễn, có lẽ là hai chữ «lạ vì» : Mười năm nay người mới không xuất hiện được là vì vừa lộ ra đã bị phang. Những cái phang của lớp trước là nguyên do của tình trạng ngưng trệ trong sinh hoạt văn học mấy năm sau này chẳng ?

Nguyên nhân sự thịnh suy của một ngành văn học nghệ thuật chắc chắn là

phải phức tạp hơn ; sau này rồi hẳn có kẻ bình tâm phân tích tìm hiểu. Riêng về cái sự phang nhau, có lẽ đó không phải là nguyên nhân chính yếu : Trong ngành hội họa chẳng hạn, bảy tám năm gần đây không có ai phang ai đến tới bởi, thế mà cũng không có sự lộ ra của một lớp sau xuất sắc. Và lại, không phải trẻ không biết làm dữ : trẻ như Phạm công Thiên, vừa lộ ra ông ấy biết cách phang cho ai nấy tới bởi xí quách lắm, không sao ? Đến Chúa và Phật chưa chắc chịu nổi đòn của ông ấy, huống hồ là văn nghệ sĩ già ! Hơn nữa, trong sự tranh chấp nhau, xưa nay lớp sau vẫn thường có lợi thế : Lợi thế do sự đổi mới của hoàn cảnh xã hội, của tâm trạng con người theo giòng thời gian, khiến cho các sáng tác của lớp sau dù hay dù dở vẫn thích hợp với thời đại hơn ; Lợi thế ở chỗ cuộc tranh chấp diễn ra trước cái quần chúng độc giả mà đa số luôn luôn thuộc hạng trẻ cho nên dễ dàng thông cảm với cái lý của lớp sau hơn của lớp trước.

Không mong giải thích được những lý do khiến cho trong sinh hoạt văn học nghệ thuật nước nhà khoảng mười lăm năm nay có ngành này lên có ngành kia xuống, tôi chỉ ghi nhận một vài sự kiện nghĩ rằng có liên hệ không gần thì xa đến tình hình ấy.

Chẳng hạn, sau 1963 các hoạt động chính trị, quân sự bùng trở nên sôi nổi khác thường và lấn áp hẳn hoạt động văn nghệ ; các vấn đề xã hội, kinh tế cũng vụt trở nên khẩn bách và được chú trọng hơn vấn đề văn

nghệ. Trong hoàn cảnh ấy, sự «lộ ra» của một chính khách, một ông vua xuống đường, một tướng lĩnh xuất sắc v.v. dễ được dư luận chú ý hơn sự «lộ ra» của một văn nghệ sĩ. Trong hoàn cảnh ấy, nhật báo phát triển mạnh hơn là tạp chí, nhất là tạp chí văn nghệ.

Có những nhà văn ra ứng cử dân biểu nghị sĩ, có những nhà văn ra làm chủ nhật báo hay đi viết nhật trình: họ đem văn nghiệp đầu tư vào chính trị và nhật báo, như thế đã biết chính trị, và nhật báo, thu hút là những nào! Chính trị và nhật báo không phải môi trường sáng tác văn nghệ. Các văn tài đã trưởng thành rất có thể gặp cảnh suy tàn trong những hoạt động ấy, huống hồ là những văn tài mới chớm nở! Làm sao một người văn một người thơ có thể xuất hiện, nổi đình nổi đám trong một khung cảnh như thế: khó thật.

Trong khung cảnh như thế, tạp chí văn nghệ chìm trong sự hồ hững quần chúng, mất địa vị, mất ảnh hưởng... Mỗi tờ tạp chí trong buổi thịnh hành có khi là một nhóm, một đường lối, có khi gây cả một phong trào văn nghệ. Khi tạp chí sa sút tài nhóm hóa rạc rời, rồi tan rã... Một nhóm mà không được chú ý đến, tự nhiên nó đâm uế oải, lờ phờ, tự xóa dần. Trước, *Sáng tạo* là một tờ tạp chí, cũng là một nhóm; về sau này, tờ báo không còn, một nhà xuất bản có hoạt động nhưng không đủ để duy trì nổi sự có mặt thực sự của nhóm. *Khai Văn*, *Trình bày*, *Khởi hành*, *Văn đề* v.v..., tài sức có thừa, nhưng đều không còn có được cái hoàn cảnh thuận tiện

để qui tụ nên những nhóm cố uy lực. Một số tài năng gần đây, giả sử họ xuất hiện trong một nhóm văn nghệ, với một tạp chí văn nghệ được đông đảo độc giả chú trọng như vào thuở nào thanh bình, sự xuất hiện của họ sẽ ồn ào hơn biết bao.

Sau 1963, lại chẳng hạn cái khối quần chúng đô thị dường như có một sức sống mới. Sức sống chẳng những biểu lộ bằng sự can thiệp tích cực vào sinh hoạt chính trị, mà tưởng chừng trong các biến chuyển văn nghệ cũng không khỏi có ít nhiều ảnh hưởng của nó nữa. Quán nhạc thì nhiều và đông khách, phòng tranh ít và vắng; nhật trình chính trị thì sôi nổi, tạp chí văn nghệ thì quạnh hiu... ăn sủng của đại chúng không ban phát đồng đều. Những ngành sinh hoạt tinh thần nào có liên quan đến đại chúng đô thị thì dễ lên hương: nhật trình, âm nhạc, điện ảnh v.v.. Còn như hội họa, như truyện, như thơ..., ở ta, trong lúc này, có lẽ chúng héo hon vì sự hồ hững.

oOo

Mười lăm năm qua, một lần chuyển biến. Chuyển biến trong sinh hoạt văn nghệ vừa qua đã liên hệ với một biến cố chính trị. Lúc này ai nấy đang nói đến một ngày hòa bình gần gũi, vậy giới văn nghệ lại nên «đón mình» chờ đón một chuyển biến mới nữa chăng?

VÕ PHIÊN

11-1971

Nhìn lại 15 năm văn-học miền Nam

Khi nhận định về cái hào khởi của các hoạt động văn học sau hiệp định Genève, nhà văn Mai Thảo có viết :

«Năm 1954 còn ghi lại, chói lọi, cái đẹp ấy của mùa mới, cái đẹp ấy của lên đường. Ta dừng đi chật đất. Ta từng có, lớp lớp. Ta từng đến, hàng hàng. Nhưng khởi đầu của từng hoạt động văn học; từng phát động nghệ thuật nói chung của ta tuyệt đúng, tuyệt đẹp» (1).

Mới đây, khi trả lời câu phỏng vấn của Nguyễn-Nam-Anh trên tạp chí Văn số 192, nhận định về các «phát động nghệ thuật tuyệt đúng tuyệt đẹp» thời ấy của Sáng Tạo, cũng chính Mai Thảo bảo :

«Ờ Sáng Tạo là của những thí nghiệm và những mở đường. Hậu quả, nếu có cũng là của những thí nghiệm, những mở đường. Tôi không nhìn Sáng Tạo như nơi phát xuất và hình thành một dòng văn học nghệ thuật. Lớn chuyện quá. Một tinh thần nào, một cách thể nào thì có» (2).

Một nhà văn uy tín của văn học miền Nam, liên tục tham dự vào các sinh hoạt văn học từ sau Genève đến ngày nay, đã nhận định khác nhau như vậy về cùng một buổi ban đầu. Một bên là hàng hàng lớp lớp của những người đi tới, tay nắm lại, mát sáng quắc niềm tin. Một bên là những bước chân rụt rè hay ơ hờ của những kẻ thiếu lòng tự tin và thừa, thừa quá nhiều nỗi hoang mang.

Sự thực ở đâu ? Đã đành luôn luôn có một con đường nào đó dành cho văn học miền Nam. Nhưng con đường ấy sao mà đa diện đa hình ! Nó đổi thay nhanh chóng ngay trong nhãn quan của một người, chưa kể nó là con đường cái quan thênh thang lối về viên bằng hoa-thơm tự do, cỏ lạ dân-chủ, bóng-mát nhân-vị theo ý người này, nó là con đường gập ghềnh tráo trở đầy rác rếnh và cặn bã của một xã hội vong bản thiếu máu theo ý người khác. Con đường lắm chuyện ! Con đường thị phi ! Nhưng đứng ở đây, vào những ngày chớm xuân bằng đôi mắt của những kẻ sông phẳng với quá khứ, không bị hệ lụy vào bất cứ một thành kiến hay mặc cảm nào, chúng ta hãy đặt lại vấn đề. Nó chật chội eo hẹp, cứ nói nó chật chội eo hẹp. Nó quang đăng ngát hương hãy hết lời ca tụng. Những gông cùm tri thức nhập cảng và những cái mũ thành kiến chính trị, hãy lừa xuống con kinh nước đen. Và, chúng ta thử đi lại từ đầu, với tâm hồn bình thản hơn, không bị cái «lớp lớp hàng hàng chật đất» lôi cuốn vào những xúc động chói lòa ảo tưởng.

**Từ một bờ sông
có cây cầu cấm.**

Con đường văn học miền Nam khởi đầu từ một bờ sông có cây cầu cấm,

(1) Mai Thảo Văn. đề tháng 5-1968

(2) Nguyễn Nam Anh. Mai Thảo nhà văn ở phút nói sự thật-Văn 192 (15-12-1-1971)

nghĩa là từ lúc hiệp định Genève chia cắt đất nước qui định đất sống bên này con sông Bến-hải cho những người không chấp nhận chế độ Cộng sản và cho những người không muốn theo Cộng sản. Đó là chưa kể trong những kẻ ở bên mạn Nam con sông ấy, còn cả đám đông dân chúng mà ý thức chính trị không quan hệ bằng một bữa nhậu hay một bát cơm hẩm. Đám đông chịu đựng. « Văn học miền Nam », theo như mọi người hiểu ngầm, chỉ bắt đầu con đường sinh hoạt từ sau năm 1954. Trước đó nó như không có, hoặc có nhưng những chi phối chính trị không cho người ta dám phóng tầm mắt nhìn tò mò vào những con đường nối dài. Cây cầu cấm đã dứt khoát ngăn cách dòng sinh mệnh của dân ta, nên con đường văn học chỉ có thể khởi đầu từ một bến xe chỉ có lối đi mà không có ngõ đến. Tình cảnh nghịch lý trớ trêu ấy tạo ra các hậu quả tất yếu, hiển nhiên sau đây :

— Trước 1954, sinh hoạt văn học trong vùng do thực dân Pháp kiểm soát không khác gì một bến xe vắng khách. Những tờ báo lá cải. Những tiểu thuyết diễm tình hay phiêu lưu mạo hiểm nơi nước lạ non xa. Những xúc động ray rứt của một số người sống trong cái chật chội của những thành phố bao quanh bằng dây kẽm gai, lô cốt, và dù có cố biện minh, những tâm hồn chân chính, những người viết chân thực không thể nào tìm được chút chính nghĩa... Dù dưới hình thức nào, cảnh điêu hiu của cái bến cụt văn học ấy là hậu quả tất nhiên của những con đường điểu cầm bút, giấu xuống cát bùn sự

thức tỉnh xao xuyến nguy hiểm của mình.

— Những bậc đàn anh của văn học đều đã tham gia kháng chiến và trước Genève, họ đều đứng phía bên kia bờ sông. Những người viết lơ thơ trên cái bến xe trơ trọi ấy, càng cảm thấy trơ trọi bơ vơ hơn. Hơn lúc nào hết, họ cảm thấy mình bị tách khỏi dòng chảy của đời sống dân tộc. Họ là những kẻ « thấy cuộc không có liên hệ gì đến quá khứ của giống nòi » (1), mang niềm cảm phục những kẻ bên kia mà không dám nói ra, rầy rứt khinh mình mà chưa đủ bạo để tự sỉ vả. Giải pháp tốt đẹp hơn hết để quên, quên hết, là vẽ vời các chuyện diễm tình, vừa có tiền vừa không nguy hiểm.

Nhưng cái bến xe điêu hiu ấy, sau Genève, chẳng mấy chốc trở nên tấp nập lạ thường. Cây cầu trên sông vẫn cấm. Những con đường đến vẫn nghẽn lối. Bến xe vẫn chỉ có một con đường ra mà không có đường dẫn từ quá khứ vào. Nhưng do những điều kiện nội tại và ngoại tại, bến văn học đột nhiên ồn ào náo nhiệt hẳn lên.

Có cả hàng triệu hành khách di cư từ Bắc vào, và hàng trăm nghìn người vì lý do này lý do nọ tìm cách thoát sớm khỏi những miền tiếp quản cuối cùng của Cộng-sản để gia nhập vào cộng đồng « quốc-gia ». Họ không cần theo con đường nào thông thường để đến đây. Cây cầu, cấm. Con sông, sâu. Đường đất gập ghềnh những thanh toán, tàn sát, mò tôm, thủ tiêu, nhất là lúc chuyển tiếp quyền hành từ chế độ này sang chế độ

(1) *Mượn lời Hoài Thanh trong Thi nhân Việt-Nam.*

khác. Đơn giản hết sức, họ đến bằng những phương tiện vận chuyển tối tân mà cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối và chính sách vây chận của nước Mỹ sẵn sàng cung cấp đầy đủ cho họ. Đến bằng tàu thủy. Đến bằng phi cơ.

Được chính quyền khuyến khích, được quốc tế (thực ra là Mỹ) gọi cho niềm tin vào lý tưởng chống Cộng và viễn tượng một «miền Nam sáng dội», những hành khách hôm qua còn băng khuâng nhớ ruộng nhớ vườn nhớ anh nhớ chị, còn thẹn thùng với quá khứ và ngập ngừng với tương lai, còn choáng váng nghiêng ngả vì phân vân giữa quyền lợi đất nước và quyền song con người, đột nhiên, trong một chớp mắt, trở thành những người hăm hở khởi hành.

Cái đẹp ấy của lên đường

Họ đi, họ chạy, hàng hàng lớp lớp, xô nhau chen nhau lên đường, về hướng mặt trời. Và như tất cả mọi trường hợp bị huyền diệu bởi cái chói lòa tuyệt diệu, họ quên con đường ấy là con đường độc đạo. Nhưng có cần gì ! Họ chỉ còn có con đường ấy, và điều quan trọng là biện minh cho những nhịp bước tới, để quên hết dĩ vãng và dành lòng bước tiếp. Các nhóm, các tập chí văn học lần lượt được thành lập đây đó, phần lớn đều do các nhà văn đã từng có kinh nghiệm kháng chiến chủ trương. Tuy đi về hướng mặt trời, nhưng cuối một ngày hăm hở, phải có lúc dừng về và mỗi người phải cúi xuống lòng mình. Đó là những lúc nguy hiểm, vì nỗi ray rứt cũ lại hiện đến. Cho nên

hết ngày tháng này qua ngày tháng khác, đằng sau cái ồn ào tấp nập của sinh hoạt văn học sau 1954, chúng ta thấy lại, thấp thoáng, ẩn hiện, đằng sau một thơ bí hiểm, đằng sau một tùy bút, đằng sau những lời tuyên bố huênh hoang của hội nghị bàn méo bàn tròn, thứ mặc cảm xót xa của những anh hùng thăm mệt. Tất cả những điều viết ra, nói đến, đều là những cách thể biện minh :

— Trước hết là khuynh hướng ổn lại các kinh nghiệm quá khứ, cố gắng minh chứng tính cách phi nhân của chế độ Cộng-sản để giải thích vì sao mình bỏ đi nửa chừng, vì sao mình ở đây. Nhà văn Võ-Phiến có lần đã tuyên bố :

« Bọn chúng tôi, những người mới bắt đầu cầm bút khoảng thời gian 1955-1959 thường hay quan tâm đến thái độ của mình với Cộng-sản. Nghĩa là lúc nào chúng tôi cũng có những cái ray rứt trong khi cầm bút, là sẽ mình định thái độ với Cộng-sản như thế nào, khi mà một phần quá khứ của chúng tôi đã gắn gũi khá nhiều với họ » (1). Đó cũng là tâm tình của những nhà văn chống Cộng khác như Doãn quốc-Sĩ, Nguyễn-mạnh-Côn.

— Thứ đến là khuynh hướng muốn đặt định một chỗ đứng cho những người bị buộc phải «dùng cảm lựa chọn». Nhu cầu này càng trở nên cần thiết, và hào nhoáng, nhất là sau vụ Nhân Văn giai phẩm ở Bắc Việt và chính quyền Ngô-đình-Diệm đã vượt qua được hai năm thử thách chồng chênh. Chính quyền có một chính sách văn hóa của chính quyền, cải biến thuyết nhân vị và cố gắng tạo một chủ thuyết cho đại chúng miền Nam.

(1) Báo Đời số 80 ngày 29-4-1971.

Những người cầm bút cũng có những chủ trương rầm rộ, ngoạn mục. Nhóm Chỉ đạo muốn đối diện với chủ nghĩa Cộng sản, phân tích công kích nó trong tư thế của kẻ đã lấy lại niềm tự tin. Nhóm Quan điểm muốn tuyên dương sự tự do tri thức như một lẽ sống tối thượng, đề cao thể đứng của người tiểu tư sản trí thức trong xã hội tiến bộ. Họ tin lắm, tin vào vai trò lãnh đạo của người hấp thụ nền giáo dục vong thân Tây phương, tin vào khả năng của kẻ lạc loài ngay trên quê hương mình, nên Mai Thảo có lần đã viết:

«Nhóm Quan điểm đó, cái nhóm người chắt ngắt tham vọng, cái khối người dám đương cao ngọn cờ giai cấp đứng giữa, đòi chuyển lay tận cùng gốc rễ cái thể đạo búa tạ hữu hai phía khép lại trên sinh mệnh nhân loại từ hàng chục năm.» (2).

— Cuối cùng, rộn ràng náo nhiệt nhất vẫn là «cái phất áo ngang tàng» của nhóm Sáng Tạo. Quý tu một số đông những cây viết trẻ hầu hết là người Bắc di cư, Sáng Tạo như cái tên của tạp chí, biện hộ chỗ đứng của mình bằng một cách hào phóng khôn ngoan nhất. Khai thác những kiến thức nhập cảng từ Pháp, Bỉ về, mang nỗi choáng váng hiện sinh vào văn và tượng trưng siêu thực vào thơ, cộng thêm cái giọng đập phá ngổ ngáo bất kính đối với quá khứ không thuộc về mình, quả tình Sáng Tạo đã làm «chối lòa» nhóm độc giả học sinh, sinh viên một thời ngược trởng ngưỡng mộ. Lối biện hộ này khôn ngoan vì nó biểu lộ tinh thần phong khoáng tự do của thể giới tự do, nó biểu lộ tinh thần dân chủ cấp tiến thực sự của một tiền đồn. Nó nhắc nhở cho người viết lẫn người đọc, «Đó, các bạn thấy chưa

chúng ta thực sự tự do, chúng tôi đã chọn con đường thanh thang, rộng rãi, mát mẻ nhất».

Nhưng, dù có nắm chặt tay lại, dù có hò hét kêu gào, dù có say sưa nói và tuyệt đối không lắng nghe, phải có lúc «những người đi tới» bàng hoàng thấy mình đang đi trên con đường hẹp một chiều. Giờ phút của sự thật đến, phải đến. Từ lúc nào? Có lẽ phải kể từ năm 1960.

Những bước chân âm thầm

Những gót giày nện mạnh khua vang trên đường thanh thang trở thành những bước chân âm thầm, vì tình thế đã đổi. Chúng ta đừng quên là Khrushchev thăm Mỹ năm 1959, và cục diện thế giới đã thay đổi. Chiến tranh lạnh không còn đủ lạnh. Hai kẻ thù không đội trời chung vốn vờ bắt tay nhau, ly Vodka trao qua thì ly Whisky trao lại, trong lúc hai nụ cười đều lém lỉnh như nhau. Chính sách vây chận bằng cách củng cố mạnh mẽ các tiền đồn bao quanh Trung Cộng bắt đầu bị xét lại. Khi Kennedy lên cầm quyền tại Mỹ, thì bước hòa giải giữa tư bản và cộng sản thêm một chặng xa hơn. Những chiến sĩ nhiệt thành (mà có người còn mĩa mai gọi là những cai thầu cổ chấp) đột nhiên mơ hồ cảm thấy mình đang bị bỏ rơi. Những hỗ trợ cho tiền đồn chống Cộng không còn nồng nhiệt tích cực như xưa, lại còn kèm theo các điều kiện bất lợi.

Chính quyền không an tâm trong việc đối ngoại, lo sợ đối nội, bắt đầu tổ chức chặt chẽ các cơ quan mật vụ, thanh lọc

(2) Mai Thảo. Vài nét điển hình của văn chương tùy hứng, Văn đề số 11 (tháng 5-1968)

hàng ngũ cán bộ, kiểm tỏa các sinh hoạt văn hóa và chính trị. Sự can thiệp càng ngày càng lộ liễu của người Mỹ trên quê hương Việt nam làm tan rã mau chóng cái «chối lòa» của ảo tưởng độc lập, và các biện pháp kiểm soát không chế của một chính quyền đang «tan» gia bối rối làm tan nốt cái «chối lòa» của ảo tưởng tự do.

Những bước hăm hờ trên con đường văn học miền Nam khựng lại, ngại ngùng, dò dẫm, cho nên chỉ còn là những bước âm thầm. Những cách thể biện hộ không còn đủ xác tín trấn áp mặc cảm lâu nay ngấm ngấm còn đó. Độc lập, tự do đâu còn đủ vẻ huyền diệu của một lý tưởng, một viễn tượng mong ước vươn tới. Câu hỏi cũ: «Vì sao ta ra đi? Vì sao ta bỏ cuộc?» tưởng đã tìm được câu trả lời, hóa ra chưa tìm được gì hết. Thành thử từ 1960, chúng ta ghi nhận nhiều chuyển hướng đáng lưu ý trong sinh hoạt văn học miền Nam:

— Các nhà văn chống Cộng bắt đầu chuyển hướng sáng tác, và nếu người nào còn đề cập đến các kinh nghiệm cũ bên kia sông, giọng văn cũng bớt độ nồng nhiệt ban đầu. Đáng lưu ý nhất là Nguyễn mạnh Côn với những tác phẩm thuộc loại khoa học giả tưởng.

— Tạp chí Sáng Tạo không còn giữ được nềm hăm hờ cũ, gắng sức cho có mặt hơn là phát khởi một cái chối lòa nào. Tạp chí Hiện Đại, Thề kỷ Hai mươi chỉ là những phân thân, những con đường nối dài gượng gượng của Sáng Tạo mà thôi. Sự khựng lại, phản ứng tự nhiên của một thức tỉnh cay đắng, đã khiến nhiều người cầm bút quay

lưng với hiện tại. Ngay trên tờ Bách Khoa này (1), ông Vũ Hạnh đã ghi nhận sự thoái trào bi đát ấy:

« Đó là cái hiện tượng văn nghệ cổ hình thoát ly thực tại, giả vờ không biết sự thực. Những đề tài mới mẻ tân kỳ chỉ là lối trốn nhiệm màu, hay là tủi nhục, của người cầm bút. Những cái cảnh trạng hàng ngày, cố gắng cũng như bất lực, hy vọng cũng như đau khổ không được nói đến, cho nên tác phẩm không có giá trị truyền cảm thực sự mà chỉ là sự phiêu lưu trong cái thế giới chấp chờn nửa mộng nửa thực.

...Cuối cùng, người văn nghệ sĩ lấy sự cách bức với quần chúng làm giá trị tinh thần của mình, và chỉ cách ấy mới đem lại cho họ ít nhiều ảo tưởng về cái bản lĩnh của họ. Để tự biện hộ cho một thái độ tinh thần như thế, nhiều người cam tâm phủ nhận cả mình như đã phủ nhận thực tại xã hội mà họ đang sống, để quay về cái thế giới văn nghệ tây-phương ôm chân những nhà triết học bất lực, sa đọa như những thần linh bảo trợ linh hồn ».

Tuy nhận định của Vũ Hạnh có chút gay gắt bi quan, nhưng khuynh hướng quay lưng với thực tại mất chủ quyền và tự do trước mắt trong giới cầm bút là có thật. Chiến sự càng sôi động, chính trường càng xáo trộn, đảo chính chính lý càng dày đặc thì sự quay lưng càng tăng. Người hừng khởi, tuy là giả tạo, làm sống một giai đoạn văn học không còn. Cho nên mỗi tác giả cũ chỉ gắng viết để nhắc nhở người đọc rằng mình vẫn còn đây. Riêng các tác giả mới gia nhập

(1) Bách Khoa số 97 ngày 15-1-1961

làng văn sau 1960 chỉ khai thác được các kinh nghiệm sống cá nhân riêng lẻ, dồn hết xúc động cho tác phẩm đầu, thế rồi kinh nghiệm đã cạn, niềm riêng đã vơi, thực trạng bên ngoài khó nói, nên sau đó ráng viết các phó bản hay gạch tiếp những con đường nối. Ngay đến Mai Thảo nhà văn cột trụ của Sáng Tạo về sau đã phải tìm một cách giải thích ít tai hại nhất cho tình trạng văn học ấy. Ông viết:

« Cái hồng lớn nhất của ta là hành động văn học, sáng tạo nghệ thuật nào cũng chỉ được cắm vững trong cái địa hạt lạ lùng của tùy hứng. Ta làm nắng làm mưa được cho đời sống. Nhưng mưa ta bắt chợt, nắng ta thất thường. Nó thắm mỹ hơn là nó chắc nịch cơm gạo, cụ thể máu huyết, cái lối mưa lối nắng làm đẹp một buổi chiều thành lát phết, làm vui một buổi sáng thành bay múa, mà chẳng là khí hậu thời tiết dung dưỡng lý tưởng thành ẩm ướt và ẩm áp nhuần thấm cho mùa màng mầm hạt đời đất chồi lên (2),

Nền văn học đó không « chắc nịch cơm gạo, cụ thể máu huyết » không phải vì tác giả tùy hứng, mà vì họ muốn cố quên cái đời sống thực tế càng ngày càng bi đát của xứ sở này. Nhưng « cụ thể máu huyết » cụ thể quá, hiện hình hiển hiện, thành những đồng xác chết, thành những khu rừng khai quang trơ trọi, thành những nền nhà gạch ngói cháy nám. Đến một lúc nhà nào cũng có một hai người đi lính, ngày nào cũng nghe tiếng bom đạn vọng về, ở đâu cũng thấy áo sô và khăn tang trắng, góc công viên nào cũng có xác Việt cộng sinh căng

bốc thối, hém tối nào cũng có bóng người lính Mỹ da đen da trắng xi xô tìm hoa, thì nhà văn Việt Nam không thể tìm hướng được nữa. Không thể đứng trên cao hay đứng bên lề. Chỉ có hai lối cho nhà văn chọn : hoặc đứng trong cuộc chiến và mạnh dạn tỏ thái độ, hoặc đứng ngoài cuộc chiến như một người mộng-du.

Con đường rẽ đôi

Con đường rẽ đôi, có lẽ từ khoảng 1965, 1966 nghĩa là khi quân đội Hoa kỳ ồ ạt đổ vào Việt Nam. Cùng với hơi lựu đạn cay và vòng thép gai nhọn bắt trên phố xá thành thị, cùng với những cuộc biểu tình xuống đường hoan hô đã đảo ở các trường học, cả một xã hội rộng lớn đã thay hình. Ruộng xanh thành đất cằn, cỏ không nhú nổi mầm non. Rừng già um tùm thành đồi trọc ghê lở. Quán rượu, ổ điểm, nhà thầu rác, tiệm giặt ủi mọc lên như nấm ngay giữa trung tâm thành phố và kề sát các doanh trại ngoại quốc. Thang giá trị đảo ngược, và nhiều đồ vật cay xé nổ ra ngay trong lòng những gia đình trung lưu lâu nay hãnh diện về nếp gia phong. Cả một dân tộc cuống cuống lo âu cho cuộc diệt vong chung, chạy đi tìm nguồn tìm gốc. Văn đề chủ quyền quốc gia trở nên sôi bỏng, thành đề tài tranh luận trong các cuộc hội thảo, mít ting. Tình thế cay, nồng, đen điu quá, cho nên không cho phép nhà văn tiếp tục âm thầm bước trong nỗi ngậm ngùi vỡ mộng. Phải làm một cái gì? Phải tỏ một thái độ nào đó?

(2) Mai Thảo, Văn đề số 11 (tháng 5/1968)

— Cho nên từ 1965, rầy sinh một khuynh hướng văn học tranh đấu, mạnh dạn tố cáo « cuộc chiến tranh không có bài hát » và mạnh bạo đòi lại chủ quyền từ lâu đã mòn mỏi khiêm nhường. Nhưng tờ báo lâu quay ronéo phổ biến trong các phân khoa đại học, những bài thơ tranh đấu đọc lớn trong đêm không ngủ, những truyện ngắn viết vội sau cuộc hành quân gai góc dẫm máu, lần lượt chiếm nhiều chỗ trong con đường văn học. Văn-chương trở thành vũ khí. Và tuy có nhiều khiếm khuyết về nghệ thuật, lỏng lẻo trong kết cấu, cấu thả khi sử dụng ngôn từ, nhưng từ những tác phẩm ấy, tỏa lên sức mạnh và ý chí phản kháng của tuổi trẻ. Không phải cái phất áo ngang tàng của tên đảng tử, mà là cái lao mình phần nộ của người chiến sĩ. Không phải những bước khiêu vũ bay bướm của tay sành sỏi ăn chơi, mà là những bước chắc nịch, thô thiển mà thành thực của kẻ sống thật sống trọn với lịch sử đang tiếp diễn khốc liệt quanh mình.

— Trong lúc đó, hầu hết những nhà văn trở thành chuyên nghiệp rẽ theo con đường dễ dãi, vô trách nhiệm, đánh lừa niềm bán khoán trong hồn mình sau khi đã dẫn độc giả hàng ngày vào những thế giới mê-hoặc huyền ảo, thế giới của chàng-hào-hoa và nàng-diễm-lệ, yêu nhau giữa khung trời mờ ảo của sương, trong gian phòng ngập khói thuốc lá và men rượu nồng. Độc giả cần quên thực tại nên tìm đến mọi thứ ma túy gây ảo giác. Có cầu thì phải có cung. Và các nhà văn trên con đường văn học này, sẵn sàng quên cái hào khởi một thuở, để làm người

sản xuất ảo giác. Con đường feuilleton, con đường dẫn người viết vào nếp sống u tối của những văn công viết theo toa đặt hàng ! Nguyễn Sa đã có lần tỏ ra sự chán chường cay đắng trước thực trạng bi đát đó ;

« Chín trên mười cuốn tiểu thuyết nếu không phải là chín mươi chín trên một trăm cuốn tiểu thuyết in ra trong những ngày tháng gần đây có một tiền kiếp đáng tải. Chúng tôi cất tiếng nói feuilleton cũng có thể là tác phẩm lớn. Trường hợp Vu trọng Phụng là một chứng tích cụ thể. Giòng tổ, trước khi in thành sách, đã in lên báo. Chúng tôi nói, chúng tôi nói, nói bằng lời, bằng im lặng, bằng ve vuốt, kiêu ngạo lẫn nhau, nhưng ở đáy sau mỗi đứa đều có chỗ trống trải, có những vang động nhẹ như nước chảy xuống đá, như cơn trùng rỉ rả ban đêm. Có thể có tức là có thể không. Có thể là tác phẩm lớn tức là có thể không phải là tác phẩm lớn. Điều đúng với họ Vũ không hẳn là điều đúng với tất cả. Trường hợp đặc thù và định luật không thuộc cùng một giòng họ. Báo hàng ngày có thể là môi trường thúc đẩy sáng tạo, có thể là nhà tù giết chết Sáng tạo. Sự làm việc cơ giới hàng ngày, bất kể lúc khoái trá hay chán chường, bất kể ngọn lửa bốc bay chất bài tiết rỉ rả, sự đòi hỏi dễ dãi của độc giả và chủ báo, sự e dè guồng máy kiểm soát của nhà nước, sự thích ứng với lập trường của tờ báo, một chực lý do làm cho nhân vật có dáng dấp của hình nộm, bố cục có kiến trúc của lâu đài xây trên cát, sự sáng tạo được thu gọn trong sự tìm kiếm cái kỳ thú một lúc » (1).

(1) Nguyễn Sa. Đông du ký. Trình Bày số 15 (6-3-1971) trang 59.

Những nhận xét của Nguyên Sa về nghệ phẩm loại này thực quá đầy đủ ý nghĩa, định rõ bản chất của con đường rẽ huyền hồ này. Đã từ lâu, những «bài tiết rỉ rả» ấy chỉ còn đủ sức làm đầy thêm cho cuộc sống vốn dư dả sung túc của thị dân ưu đãi, tô điểm thêm một tiếng cười khà, một tiếng vỗ đét vào vế khi trà dư tửu hậu. Những khai thác về dục tình hay chủ ý tô đậm tính chất viễn mơ trong tác phẩm chỉ còn giữ được vai trò khiêm nhường là lấp đầy khoảng trống thời gian vô vị giữa hai cuộc say, hay hai cuộc bàn cãi cò kè so đo giữa người gọi thầu và chủ thầu. Chỉ có vậy ! Trước sau chỉ có vậy !

Những ảo giác yên lành vô tư đâu có bền cho kẻ nguy tín. Khi tiếng nói của những nhà văn tranh đấu trẻ tuổi bị nghẹn trước khi ra khỏi vành môi, thì tiếng nói đơn độc của nhà văn nguy tín thêm lạc loài. Hai ngã rẽ của văn học càng ngày càng xa tít, chia lìa, đến nỗi không thể có nổi một niềm thông cảm, một điểm tương đồng.

Và trong lạc loài của khoảng không văn học hiện đại, mặc cảm cũ lại về. Ngày trước, sở dĩ nhà văn có niềm hăm hở mở đường chỉ vì tin rằng mình đã «chọn lựa đúng cảm», đã đem ngọn lửa văn hóa vượt vĩ tuyến sáng lên ở đây hôm nay» (2) mình đang góp tay xây dựng một quốc gia, một xã hội tôn trọng tự do tri thức và phẩm giá con người. Nhưng diễn tiến lịch sử từ 1960 đến nay, sự can thiệp, xâm phạm thô bạo của ngoại bang lên chủ quyền nước Việt, đã khiến nhà văn tự động bỏ cái hăm hở ban đầu, để âm thầm ngưng ngừng, rồi quay mặt đi, xoay lưng lại, cổ quên, cổ quên cho hết những điều

trước mắt. Tài liệu mật của Ngũ giác Đài công bố trên báo chí xóa hết tia tin tưởng, dày biện hộ mỏng manh cuối cùng. Mặc cảm sùng sững hiện về, trong «vóc dáng của hoài niệm».

Thật vậy, không có lúc nào phong trào hoài niệm rầm rộ bằng lúc này. Hoài niệm quá khứ bằng cách đua nhau hát nhạc tiền chiến, kháng chiến. Hoài niệm văn học bằng cách liên tiếp phát hành các sổ báo đặc biệt, lần lượt tưởng niệm hết văn thi sĩ tiền chiến đến văn thi sĩ có mặt trong hàng ngũ chống thực dân, không phải là các sưu khảo văn học. Không phải là tuyển tập của văn liệu ! Vì nội dung các bài tưởng niệm về Quang Dũng, Hoàng Cầm, Nguyễn Bính, Thạch Lam, Vũ trọng Phụng thiên về giai thoại huyền thoại hơn là khảo cứu đứng đắn.

Khi mọi người đều quay về quá khứ mà tô lục chuốc hồng, tất nhiên hiện tại không xứng đáng, và tương lai là khoảng mù hun hút tráo trở. Những người đi tới không bao giờ quay lại sau lưng. Tưởng niệm, là hành động vớt vát của những khách bộ hành mòn chân rừ gối, bị lịch sử đào thải, ngồi ghé trên trụ cây số vệ đường ngậm ngùi nhìn dấu chân cũ. Tưởng niệm, là một cách tạ lỗi với quá khứ của những anh hùng thắm mệt.

Thành thử, con đường 15 năm văn học miền Nam, từ cái bến vắng thoi loi bên bờ sông cho đến đoạn đường lồi lõm gập ghềnh hiện tại, chỉ phảng phiu thành thang đối với những kẻ quá tin : Ảo giác tan đi, chúng ta chỉ thấy nhấp nhô đây đó hiện hình của những mặc cảm.

(2) Mai Thảo. Sáng Tạo số 1 tháng 10-1956.

Khi có một điều đáng tin, mặc cảm ấy (mặc cảm thất cước lạc loài vì không tìm ra được một quá khứ ấy) tạm thời phai nhòa. Nhưng khi ngỗ ngàn g trước cái thực tại bi đát thẹn thùng của hoàn cảnh đất nước, mặc cảm ấy lộ ra, tác quái tác oai, làm chuyển hướng người viết này, làm dừng bước nhà văn nọ.

Nhưng hãy tạm để cho những ông già ôm ấp quá khứ.

Hãy tạm để cho những kẻ dừng lại: hoài niệm, tưởng niệm. Con đường văn học, như tất cả mọi con đường, vẫn luôn luôn mời gọi khởi hành. Con đường để

đi, và thể hệ này qua phải có thể hệ khác tiếp nối.

Có thể lại có những «lớp lớp hàng hàng» chập đật. Có thể lại có những «mùa mới», những «lên đường». Qua rồi mùa đông, thì phải có mùa Xuân, Năm xuống lớp già, thì phải có đứng dậy lớp trẻ. Con đường văn học trong tương lai ra sao, ta chưa biết chắc. Chỉ có một điều chắc chắn : là dấu vết của mặc cảm đảo-ngũ không còn, vì lớp người trẻ không từng bị ràng buộc chút nào với cuộc tương tranh do cuộc chiến tranh lạnh gây ra.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

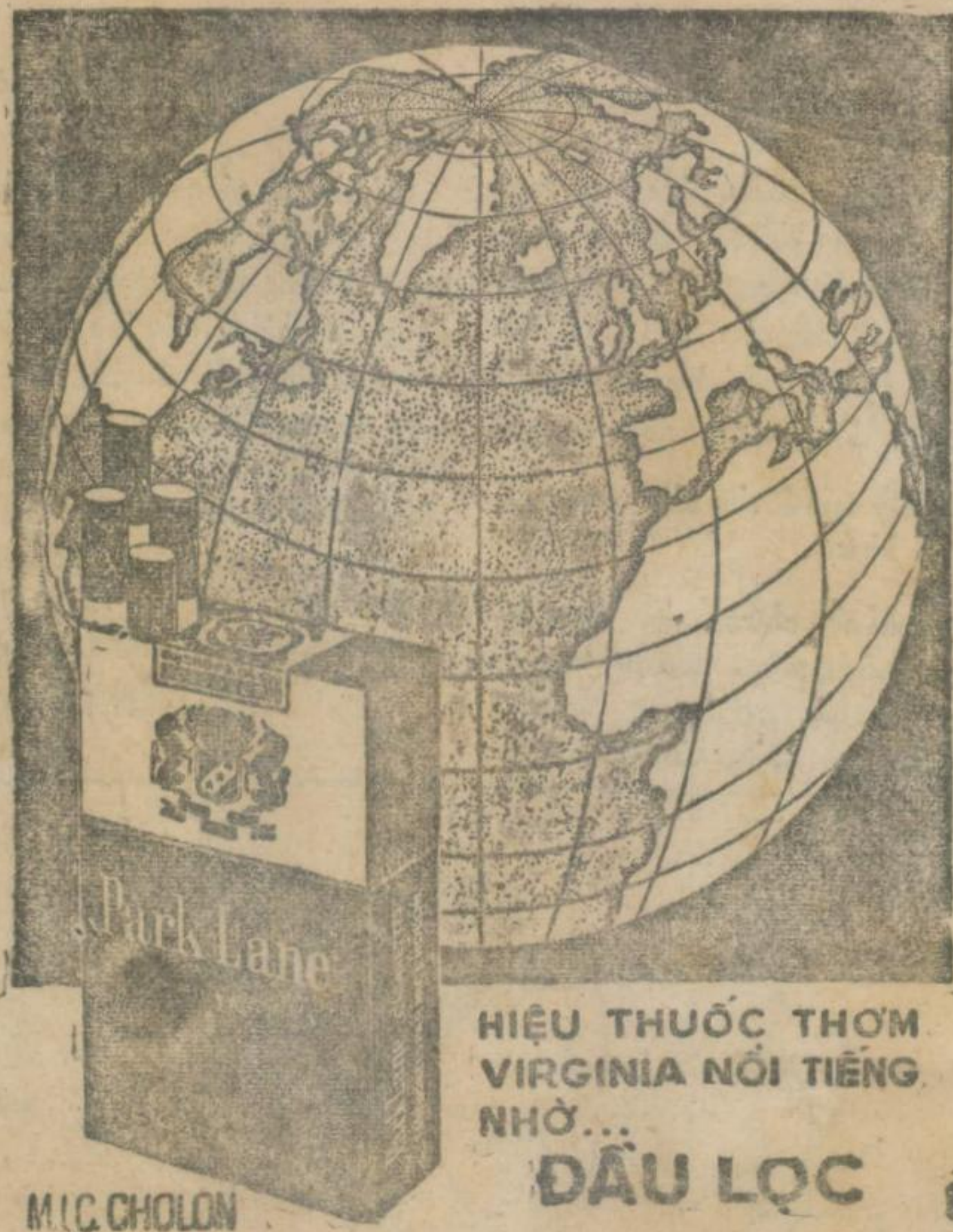
Mùa xuân 1972



Nhức đầu
• Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
 lưng, đau nhức lúc có
 Kinh Kỳ

KN 1211/877/CCOP



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

SAU 18 NĂM TIẾP XÚC
VỚI NGƯỜI MỸ...

Vài suy tư về phong-trào về nguồn

● NGUYỄN HIẾN LÊ

De Gaulle, nhất là tên thầy tu khát máu D'Argenlieu là kẻ thù của dân tộc Việt Nam. Dân tộc họ vừa mới nhờ đồng minh mà ngóc đầu lên khỏi gót sắt của Đức thì họ đã cho quân đội viễn chinh núp sau lưng quân đội Anh, đổ bộ lên Nam Việt mà giày xéo non sông chúng ta. Họ cũng có tội với dân tộc Pháp nữa : vì họ mà chín năm sau, Pháp phải nuốt cái nhục Điện Biên Phủ, để Mỹ nất cảng ra khỏi bán đảo Đông Dương, mà ảnh hưởng của Pháp tại đây tiêu tan gầy hết.

Ngày quân đội Pháp không kèn không trống xuống tàu ở bến Nhà Rồng, báo chí Sài Gòn chỉ đăng tin vắn tắt có mấy hàng mà đại đa số độc giả cũng không buồn đọc. Sau hơn một thế kỷ "khai hóa" như họ nói, trong số ba mươi mấy triệu dân Việt Nam có được bao nhiêu người nhớ tiếc họ, tiễn đưa họ? Ngay những công chức được họ ưu đãi rất mực, mà lúc đó cũng quay mặt đi, hướng về người Mỹ.

Tôi nhớ một chiều hè năm 1956, một ông bạn tôi, một nhân viên quan trọng trong một bộ nọ, bảo tôi :

— Chúng mình phải ủng hộ ông Diệm chứ không có giải pháp nào khác. Ông là người của Mỹ, Mỹ đưa ông ta

về, mà Mỹ thay Pháp ở đây. Dù sao, tôi nghĩ Mỹ cũng còn hơn Pháp. Trong một thế kỷ nay, Mỹ không có tai tiếng gì ở Đông Á : xâu xé Trung Hoa, xâm chiếm Đông Dương. Miến Điện là Anh, Pháp, Đức, Nhật, chứ không phải Mỹ. Mỹ lại có truyền thống dân chủ. Mỹ lại giàu và mạnh nhất thế giới, chắc "dễ chịu" hơn Pháp. Họ đã bỏ ra bao nhiêu triệu Mỹ kim giúp vào việc định cư 800.000 đồng bào Bắc Việt.

Có thể nói đa số dân thành thị hồi đó, có ít nhiều cảm tình với người Mỹ, như ông bạn tôi.

Thật ra, thiện cảm đã giảm nhiều so với năm 1945, vì trong chiến tranh Pháp-Việt, càng về sau Mỹ càng lộ vẻ ủng hộ Pháp ; nhưng cả những người hận Mỹ ở điểm đó cũng chưa hẳn có ác cảm, mà có thái độ chờ xem, và tò mò tìm hiểu người Mỹ, văn hóa Mỹ.

Rất nhiều người hăng hái học tiếng Anh, đọc những tác phẩm Mỹ dịch ra tiếng Việt : khảo luận về nền dân chủ của Mỹ, văn học Mỹ, lịch sử Mỹ, tiểu sử các danh nhân Mỹ : Lincoln, Roosevelt, Franklin, Thomas Paine, Jefferson..., tiểu thuyết của Hemingway, Steinbeck, Caldwell...

Trước sau được độ dăm chục bản, dịch kém in xấu, nhưng không sai,

đọc cũng được mà rất rẻ. Phong trào đó tương đối thịnh được độ bốn năm năm, rồi thì suy, một phần vì số người viết tiếng Anh, đọc được trong nguyên tác tăng lên, một phần vì có lẽ chẳng có gì đáng dịch nữa.

Nhưng muốn hiểu một nền văn minh thì phải khảo sát xã hội do văn minh đó tạo nên, phải nhìn thấy lối sống, cách xử sự, suy nghĩ của đại chúng, cách họ kiếm tiền, tiêu khiển, bầu cử Tổng thống, dạy dỗ con cái.., chứ chỉ đọc những tác phẩm văn học, triết học nghệ thuật của họ chưa đủ.

Và do tiếp xúc với người Mĩ, chúng ta được biết thêm một khía cạnh sinh động của văn minh Mĩ ngay trên đất nước chúng ta. Từ năm 1960, 61, loại phim cao bồi, nhạc Jazz, và các tạp chí khiêu dâm loại Play boy, ồ ạt xâm nhập Sài Gòn. Nhất là từ khi lính Mĩ qua, mới đầu không đầy trăm ngàn, lần lần tăng lên tới trên nửa triệu. Lính Mĩ qua, dân tộc ta mới tiếp xúc thẳng với người Mĩ, mới thấy rõ được cái mặt trái của văn minh Mĩ, xã hội Mĩ và chịu ảnh hưởng tai hại của văn minh đó. Ngay từ đầu năm 1966, trong một cuộc phỏng vấn, tôi đã nói với nhà văn Nguyễn Ngu Í: «...Tôi chỉ xét về phương diện xã hội thì người Mĩ càng ở đây lâu càng có ảnh hưởng xấu. Có trải qua cái thời này mới hiểu thấu được tâm sự các bậc tiền nhân như Yên-Đồ». Khi in cuốn *Sống và Viết* (của Nguyễn Ngu Í — Ngòi Xanh 1966) đoạn đó bị kiểm duyệt.

Hồi đó tôi đã thấy vậy, nhưng không ngờ được ảnh hưởng của Mĩ ghê gớm như ngày nay.

Họ đã tiêu hai trăm tỉ Mĩ kim, hi sinh năm chục ngàn thanh niên, trút hàng chục triệu tấn bom, làm cho non triệu người mình bị giết, hàng vạn hằng ức mẫu vườn, ruộng, hằng ngàn làng mạc bị tàn phá, gây biết bao cảnh tang tóc, mấy trăm ngàn phế binh, cô nhi, quả phụ, mà rốt cuộc, non mười năm rồi, vẫn không giải quyết nổi chiến tranh này. Cùng quá, họ phải dựng đứng lên vụ tàu Maddox để có cớ dội bom xuống Bắc-Việt, tưởng lần này nhất định sẽ thành công, nhưng sáu tháng sau, họ phải đơn phương xuống thang, nghĩa là tư thú thất bại, mà tìm cách thương thuyết. Thương thuyết mấy năm không xong, bây giờ một mặt họ lo vượt ve Trung Cộng — mới mấy năm trước là kẻ thù số 1 của họ — hi vọng tìm một giải pháp cho Đông-Dương; một mặt họ cấp tốc Việt-hóa chiến tranh, để rút lui. Họ, hai trăm triệu người, một dân tộc hùng cường nhất thế giới, trút cả cái gánh nặng «bảo vệ tiền đồn của thế giới tự do» như họ nói, bảo vệ «tân biên cương của họ» như họ chú trọng, lên vai mười bảy triệu dân Việt Nam mà lại tinh cất hết viện trợ kinh tế nữa, như vậy có khác gì họ chạy làng, đánh trống bỏ dùi không? Lương tâm của họ ở đâu nhỉ? Thẻ diện của họ ở đâu nhỉ?

Lính của họ xả súng vào trẻ em, liệng đá vào xe qua đường mà cười hô hố, cán người rồi đông, mua quẹt,

dâm loạn, nguyền bạch phiến, ăn cắp đồ đồ bán chợ đen... có hơn gì lính của Lữ Hán không ?

Họ tự do ở đâu mà bắn chết mấy sinh viên phản chiến trong một đại học nọ của họ ?

Họ bình đẳng ở đâu mà hai chục triệu công dân da đen của họ bị kì thị tới nỗi phải nổi loạn, muốn lập một tiểu bang da đen tự trị, có kẻ còn muốn trở về Phi Châu ?

Họ dân chủ ở đâu, mà từ Nam Mĩ tới Á Châu, nơi nào họ cũng triệt để ủng hộ những « người hùng » độc tài, chỉ hùng ở miệng đàn áp dân chúng bằng những khí giới hóa học rất tiến bộ của họ ? Và ngay ở nước họ nữa, dân có làm chủ không hay là bọn tài phiệt làm chủ ? Trong mấy chục năm nay, có Tổng thống Mĩ nào mà không nuốt lời hứa với dân không ? Trường hợp điển hình là cựu Tổng thống Johnson bị Bác sĩ Spock mặt sát là mới cầm quyền đã leo thang chiến tranh, trái với lời tuyên bố trong khi ứng cử. Bác sĩ Spock đo đó mà bị nhốt khám.

Ai cũng phải nhận khoa học của họ tiến bộ nhất thế giới, kĩ thuật của họ đã đưa họ lên được cung Trăng, nhưng kĩ thuật chưa phải là văn minh, mới chỉ là một yếu tố của văn minh, còn phải xét xem người ta dùng kĩ thuật để cải thiện xã hội cùng lối sống ra sao rồi mới quyết định là có văn minh hay không. Xã hội Mĩ xét chung, về vài phương diện, tiến bộ hơn xã hội phương Đông nhiều : lợi tức trung bình của mỗi đầu người gấp trăm lợi tức của chúng ta, họ ăn uống no đủ

hơn, có nhiều tiện nghi hơn (xe hơi, tủ lạnh, máy điều hòa không khí, máy thâu hình...) ít bệnh tật hơn, sống lâu hơn, thanh niên đi học nhiều hơn, lâu hơn... Đó là mặt phải của tiến bộ kĩ thuật. Nhưng cũng phải kể thêm mặt trái nữa. Chưa có thể gọi là văn minh được khi những phim, sách, báo khiêu dâm bán đầy đường ; khi ngay trong thành phố New York có những khu mà đêm tối người lạ lơ lạc vô thì ón xương sống vì cái nạn *gangster* (1) ; khi mà bọn tài phiệt muốn ám sát ai cũng được, từ Tổng thống trở xuống ; khi mà việc bài trừ bạch phiến làm xao động cả lương viện ; khi mà chính quyền chỉ dùng vũ lực, khí giới hóa học và tiền bạc để thao túng các nước nhỏ, chỉ viện trợ những đồ thặng dư, không xây dựng một kĩ nghệ nào cả, làm cho bọn tay sai đã giàu lại giàu thêm, dân chúng bản xứ đã nghèo lại nghèo thêm, và tới đâu là gây cái nạn truy lạc tham nhũng, độc tài tới đó.

Nhà kinh tế học Pháp Fourastié rất lạc quan tin rằng sự tiến bộ kĩ thuật sẽ lần lần, vào giữa hay cuối thế kỷ sau, giúp nhân loại trừ được những cái tệ đó. Chắc không ? Bản tính con người trong non hai trăm năm nay, từ khi có cách mạng kĩ thuật đã thay đổi được nhiều không, để cho ta tin rằng trong một trăm nữa sẽ thay đổi hẳn được ? Hay là trừ được cái tệ này lại phát sinh cái tệ khác ? Mà giả sử có trừ được thì không phải chỉ nhờ kĩ thuật — kĩ

(1) Theo tin trên báo ngày 23-4-69, Mĩ có đảng *MAFIA* gồm 5.000 đảng viên và 24 chi nhánh chuyên phá phách giết tước.

thuật và khoa học chỉ là dụng cụ — còn phải nhờ một triết lý, một nhân sinh quan thấm nhuần mọi giới người, nhất là giới chỉ huy, một nhân sinh quan nhân bản, bao dung, hợp tác, chứ không phải thứ nhân sinh quan «cạnh tranh, chém giết nhau để sinh tồn» như của người phương Tây.

Nhân sinh quan đó là nhân sinh quan cổ hữu của phương Đông, của Thích ca, của Khổng tử, Lão tử, của Ki Tô (Ki Tô cũng sinh ở phương Đông). Cho nên chúng ta không lấy làm lạ rằng từ sau thế chiến, một số học giả phương Tây trở lại nghiên cứu văn minh phương Đông, và ở nước ta những tai họa — nhất là về xã hội — do người Mỹ gieo rắc càng tăng lên thì cái xu hướng «trở về nguồn» càng mạnh lên trong một số trí thức, cơ hồ hợp với tâm trạng của đa số dân chúng.

Tôi nhớ năm 1965 hay 1966, khi một số người bắt đầu chỉ trích chính sách của Mỹ ở Việt Nam, một ký giả có tiếng tăm trên một nhật báo nọ mắng họ là cái gì cũng nhờ cậy Mỹ, từ súng đạn, xăng nhớt, tới bơ sữa... mà lại vong ân, chối Mi. Lời đó không khác gì lời một tên bồi Tây, năm 1945, khi Pháp bị Nhật lật, bị người Việt hành hung — sơ sơ thôi — bảo: «Cơm của Tây còn dính trong kẽ răng mà đã vội phản Tây». Nhưng ngày nay, có tờ nhật báo nào là không mạt sát Mi, nhiều khi thậm tệ nữa, mà chẳng thấy ai lên tiếng bênh vực Mi cả. Tại Mi hay tại ta?

Mấy năm trước, tác phẩm của

Krisnamurti được hai ba nhà xuất bản tranh nhau dịch là vì vậy. Sách của Toan Ánh trước thế chiến và mười năm đầu sau thế chiến ít người đọc, lúc đó in liên tiếp và bán khá chạy là vì vậy. Ngay đến bộ giáo dục cũng lập thêm những chứng chỉ Văn minh Việt Nam, mời các ông Lê-văn-Siêu Toan Ánh... đảm nhiệm cũng vì vậy. Cũng vì vậy mà Giáo sư Kim Định xuất bản được trên mười cuốn về triết Đông, về Khổng học, được nhiều sinh viên tin tưởng — chứ không phải chỉ những trẻ em cỡ 13-14 tuổi, các em này không đọc và không đọc nổi sách của ông. Sự phản ứng đó rất tự nhiên; trong lịch sử nhân loại, mỗi sự biến chuyển lớn lao bất kỳ về triết học, văn học, kỹ thuật, tổ chức xã hội,... luôn luôn đều gây phản ứng, mà phản ứng thường là quá khích. Cho nên chúng ta nếu khó chấp nhận được thì cũng hiểu được một thái độ cực đoan, miễn là thái độ đó thành thực, nghiêm trang, chứ không đem văn hóa ra làm một trò hề như nhóm họ Lạc dưới sự bảo trợ của ông Mai Thọ Truyền.

Tôi chưa thấy một người có tây học nào, nhất là theo Ki tô giáo, mà say mê Khổng học hơn các môn đệ chính thống của Khổng nữa, như giáo sư Kim Định. Có lẽ không ai tốn công đào sâu tứ thư ngũ kinh, đưa ra những ý kiến rất táo bạo và mới mẻ như ông. Cách ông giải thích một số huyền thoại của Trung-Hoa, một số tư tưởng của Khổng học, không thể thuyết phục mọi người được,

nhưng chính ông cũng nhận rằng chỉ mới là những giả thuyết. vật thì chúng ta cũng chỉ nên coi là những giả thuyết, không nên coi ông là nhà khảo cứu — ông đã từ chối danh hiệu đó — mà cũng không nên gọi ông là một nhà phê thủy tập sự. (Chúng ta vẫn thường thấy những người đem một ánh sáng mới chiếu vào những học thuyết cũ, điều đó có gì lạ đâu? Có người còn đem học thuyết Karl Marx, cả học thuyết hiện sinh nữa gọt vào truyện Kiều, học thuyết Freud gọt vào thơ Hồ Xuân Hương, đã có sao đâu. Chẳng ai hưởng ứng thì họ cũng phải cụt hứng. Mà biết đâu những lỗi lầm mới mẻ đó mười Phần chẳng đúng được một?

Và nếu có vị nào túy tâm cồ học tới nỗi cho rằng khoa học ngày nay không phát kiến được điều gì mới hơn cồ nhân thì cái lỗi của họ cũng chỉ như lỗi của những người tin rằng khoa học sẽ giải thích được mọi bí mật, giải quyết được mọi việc.

Phe nào mà chẳng có người cực đoan?

Trong lịch sử nhân loại, phe cực không bao giờ thắng được phe tân, nhiều lắm là ngăn cản được trong một thời gian ngắn. Nhưng sự phản ứng của phe cực không phải là hoàn toàn vô ích, nếu chúng ta biết sáng suốt nhận định. Ít nhất nó cũng giúp ta thận trọng đừng nhắm mắt tiến can mà vấp té; tiến mà đừng đoạn tuyệt với dĩ vãng, vì tương lai luôn luôn tùy thuộc hiện tại, hiện tại lại tùy thuộc dĩ vãng, không bao giờ có sự

gián đoạn cả.

Riêng ở nước ta lúc này, phong trào « về nguồn » chẳng những có cái lợi giúp cho thanh niên biết được nếp sống, tư tưởng, xã hội của tổ tiên — những điều mà ở Trung học người ta không dạy — tin tưởng ở sinh lực của nòi giống hơn, có tinh thần tự cường hơn, bớt vọng ngoại.

Hướng hồ, phong trào đó, theo tôi xét, không có hại gì cả.

Những nhà chủ trương « về nguồn », không có ai kém sáng suốt tới nỗi mặt sát khoa học và kỹ thuật, chúng như con dao sắc, vật vô tri; họ mặt sát là mặt sát những kẻ dùng con dao sắc đó để gây tai họa cho Việt Nam và nhân loại; họ vẫn quý cái bề mặt của văn minh cơ giới, nhưng không phải vì vậy mà không thấy bề trái của nó. Và tôi cũng chưa thấy một thanh niên nào đọc những tác phẩm « về nguồn » mà sinh ra khinh miệt kỹ thuật, không tin ở khoa học nữa. Không nên bi-đát-hóa vấn đề làm gì. Cần bình tĩnh, sáng suốt mà nhận định.

oOo

Về phong trào « về nguồn » tôi có hai nhận định dưới đây.

Trước hết là danh từ đó, không biết xuất phát từ hồi nào, dùng không được đúng, gây sự hiểu lầm, nên mới bị phản đối. Chúng ta không ai muốn lợi ngược dòng mà trở về nguồn cả, vì ai cũng biết rằng việc đó không thể được. Từ văn minh nông nghiệp

chúng ta được chuyển qua văn minh cơ giới thì không thể nào trở lui về văn minh nông nghiệp được. Ngay những nhà nông ở trong đồng Tháp Mười bây giờ cũng muốn cơ giới hóa canh nông, dùng cày máy, phân hóa học, máy đuổi tôm, máy bơm... Không một người Việt nào không mong quốc gia phát triển kỹ nghệ cho mau. Những người có nhiệt tâm chỉ muốn thoát li được cái ảnh hưởng tai hại của ngoại nhân, rồi tổ chức lại xã hội ra sao, khéo sử dụng khoa học và kỹ thuật ra sao để tránh được càng nhiều càng tốt những lỗi lầm của phương Tây, lỗi lầm đó theo tôi ở điểm hoặc tự do quá mức tới thác loạn như khối tư bản, hoặc chỉ huy quá mức, tới nỗi cá nhân chỉ còn là một con số không như khối xã hội, và ở điểm này chung cả cho hai khối : quá tôn trọng vũ lực, gây những cuộc chém giết, căm thù, thiếu nhân từ, bao dung.

Vậy, danh từ «về nguồn» có lẽ nên đổi chẳng hạn là «ôn cố» thì có phần đúng hơn và bớt bị phản đối.

Đó là nhận định thứ nhất. Nhận định thứ nhì là các vị chủ trương «về nguồn» từ trước tới nay mới đề cao những nét đẹp cổ hữu của chúng ta, mà chưa đặt vấn đề có thể dung hòa cũ và mới được không, dung hòa cách nào, những cái gì cũ nên giữ, làm sao giữ được. Số người nghi ngờ phong trào «về nguồn» có lẽ không ít nhưng tôi chỉ mới thấy vài người đưa ý kiến trên báo, và bài khiến tôi chú ý tới nhất của một vị tôi quên tên, hình như đăng trên tờ Dân chủ mới, cách đây

vài tháng. Bài đó chẳng có ý gì mới mẻ, nhưng tác giả đã có một thái độ dứt khoát : đại ý là đã theo mới thì phải theo cho tới cùng, mới mau kịp được người, chứ nếu lưng chừng, dung hòa thì chẳng nên cái gì cả, mà thời này, không tiến tức là lui.

Lời đó khiến tôi nhớ lại một cuộc tranh luận sôi nổi ở Trung Hoa khoảng bốn chục năm trước.

Hồi đó Trung Hoa chia làm hai phe mà họ gọi là phe «bình cũ rượu mới» và phe «bình mới rượu mới». Họ tranh luận cả năm trời trên không biết bao nhiêu tờ báo, trong mấy ngàn bài xã thuyết. Một nhà xuất bản lựa những bài xuất sắc nhất, in thành một cuốn dày cả ngàn trang, mà tôi đọc trên ba chục năm trước quên mất nhan đề rồi. Thú thực hồi đó đọc xong tôi chỉ thêm hoang mang, vì phe nào cũng có lý cả, nhưng cũng nhận thấy rằng phe mới, tức phe Âu hóa triệt để mạnh thế hơn. Dĩ nhiên những cuộc tranh luận như vậy chẳng giải quyết được gì, phe nào cũng giữ ý kiến của mình, không bình tâm xét ý kiến của đối phương, chỉ tìm cách đá nhau thôi, mà người đọc thì cũng vậy, chỉ chú ý tới những bài hợp với ý mình, đọc chỉ để tìm thêm những lý lẽ khiến cho những ý mình đã có sẵn được thêm vững. Còn những người không có sẵn chủ trương thì càng đọc càng hoang mang, một số ngã theo phe này, một số ngã theo phe kia, và rốt cuộc lịch sử vẫn trôi theo dòng của nó.

Ngày nay nhớ lại, tôi thấy cuộc tranh luận đó vô nghĩa. Nó sai ngay

ừ cách việc đặt vấn đề. Hình ảnh «bình cũ rượu mới» và «bình mới rượu mới» đẹp quá, tài tình quá, khiến cho họ lạc lối hết. Lí luận thì nên ít dùng hình ảnh, hình ảnh càng quyến rũ thì lại càng phải đề phòng.

Rượu không ảnh hưởng chút gì tới cái bình, trái lại nền văn minh cơ giới ảnh hưởng rất lớn, làm thay đổi nếp sống luân lý của xã hội nông nghiệp, vậy thì làm sao so sánh với nhau được? Mà văn minh cơ giới có thể tạo nên một xã hội mới, một văn minh mới chứ đâu chỉ như thứ rượu mới chứa trong một cái bình mới? Cứ từ hình ảnh quyến rũ đó mà tranh biện nhau về lí thuyết thì làm sao tìm ra được ánh sáng?

Tôi xin đặt lại vấn đề như sau :

Chúng ta muốn gì ?

Cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này các nhà ái quốc Trung Hoa và Việt Nam trong phái duy tân đều hăm hở Âu hóa về khoa học, cơ giới, cho mau bằng họ, hơn họ để đập lại họ (như Nhật) mà rửa cái nhục cho dân tộc, cho giống da vàng. Các cụ không tự hỏi khi Âu hóa rồi thì xã hội sẽ ra sao, không có một ý niệm hoặc chủ trương gì rõ rệt về điểm đó cả, cơ hồ cho việc đó không gấp, cứ Âu hóa đi rồi sẽ hay ; hoặc tin rằng ngoài sự cơ giới hóa ra, xã hội cũng vẫn như thời đó, vẫn là xã hội nông nghiệp theo Nho giáo, không thay đổi bao nhiêu. Chỉ duy có Khang Hữu Vi trong cuốn *Đại Đồng*, là n-hĩ xa, nhưng thuyết của Khang chỉ là một không tưởng,

muốn xây dựng một thế giới lý tưởng cho nhân loại vài trăm năm sau, chứ không xét tới tương lai gần của Trung Hoa (Coi *Đại cương triết học Trung Quốc* của nhà Cảo Thơm — cuốn hạ, trang 695).

Ngày nay chúng ta biết rõ xã hội phương Tây hơn các cụ, bình tĩnh hơn các cụ, không hăm hở diệt tụi «bạch quỷ» nữa, nên chúng ta tự hỏi «Chúng ta muốn gì». Muốn xã hội Việt Nam sau này ra sao? Địa vị của Việt Nam trên thế giới ra sao?

Đúng hay sai, tôi cũng xin trình bày ý kiến của tôi. Từ năm 1965, trong cuốn *Một niềm tin*, chương IV, tôi đã nghĩ mình «đừng nên đua đòi Âu Mỹ... nên rút kinh nghiệm của họ chứ không nên theo đúng con đường của họ...»: rồi trong tập *Con đường hòa bình* (Lá Bối — 1971), tôi đã trình bày rõ hơn :

«Cái tai hại của chúng ta là có mặc cảm tự ti, tủi rằng cái gì cũng kém người, rồi mù quáng bắt chước người, chỉ mong theo gót được người, không dám có một ý muốn riêng của mình, một quan điểm của mình, một đường lối của mình....

«Đã đến lúc chúng ta phải tư tưởng lại.

«Dân tộc ta muốn gì? Có muốn đuổi kịp các nước tư bản như Mĩ, Pháp, Đức không? Dù cho đuổi kịp được — bao lâu nữa? — thì cái xã hội Âu Mĩ sản xuất để tiêu thụ, tiêu thụ để sản xuất có đáng làm mẫu cho ta không?

«Chúng ta muốn xây dựng một xã

hội hoàn toàn bình đẳng, không giai cấp, không có tư hữu chăng ? Nhưng một xã hội như vậy chỉ là ảo tưởng như trên tôi đã nói, và chính Nga theo chế độ Công sản đã chẳng tiến lại gần xã hội đó, mà cứ lùi xa nữa là khác.

« Phải nhận cái thực trạng của mình, cái hoàn cảnh của thời đại, của thế giới : Dù ta có thông minh, anh dũng, kiên nhẫn bao nhiêu thì với số dân đó, trên giải đất này, chúng ta có gắng sức tới đâu cũng không thể thành một trong bốn năm đại cường được. Dù có cái ý tranh bá đồ vương thì cũng không được. Chúng ta chỉ mong sao cỏi được cái ách ngoại quốc, mình làm chủ mình, có thể nhờ cậy người một chút chứ không chịu lệ thuộc ai ; và kiến thiết quốc gia để cải thiện đời sống vật chất của dân, nâng cao tinh thần của dân, đừng có ai giàu quá, nghèo quá, mọi người được tự do tín ngưỡng, tự tưởng mà không loạn, không làm hại tới người khác.» (trg 28-30)

Đó, chủ trương của tôi khiêm tốn như vậy : không tranh vương đồ bá với ai, chỉ lo hạnh phúc cho toàn dân ai cũng đủ ăn, được học hành, tạo được một xã hội ổn định, có trật tự tương đối công bằng, tự do, trọng phẩm cách và cá tính con người.

Chúng ta không ham được là một cường quốc có nguyên tử lực, có hỏa tiễn lên cung trăng, có nhiều thị trường lớn khắp năm châu, có nhiều xe hơi nhất thế giới, có lợi tức

trung bình (tính theo đầu người) cao nhất thế giới, có những xưởng tàu, những nhà máy điện tử lớn nhất thế giới v.v... Chúng ta có những vinh dự khác : đào tạo được nhiều công dân, nhiều bậc cha mẹ, nhiều thanh niên tinh thần lành mạnh, sáng suốt, tự cường, độc lập, biết lãnh trách nhiệm, lễ độ, vui sống, hòa hảo với nhau, trọng người cũng như trọng mình. Tôi cho như vậy mới là văn minh — có những bom khinh khí 5 triệu tấn thuốc nổ, lên được cung Trăng chưa hẳn đã là văn minh — mà khoa học và kỹ thuật chỉ khi nào giúp ta đào tạo được hạng người như vậy thì mới là được khéo sử dụng.

Nhằm mục tiêu đó, không khi nào quên nó, thì ta có thể điều khiển sự cơ giới hóa để nó ít làm hại cho ta, mà ta sẽ tránh được nhiều lỗi lầm của phương Tây.

Nói như vậy có vẻ như lý thuyết quá. Tôi xin đưa vài thí dụ cụ thể.

Tôi thú thật chưa được biết chút gì về xã hội Suède, Norvège, nhất là Finlande. Nhưng một sinh viên du học ở Pháp có dịp đi thăm Finlande, cho tôi hay xứ đó nhỏ hơn nước ta nhiều, dân số hiện nay chỉ vào khoảng sáu triệu, tài nguyên không phong phú: trong thế chiến vừa rồi, bị kẹp giữa Đức và Nga, có lúc phải theo Nga, có lúc phải theo Đức, rốt cuộc hết chiến tranh vẫn giữ được độc lập ; hiện nay tuy hòa hảo với Nga nhưng không theo Cộng mà cũng không bị Nga chèn ép ; xã hội rất có tổ chức, tinh thần gia đình và dân tộc rất đẹp, không có

người nghèo, ngoài đường chỉ thấy toàn xe đạp : xe hơi, cả xe máy dầu cũng rất ít, dân chúng hồng hào, khỏe mạnh, lễ độ và vui sống. Họ cũng cơ giới hóa, dĩ nhiên không thể bằng Đức, Pháp được, nhưng chắc chắn là hơn Việt Nam nhiều, mà không phải lệ thuộc viện trợ của một nước nào, giữ được tinh thần dân tộc. (1)

Trường hợp Nam Tư dưới sự lãnh đạo của Tito, tôi không cần phải nhắc lại, vì độc giả đều biết. Tuy đứng về phía Cộng, mà họ không lệ thuộc Nga, vẫn giao thiệp với phe tư bản, không «cóp» hẳn một mẫu văn minh nào cả, mà được cả Nga lẫn Mi đều nể.

Trường hợp của Trung cộng hiện nay cũng đáng cho ta suy nghĩ. Tờ *Dân chủ mới* trong những số từ 14 đến 20-10-71 dịch một bài của Robert Guillain (trong tờ *Le Monde* nổi tiếng là đứng đắn khách quan) nhan đề là *Trung Hoa sau cuộc cách mạng văn hóa*.

Guillain đã thăm Trung Hoa ba lần : năm 1937 năm 1955 và năm 1971. Lần sau cùng ông thấy bộ mặt của Thượng Hải thay đổi hẳn : Thành phố sáu triệu dân đó, có nhiều xe buýt tối tân chạy suốt ngày đêm và rất nhiều xe đạp, nhưng không có xe hơi, trừ ít xe taxi ; không có cả quảng cáo, gần như không có quán nhậu. «Cái sốt vì tiền không có ở đây» như năm 1937». «Cũng biến luôn cả cái sốt về dục tình», khác hẳn Hương Cảng.

Mới đầu Guillain tưởng Trung Cộng đã thụt lùi, sau xét kỹ lại thì

thấy đó là đường lối mới của họ : họ cơ giới hóa xứ sở «nhưng chú trọng tới vấn đề quân bình», không muốn để đô thị nuốt chửng nông thôn mà muốn «đô thị hóa càng ít càng tốt», tránh được cái nạn ồn ào, kẹt xe, không khí đầy những chất độc ở đô thị, những cảnh tượng «giật gân» ở đô thị. Tóm lại, ông bảo : «Trên tiến trình kỹ nghệ hóa, Trung Hoa giữ khoảng cách vừa đủ để tránh đi vào con đường của Tây phương». Mà như vậy không phải là họ không kỹ nghệ hóa mạnh mẽ : chứng cứ là cây cầu lớn ở Nam kinh bắc qua sông Dương Tử, những nhà máy thép ở Vũ Hán, và những thành công về khí giới hạch tâm của họ.

Guillain công tâm nhận rằng : «toàn thể dân chúng Trung Hoa đã phải ngoan ngoãn tuân lệnh chính phủ và về điểm này, về lâu về dài, Trung Hoa có thể bị công kích : sự tự do cuối cùng bao giờ cũng thắng»

Tôi dẫn những thí dụ đó không phải là có chủ trương noi gương Nam Tư nay Trung Cộng, mà chỉ để chứng minh rằng chúng ta có thể cơ giới hóa mà không nhất định phải theo đúng vết xe của Âu, Mỹ, hoặc của Nga.

Khi ta có một đường lối riêng, một kế hoạch riêng thì dĩ nhiên về một số hoạt động nào đó, chúng ta tiến chậm

(1) Miến Điện hiện nay muốn khỏi bị lệ thuộc Mi, lệ thuộc Trung Cộng hay Nga, cũng can đảm sống khắc khổ : ngay tại thủ đô cũng rất ít xe hơi, không có xe máy dầu mà toàn ô-tô buýt. Buôn bán không tập nập vì thương mại đã quốc doanh hóa ; nhưng nạn chợ đen rất hiếm, mà không có những kẻ làm giàu trên xương máu kẻ khác.

hơn họ : chẳng hạn, rất ít dùng xe hơi như Finlande, Trung Cộng thì kĩ nghệ sản xuất xe hơi và những kĩ nghệ liên hệ không thể phát triển mạnh được ; nhưng không phát triển về mặt đồ, chúng ta có thể phát triển về mặt khác. Ta có thể tin rằng một ngày kia Trung Cộng là nước sản xuất nhiều xe máy hoặc máy cày, máy bơm rẻ nhất, tiện nhất thế giới. Cái gì có lợi thì cũng có hại ; vấn đề là lựa chọn những kiến thiết, cải cách nào hợp dân tộc, thời đại và mục đích của mình.

Bảo hế Âu hóa thì phải triệt để, nếu không thì phải thủ cựu cũng triệt để, không thể lưng chừng được, là lí luận theo nguyên tắc triệt tam (principe du tiers exclu). Việc đời không như vậy : hế không đen thì trắng, không cộng sản thì tư bản, không tự do thì độc tài. Những người nhiệt tâm thường cực đoan, chê thái độ trung dung là nhu nhược, nhưng trung dung mới là sáng suốt, hưởng được cái lợi có thể là ít hơn nhưng tránh được cái hại. Trung dung thì thường tiến không được mau, nhưng tiến mau quá thì vấp vấp, thất bại, có thể gây nhiều sự bất mãn, rồi phải đàn áp, thanh trừng. Hế thoát được cái ách ngoại nhân rồi thì chúng ta cứ thận trọng, ung dung mà tiến, trong vài chục năm, xã hội được như Finlande chẳng hạn cũng là tốt rồi. Dĩ nhiên, muốn vậy thì phải đứng đề cho ngoại nhân xen vào việc của chúng ta, phá chúng ta. Cái đó tùy thuộc một phần ở tình hình thế giới, nhưng một phần vẫn là tùy thuộc nơi ta. Và tôi tin rằng thời này

các cường quốc không dễ gì ức hiếp các nước nhỏ như trước nữa : gương Finlande và Nam Tư đấy.

cOo

Nửa tháng trước Thượng viện Mĩ, Quốc hội Mĩ muốn cắt hết viện trợ kinh tế cho ta. Tôi thấy nhiều người đã không tỏ vẻ lo lắng mà cơ hồ còn vui nữa. Đó là một điều khích lệ. Chúng ta đã thấy cái hại của chính sách viện trợ Mĩ ; bao nhiêu kẻ đã bán linh hồn vì Mĩ kim, tự cô lập hệ Mĩ kim còn ghê hơn sự đô hộ bằng vũ lực.

Những người đó nói (có người viết cả trên báo nữa) : họ cứ rút hết quân đội, cả cố vấn của họ đi, cứ cắt hết viện trợ đi. Chúng ta chỉ yêu cầu họ bồi thường chiến tranh cho ta : trên 15 năm chúng ta đã đổ bao nhiêu xương máu để bảo vệ "cái tân biên giới của họ" thì họ phải kiến thiết lại cho ta, nuôi thương phế binh, cô nhi quả phụ cho ta.

Họ với ta tiếp xúc với nhau bấy lâu đủ quá rồi, tới lúc nên vĩnh biệt thôi, không thêm nhận một chút viện trợ nào của họ, và của bất kì một thực dân nào khác. Cái rủi sẽ thành cái may. Đây là cơ hội duy nhất để ta tự lập, tự túc, tự cường.

Sẽ xáo trộn trong ít tháng, rồi toàn dân sẽ buộc bụng, bất quá như hồi tân cư kháng Pháp là cùng. Lúc đó chúng ta mới thực sự có một chính quyền của chúng ta, không lệ thuộc người : hết đô la thì hết bọn gia nô, hết bọn tham nhũng. Trong canh cực khổ, chúng ta sẽ đoàn kết với nhau được, giải quyết mọi vấn đề trong tình

hòa hảo với nhau được. Nhà cầm quyền sẽ sống như dân, chia xẻ gian lao với dân. Những người đã làm giàu trong chiến tranh sẽ tặng quốc gia 60% tài sản (như Anh khi thế chiến chấm dứt), cựu du học sinh còn làm việc ở ngoại quốc sẽ gởi một số lương về, và những người có trương mục Ngân hàng ngoại quốc sẽ rút ngoại tệ để gởi về. Trong tai nạn chung, mọi người mới biết nắm tay nhau kiến thiết quốc gia.

Và lúc đó chúng ta mới xét lại những giá trị cổ cùng những giá trị mới, tìm một đường lối riêng cho Việt-nam.

Trong những giá trị cổ, có những giá trị căn bản chung cho nhân loại như nhân, trí dũng (hay bi, trí, dũng) hề còn loài người thì còn được tôn trọng.

Lại có những giá trị tuy cũng phổ biến, nhưng nhiều dân tộc khác không coi trọng như phương Đông chúng ta, vì vậy gần như có thể coi là của riêng chúng ta; như tinh thần bao dung, không kì thị, không căm thù, hòa nhi bất đồng, tinh thần trung dung, tránh sự cực đoan, tinh thần nhân bản, trọng sinh mạng hạnh phúc của con người hơn ý thức hệ — «đạo không bao giờ xa người».

Rồi những đức như lễ, nghĩa, liêm sỉ, nhất là thành tín, mà chỉ có Khổng giáo là đặc biệt coi trọng. Có bao nhiêu chính khách phương Tây biết giữ sự thành tín ngay đối với quốc dân, chứ đừng nói với ngoại quốc nữa.

Chúng ta đã nhiễm cái thói gian xảo quỷ quyệt của họ.

Vấn đề tu thân rồi mới trị quốc nữa, ngoài Khổng tử ra có ai nghĩ tới không, hoặc nói mà nhấn mạnh không? Khắp thế giới có một nước nào đạo tạo các chính khách, các nhà hành chánh theo qui tắc đó không? Chúng ta sẽ thay đổi chương trình của trường Quốc gia hành chánh, chú trọng vào sự rèn luyện tinh thần của sinh viên.

Hiếu cũng là một đức Khổng giáo luôn luôn nhắc tới. Quan niệm về hiếu đã thay đổi, không còn hẹp hòi như xưa nữa, nhưng tôi không muốn thấy cha mẹ về già phải xa con cháu mà vô ở những viện Dưỡng lão hay viện Tế bần, dù cho những viện đó có đầy đủ tiện nghi. Có phụ cấp cho vợ thi tại sao không có phụ cấp cho cha mẹ già. Người già mà không có lợi tức tại tại sao không trích trong quỹ an ninh xã hội một số tiền để giao cho người con nào lãnh nhiệm vụ phụng dưỡng cha mẹ?

Chế độ đại gia đình — tứ đại, ngũ đại đồng đường — không thể tái lập được nữa, mà cái đạo tam tông cũng phải bỏ; những cái đó chỉ hợp với xã hội nông nghiệp, ngày nay có muốn duy trì cũng không được.

Chế độ tôn ti hồi xưa cũng quá khắt khe, nhiều khi làm mất phẩm giá con người, nhưng hề còn xã hội thì luôn luôn còn kẻ trên người dưới, Bình đẳng tới cái mức như phụ nữ Mĩ ở Chicago biểu tình phản chiến mà chữ Nixon trước khách sạn Hilton

là «con heo phát xít» «con heo kỳ thị chủng tộc» (tin Hoa Thịnh Đốn ngày 10-11-71) thì tôi cũng không ưa.

Có thể mắng ông ta là khát máu, giết sinh viên phản chiến chứ gọi ông ta là *con heo* thì tệ quá.

Học sinh có thể phản đối thầy nếu thầy thiếu tư cách, nhưng đánh đập thầy, giết thầy là loạn, chứ không phải bình đẳng, tự do. Truyền thống trọng thầy như cha là một truyền thống đẹp. Và muốn giữ được truyền thống đó thì ông thầy phải có tư cách (chương trình đào tạo các giáo chức cần phải sửa lại, cả cách tuyển lựa cũng phải xét lại) và phải được xã hội tôn trọng.

Ngày xưa sĩ đứng hàng đầu, thương đứng hàng chót, ngày nay giá trị đã đảo ngược, giáo chức nghèo hơn hết, bị coi rẻ hơn hết, mà bọn thương nhân làm giàu mau hơn hết, sang hơn hết: như vậy là quý trọng đồng tiền hơn học thức và đạo đức, không thể gọi là văn minh được. Không nên quá trù đãi hạng sĩ, không nên ức thương, nhưng cũng không nên đề cho kẻ sĩ đói (1) mà bọn thương nhân kiếm tiền dễ dàng quá, phung phí quá, tiêu bốn năm triệu bạc trong một đám cưới.

Tinh thần dân chủ của phương Đông chúng ta từ đời Xuân Thu đã rất cao: «ý dân là ý trời»; ngày nay tiến bộ nhất là lệ trưng cầu dân ý, mà chúng ta chỉ mới thấy thực hiện một cách đúng đắn ở Pháp dưới thời De Gaulle. Còn ở Mi thì tuy rêu rao là chính quyền của dân, do dân, vì dân

mà sự thực là của tư bản, do tư bản, vì tư bản: Nước ta đã có hiến pháp của họ: kẻ nào không phải là triệu phú ức phú, hoặc không được một bọn tài phiệt ủng hộ thì làm sao có đủ tiền ra ứng cử dân biểu, và bọn đó khi trúng cử rồi làm sao không khỏi thành gia nô hoặc tên buôn lậu? Phải sửa đổi lại hiến pháp sao cho chỉ người nào đã có thành tích giúp dân mới được đại diện cho dân. Tổ chức làng xã của mình trước thời Pháp thuộc, cần phải nghiên cứu lại và có lẽ còn có thể áp dụng trong thời đại này.

Tôi nghĩ rằng xã hội của ta trước khi bị người Pháp thao túng, có thể dân chủ hơn ngày nay. Nhiều nhà Nho, được dân làng đề cử làm tiên chỉ, làm cố vấn gần như tôn sư cho dân làng, và bọn cường hào không dám hoành hành. Là vì hồi đó người ta còn trọng đức hơn trọng tiền. Ngày nay, ngay ở những nước tân tiến, một đa số rất tương đối có quyền đàn áp thiểu số chỉ kém có vài ngàn lá thăm, bằng những khí giới hóa học. Lại có trường hợp một thiểu số (34%) đàn áp đa số (66%) mới lạ lùng nữa! Quý tộc thiểu số phải phục tùng đa số cũng phải xét lại.

Nhất là cách thức tranh cử Tổng thống ở Mi sao mà lỗ bịch! Người ta mượn những ả bạn một chiếc áo bó sát người bằng một thứ hàng in những chữ *I like Ike* (Em «khoái» anh Ike

(1) Hiến điều tra của Tuyết Sinh về Giáo sư Tư thực (trên Dân Chủ mới tháng 11-71) đưa ra ảnh sáng tình cảnh tồi tệ không tưởng tượng nổi của đa số nhà giáo, chỉ ở VN mới thấy được.

— tức Eisenhower) ở trước bộ ngực thỏ thẹn và trên bộ móng ngoe nguẩy, uốn ẹo đi dạo khắp thành phố New York, mắt đưa tình và miệng cười duyên để tuyên truyền cho “anh Ike”. Tôi đã nhìn thấy cảnh đó trên màn ảnh. Nhưng trò biểu diễn đó chỉ trở trên thôi, trò độc diễn đã trở trên mà còn tại hại nữa.

Về kinh tế, theo chế độ tự do không được, có lẽ nên theo một chính sách trung dung, mà người Pháp gọi là *économie concertée* : Chính quyền và các nhà kinh doanh, các đại diện của dân hội nghị bàn tính với nhau để cùng định một kế hoạch.

Quan niệm nhân của cổ nhân không hợp thời nữa vì nó ngăn cản sự tiến bộ. Thực ra đạo Khổng không bao giờ khuyến khích sự sống nhân cả—đó là tư tưởng của Lão, Trang — mà chỉ một số nhà Nho phóng túng mới ham sống nhân, chứ bình dân phải làm việc tối tăm mặt mũi, đâu có sống nhân được. Nhưng thái độ day tay mồm miệng để làm giàu của phương Tây, sản xuất cho nhiều để tiêu thụ, rồi phải tiêu thụ một cách phung phí để sản xuất, mà thợ thuyền mới có công ăn việc làm : áo chưa rách, chưa cũ đã liệm đi, đồ dùng hư thì không sửa, mua thứ mới, có xe hơi kiểu 1971 thì không dùng kiểu 1970 nữa, thái độ đó tuy làm cho sự sản xuất, cho kỹ nghệ mau tiến, nhưng cũng dễ làm hư con người, sinh ra quý trọng đồng tiền, ganh đua về vật chất. Trong giai đoạn kiến thiết, chúng ta phải tiết dục, sống khắc khổ,

nhưng cả khi kinh tế đã thịnh vượng rồi, chúng ta cũng nên có một lối sống riêng, không đua đòi Âu Mỹ làm gì.

Có nhiều phong tục tuy đẹp nhưng chỉ thích hợp với xã hội nông nghiệp, ngày nay cũng phải bỏ hoặc giảm đi, sửa đổi đi. Sự cúng giỗ tổ tiên trong nhiều gia đình ở thành thị đã giản dị hơn xưa nhiều, vì con cháu mỗi người làm ăn ở một nơi xa mà ai cũng bận mưu sinh. Và ai có thương nhớ gia giết cái Tết thời tiền chiến như Vũ Bằng, các hội hè đình đám mùa Xuân như Toan Ánh thì cũng không thể nào vẫn hồi những tục lệ đó, không thể bỏ cả tháng chạp để chuẩn bị cái Tết và cả tháng giêng để vui Xuân được nữa.

oOo

Tuyển lựa một số giá trị cũ để duy trì, nhưng đồng thời cũng phải biết tôn trọng một số giá trị mới : đứơc tin ở sự tiến bộ, tinh thần học hỏi, làm việc tích cực và có phương pháp, óc phán đoán sáng suốt và khách quan, nhìn xa hiểu rộng, đức công tâm, đoàn kết... nếu không thì không thể tiến được, mà càng mau lụn bại. Chúng ta đã có hai tấm gương tây tiếp rồi đấy.

Vào khoảng 1935—1940, Tưởng Giới Thạch và Trần Lập Phu (lí thuyết gia của Quốc dân đảng Trung Hoa) rồi vào khoảng 1958, Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu (lí thuyết gia của nhà Ngô) cũng đề cao, hô hào những giá trị cũ của Khổng học, nhưng bọn trên chỉ 14 năm sau phải nhục nhã cuốn gói qua Đài Loan,

bọn dưới chỉ 5 năm sau phải mất mạng, vì họ phong kiến quá. coi những giá trị cũ như những bùa hộ mạng, mà không thực tâm cải tạo xã hội cho dân được tiến bộ, lại còn đàn áp, thủ tiêu những người tiến bộ lo cho công bằng xã hội nữa.

Tôi không dám có tham vọng lập một chương trình kiến thiết quốc gia cải tổ xã hội, chỉ nhân có phong trào «về nguồn» mà xét lại một số giá trị cũ và mới và gợi ý về ít điểm như trên thôi.

Tôi xin tóm tắt lại : chúng ta cần biết mình muốn gì và phải có can đảm sống khác người, suy tư lại hết từ chính trị, kinh tế, tới giáo dục, phong tục, nhân sinh quan...

Nếu chúng ta vạch được một con đường đại khái theo những qui tắc trên, tự tạo một xã hội cho ta mà chẳng cần một chút viện trợ nào của ngoại nhân, thì chỉ trong 10 năm, thế giới sẽ ngưỡng mộ dân tộc hơn là dân tộc Do-thái và các nước Á, Phi, Nam Mỹ sẽ lấy ta làm gương. Cái vinh quang của chúng ta ở đó, chứ không phải ở chỗ làm một tiểu cường

hạng ba hay hạng bốn ở Á Đông, hạng hai mươi hay mười một ở thế giới.

Tôi nói mười năm thì sẽ được thế giới ngưỡng mộ. Trong mười năm đó chỉ mới gây được nền tảng cho xã hội mới thôi. Muốn thành một nếp sống thì cần vài thế hệ. Cứ xét từ nếp sống cũ của các cụ thời xưa, tới nếp sống mới của thanh niên ngày nay, cũng mất trên nửa thế kỷ; vậy theo con đường mới, tiến mau lắm cũng phải ba mươi năm. Làm sao cho các chính quyền nối tiếp nhau trong thời gian đó vẫn giữ một đường hướng, mà tránh được cái tệ độc tài? Đó là điểm cần lưu tâm tới nhất.

Có lẽ nhiều vị sẽ cho tôi là ảo tưởng. Nhưng tôi đã quá ghê tởm bọn thực dân hết Tàu, Tây, Nhật rồi tới Mỹ cho nên tôi muốn một gột rửa cho sạch cái óc nô lệ, mỗi một lần cho hết cái nhọt thực dân mà xây dựng lại hết cho các thế hệ sau này.

(Sài Gòn 1-12-1971)

NGUYỄN HIỂN LÊ

NHÀ XUẤT BẢN

TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn-Thiện-Thuật — SAIGON

Đ.T. : 92.017

*Kính chúc thân hữu và bạn đọc Bách Khoa một
Xuân Nhâm Tý thanh bình và thịnh vượng.*

Bách Khoa và người tù



Tôi còn nhớ. Ngày mà chúng tôi bị đưa ra Côn-đảo đúng là ngày Thanh Minh năm Mậu-Tuất (1958). Bạn đọc có lẽ cho rằng tôi phải có một trí nhớ phi thường lắm, mới dám nói quả quyết rằng ngày đó là ngày Thanh Minh. Song thú thật, trí nhớ của tôi không có chi là phi thường cả. Nhưng, mỗi khi tôi thấy cần ghi khắc một điều chi vào óc, thì tôi dẹt một mớ ấn tượng mãnh liệt. Đề rồi, ngày sau, khi cần phăng lại điều đó, thì chỉ cần cứ vào những ấn tượng ấy mà moi lại trong trí.

Năm ấy là năm Tuất. Bởi lúc ấy, nằm trong tàu chạy xình xịch, tôi cảm thấy sự trùng phùng giữa tuổi tôi (Canh Tuất) với năm bị đưa ra Côn đảo. Rồi tôi sáng tác ra một câu chuyện «Sổ chớ», sau này có chép lại mà đăng trong *Hòa Đồng*. Và đề đánh dấu ngày bị đày, tôi lại nhìn nhận sự trùng phùng với ngày Thanh Minh, và từ đó mà so sánh thân phận mình với thân phận nàng Kiều. Ngày

xưa, vào ngày ấy, vào tuần đổ lá, Kiều du Thanh Minh mà dự vào hội Đạp Thanh. Ngày này, tôi không «đổ lá», mà đổ xem cuộc tranh đấu giữa anh em họ Ngô Đình với tôi, ai thua ai được. Tôi không «đạp thanh», mà ngày đêm chơn thầy đều gát lên còng sắt... Và ngày Thanh Minh, theo tin tưởng của người Phương Đông mình là ngày người dương kẻ âm gặp gỡ nhau. Thì cũng như thế, tôi kẻ kẻ ở đất liền là «kẻ dương» và chúng tôi ra Côn-sơn, thì kẻ như đi vào «địa ngục».

Dài dòng như vậy, trước là mách cho các bạn trẻ có một «phương pháp nhớ». Sau nữa đề vô đề cho bài này.

oOo

Dằng dặc hơn một năm, mười anh em bị án tử hình trong vụ chúng tôi quả là sống trong cảnh «địa ngục». Khởi đầu, chúa ngục là Paul Hiền lột trần truồng hết, tịch thâu quần áo, mũ, mền, khăn, rồi phát cho mỗi đứa một bộ đồ tù bằng vải hột dền xanh. Kế đó, ra lệnh cạo đầu láng bóng cả. Trào phúng (và nhớ lại chuyện Phật Thầy Tây An bị triều đình Huế ra lệnh cạo đầu), tôi nói:

— Cạo đầu, thì tôi chịu cạo. Nhưng cho tôi xin để bộ râu.

— Để râu chi vậy? Paul Hiền hỏi.

— Chi vậy? một người phụ tá của Paul Hiền tiếp lời.

— Đẽ tỏ ra rằng tôi vẫn trung thành với vợ !

Paul Hiền cười hớ hớ và chấp nhận. Nhưng không hỏi nữa. Nếu mà hẳn hỏi nữa, tôi đã sẵn có câu trả lời rằng chính là lúc mình bị ở tù, sinh lý giày vò, mới mơ nầy tưởng nọ mà « ngoại tình » nhiều hơn là lúc mình được tự do ở ngoài đời. Nên tôi phải tự kềm.

Từ ngày ấy, chúng tôi bị cắt đứt mọi liên lạc với bên ngoài phòng. Ngay anh tù burn; cơm cho chúng tôi ăn cũng phải tuột luốt cả quần áo, múa phụng hoàng há miệng, chồng khu đề cho xét coi có giấu thư từ gì cho chúng tôi không ? Đương nhiên là chúng tôi không được phép đọc thư từ, sách vở chi cả.

Một năm như vậy trôi qua.

Năm sau, cũng vừa qua khỏi tiết Thanh Minh, hơn có một anh thường phạm là Hoàng Hưng phát điên, tôi bị truyền nhiễm mà « phát khùng » theo. Tôi tuột cả quần áo, hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ, kêu đích danh hai anh em Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu mà chửi. Chửi có văn, có chương, có thanh, có tục. Có lẽ các bà già mất gà ngoài Bắc phải chịu thua tôi. Có nhiều bạn sợ e rồi hai anh em Diệm-Nhu « phát khùng » đem tôi ra bắn, mà họ bị vạ lây. (Vì họ nghĩ rằng cái án tử hình của chúng tôi mà Diệm-Nhu không đem ra hành quyết, ấy bởi vì là tôi như một cục xương to mà hai anh em nuốt không trôi thôi).

Cười luôn như vậy hai mươi một ngày.

Hai anh em Diệm-Nhu gọi người ra điều tra xem tôi « điên giả » hay « điên thật ». Chuyện ra sao, tôi không biết. Song lệnh ra dạy tỉnh-trưởng thả công, cho chúng tôi đi tắm biển, và sống một đời « tù ông »...

Và trước khi anh em được cái « ân huệ » chung ấy, tôi được hưởng « đặc ân » cá nhân. Là được kêu lên lãnh mấy thùng đồ do bên ngoài gửi cho. Từ một năm nay, theo mỗi kỳ tàu, gia đình chúng tôi có gửi ra ít nhiều. Nhưng gửi ra bao nhiêu đều chỉ cho lấy đồ ăn, ngoài ra bị tịch thu cả. Bấy giờ, nhờ cuộc « tranh đấu » điên khùng của tôi đó, mà tôi được gọi lên văn phòng mà lãnh những gói đồ cùng ra với chuyến tàu đó.

Gói nhỏ thứ nhứt từ Ba-lê gửi về bằng đường hàng không. Một hộp xinh xắn chứa sô-cô-la bên trong có rượu rum, món quà mà người Âu-châu thường tặng nhau vào dịp Pâques. Người gửi là một bà nha sĩ mà tôi làm quen ở Hà-nội năm 1945. Gói thứ hai là một gói sách của tạp-chí *Preuves* gửi cho, độ mười số của tạp chí nầy và chừng chục quyền sách. Gói thứ ba là một gói sách, vào chừng vài chục số *E-pirit* và vài cuốn sách do ông Domenach, Giám đốc tạp chí gửi cho. Sau cùng là một thùng thiếc của nhà gửi, đựng phần nhiều là đồ ăn. Và mấy số *Bách Khoa*, trên ấy có chữ của Nguyễn Hữu Ngự viết li ti.

oOo

Ngày ấy là ngày tôi được nhận sách và báo đầu tiên, sau hơn một năm ở trong « địa ngục ». Tôi không phải là thi sĩ. Nhưng tôi thường có con mắt

nhìn của nhà thơ. Hôm ấy, tôi thấy tôi được một « phái đoàn » và là phái đoàn đầu tiên, đến viếng tôi, ngay trong cảnh ngục. Vinh hạnh cho tôi là tôi nghe được tiếng nói của những nhà văn, những nhà trí thức nổi danh, tác giả của những sách và báo gởi tặng.

Quen cũng có. Như nhà văn trứ danh nước Ý, là Ignace Silone, vài năm trước đây đã cùng tôi đứng trong nhóm Zimmerwald, do hai người bạn cũ của Lénine, là Monatte và Rosmer, sáng lập. Nghe tiếng nhau cũng có, như Djilas ở Nam Tư. Phần đông là các nhà văn trẻ đang lên. Trong mấy chục số *Esprit* và *Preuves* có lắm bài thú vị, do những cây bút cừ ký tên. Ở tù thiếu thốn trăm bề, cái gì cũng thêm. Những tù trí thức càng rất thêm món ăn tinh thần. Trong số chúng tôi, có nhiều bạn giỏi tiếng Pháp. Anh em chia nhau mỗi người một số sách báo đề lặt mà xem thái. Anh Trần Văn Ân rất sành quyền *La Nouvelle classe dirigeante* của Djilas, nên tôi biểu luôn cho anh Nguyễn Thiên Phương, sau này ra ngoài đời, ngộ hỏa hoạn mà chết, thì ôm tiêu thuyết *L'or de la République* của Duvignaud để quên cảnh đời tù đầy.

Tôi lại háu đọc những nhà văn của ta hơn. Và nhờ *Bách Khoa* giới thiệu, mà tôi nhận diện được vài gương mặt mới trong cái « phái đoàn » đến chúng tôi. Đề nói lên rằng tôi không phải có một trí nhớ phi thường, tôi xin thành thật mà nói rằng những gương mặt ấy thật đông, nhưng lần lần nhòa hết trong trí tôi, nên hiện nay, tôi

không còn giữ được ấn tượng về những tên đã ký. Nhưng mà có hai tá: giả đã làm cho tôi chú ý đặc biệt.

«Bình Nguyên Lộc» hẳn là một bút hiệu. Chớ đâu có họ Bình ? Lại phải là một người dịch theo lối trào phúng của hát bội miền Nam. Chớ «Đồng Nai» đáng lý phải dịch là «Lộc dã» mới đúng cái điệu của *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Do đó mà tôi tò mò theo dõi nhà văn nào mà chắc chắn quê quán ở ven sông Đồng Nai.

Võ Phiến mang lại cho tôi màu sắc của tỉnh Bình Định mà từ bao giờ tôi chưa có dịp đến viếng. Từ thuở bé, tôi thường nghe những nông dân từ vùng này, theo ghe bầu vào Nam tìm sanh kế, họ không ngớt khoe cá lúi và bánh tráng của xứ vị anh hùng Nguyễn Huệ. Nên tôi có cảm tình ngay với Võ Phiến...

Về sau, phân tích kỹ lại vì sao tôi chuộng hai nhà văn này, mà quên các tác giả khác. Lý do rất là giản dị. Trong những cái thêm của người tù, cái thêm đứng đầu là thề n ăn. Từ thuở bé, tôi quá nghe quảng cáo về cá lúi và bánh tráng Bình Định. Cái thêm đã nằm trong tiềm thức. Vào tù, ước mơ ấy lại bị phóng đại lên cả muôn lần. Nhiều lượt, nằm chiêm bao thấy được bạn đãi mình một bữa cơm cá lúi, xong lại ăn buổi Biên Hòa tráng miệng. Nó đã khuấy làm sao ! Thảo nào không thiên vị đối với Võ Phiến và Bình Nguyên Lộc !

oOo

Khách quan mà nói, người tù chỉ

sống được có phân nửa. Mọi người đều có quyền hưởng «tự do», nếu được tự do. Người tù, mất tự do, chỉ có quyền ngủ và ăn. Ở trước, tôi đã nói người tù thêm ăn đến bực nào. Thêm ăn cho đến đôi mắt công bình, quá thiên vị khi thưởng thức văn chương của kẻ khác. Còn việc thêm cái «khoái thứ tư», thì đến nay chưa có nhà văn nào, đã bị ở tù, rồi viết rõ và phân tích lại. Gần đây, báo chí đăng chuyện một anh tù Mỹ tha thiết yêu cầu người yêu, dấu cho mình cái ảnh khóa thân của nàng.

Ai thì tôi không biết. Riêng tôi biết tôi. Và vợ tôi cũng biết tôi. Chỉ khi nào tôi ở tù là tôi «trung thành» với nàng đến 200%. Bởi vì, chỉ có khi nào tôi bị ở tù, là nàng mới có độc quyền gói thức ăn cho tôi và độc chiếm giấc mơ của tôi. Còn hễ tôi được «tự do», thì tôi thường được các bóng hồng khác săn sóc. Việc tôi xin Paul Hiền đề râu cũng trong chiều hướng đó.

Nói như vậy, đề nêu lên cái ý rằng *Bách Khoa* không phải là một tờ báo đề tặng cho người tù đọc. Người tù chờ đợi những câu chuyện tình sôi bỏng, hấp dẫn. Nên chỉ mấy số báo không được ai mượn đọc. Ở tù, thì mau già. Vào tù mà đọc *Bách Khoa*, càng mau già thêm. Sau này, *Bách Khoa* phá lệ mà đăng *Vòng tay học trò* của Nguyễn Thị Hoàng, ắt được độc giả tù thưởng thức hơn. Phải chăng hồi Vũ Hạnh?

□□□

Một năm sau đó, như đọc một bài phê bình bài thơ của Phan Văn Hùm «nhấn vợ», tôi thấy có lắm điều thổ ngộ. Tôi bèn viết một bài khá dài đề thuật lại ý nghĩa bài thơ, mà chính Phan Văn Hùm đã kể rõ cho tôi nghe, khi anh em cùng lánh nạn ở Bì Lợi Thị.

Vài hôm sau, như có tổ chức một buổi hát cho tù xem, ông Nguyễn Kim Sáu, lúc ấy làm công chức tại ngân khố Côn Sơn được vào. Tôi lén đem bài ấy mà nhét vào tay ông, trong bóng tối, và tha thiết nhờ ông gửi đăng vào *Bách Khoa*. Mặc dầu bài ấy ký với bút hiệu, ông Nguyễn Kim Sáu e rằng người ta có thể phăng ra manh mối, nên cắt kỹ trong hồ sơ, mà bài này không được chường ra mặt độc giả.

Mười năm trước đó, tôi có viết hai câu thơ:

*Có lúc không mong mà lại được
Lắm khi chờ đợi hoá ra sai.*

Tôi chờ đợi cho bài văn về Phan Văn Hùm được đăng lên *Bách Khoa*. Thế mà sai! Nhưng trong trường hợp sau đây, chính là tôi «không mong mà lại được».

Số là năm 1963, chế độ Ngô Đình đảo. Nhưng mà đứng trước cao trào Hoa Kỳ chống trung lập kịch liệt, tôi nghĩ rằng ngày ra tù của tôi còn xa, nên có gởi một mớ bản thảo ra ngoài trước, đề cứu chúng nó khỏi cái nạn làm mồi cho mối ăn, như bao nhiêu tác phẩm mà tôi đã

chịu khó viết ròng rã trong năm năm trường.

Một hôm, khi được đưa về đất, mà còn bị giam tại Chí Hòa, anh Lê Ngộ Châu đích thân vào thăm tôi tại khám với số *Bách Khoa* vừa đăng bài thứ nhất của loạt bài *Trăm Tư của một người tội tử hình* của tôi. Suýt soát đã đếm được năm năm, từ ngày phái đoàn nhà văn do tạp chí này hướng dẫn đến viếng tôi tại Côn

đảo. Và cũng từ lâu, tôi chờ đợi thấy bài của tôi ra mắt độc giả trên tạp chí này. Thế mà « không mong lại được, chờ đợi hóa sai ».

Đời của tôi không biết bao lần chìm nổi. Mà chẳng lần nào do tôi tự chủ trong quyết định. Sự giao thiệp giữa « *Bách Khoa* và người tù » là một bằng chứng vậy.

HỒ HỮU TƯỜNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

KN Số: 78 MBYT/QCPD

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Bách Khoa, nơi từ đó...

Nếu bây giờ có ai hỏi tôi «xuất thân» từ đâu, tôi sẽ không ngần ngại mà trả lời : «Từ lò Bách Khoa »

Tôi nói lên điều trên không phải vì đây là bài viết đặc biệt cho Bách-Khoa hay vì anh chị C. vốn có một đặc tính biểu khách rất đáng phân nân đôi khi, vì ai đã thường lui tới Bách-Khoa đều cảm thấy những thăm hỏi mà anh chị C. dành cho người nào cũng như người nào, rằng mình không phải là thứ gì đặc biệt cả, song cũng chính vì vậy mà mỗi người tới Bách-Khoa đều cảm thấy nơi đó có một không khí gia đình đặc biệt. Tôi viết vì cảm thấy có bốn phận, cái bốn phận của một phần tử trong gia đình, nhân ngày giỗ kỷ niệm, không thể không trở về họp mặt với một món quà để góp mặt, bù vào những ngày lo lăm ăn buôn bán ở phương

xa...

Thỉnh thoảng có dịp ghé qua tòa soạn Bách Khoa, khi vui miệng kể về sinh hoạt hiện tại của mình, về những dự án tương lai, về những chuyến đi đã hay sắp tham dự, tôi thường bắt gặp trong đôi mắt của anh chị C. một tia lóe lên thích thú. Rồi nhân lúc câu chuyện tạm ngưng, thường là chị vừa cười vừa nói :

« Chồng thật. Mới ngày nào, hồi cô mới tới chơi với chúng tôi cách đây bảy tám năm, tôi còn nhớ cô mặc cái áo dài hàng Nilfranc màu rêu, tay cầm cái bóp nhỏ bằng bàn tay, tóc cắt ngắn

không uốn và cô cũng không cả dùng phấn son... trông đến là thơ ngây.»

Đang xuềnh xoang nói cười về những dự án tương lai, nghe nhắc lại cái thừa «khi ấy em còn thơ ngây», tôi không khỏi hơi thấy ngượng, nói chữa :

— Thì chị thấy bây giờ tôi cũng đâu có dùng son phấn và cũng đâu có thay đổi bao nhiêu đâu...

Cách đây bảy, tám năm. Lần đầu tiên xuất hiện dưới bút hiệu Trung-Dương với truyện ngắn «Sao Rụng» đăng làm hai kỳ trên tạp chí Bách-Khoa với số tiền nhuận bút là một ngàn bảy trăm đồng và đó là lần đầu tiên tôi ăn một cái Tết hết sức là sang trọng, cái sang trọng đối với một sinh viên nghèo thường đến trường bằng một cái xe đạp cọc cạch như tôi.

Hồi đó tôi đang theo học năm thứ hai ở Luật. Tôi đến với Bách-Khoa qua lời giới thiệu của anh V.P. Tôi cũng không nhớ là trông tôi ngây thơ ở cái khổ nào khi mà tâm hồn tôi lúc đó đang phải chịu đựng những khủng hoảng nặng nề của tuổi mới lớn — những khủng hoảng đến từ mọi phía dồn ép tôi vào một góc : bản thân, gia đình, học đường, xã hội... (Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi là sao hồi đó tôi chưa tự tử, dù ý tưởng đó đã đến với tôi hơn một lần?). Cũng trong thời kỳ này, tôi rất muốn có cơ hội tìm hiểu về nguyên nhân đã đưa đến sự thất bại của phe quốc gia vào

những năm 45-54. Vì thế, sau khi đọc cuốn «Giã Từ» của anh V.P. tôi nảy ra ý định viết thư làm quen với anh. Trong thư có một đoạn như vậy:

«Tôi thêm khát cái kinh nghiệm của các ông hồi kháng chiến». Lá thư hồi âm của anh V.P. có một đoạn như sau (vì tôi ký tên thật và bỏ chữ «thị» mà tôi vẫn chê là yếu ở giữa đi, nên anh V.P. đã nghĩ tôi thuộc phái nam) «... Còn tôi, tôi lại tiếc là không còn đủ hăng say để tham dự vào thời đại của các anh». Chúng tôi quen nhau từ đó. Tôi đưa cho anh V.P. đọc một vài truyện ngắn của tôi viết và anh đã chọn «Sao Rụng» để làm quà ra mắt của tôi với Bách Khoa nói riêng, và với giới văn nghệ nói chung.

Tuy thế, dù cơ hội đã đến với tôi từ năm 1965, nhưng tôi không thể xư dụng nó triệt để vì lý do: tôi vẫn còn đắm mình trong những cơn khủng hoảng nội tâm triền miên nên chưa có bao nhiêu bình tĩnh cũng như kinh nghiệm sống cần thiết cho sáng tác. Đó là nguyên do tại sao trong khi có nhiều cây bút đồng lứa và cùng đến với Bách Khoa đồng thời với tôi đã rời BK. để tung mình ra ngoài và liên tiếp xuất hiện trên nhiều tạp chí và nhật báo và đã in nhiều tác phẩm trong khi tôi vẫn luẩn quẩn loay quanh ở một số tạp chí quen thuộc với tâm trạng của một kẻ táo bôn kinh niên về văn chương. Đã thế, lâu lâu viết được một truyện đưa đến BK còn bị từ chối vì lý do thiếu hấp dẫn như một hai truyện khác đăng trên tạp chí này tạp chí nọ chẳng hạn. Thú thực những lúc đó, tôi hận anh C. thế không thêm viết cho BK nữa. Nhưng dần dần,

tôi thấy là anh cũng có lý khi phải đọc kỹ truyện của tôi trước khi đăng, và sự thận trọng mà anh có là cho tôi chứ không phải cho anh. Về sau này, lần lộn trong báo giới, tôi càng cảm mến anh C. hơn nữa ở chỗ mặc dù tình trạng vật chất hiện đang mỗi ngày một sa sút, nhưng anh vẫn cố gắng duy trì tờ Bách Khoa thay vì khai tử nó cho rồi. Thành ra, một khi nhận viết cho Bách Khoa tức là hoàn toàn vì lý do tình cảm mà viết. Đã có lần tôi đề nghị anh để cho tôi viết cho BK một cái truyện dài, nhưng anh từ chối, không rõ vì sao. Nhưng điều tôi biết chắc là tính anh cẩn thận lắm: anh chỉ đăng một cái truyện dài khi nào anh đã nắm trong tay phân nửa bản thảo. Trong lúc này, viết được phân nửa bản thảo thì thà là viết hết rồi đưa in thành sách cho được việc. Tuy nhiên, tới tận nửa sang năm sẽ gắng đưa cho anh phân nửa bản thảo xem anh còn từ chối vào đâu được nữa! ?

Nói đến gia đình Bách Khoa mà không nói tới các anh em khác ngoài anh chị C. thì quả là một thiếu sót.

Phải nhìn nhận rằng những anh chị em trong gia đình BK vẫn có một thứ tình đặc biệt dành cho nhau, dù chưa một lần gặp mặt. Tôi xin đan cử một trường hợp.

Hôm đó, tôi được cử đem tiền ra cho nhóm HTN để chi phí vào buổi lễ đặt tên Công trường HTN ở Nha Trang. Tôi lên đường với lời cam đoan là sẽ có người ra đón ở sân bay. Tới nơi, tôi chờ nửa tiếng ở ngoài phi trường, rồi gần một tiếng ở trạm hàng không trong thành phố cũng chẳng có ma nào ra đón,

Tôi nặn óc nghĩ ra một người quen ở thành phố cát trắng này để khỏi phải thuê phòng khách sạn và biết đâu lại chẳng dò ra chỗ của anh em trong nhóm Người duy nhất mà tôi nhớ ra là anh V.H. với một cái địa chỉ hết sức lờ mờ mà tôi tình cờ biết được khi đọc nơi một cái bì thư ở tòa soạn BK cách đó cũng đã mấy năm. Thuê xích lô tới cái địa chỉ nhớ mãi mãi đó thì được biết tất cả các số nhà trong thành phố đã được đổi lại cách đây mấy tháng. Nhưng rồi tôi cũng dò ra được nhà anh V.H. Sau khi gõ cửa và đứng đợi người ra trả lời, tôi bắn khoản tự hỏi liệu sẽ được tiếp đón ra sao. Rồi một người đàn ông cao gầy đầu sỏi ra tiếp tôi với đôi mắt dò xét. Nhưng khi nghe tôi xưng tên (bút hiệu) thì đôi mắt ấy không còn vẻ dò xét e dè nữa mà chợt sáng lên với một nụ cười rạng rỡ: «Té ra chị. Nghe danh hoài mà giờ mới gặp!» Tôi thở ra thoát nạn: «Tôi cũng nghe danh anh hoài mà giờ mới gặp». Và ngay tối hôm đó, mặc dù đang bị cúm, anh V.H nghe tôi trình bày khó khăn của tôi vì mất liên lạc với anh em trong nhóm HTN, đã xách vé-lô đi hỏi thăm giùm tôi nơi tụ

hợp của họ và nhờ đó công việc của chúng tôi đỡ bị kẹt phần nào.

Dĩ nhiên, những hội ngộ kiểu lơ độ đường đáng cảm động như vậy không chỉ xảy đến những người trong gia đình BK mà thôi. Nhưng dầu sao, phải thành thực mà nhận rằng trong cái tình của những người BK với nhau nó vẫn có một vẻ gì đơn sơ mộc mạc làm người cho cũng như kẻ nhận cảm thấy thoải mái dễ chịu. Và một khi bước chân vào BK, mỗi người chỉ còn là một người trong gia đình với những kinh nghiệm đem về kể lại cho mọi người cùng nghe.

Những nhân hiệu, chức vụ, cả đến tuổi tác v.v... đã được ai nấy cởi ra bỏ ngoài cửa, để sẵn sàng đón nhận nụ cười và lời hỏi thăm với giọng nói lấp lóat soa đặc biệt của anh chàng môn, người mà anh em mệnh danh là chưa làm phật lòng một ai, hay nếu có thì đó là sự phật lòng vì đã «bị» anh đối xử... đồng cảm đồng lạng với mọi người khác.

TRUNG DƯƠNG

Tòa Soạn Sóng Thần

18-12-1971.

Phân ưu

Được tin Trung úy Không quân NGUYỄN VĂN TOÀN là trưởng nam Trung tá Không quân Nguyễn Đình Thập, đã hy sinh vì Tổ quốc ngày 3-1-1971, hưởng dương 25 tuổi,

Xin thành thực chia buồn cùng Ông Bà Nguyễn Đình Thập cùng tang quyến và cầu nguyện anh hồn Trung úy Toàn sớm về Cõi Phật.

TẠ TỰ và LÊ NGỘ CHÂU

ĐẠI - Á - NGÂN - HÀNG

Trụ sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tổng Đốc Phương

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia Long

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Cảnh

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang-Long

ĐT 148



- Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ ngân - hàng :

Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Truong-mục tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái, Xuất-nhập-cảng v.v...

- Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Văn - đàn tình - thoại

« ... Gởi thêm sáng tác vào. Truyện « Á Xiu » được anh em tán thưởng nhiều, cho là có lối bố-cục rất ngộ. Riêng tôi, tôi lại khoái truyện Chiếc quạt tím » hơn. Nên cộng tác với Bách Khoa vì anh em trong này là những người đáng trân trọng, có nhãn thức, có khả năng thẩm định giá trị văn chương. Chúng tôi vừa đi một chuyến Đà-lạt về. Cố gắng vào chơi. Anh em mong chờ. »

Bức thư trên đây của Vũ-Hạnh có kèm theo một tấm ảnh. Đến nay tấm ảnh đã bị thất lạc vào dịp biển cổ Tể Mậu Thân, lại vì lâu ngày quá, tôi không còn nhớ rõ ngoài anh Lê Ngọc-Châu và Vũ Hạnh ra, là anh Hoàng-minh-Tuynh ? Ngu-Í ? hay Cô-Liên ? Ảnh chụp trên đường từ Đà-lạt về.

Tôi có duyên với Bách-Khoa kể từ dạo ấy, nghĩa là từ năm 1960. Cái mộng nam-du, gặp anh em một chuyến cứ ve vãn tôi hoài. Và sau đó ít lâu, tôi cố thu xếp để lên đường vào Nam lần đầu. Tình hình an-ninh thuở đó còn khá tốt đẹp nên tôi đi tàu suốt thay vì đáp phi-cơ, như thế vừa đỡ tốn lại vui hơn. Đi chơi xa, chẳng có chuyện gì cần phải tranh thủ thời-gian, thì dùng tàu suốt là khoái nhất. Trên tàu đã có lắm chuyện vui, lại được ngắm nhiều cảnh trí, tận hưởng được cái thú của một cuộc du lâm thong dong, nhàn nhà. Cái may của tôi là khi lên tàu lại gặp được một ông bạn đồng hành có đủ đồ lễ để

cùng nhau đổi ẩm, cả trà lẫn rượu. Và quả không có cái thú nào cho bằng, trong lúc con tàu xê dịch, ngồi ngắm cảnh rừng núi âm u, trùng điệp dưới bóng trăng mờ, qua cái ngà ngà của hơi men, hay cảnh mặt bể vào buổi thanh-thần, với cái hương vị của những chén trà thơm nóng cái đẹp ruồn vể của đất nước, non sông, vào những lúc này, có một sức quyến rũ thực là kỳ diệu...

Nhưng dù vui thích đến đâu, sau mấy ngày đêm bị nhồi lác, lại mất ngủ, khi gần đến Saigon tôi nghe đã mệt nhoài. Nhìn vào gương tôi đâm hoảng, vì thấy mình mất hẳn phong độ. Tuy lấy vé hạng nhì, về đêm, cùng ông bạn đồng hành sửa soạn được chỗ nằm cũng khá thoải mái, ầu uống lại rất ngon miệng, vì thực phẩm — từ các thứ trái cây đến các món ăn mua ở các ga — vừa rẻ lại vừa dồi dào, nhưng cái tư thái của tôi lúc ấy trông thực chẳng khác gì một tên Bô-hê-miên đói khát lâu ngày. Mất lồm sầu, mặt mày bơ phờ, hốc hác, thân hình có vẻ gầy gập, quần áo lại nhàu nát, thay đổi ngay trên tàu cũng bất tiện, tôi đâm ra hối hận đã đánh điện tín báo trước ngày vào.

Tàu càng tiến gần Saigon, tôi càng dăm lo. Mới lần đầu tiên hội ngộ với anh em thuộc giới tao nhân, mặc khách ở Thủ-đô, mà phó-trưởng cả một cái tác-phong « bụi đời » như thế này coi sao

cho được và tránh sao cho khỏi cái tiếng khiếm nhã. Tôi thầm mong chỉ Vũ-Hạnh ra đón tôi, về nhà tắm rửa, nghỉ ngơi cho lại sức rồi sau đó sẽ hay. Nhưng mặc cho lòng tôi áy náy, bánh xe lạnh lũng vẫn cứ quay nhanh trên đường sắt, rồi rú còi báo hiệu cuộc hành-trình ngàn dặm đã đến hồi chấm dứt, và ngừng lại trước ga Saigon.

Tôi đang còn loay-hoay với mớ hành-lý ở sát cửa toa, đã nghe tiếng gọi, tiếng cười quen thuộc của Vũ-Hạnh. Và nhìn ra thì không phải chỉ có một Vũ-Hạnh, mà còn có những bốn năm anh em khác nữa cũng vẫy tay vui vẻ chào mừng. Tôi đâm ra ngượng ngùng, lúng túng, nhưng rồi cũng phải liệu bài «phốt tỉnh» chớ biết làm sao bây giờ. Tôi bước xuống tàu, tiến thẳng tới, tươi cười đáp lễ, và rồi, chỉ trong giây lát, sau khi tay đã bắt tay, tôi cảm thấy dễ chịu, tự nhiên, thoải mái như đang đứng giữa thân bằng đã từng sống với nhau rất lâu ngày, như một người đi xa trở về giữa những linh hồn thân yêu cùng chung mái ấm. Thái độ, cử chỉ, cung cách tiếp đón và từ nụ cười, ánh mắt cho đến những lời thăm hỏi, có gì xóa tan trong tôi tất cả mọi áy náy, ngại ngùng. Trời mùa hè, nóng bức với ánh nắng chói chang, nhưng tôi cảm thấy không khí vẫn êm ả như khí trời mùa Xuân. Sài thành lần đầu tiên như cổ khoa trường, chừng bảnh với tôi, cái vẻ sôi động, phồn-vinh, hoa lệ của nó, nhưng trên chuyến xe từ nhà ga về tòa soạn, tôi không hề ngó ngang tới nó, chỉ vì cái vui hội ngộ và những câu chuyện hàn huyên đã choán hết tâm trí của tôi...

Về sau này, theo với thời-gian, tôi càng nghiệm thấy rõ hơn cái thắm thiết của mối tình giữa tôi với Bách-Khoa. Thực ra tôi đâu có cộng tác thường xuyên, nhưng Bách-Khoa đối với anh em cộng tác lại tỏ ra rất mực chung thủy. Có khi gián đoạn cả năm không hề viết lách, nhưng báo biểu vẫn được gửi tới đều đều, tình trạng sức khỏe, công việc làm ăn vẫn được thường xuyên thăm hỏi. Và đáng cảm động hơn, là sau khi biến cố Tết Mậu-Thân xảy ra, Bách-Khoa, trước hơn ai hết, đã tỏ ra băn khoăn, lo lắng vì tôi và một số anh em văn hữu bị kẹt trong vòng máu lửa, dò thăm tin tức, tìm hiểu tình trạng với tất cả cái chân tình huynh đệ, vui, buồn, sướng, khổ không hề quên nhau.

Riêng về phần tôi, tôi nghĩ rằng không phải chỉ tấm thanh tình ấy là yếu tố duy nhất đã tạo ra mối liên hệ, ràng buộc vô hình giữa tôi với tạp chí này. Phải nói là do nhiều yếu tố khác nữa, và mối liên hệ keo sơn ấy quả đã được kết dệt ngay từ trong cái khung cảnh, không khí đặc biệt của tòa soạn Bách-Khoa.

Quả vậy. Ở Saigon, ngoài Bách-Khoa ra tôi cũng còn cộng tác với một số tạp chí khác: *Tiểu thuyết thứ bảy* (miền Nam), *Văn hiến*, *Tin Văn*, *Tin sách*, *Văn*, *Tân Văn*, *Văn hóa nguyệt-san*, *Nhân loại* v.v. Có những tạp chí tôi chưa hề đến tòa soạn. Có một vài tòa soạn thỉnh thoảng tôi ghé thăm chơi, nhưng không nơi nào tôi cảm thấy thoải mái, lưu luyến như tòa soạn Bách-Khoa. Ngay cả đến tòa soạn của *Văn* cũng vậy. Anh Trần Phong Giao là một văn hữu rất tận-tâm với bạn bè, rất tốt với

tôi. Anh Nguyễn-dinh-Vượng cũng dành cho tôi một cảm tình nồng hậu. Mỗi khi tôi vào Saigon mà ghé lại, thế nào cả hai cũng vì tôi, tổ chức một tiệc tẩy trần khá thịnh soạn.

Tuy nhiên tòa soạn Văn lại không hấp dẫn. Không phải vì nó lộn xộn, tấp nập, ồn ào. Tôi đã quá quen và cũng biết yêu cái ồn ào của nhà in, của máy in. Cũng không phải vì cái thói quen cổ hủ của anh Trần Phong Giao vừa tiếp khách, vừa tiếp bìn, vừa chúi mũi chúi lái vào công việc sửa chữa bản vở, trình bày ấn phẩm, sắp xếp bài vở. Có thể là vì cái không khí ở những nơi này thiếu một cái gì phù hợp với bản chất của tôi, với cái ý niệm tôi thường có về một tòa soạn, thiếu cái phong vị êm ả, ấm cúng, thân mật của một nơi hội hữu. Tôi tìm thấy những đặc tính này ở tòa soạn Bách Khoa.

Trong thời gian chín tháng lưu trú ở Saigon, vào khoảng năm 1964-65 tôi thường tới lui tòa soạn. Một phần là vì cái mỹ ý của anh Châu, thường khuyên tôi những lúc rảnh rỗi nên đến xem sách, xem báo, và tôi vốn cũng thích như vậy, vì Bách Khoa có nhiều sách, báo, tạp chí Pháp ngữ mới và có giá trị. Một phần là vì nơi đây, tôi có nhiều dịp được gặp gỡ, hiểu biết một số văn hữu, được đàm đạo hoặc dự thính những cuộc mạn đàm vui và bổ ích, qua những chén trà thơm nóng, những điệu Bastos de luxe.

Tòa-soạn Bách-Khoa quả đã khéo tạo được cái không khí phù hợp với chủ trương của Bách-Khoa. Nơi đây thực đúng là thứ « quán tha hồ muốn

khách đến » là loại « vườn chim nhà hạt mười phương ». Bất luận là trẻ, là già, là mới, là cũ, là duy vật hay duy tâm, là Phật-giáo hay Công-giáo, là cấp tiến hay bảo thủ, quan niệm, khuynh hướng chính trị, nghệ thuật, văn chương như thế nào, đều được đón nhận với sự cảm thông và được chung đụng trong cái thế hòa-dồng cởi mở. Từng được nghe có người gọi là nhóm Bách-Khoa, nhưng theo tôi thì nghĩ, gọi như vậy thì không được ổn. Nói riêng về sáng tác, người ta không thể sắp xếp Võ-Phiến cùng Vũ-Hạnh chẳng hạn vào cùng một nhóm. Còn về quan điểm, khuynh hướng, lập trường, chính trị lại càng không thể nhốt tất cả những anh em nòng cốt trong ban biên tập vào cùng một cái khung duy nhất.

Phải có sống qua trong cái không khí của những buổi họp tòa soạn mới càng nhận rõ điểm này. Dạo còn ở Saigon, mặc dù tôi không ở trong ban biên tập thường xuyên, nhưng thỉnh thoảng cũng được tham dự. Thật là sôi nổi và hào hứng, và lắm lúc do tình hình chính trị mà có nhiều pha gay cấn, làm nổi bật vai trò và cái nghệ thuật « hóa giải » của anh Lê Ngộ-Châu, con người trầm mặc, tế nhị, hiền hòa, giọng điệu lúc nào cũng khoan thai, hòa hoãn, đĩnh đạc, và có thể anh thành công nhiều trong vai trò này là do ở thái độ cởi mở cũng như nụ cười đặc biệt của anh, cái cười của một sứ giả hòa-bình. Với anh thì *Sừng* với *Mô* khó thể mà còn hục hặc với nhau, *Mặt Trời* với *Mặt Trăng* khó thể còn tìm đường tránh mặt, mọi sự xung khắc-xung đột về ý kiến, quan

điểm đều tiến tới chỗ dung hòa, vui vẻ cả làng.

Con thuyền «Bách-Khoa» không phải lúc nào cũng được xuôi dòng, thuận gió. Nó cũng gặp nhiều xoáy nước hiểm nghèo vì tình hình chính trị, vì tình trạng tài chính. Qua những bước thăng trầm của nó, nhiều lúc tôi cũng tự hỏi nếu là một người nào khác chứ không phải anh Châu chèo chống, thì tạp chí này có kéo dài được đời sống của nó như vậy hay không? Tôi còn nhớ, sau cuộc đảo chính 1-11-63 ít lâu, đã có một lúc Bách-Khoa bị đặt trước hai con đường phải chọn. Một là phải cải đổi danh tánh, hai là phải chịu một đòn khai-tử. Một tạp chí như Bách-Khoa mà phải chịu bề khai tử thì ngay độc giả xa gần cũng đã thấy đau lòng rồi huống nữa là chính những người từng dày công gây dựng, vun tằm, tài bồi. Chấp nhận chuyện đó làm sao cho được. Nhưng chịu cải đổi danh tánh thì có khác gì đưa nó xuống mồ. Thực là nan giải. Ấy thế mà rồi mọi chuyện đã qua đi một cách êm ru bà rù. Bách-Khoa thoát nạn. Mà thoát nạn là nhờ cái sáng kiến sự khéo léo của anh, cái tài quyền biến. Cải đổi danh tánh thì cải đổi, nhưng quả là một lối cải đổi của nhà ảo thuật. Trên mặt pháp lý, Bách-Khoa rõ ràng đã đổi họ, đổi tên, nhưng trong thực tế Bách-Khoa lại vẫn là Bách-Khoa như thường, chỉ chấp vá thêm hai chữ «thời đại» nhỏ xíu, để rồi sau đó, theo với thời gian, cái phụ bộ ghép chấp tạm thời ấy, một sớm nào đó, đã lặng lẽ biến đâu mất hút.

Vào cái thuở vàng son của Bách-Khoa, những cuộc họp như trên bao giờ cũng đi đôi với những cuộc «yến ẩm» khá thịnh

soạn. Chiều rượu thường được mở ra ngay tại tòa soạn, và cái khí thế cao đàm, hùng biện của một số anh em, từ cuộc họp lại kéo dài qua bàn ăn, thao thao bất tuyệt. Cũng có khi họp xong lại kéo nhau đến tiệm. Và thông lệ của Bách-Khoa là mỗi lúc có một văn hữu nào ở xa về thì thế nào cũng có tiệc tẩy trần, đông đủ bá quan tòa soạn. Tôi đã được đãi ngộ như vậy nhiều lần và cũng được đóng vai tiếp tân như vậy nhiều lần, vui và cảm động biết bao. Nhưng bữa tẩy trần mà tôi cho là thích thú nhất, còn lưu giữ nhiều kỷ niệm nhất, là bữa ăn thân mật ngay ở tòa soạn, vì tổ chức gấp rút, nên chỉ có anh Châu, Võ-Phiến và tôi. Đó là một ngày mưa. Trời mưa lâm râm bên ngoài. Khí trời hơi lạnh. Chúng tôi cùng ăn món chả cuốn do chị Châu làm. Món ăn đã khoái khẩu, không khí gian phòng lại đầm ấm và câu chuyện của hai anh càng làm tăng thêm cái ý vị, tình thân mật của cuộc tái ngộ. Chính trong bữa ăn hôm ấy, anh Châu còn dành cho tôi một sự ngạc nhiên đầy thú vị. Từ trước, qua cái vẻ đăm đăm, trầm lặng của anh, tôi thường nghĩ anh là một Chủ nhiệm. Chủ bút chỉ biết chỉ thú, hăng say với công việc tòa báo, một loại người hiền lành, vô sự, ai hay, trong bữa ăn này... anh đã khiến tôi phải sửng sốt đến bật ngửa và đăm hoảng, vì nhận ra người đang đối diện với mình quả là một tay nguy hiểm quá chừng. Thì ra mặt ngoài trông có vẻ dửng dưng, thính lặng như Bụt, cũng chẳng hay xuất môn, xuất ngoại, vậy mà lại am tường quá nhiều về thiên hạ sự, lại nắm hết hồ sơ bí mật của bọn anh em, từ chân tơ đến kẽ tóc. Trông người mà ngấm

đến ta, nghe chuyện anh em mà, trong suốt bữa ăn, tôi cứ thỉnh thoảng phải giật mình sờ tay lên ót, để phập phồng lo ngại về nỗi hồ sơ của mình ! Cũng trong dịp này, tôi càng nhận rõ được cái khiêu phúng thích, trào lộng của anh Võ Phiến qua lối trò chuyện của anh, nhất là những mẩu chuyện về «chính quyền», về một số nhân vật tai to mặt lớn ở vào thời ấy. Trong lúc dùng đồ tráng miệng, tôi đã phải cười đến gập người vì mẩu giai thoại liên hệ đến một cuộc kinh lý của Tổng-thống họ Ngô. Đó là vụ cãi vã tùm lum giữa một ông Quận-trưởng và một đại diện chính quyền xã sở tại về một vấn đề cực kỳ trọng đại : về *cái cầu tiêu dựng riêng cho Cụ*. Cái đáng yêu ở Võ-Phiến, theo tôi nhận thấy là cái bản chất chân thực, hiền hòa của con người Bình định cộng thêm cái tinh nhả, mẫn nhuệ của hạng có nhân thức và cái láu lỉnh khả ái của con người văn nghệ. Lối tỏ vẻ ngạc nhiên của anh rất là đặc biệt và lối cười thực là dễ cảm. Nói đến cái khiêu phúng thích, trào lộng thì, trong tòa soạn Bách-Khoa còn phải kể đến Vũ-Hạnh. Có Vũ-Hạnh là có sự ồn ào, có sự vui nhộn và có đủ chuyện cười. Lại thao thao bất tuyệt. Trong số văn hữu quen biết, tôi phục về cái tài nói của hai người : Vũ-Hạnh và Nguyễn-văn-Xuân. Nếu xét về cái kỷ lục «*cả tiếng lại dài hơi*» thì Nguyễn-văn-Xuân ăn đứt. Trong một dịp gần đây, cũng tại tòa soạn Bách-Khoa, anh Trí-Đăng đã tiết lộ với tôi rằng khi ra Đà-nẵng tìm nhà anh Xuân, vì nhớ lộn số nhà, đã tưởng không sao gặp được, thì may mắn quá, ngay giữa lúc đang loay hoay ngoài lộ, vẫn ngh

được tiếng nói, giọng nói của giáo-sư họ Nguyễn — ý chừng đang tranh luận về một vấn đề gì đó — vọng ra rõ mồn một từ từ thất ở tận cùng ngõ hẻm. Tôi còn dám nghĩ rằng nếu anh Trí-Đăng đứng cách xa độ vài trăm thước nữa vẫn cứ nghe rõ như thường. Nhưng xét về mặt bay bướm, hóm hỉnh, hấp dẫn thì Vũ-Hạnh có phần trội hơn, có tài lôi cuốn người nghe, ngay cả những lúc nhà hùng biện này cố tình ngụy biện cho... vui sự đời.

Với Vũ-Hạnh, tôi còn giữ lại một kỷ niệm khá vui về cái gác của tòa soạn Bách-Khoa. Tôi không ngờ với ông Chủ-nhiệm kiêm chủ bút họ Lê, cái gác ấy lại có một công dụng rất ngộ. Một hôm, cũng vào dạo còn ở Saigon, tôi có chuyện cần gặp Vũ-Hạnh. Đến nhà không gặp, tôi liền tới ngay tòa soạn Bách-Khoa. Tôi đã thất vọng, vì tưởng Vũ-Hạnh ở đâu thì dù chưa thấy người cũng đã nghe được tiếng rồi, nhưng đằng này hình cũng không mà tiếng cũng vắng. Tôi liền hỏi anh Châu Cầu hỏi vừa dứt, tôi đã nghe có tiếng động trên gác và cái giọng vừa bông đùa, vừa đau khổ của Vũ-Hạnh.

— Cậu đó à ? Tôi bị câu lưu trên này từ sớm đến giờ. Chờ tôi giây lát.

Tôi chưa hiểu chuyện gì đã nghe anh Châu đồng dục lên tiếng :

— Suyt ! Không có lộn xộn. Anh cứ ở yên trên ấy cho đến lúc nào viết xong hãy xuống...

Rồi anh, mỉm cười và chầm rãi phân trần :

c — Vũ Hạnh chưa có bài, Hẹn mãi

vẫn không có. Hôm nay bắt được anh ấy đến đây tôi phải dùng « biện pháp mạnh » nhốt kỹ trên đó, buộc phải viết cho xong mới được đi.

Tôi nhận thấy vụ câu-lưu này quả cũng chính-đáng và không phải là trường hợp có thể thuyết-phục, nên tôi rút lui sau khi đã cạn mấy chén trà thơm. Thực ra thì Vũ-Hạnh chậm trễ bài vở hồi đó, một phần là vì công chuyện làm ăn. Đạo ấy Vũ Hạnh có nhiều «áp-phe văn nghệ» chẳng hạn như việc soạn thảo loại sách *kiến thức thời đại* và công việc dịch-thuật. Tôi được biết rõ vì được yêu cầu góp phần bằng cách xem lại và góp ý về những bản dịch, đi lùng các tiệm sách với Vũ-Hạnh và T.Đ.C để chọn sách cần dịch. Chúng tôi thường gặp nhau ở tiệm cà phê bên cạnh tòa soạn Bách-Khoa hay ở Thanh-Bạch để thảo luận, bàn bạc về chương-trình soạn thảo và các tác phẩm cần dịch. Tôi nhớ vào khoảng tháng 7-64, bản dịch mà tôi được Vũ-Hạnh trao cho để coi lại là truyện *Lettre d'une inconnue* trong quyển Amok của Stefan Zweig, do Thời-Mới xuất bản. Cũng vào khoảng đó, tôi bắt đầu soạn thảo tập *Truyện Con Người*. Công việc của Vũ-Hạnh có phần bận bịu mà tình hình thì lại quá đổi chộn rộn. Các vụ khủng bố bằng chất nổ xảy ra rất thường trong thành phố. Dư luận xôn xao, chào xáo nhiều về chuyện Cabot Lodge ra đi với khăn đóng, áo dài Việt-nam và một quân-nhân, một Tham-mưu trưởng liên quân là Maxwell Taylor thay thế. Không khí càng căng thẳng với các vụ thi đua xuống đường, biểu tình bạo động, với cuộc thi đua biểu dương thanh thế của các giáo phái, sự cọ xát

giữa Công-giáo với Phật-giáo, giữa mỗi tôn giáo này với Chính-phủ Nguyễn-Khánh, giữa chính phủ này với các chính đảng, với đại khối quần chúng bất mãn vì mất tin tưởng, ngày càng gia tăng dư dội như lửa đổ thêm dầu. Rồi vụ các chiến hạm Maddox và Turner Joy tấn công hay bị tấn công gì đó ở ngoài khơi Bắc-Việt. Chủ trương Bắc tiến được tung ra ồn ào. Vụ oanh tạc Vinh và Bến thủy. Rồi xáo trộn càng gia tăng với việc ban hành Hiến chương 16-8-64 và những vụ bạo động khai diễn tại nhiều đường phố giữa đồng bào Công-giáo và Phật-giáo. Vũ Hạnh đã trễ nải bài vở là vì công việc và cái không khí rộn ràng như vậy.

Riêng tôi, đạo ấy, càng đến Bách-Khoa thường hơn, vốn có lý do. Quả thực tôi có nhiều chuyện buồn phiền, nói là bức mình thì đúng hơn. Xin nghĩ việc ở Huế, vào Saigon là tôi quyết định chuyển qua nghề dạy học, từ bỏ hẳn đời công chức, cho nên dù được giữ lại để trông coi sở *Sưu tầm Nghiên cứu* tôi vẫn nhờ Vũ-Hạnh giới thiệu với một số trường tư thục. Nhưng rồi tình hình ngày càng rối ren, chuyện lằng nhằng, bài khóa xảy ra như cơm bữa, và sau lần đến thăm anh Nguyễn-văn-Xung, bị thất nghiệp vì tình trạng chung của giáo giới, nằm co trên gác vắng, uống nước lã, ngâm thơ và chửi đồng giải sầu, Vũ-Hạnh bàn với tôi nên ấn nhẫn để chờ đợi cho tình hình sáng sủa. Mà càng nấn ná chờ đợi thì càng thêm bức mình với bao nhiêu bề bối, bất công, luộm thuộm ngay trong cái cơ quan mình phải trông coi. Thêm vào đó còn cái buồn vì phải xa gia đình. Hơn nữa, vì trọ ở dãy lầu Chà, đường Trần-Hưng-Đạo, tôi

phải trải qua nhiều đêm thức trắng. Tại đây, đêm nào cũng ồn ào, náo động với cảnh tụ tập đông đảo, hỗn loạn, cùng những tiếng la ó, hò hét, đập phá, xen lẫn tiếng ca hát đùa nghịch của đám người xuống đường, chiếm đường tự do tung hoành trong cái không khí hoàn toàn vô chính phủ.

Trong cái tình hình sôi động và cái tâm trạng chao chường ấy, tôi càng thích đến tòa soạn Bách-Khoa, vì ít ra ở đây cũng còn tìm được sự yên tĩnh, còn có những giây phút di dưỡng tinh thần, có sự đồng thanh đồng khí lại nghe ngóng được nhiều nguồn tin hiếm lạ.

Đến tòa soạn, tôi thường ngồi ở một chiếc ghế đặt ở sát tường phía bên phải từ ngoài đi vào, và ngay tầm mắt tôi, trên bức tường đối diện, có mấy họa phẩm. Tôi còn nhớ tôi thường để ý đến bức họa của anh Phạm-Tăng. Để ý, nhưng không muốn nhìn ngắm lâu, vì bức họa có gì quái dị, âm u gieo cho tôi một ấn tượng lạnh lùng, rờn rợn. Khi được anh Châu cho biết về trường hợp và động cơ sáng tạo họa phẩm, tôi không còn ngạc nhiên về cái ấn tượng ấy nữa. Một bức họa khác khiến tôi ngơ ngác vì sự hiện diện của nó. Tôi hỏi Vũ-Hạnh. Vũ-Hạnh mỉm cười, rỉ tai cho biết đó là tác phẩm của anh Xuân-Hiển, hồi đó đang giúp việc cho tòa soạn, liên lạc với nhà in. Tôi hỏi ngay tác giả, anh cũng mỉm cười nhìn nhận với cái dáng lúng túng, ngại ngùng của một phạm nhân thú nhận tội lỗi của mình. Bức họa trình bày một cảnh ngoại ô hay một phố vắng thì phải, nhưng khi đã biết tác giả của nó, mỗi lúc nhìn tới tôi cứ

phải nghĩ đến một cái gì khác hơn. Tôi nghĩ đến cái *Ao rau muống* mà anh thường ước mơ. Đó là cái mộng thầm kín và rất tha thiết của anh, cái mộng rất thiết thực của một anh em miền Bắc phải di cư vào Nam, phải vật lộn với một cuộc sống khó khăn, phải lăn lộn theo một cái nghề vốn thường bạc bẽo và phải ủ ấp, nuôi dưỡng mãi trong lòng một mối sầu xứ khó thể lãng khuây. Anh đã nói nhiều với tôi về cái mộng ấy, đã làm cho tôi phải cảm động nhiều vì cái mộng ấy, khi cùng đi với nhau suốt quãng lộ trình từ tòa soạn đến cầu Trương Minh Giảng. Đến nay, anh không còn theo đuổi nghề cũ, cái mộng ấy còn được ấp ủ hay không tôi cũng khó biết vì đã lâu ngày không gặp, và cũng như bức họa của họa sĩ Phạm-Tăng, tác phẩm hốc đồng và độc nhất của anh đã vắng bóng, nhưng mỗi lúc có dịp ghé Bách-Khoa, nhìn lên tường tôi lại vẫn nhớ tới cái *«Ao rau muống»*, vẫn nghĩ tới cái mộng ấy, cái mộng có gì khiến tôi phải liên tưởng, với một buồn thương mênh mang, đến cảnh phân qua linh-thổ.

Và cũng trong cái không khí cởi mở, cái khung cảnh *«dĩ văn hội hữu»* của tòa soạn Bách-Khoa, với cái chân tình văn nghệ, người ta cũng dễ đi sâu vào một vài cạnh khía nhân cách của nhau, qua bên kia cái tư thái bề ngoài vốn thường đánh lạc hướng nhận xét. Chính tại đây, tôi mới khám phá được chẳng hạn cái bản chất lãng mạn, phóng khoáng, cái văn nghệ tính đáng yêu, ở bên dưới và bên trong vẻ đạo mạo, nghiêm trang, chững chạc của một văn hữu cao niên như anh Đoàn-Thêm. Tôi không bao giờ quên được cái cảm thức dễ chịu tạo nên

bởi cái thái độ xuề xòa, cời mởi, nhả nhận của anh, cái dáng bất bình, đau khổ của anh vào dịp anh ngồi than thở, phản nản về cái nạn *dùng ngôn từ thô tục* được phát triển trong văn chương, nhất là trong một số báo hàng ngày. Lại một lần khác, cũng gặp tôi ở tòa soạn, anh đã vỗ mạnh vào vai mà trách móc :

— Tôi có đọc bài anh ở Tin Sách, Bài phê bình *Chất ngọc*. Chưa được. Tại sao lại nhẹ nhàng quá thế. Phải mạnh hơn lên. Dù có Vũ-Hạnh ở đây tôi cũng cần đưa ra nhận xét này.

Anh nói đúng. Nhưng thực ra tôi viết bài ấy cho *Tin Sách* chỉ nhằm chủ đích giới thiệu tác phẩm mà thôi, chứ không phê bình. Tôi cho anh biết rõ như thế và nói thêm rằng tôi không phê bình vì món đồ tôi thiếu sở trường. Trước sau tôi chỉ gặp anh ở tòa soạn độ năm ba lần thôi, nhưng tôi rất cảm mến cái phong thái cao nhã, nhất là cái tinh thần tự trọng, cái bản chất trung hậu, chung thủy của con người khi đặc thế không vênh vang, kêu hãnh, không lợi dụng chức vụ, địa vị, khi đối thay cảnh ngộ vẫn an nhiên tự đắc. Trong một lần thuyết trình ở một đại hội Văn hóa sau ngày đảo chính không lâu, nhắc đến đường lối, chính sách của cố Tổng thống Ngô-đình-Diệm anh vẫn giữ cái thái độ trân trọng, cái chân tình đối với một nhân vật đang bị đã đảo và cái không khí đã đảo, lên án vẫn còn sôi động nơi nơi. bên ngoài đại hội, anh vẫn thản nhiên, điềm tĩnh nhắc lại : *«Tôi đã thừa với Cụ như thế này... như thế nọ, và Cụ đã dạy rằng, Cụ đã quyết định rằng... Tôi đã biện*

luận lại rằng...» Dù tôi vốn thù ghét chế độ gia đình trị, thù ghét chế độ lãnh chúa ở miền Trung, đã vì nó mà bị giam cầm nhân cuộc đấu tranh của Phật giáo, nhưng tôi vẫn thấy mến phục cái thái độ ấy của anh, tôi vẫn thấy nó đẹp, một cái đẹp phải có của những con người thực sự là người, tôi thấy có gì đáng quý, đáng yêu.

Cũng trong tòa soạn, tôi được có dịp nghe Linh mục Trần-thái-Đĩnh nói về Phật giáo, với cái cảm tưởng như đang đối diện một Thượng tọa mặc bộ áo dòng. Và đôi lúc được ngắm nhìn cái dáng uể oải, mệt mề tổ cáo về sự suy nhược của thể xác thì ít, mà những khoắc-khoải, dần vật về tâm tư thì nhiều, ở một con người có óc cấp-tiến và giàu suy tư như giáo sư Nguyễn-văn-Trung, những khi anh ngồi buồng mình với gương mặt xa vắng và cả nhìn lơ lảo trên chiếc đi-văng. Và một Cô-Liêu không *cô-liêu* chút nào. Một Cô-Liêu rất vui nhộn, rất yêu đời. Gặp anh thì khó mà buồn, trái lại, còn được biết thêm lắm điều hay, điều ngộ, bao nhiêu bí-ẩn, ẩn tàng hên trong bóng khuất tối hay mặt trái của Sài-thành hoa lệ. Chiếc xe hơi màu đen của anh, một hình ảnh tôi khó thể quên và còn lưu giữ từ nó khá nhiều kỷ niệm vui vui. Và Lê-Tất-Điều, văn-hữu nhỏ con vào bậc nhất, lúc nào cũng sẵn có cái giọng khôi hài hóm hỉnh, đặc biệt nhất là lời cười ngửa mặt, cái cười rất dễ dàng, hồn nhiên, nhí nhố, dễ làm cho người ta cười theo và phải vui lây. Trùng-Dương, trong cái khung cảnh của tòa soạn Bách-Khoa, khác hẳn Trùng-Dương tôi gặp ở Huế sau đó,

Điềm tĩnh, chừng chạc, sâu mộng, giọng nói rất khoan thai trầm buồn, và chỉ khi nữ văn hữu này đứng lên dùng máy điện thoại, nghe và đối đáp, ánh mắt, sắc diện lúc ấy mới giúp tôi cảm đoán được một một thứ *trùng dương dậy sóng* ẩn tàng bên trong. Lê Phương-Chi với cái dáng hăm hở, hăng say, nhiệt thành về nghề nghiệp của một phóng-viên. Đạo ấy anh còn làm cho tờ *Tin Sách*, nhưng vẫn thường lui tới Bách-Khoa. Chính anh đã săn đuổi, truy nã tôi như một tay lap thú bám riết một con mồi, từ tòa soạn qua bộ Thông-tin, từ bộ Thông-tin đến gác trọ ở đường Trần-Hưng-Đạo không biết là bao nhiêu lần, để rồi cuối cùng đã dẫn được tôi vào tận chân trường. Rõ là bí-quyết nhà nghề. Sau cùng là Ngu-Í. Tòa soạn Bách-Khoa đã giúp tôi biết rõ thêm những điểm *bất thường* rất lý thú của Ngu-Í hay Ngê-Bá-Lí, rất nhiều giai thoại về anh để tôi thấy khoái và yêu cái *«điên»* của anh hơn là cái *«tĩnh»* hay cái *«quá tĩnh»* ở một số người. Gần anh, người ta đâm ra bàng hoàng trong sự phân biệt cái tĩnh với cái điên. Chiều ngày 17-7-64 tôi còn nhớ, cùng các anh Lê-ngộ-Châu, Võ Phiến, Vũ Hạnh và Xuân Hiến, tôi xuống thăm anh tại Dưỡng trí viện Biên-hòa. Đi thăm một người điên Ngu Í tôi đâu có ngờ chính bệnh nhân là Ngu-Í lại đóng vai hướng dẫn chúng tôi đi thăm khắp nơi trong khu dưỡng trí, từ khu hướng nghiệp đến phòng Hội họa, phòng dệt, phòng gia chánh, phòng lò rèn v.v.. Cuối cùng, khi đến khu vực dành riêng cho những phần tử hung bạo, trên cửa lầu cao, có song sắt lớn, hiện ra một hình thù đen đúa, vạm vỡ, cười nhe răng, bết đu vào song sắt lại ngồi dùng bàn tay này vuốt mạnh cánh tay kia, cứ

lần lượt thay đổi tay và vuốt mãi không biết mệt mỏi, trông y cái phong thái của một con khỉ đút ở rừng già. Tôi mãi ngắm và muốn tiến lại gần hơn, thì Ngu Í đã cầm tay tôi kéo lại, khuyến cáo: *«Đây là loại điên nguy hiểm không nên tới gần, chúng ta đi xem nơi khác»*. Rồi anh cười, với hàm răng trắng nổi bật giữa bộ râu mọc rậm hơn nhiều, và lại tiếp tục hướng dẫn chúng tôi một cách đàng hoàng y như người tỉnh l.

Mối tình của tôi đối với Bách Khoa quả thực đã được cấu thành, kết dệt từ những người và sự việc cùng bao nhiêu kỷ niệm vui buồn như trên, để dù không cộng tác được thường xuyên, tôi vẫn cảm thấy một liên hệ thẩm thiết đậm đà, và mỗi lần có dịp vào Saigon, thế nào tôi cũng phải ghé lại tòa soạn, dù gặp trường hợp gấp rút, hạn hẹp thời giờ tới đâu, tôi cũng cố tranh thủ để có thể tạt vào, ít nhất cũng uống cạn được một chén trà, hút tàn được một điếu thuốc mới nghe thỏa lòng.

oOo

Thăm thoá, Bách Khoa đã được mười lăm tuổi tròn. Ở con người, cái tuổi ấy mới là cái tuổi dậy thì. Ở một thiếu nữ, cái tuổi ấy chỉ mới báo hiệu thời kỳ *cài trâm*. Nhưng với một tạp chí, nhất là một tạp chí sống tại miền Nam, thì cái tuổi mười lăm quả đáng coi là một kỷ lục đáng hãnh diện về cái tư thế vĩnh tồn trường mệnh.

Được anh Lê-Ngộ-Châu yêu cầu viết bài cho số kỷ niệm mười lăm năm, tôi tự nhiên nghĩ tới mối tình sẵn có. Và đã nghĩ tới mối tình sẵn có, tự nhiên tôi lại nhớ tới bao nhiêu kỷ niệm êm ái, bao nhiêu hình ảnh quen thuộc từng chiếm cảm tình của tôi ngay trong cái khung cảnh của tòa soạn Bách-Khoa. Tôi nghĩ rằng nhớ lại, ghi lại những kỷ niệm này, nhắc lại chuyện cũ, có thể cũng góp được một phần nào trong việc giải thích cái lẽ vì sao tạp chí Bách Khoa đã tồn tại được lâu dài như vậy.

PHAN DU

Tủ - sách Hoa - Lư^o

ĐÃ PHÁT HÀNH

1. — **Việt Nam ca trù biên-khảo** : của Đỗ-bằng-Đoàn và Đỗ-trọng-Huề
- 2 — **Triết học tổng quát** : của Đỗ-trọng-Huề.
- 3 — **Hương trà** : của Đỗ-trọng-Huề.
4. — **Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt-Nam** : của Đỗ-bằng-Đoàn và Đỗ-trọng-Huề.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ĐÔNG-Y LƯỢC-KHẢO

của Dược-sĩ **ĐỖ ĐÌNH-TUÂN**

— Một cuốn sách không thể thiếu đối với các bạn tìm hiểu khoa Chân-cứu, nghiên-cứu Đông-Y, khảo-cứu tư-tưởng triết-lý Đông-phương.

— Tác phẩm Việt-ngữ đầu tiên khảo-cứu tổng-quát một cách khoa-học các vấn-đề cốt yếu của y-học cổ-truyền Trung-Hoa và Việt-Nam, với sự tham khảo gần 100 tài-liệu Hán, Việt, Pháp. Sách dày 500 trang khổ lớn, có phần Hán-tự đối chiếu, nhiều hình ảnh và chia làm 5 phần :

PHẦN I : *Lược-sử Đông-Y Trung-Hoa và Việt-Nam.*

Quan chức ngày xưa và thê-lệ hành nghề ngày nay của giới Đông-Y. Tiều-sử 118 vị danh-y và các nhà nghiên-cứu thảo mộc.

PHẦN II : *Y-lý tổng-quát.*

Quan niệm triết-học nền tảng của Y-lý Đông-phương. Ngoại cảm và nội thương. Bệnh cơ lục yếu. Sự biến hóa của bệnh. Lục phủ ngũ tạng. Kinh mạch. Sự chẩn đoán bệnh. Phép xem mạch.

PHẦN III : *Xử dụng dược-liệu*

Sự chế biến dược-liệu. Các hình-thái của dược-phẩm. Sự áp dụng dược-liệu vào thực tiễn-lâm-sàng, Y-án.

PHẦN IV : *Thương hàn luận*

PHẦN V : *Phương dược.*

Vì có nhiều trở ngại về ấn-loát nên phứt chót, sách phải chia làm 2 quyền : quyền I giá 300đ, quyền II giá 560đ. Thư từ xin đề bà Vũ-thị-Mùi 311 Thành Thái, Saigon 5.

Màu xanh áo - giắc

Hì bực tồ được chữ H, chữ O' đen chữ U thì cây cọ bông toè ra, mực tủa thành hoa cải. Phú giận dữ ném cây cọ ra sân và tiện tay bắt luôn tấm bảng rơi xuống đất. Miệng quát :

— Đẹp ! Đẹp ! Bày vẽ. Viết nguệch ngoạc cũng được. Còn bày vẽ tồ điếm.

Hoa — vợ Phú — đang đứng cạnh, bất ngờ ngơ ngác nhìn chồng. Giọng nàng ôn tồn :

— Thì ai có bắt ông phải nắn nót làm chi cho thật đẹp ?

— Ai bắt ? Ai bắt được mình ? (Một khoảng im lặng ngấu) Nhưng mà thiên hạ bắt. Đồng tiền bắt.

Hoa nhẹ nhàng đi ra sân, cúi nhặt cây cọ, phui cát rồi cắm vào nhà. Giọng Phú vẫn giận dữ :

— Tô điếm ! Nắn nót ! Cả giờ đồng hồ chưa viết được ba chữ. Việc gì mà phải làm nô lệ...

— Thì mình làm nô lệ cho mình chứ có nô lệ cho ai đâu ?

Câu trả lời thật đơn giản làm Phú thấy mình đã giận dữ một cách vô lý. Chàng chợt phì cười :

— Cũng tại...

Chàng không nói hết câu nhưng Hoa đã hiểu. Cũng tại ông Thanh ở đầu đường. Cái tấm bảng House for

rent ông thuê thợ vẽ quảng cáo viết thành chữ in thật đẹp, sơn màu rực rỡ trên một tấm bảng cũug sơn màu. Cứ mỗi lần Mỹ thuê nhà trả nhà là ông đem tấm bảng đó treo. Phú không thuộc loại người cẩn thận như vậy nhưng bởi vợ anh trăm trổ khen cái bảng đẹp khiến anh rớt cuộc không thể đành tâm viết nguệch ngoạc mấy chữ cho xong.

Chiến tranh dai dẳng, đời sống ngày một khó khăn, Phú phải bắt chước mọi người lợi dụng sự hiện diện của quân đội Mỹ trong mức khả năng của mình. Anh hốt hụi và vay tiền kêu thợ sửa chữa lại căn nhà trước, lát gạch hoa, làm phòng tắm và phòng vệ sinh, mua lavabo, gắn máy nước, xây hồ nước để chuẩn bị cho Mỹ thuê. Bởi nhiều người cùng nghĩ như nhau nên giá vật liệu xây cất, tăng vọt và vật liệu trở nên khan hiếm. Xi-măng, sắt, lavabo, siênge khan hiếm đã đành, đến gỗ dẫu cũng không có mà mua. Phú đi tìm ở mấy vựa gỗ tận ngoại ô. Thợ nề phải vừa thuê vừa nắn nỉ. Phải chấp nhận cả những chú thợ mới học nghề, xây tấm vách không thẳng.

Công việc vừa hoàn thành, xi-măng tô còn ướt mà Phú đã vội vẽ bảng hiệu nhà cho thuê. Đầu tiên là cuộc thảo luận giữa hai vợ chồng :

— Có hai cách để nói nhà cho thuê, — lời Phú. Hoặc là House for rent hoặc là House to let,

Nghĩ rằng hai câu tiếng Mỹ đó đầu Mary Sến cũng du biết, Phú nói thêm :

— Hồi xưa Pháp nó gọi là Maison à louer.

Thình thoảng phải loè một chút để vợ nhớ rằng mình cũng thuộc hạng trí-thức thời xưa.

— Mình cứ biêl quách chữ House for rent. Em thấy chỗ nào họ cũng biêl hai chữ đó.

— Ừ. House to let thì ngắn hơn được hai chữ nhưng To Let nghe nó không được sang,

— Huống chi, lỡ nhằm có con vợ Mỹ nó chưa quen với chữ đó. Thôi, cứ viết chữ House for rent.

Nói thì dễ nhưng đến khi viết mới thấy nổi khó khăn. Cây cọ tre nhúng vào lọ mực tím của đứa con, đó không thể gọi là dụng cụ để viết chữ đẹp. Nắn nót, gò gẫm, giữ gìn chừng mười lăm phút là đã tè ra hoa cải.

Hoa khuyến khích chồng :

— Thôi, mình lại chịu khó viết tiếp đi. Như thế này cũng là đẹp rồi. Vả lại, tô chữ in cho đậm, cho bậm nét là cốt để cho họ đi xe quơ mau họ cũng nhìn thấy tấm bảng, chớ đâu phải họ thuê nhà chỉ vì tấm bảng đẹp? Gạch bông lát sàn nhà đẹp, màu cửa sơn đẹp, phòng tắm đẹp, xa-lông đẹp mới cần.

Những điều kiện Hoa vừa kể ra chỉ là những điều kiện chung, những tiêu chuẩn không ai chối cãi. Nàng không có ý ám chỉ vào ngôi nhà của họ. Bởi nhà của họ chẳng có món chi

đáng được tặng một chữ «đẹp» hết.

Phú cầm cọ, nắn nót viết trở lại. Như một đứa nhỏ còn ăm ức, tức tưởi sau cơn khóc lớn, anh lầu bầu :

— Bao nhiêu nhà hai tầng, ba tầng, vi-la mà cũng chỉ mang một tấm biển viết nguệch ngoạc bằng chữ viết thường, chữ viết tay. Nhiều khi không có một tấm các-tông dày nữa. Cứ viết nhào trên một tờ giấy mỏng rồi dán lên cửa.

— Chớ sao. Ai hơi đâu mà....

Buổi tối, Phú lặng lẽ đem tấm bảng móc lên cái đinh đã đóng sẵn ở khung cửa sổ. Vị trí cao bao nhiêu đã được nghiên-cứu trước. Thấp quá và cao quá đều bất lợi. Bảng treo xong xuôi, cái ghế đem ra để đặt chân leo lên đã được cất đi, lúc bấy giờ anh mới ra hiệu cho vợ bật đèn trước. Lũ con thấy ánh sáng thích quá nhưng không dám reo vui. Bởi anh đã đoán trước phản ứng tâm lý nên đã dặn trước :

— Không được vui mừng ồn ào nghe không? Người ta cười.

Ánh đèn sáng trước sân làm cho màu sơn mới của cửa, màu vôi mới của trụ cổng rực rỡ trang trọng. Các nhà láng giềng đều nằm tối, im im nên căn nhà của Phú — và cái bảng House for rent — càng được thêm chú ý. Phú nghĩ vậy và anh chợt thương cho cái cọ tre đã bị anh hắt bụi. Anh thấy sự hì hục của anh suốt cả buổi trưa là đáng giá và anh có hơi tiếc rằng giá biết vậy anh đã cố viết thêm cho đẹp hơn tí nữa.

...Sáu năm đã qua kể từ ngày đó, sáu năm lẫn lộn vui buồn. Khi thằng Jablonsky cầm xấp bạc 50- mới tinh chưa có lần xếp — tiền thuê nhà tháng đầu tiên, — trao cho anh. Phú thấy cầm đông lằng lằng. Số tiền bằng cả tháng lương của anh. Cái nhà đang làm ra tiền. Cái vật vô tri đó đang lằng lẽ và nhũn nhặn góp sức với anh để nuôi dưỡng gia đình anh. Bằng một thái độ lãnh đạm và tiêu-cực mà nó có khả năng của một công chức một vợ năm con như anh ! Bao nhiêu Pháp-ngữ và Toán-lý-hóa học hồi còn nhỏ, bao nhiêu sắc-lệnh và nghị-định áp dụng thuộc lòng khi lớn lên đi làm, bao nhiêu điều luyện xử dụng ở mười đầu ngón tay gõ lóc cóc bàn máy đánh chữ ở sở... tất cả giá trị của anh được xếp ngang hàng với một căn nhà vừa sơn phết.

Sau thằng Jablonsky, cái tấm bảng House for rent lại được treo lên. Thằng Binkley tới và tấm bảng được hạ xuống. Thằng Binkley đi, thằng Wilkinson tới, vân vân. Treo lên hạ xuống, hạ xuống treo lên... tấm bảng từng trải tháng năm phai nhoà màu mực và cuối cùng bị gãy một đường ngang lưng.

Đầu năm 1970, lính Mỹ bắt đầu hiếm hoi, mấy bác xích tồ bột uống la-ve và chịu chở khách Việt-nam. « Nhà cho thuê » không xua đuổi Phi-luật-tân như trước mà bằng lòng cả Đại Hàn. Phú trở nên liều, không còn siêng năng săn sóc nhà cửa. Cái vòi nước khóa không

còn kín nữa, còn cứ nhỏ giọt lộp độp cũng mặc kệ, đợi hồi nào rảnh sẽ kêu thợ coi lại. Cái đèn ống ở phòng tắm, khi thằng Dawson dọn nhà trả nhà, coi lại thì cái đèn mất tiêu. Mua đèn mới tốn cả ngàn, Phú sai con tra cái bóng tròn vào đó. Cho thuê nhà không phải gọi gàng là tới tháng lãnh tiền như lãnh lương. Có nhiều người Mỹ không được lương thiện. Khi dọn nhà thì dọn luôn đồ đạc của chủ nhà cho mượn. Nhiều chủ nhà nạn nhân kẻ lẽ cho nhau nghe trường hợp của họ. Trường hợp ông Phát :

— Tôi đề ngôi nhà của tôi ở đường Lê đại Hành cho nó thuê, tôi tìm thuê một căn ở khu Nguyễn bình Khiêm dọn gia đình xuống đó ở. Yên ổn sòng phẳng được sáu tháng. Qua tháng thứ bảy, lên thu tiền nhà thì té ra nó dọn đi hồi nào. Nó dọn luôn giường nệm tủ của mình. Gỡ luôn cả máy đun nước tắm.

Trường hợp bà Minh-Châu :

— Thằng Mỹ của tôi thì đỡ hơn. Nó dọn đi chỉ để nợ tiền điện cho tôi phải trả. Nghiệt là nó xài điện nhiều, mỗi tháng gần mười ngàn đồng. Điện xài tháng trước, tháng sau nhà đèn mới đem bên lai tới đòi, điện xài tháng này, tháng sau mới đòi. Nó cuốn gói đi mất thì mình phải trả. Nhà của mình, công-tơ điện tên mình, chối cãi sao được với nhà đèn ?

Trường hợp ông Quy :

— Khi nó trả nhà thì ghề xa-lông gãy chân, giường gãy cẳng, nệm rách gương bể. Quạt trần cháy bỏ bin. Quạt chạy đêm ngày, đi chơi đi làm

mà không chịu tắt quạt, ở nhà quạt cứ chạy vù vù số 1 thì hỏi quạt nào chịu thẩu? Bao nhiêu chia khóa thất lạc hết. Phải kêu thợ mộc tới thay một lúc cả mười bộ khóa.

Phú tự an ủi rằng không phải chỉ mình mới bị thiệt hại. Thôi thì muốn được con tôm phải mất con tép hoặc con chà-rinh.

Năm 1971 tình hình bi-đát hơn. Mỹ rút quân về nước bỏ lại những người vợ da vàng, bỏ lại những đứa con lai, bỏ lại những ngôi nhà đóng cửa im ỉm. Có chủ gượng gạo treo tấm bảng House for rent đã lỗi thời. Vài chủ thay bằng tấm bảng "Nhà cho thuê". Nhiều chủ đóng cửa bỏ đó. Nhiều chủ sắp đặt lại cuộc sống, trở về căn nhà rộng thênh thang, hưởng thụ những tiện nghi mấy năm nay chỉ dành cho ngoại kiều. Sắp đặt lại cuộc sống nghĩa là chi tiêu tiện tặn trở lại, tham gia lao động trở lại. Phú bảo vợ :

— Thôi thì mình phải chịu khắc khổ như mọi người. Sống bám vào đồng lương cho qua ngày.

— Gạo nội địa 75 đồng một ký. Gạo ruộng 90 đồng một ký.

Người đàn bà thỉnh thoảng biểu lộ một nét thông minh bất ngờ. Như vợ Phú lần này. Nàng không chửi bới dài dòng như một ứng-cử-viên dân-biểu, không lạc quan dài dòng như Đài phát-thanh mà chỉ nêu ra giá tiền một ký gạo.

Phú muốn tỏ ra không thua vợ :

— Sữa đã một trăm một hộp, đường một trăm tư một ký rồi. Đồng bạc bị phá giá tới 40 phần trăm.

— Thịt heo bữa nay đã tám trăm đồng một ký. Ra giêng e có tới nghìn hai. Phải thắt lưng buộc bụng.

— Chớ biết làm sao? Chuyện cho thuê nhà coi như là chuyện xa vời, bây giờ nhà ai nấy ở. Ông Nixon rút quân chỉ còn 180 ngàn. Tháng sau còn rút một đợt 45 ngàn nữa.

Hoa trăm ngăm nhìn ra xa. Rồi như nói bâng quơ với con đường trước mặt :

— Sang năm thẳng Tâm lên Đại-học phải vô Saigon hay lên Dalat. Lấy tiền đâu cho nó ở trọ ?

Phú nhìn sang vợ rồi cũng nhìn ra đường như vợ : Làm như con đường sẽ đưa ý-kiến giải quyết đùm nỗi khó của mình.

Bên kia đường, căn nhà cho Mỹ thuê của ông giáo Trang khóa cửa kín từ năm tháng nay. Phú nói vắn vơ :

— Bên ông giáo Trang cũng vậy. Ông giải quyết bằng cách vô làm rẫy ở Ba Ngòi.

— Mình muốn làm rẫy cũng đâu có rẫy nữa mà làm ?

— Cũng còn mà. Có điều hơi xa. Ông quận Gương, ông Liễm, thiếu tá Trí đều có làm đơn xin, người một lô, người hai lô. Đề mình cũng coi thử. Túng quá thì sẽ ăn gạo lứt muối mè.

Tối đó Phú nằm lăn qua trở lại trên giường suy nghĩ về cái bện pháp cuối

cũng là ăn gạo lứt muối mè. Có lẽ đó là phương thức giải quyết tốt hơn hết. Vừa chữa được mọi bệnh tật của cơ thể vừa chữa được bệnh nghèo túng, giải thoát được những khổ nấc vật chất và tinh thần. Anh chợt nảy ra ý kiến: « Đáng lẽ Liên-Hiệp-Quốc phải nhân danh Nhân loại mà tặng một giải thưởng thật lớn cho ông Oshawa, lớn hơn giải thưởng Hòa-bình Nobel. Công ông giải thoát cho nhân loại những niềm đau vật chất và những âu lo tinh thần, trong suốt thế kỷ này chưa có nhà bác học nào sánh kịp.

Giải Hòa-bình Nobel làm anh chợt nghĩ đến mấy lần anh nói chuyện với bạn bè về cái giải thưởng văn-chương Nobel.

— Theo tôi, giải văn-chương Nobel nên tặng cho ông Kim Dung. Truyện của ông nặng trĩu tư tưởng nhân bản. Kawabata hay Pablo Neruda làm chi sánh nổi Kim Dung?

Các bạn chỉ mỉm cười rồi bỏ đó, không phản đối mà cũng không tán thành. Anh không phải là nhà phê bình văn-học nên không ai có bôn phận phải tin theo ý-kiến của anh. Vả chăng ngay chính anh, anh cũng không tin ý-kiến của anh bao nhiêu. Có điều nếu ai cãi lại thì anh sẽ hăng hái cãi liền. Anh là loại độc giả tầm phơ, bỏ mười đồng thuê một cuốn truyện đọc trong hăm bốn giờ. Đọc bốn, năm bộ truyện của Kim Dung dịch sang tiếng Việt, đọc cuốn Sempá Zura của Kawabata dịch sang tiếng Việt, đọc mấy bài thơ của Pablo Neruda dịch sang tiếng Việt và óc anh tự hình thành ý-kiến

đó. Một cách khơi khơi vậy thôi.

Những ý nghĩ viễn vông đưa tâm hồn Phú lãng đãng phiêu du, bỏ lui lại đằng sau giá gạo nội địa và giá chịt bò và căn nhà sơn phết còn tươi mà từ nay gia đình anh sẽ giữ lại để ở, rộng rãi thênh thang.

— Trong khi đó thì vợ anh định ninh rằng anh đang nghĩ cách xin khai khẩn một lô đất hoang ở Bãi Giếng, ở Tân Thành hay ở xa vô tận Đồng Lác cũng được. Chị sắp đặt trong óc xem sẽ trồng món gì sau khi xe ủi đã san bằng vạt đất:

— Đánh vòng trồng khoai lang trước tiên. Rắc bắp nếp xen kẽ. Trong khi đó, nhờ anh Vận đặt mua chùm năm mươi gốc xoài Cang nông. Bữa nay chắc cũng tới năm mươi đồng một gốc — Măng cầu thì mình ươm hột, mấy trăm hột cũng có. Nhớ trồng vai chục cây măng cầu Xiêm. Hồi nào huyết-áp lên 15-16 thì có sẵn trái đó đem sắc nước uống... À, mà phải lo vét cái giếng trước đã chớ. Rồi còn cất cái trại. Cũng hai chục tấm tôn... Ờ, con mẹ Bình nó mượn mình mười hai tấm tôn từ năm ngoái rồi nó lờ luôn, không chịu trả. May không nữa mình quên.

... Trồng ba năm, thì xoài sum sê. Xoài đứng sắp hàng, bắt đầu ra hoa. Những hàng xoài chạy dài. Trong trí tưởng tượng của Hoa, nhìn theo hướng nào cũng là những hàng cây xoài chạy thẳng. Xoài đâm chồi, xoài nứt tọc, xoài vun lá u m tùm. Trí óc của Hoa đập chồm trên những lối đi dài im mát bóng lá xoài xanh, thoang thoảng mùi hương của hoa nở và vang vọng tiếng chim lành lối nơi xa.

VÕ HỒNG

Trong rừng thiệp chúc Xuân, bạn chọn :

HOA ĐÀO NĂM TRƯỚC
của Nguyễn-Hiến-Lê

XUẤT HÀNH NĂM MỚI
của Võ-Hồng

đề gửi bạn hữu, vừa là một thiệp Xuân vừa là một
tác phẩm để đọc trong ba ngày xuân, chỉ có . . .

50\$ luôn bao thơ

SIÊU ĐẲNG THƯỢNG HẠO HẠNG

BASTOS *Luxe*



巴士多金牌煙
名貴大方
真地超等

NGON NHẤT VỀ LOẠI THUỐC ĐEN

CANH BẠC

Truyện của DOÃN DÂN

Chàng về đến nhà, trời còn sớm. Chắc chưa tới 6 giờ. Trên không gian rộng, ánh nắng vàng hoe, tuy không gay gắt. Triệu đứng nhìn cánh cửa nhà mình, lại nghe lòng ngao ngán. Từ non tháng nay, mỗi buổi chiều, về đến nhà, trước khi lần tay trong túi quần tìm chìa khóa, bao giờ chàng cũng nghe trong lòng ngao ngán. Chàng hết muốn vào nhà. Có hôm, vừa đến nhà, chưa kịp mở cửa, nghĩ sao, Triệu lại bỏ đi. Chàng đi lang-thang trong doanh trại, ghé nhà anh bạn này ngồi uống hộp nước trà; tạt anh bạn kia nói vài ba câu chuyện chẳng đâu vào đâu. Nhiều hôm, tan giờ làm việc, Triệu lấy chiếc jeep phóng thẳng ra thị xã, vào một tiệm café, ngồi lai-rai nghe nhạc, mãi tới khuya mới mò về. Hơn tuần nay, chàng mất luôn cái thú vui sau cùng đó : lệnh cấm trại trăm-phần-trăm được ban hành, toàn thể quân-nhân các cấp trong Bộ Tư-lệnh không được rời doanh trại sau 18 giờ chiều. Thành ra, mặc dầu không muốn, sau giờ làm việc, chàng bắt buộc phải trở về căn nhà hiu quạnh của mình.

Triệu vừa tra chiếc chìa vào ổ khóa, nghe sau lưng có tiếng hỏi :

— Tối nay trực không, Triệu ?

Chàng quay lại : Toàn, anh bạn ở căn bên cạnh. Anh ta đang đi ngang khoảng sân rộng phía sau lưng Triệu về nhà mình. Chàng nói :

— Mới trực đêm qua. Lúc thẳng

Luyện bị đạn pháo kích, chính moa đưa nó qua bệnh xá chứ ai.

— Nặng không ?

— Cũng thường. Vài mảnh ghim vào đùi, may không gãy xương.

Toàn đã về đến trước cửa nhà mình. Trong lúc đứng đợi người nhà mở cửa, anh ta hỏi Triệu :

— Năm nay toa định về Sài Gòn ăn Tết ?

Triệu cười buồn :

— Phép tắc đâu mà về. Cấm phép từ 23 tháng Chạp, toa không biết sao ?

— Nhưng moa tưởng cũng có một vài trường hợp đặc biệt.

— Đã đành. Nhưng đi phép điều đó moa cũng chẳng ham : phải là cha, mẹ, vợ, con, anh em ruột thịt từ trần.

Người nhà Toàn đã mở cửa. Anh ta nhìn Triệu, cười thay cho lời kiêu từ, rồi bước vào nhà. Chàng nhìn dọc theo dãy hàng lang. Không có người nào ra ngồi hóng mát như mọi bữa. Có tiếng trẻ con từ căn nhà nào đó, khóc tãt tức như mới bị đòn. Triệu ngẫm hiểu « trường hợp đặc biệt » Toàn vừa nói, ám chỉ chàng : Từ non tháng nay, chàng gặp chuyện buồn, anh ta tưởng chàng cần về Sài Gòn vào dịp Tết cho khuây khỏa.

Triệu đẩy rộng cánh cửa. Chàng

đứng ngay giữa lối đi, ngơ-ngác nhìn nhà mình như nhìn một nơi xa lạ. Các cửa sổ, cửa sau khép kín, chặn hết ánh sáng lại bên ngoài, căn nhà trở lên âm-u, lạnh-lẽo. Từ dưới nền xi-măng và bốn bức tường loang-lở, tỏa ra mùi ẩm mốc. Trên trần, bốn góc nhà, màng nhện giăng tha hồ, thoả-thích, dày đặc như những giải mây lơ lửng. Triệu bước vào nhà, cảm thấy hơi lạnh từ dưới nền, ngấm qua lớp đế giày, lên đến gan bàn chân. Chàng mở tung cửa sổ. Ánh sáng tràn vào căn ngoài, nhưng căn trong vẫn còn tối. Chàng để mặc, không tính mở cửa sau. Chàng đi thông thả từ nhà ngoài vào nhà trong, xuống bếp, đứng nhìn vợ vằn một hồi, lại thông thả trở lên. Trí chàng thoáng nhớ lại hồi còn ở ngoài đơn vị, mỗi lần hành quân, gặp một căn nhà bỏ hoang nào đó, chàng cũng đi lơ ngơ như vậy từ cửa trước xuống cửa sau, giữa bầu không khí ẩm thấp, mốc meo, hơi lạnh và nhất là yên tĩnh đến rợn nười. Bữa nay, bước đi trong chính căn nhà của mình mà chàng tự cảm thấy mình xa lạ; tự thấy giữa mình và nơi mình đang sống, không có một mảy may liên quan, ràng buộc, không có vẻ gì gọi là thân yêu, đầm ấm. y hết những căn nhà bỏ hoang chàng đã gặp. Tại sao? Tại bầu không khí âm u, tê lạnh của ngôi nhà? Hay chỉ tại chính lòng chàng nó đã tự ý tách rời ra khỏi nơi chốn này rồi?

Triệu ngồi xuống đi văng, cởi giày, xong, đi thay quần áo. Chàng thấy trong người nhóp nháp mồ hôi, nhưng

ngại đi tắm. Nỗi buồn âm-âm, dai dẳng trong lòng chìm chàng vào sự lười biếng, bải hoải, hết muốn làm gì. Gió nghỉ ăn mà vẫn sống, chắc chàng cũng đã nghỉ rồi. Triệu nằm dài trên đi văng, châm thuốc, hút, vừa đưa mắt nhìn vợ vằn khắp nhà. Ánh nắng bên ngoài đã dịu. Căn phòng tối thêm một chút. Chàng tự nhủ, bao giờ máy điện chạy, chàng sẽ làm cơm. Từ ngày còn lại một mình, mặc dầu có thể dùng cơm trên Cầu-lạc-bộ, vừa tiện, vừa đỡ tốn tiền, lại khỏi lười thôi, vất vả, Triệu vẫn tự nấu ăn lấy cho mình; chàng nhờ những công việc lật-vật giết dùm một số thì giờ buồn rầu; phần khác, chàng cố gắng duy trì một kỷ niệm: hàng ngày, tiếp xúc, sờ mó vào những đồ vật đã quá thân thuộc, liên quan đến Phượng. chàng có được cái ảo tưởng, Phượng vẫn ở nhà, bóng dáng nàng vẫn còn phảng phất đâu đây, không hề xa vắng. Ảo tưởng đó khiến Triệu đau long, nhưng đó là một niềm đau đón êm đềm, chàng không muốn mất. Nhiều hôm, trong lúc lui cui, thui thủi một mình làm cơm dưới bếp, chàng tự đánh lừa mình là Phượng mới vừa đi chợ, hoặc nàng đang bận rộn với lũ trẻ trên nhà chưa kịp xuống. Đến khi bắt buộc phải nghĩ rằng nàng đã ở nơi xa, quá sức xa rồi, chàng nghe lòng buốt nhói, tựa có ai cầm kim chích sâu vào chỗ vết thương mưng mủ của mình. Những khi ấy, chàng thấm thía nỗi lẻ loi, đơn độc của mình; đồng thời cảm thương, buồn tủi cho số phận mình. Lòng chàng nao nức, rợn lên cái ý muốn, ngay lúc này đi gọi Phượng về, vợ

chồng làm hòa, lại ở với nhau như trước. Nhưng, dĩ nhiên là chàng chỉ muốn vậy thôi. Trong thâm tâm, chàng tự hiểu, bây giờ thì quá muộn rồi, không còn cách gì hàn gắn lại được nữa rồi. Mà dù có hàn gắn được, sống lại với nhau, chàng không dám chắc, vợ chồng lại còn có thể coi nhau như trước. Một cái gì đó giữa Phượng và chàng đã lặn mất tăm, không sao lấy lại — Cái gì? Tình yêu giữa hai người? Rõ ràng là không phải. Vợ chồng ăn ở với nhau gần tám năm trời, đã có với nhau đến bốn mất con; cùng trải với nhau biết bao niềm vui, nỗi buồn; cùng nếm với nhau biết bao mặn nồng, dịu ngọt, đắng cay, chua xót ở đời; nửa đêm hôm sớm, khi trở gió, lúc trái trời, ời một tiếng là đã có nhau ngay bên cạnh... như thế, tình yêu đâu không còn, nhưng thay vào đó lại là một thứ tình cảm khác, thâm thiết, sâu xa gấp bội phần: đó là cái tình thương thâm thúy mà chỉ có vợ chồng ăn ở lâu năm mới mong có được. Cho nên, không dễ gì, dùng một cái có thể dứt tình dứt nghĩa với nhau, không dễ gì bỗng dưng bôi xóa, xóa lấp, san bằng ngay được ngàn ấy năm trời chung sống không dễ gì dừng dừng, nguội lạnh... Đâu có dễ dàng vậy được. Có ai tự tay chặt đứt một nửa đời mình mà lại không một mảy may xót xa, đau đớn? Vậy thì cái gì đã lặn mất tăm giữa chàng và Phượng? Cái gì đó nó ra sao mà lại có thể chia rẽ được hai người? Có thể khiến cho mỗi người cam đành sống với đớn đau, sầu khổ một mình, không tìm cách kiếm lại

nhau? Triệu không tin, chỉ vì một cuộc cãi nhau mà Phượng có thể đành lòng bỗng bề con cái ra đi, không ngó ngang trở lại; và chàng cũng đành nhìn vợ ra đi, không hề níu giữ. Cứ cho là lúc đó cả hai người cùng tự ái quá cao, không ai nghĩ đến việc tự quên mình để rú lại hoặc sửa chữa những ý kiến của mình cứ cho là cả chàng và Phượng cùng không ngờ sự thể lại xảy ra gắt gao hơn mình dự tưởng. Triệu nhớ rằng ngay cái giờ phút cuối cùng, khi Phượng dắt mấy đứa trẻ ra xe, chàng vẩn thoảng bắt gặp mình hy vọng, nàng chỉ làm giả với mình, rồi lại như những lần trước, thế nào nàng cũng trở về. Lúc ấy, chàng biết, giá chàng đẹp được cơn giận của mình, nói ít lời dỗ dành, dịu ngọt, chắc hẳn Phượng đã ở lại rồi. Về phần Phượng, nàng tin, một khi nàng đã / Triệu đến chân tường, tự nhiên chàng nhượng bộ. Nhưng mọi suy tính của hai người đều đã sai lầm: vợ chồng đã xa nhau, như hai con thuyền rẽ về hai ngả, mỗi ngày thêm mất dạng... Cứ cho là như thế đi, nhưng một khi cơn giận đã qua rồi, tự ái cũng tan theo, Phượng phải đem con về chứ; nếu không, ít ra nàng cũng thư từ liên lạc. Đàng này, nàng vẫn bất vô âm-tín, vẫn không hề gửi cho chàng lấy một lời, dù là một lời hân học. Còn chàng, chàng cũng đành tâm chịu vậy, không nghĩ đến việc đi kiếm nàng về. Cái gì đã đẩy hai người đến chỗ quyết liệt với nhau như vậy? Triệu vẫn không tin một chuyện quan hệ đường ấy xảy ra lại chỉ

hoàn toàn là do tự ái (tự ái mà đến mất vợ, mất chồng? Ai mà chứa nổi trong lòng một cái tự ái lớn lao quá vậy?) Chàng càng không tin nguyên có chỉ vì một cuộc cãi nhau. Có vợ chồng này mà lại tránh khỏi cãi nhau? Hễ cứ mỗi lần có cuộc cãi nhau là mỗi lần có sự chia lìa, tan tác cả sao? Và lại, đây không phải là lần đầu vợ chồng chàng xảy ra xô sát. Trước kia đã có những lần hai người xích mích trầm trọng hơn nhiều. Trầm trọng nhất cái lần Phượng bắt được Triệu có «mèo». Nàng nổi trận lôi đình, làm mất mặt chàng ở ngay giữa chỗ đông người; nàng bêu rếu chàng với hết thầy mọi người, từ hàng xóm láng giềng đến bạn bè. Bà con thân thuộc; nàng dẫn-vật, day nghiêng chàng dòng đã suốt một tháng trời, không đêm nào nàng cho chàng ngủ. Thậm chí nàng còn đòi quyết một phen «sống mái» với chàng và với «cái con đi-rạc-đi-rầy đó» nữa. Lần ấy chàng tưởng, giữa Phượng và chàng đã đi đến chỗ đồ vỡ hoàn - toàn, vô phương cứu vãn. (Thực ra, trong thâm tâm, nhiều khi bị nàng hành quá, Triệu cũng thầm mong, đồ vỡ phứt cho rồi). Ấy vậy mà rồi, câu chuyện qua đi, hai người lại vẫn tiếp tục ở được với nhau, êm ấm, thuận hòa như chưa bao giờ Triệu «dám» lăng nhăng, và chưa bao giờ nàng bắt chàng chịu nhục. Không những thế, về sau, mỗi khi có dịp nhắc đến chuyện này, Phượng lại còn như có ý mỉa mai, giễu cợt chàng một cách nhẹ-nhàng, âu yếm, tựa hồ nàng tìm thấy trong cái việc Triệu có «mèo»

hàm chứa chút gì làm nàng tức cười, thú vị.

Thế nhưng, cái chút tức cười, thú vị ấy, đối với lần này thì đã thực sự hết rồi. Điều này lại cũng làm chàng băn khoăn, thắc mắc. Một người vừa xấu trai, vừa chẳng có tài cán gì đặc biệt mà vẫn cứ được gái mê; sự đó đã khiến cho nàng lấy làm thú vị, thì tại sao, một người vẫn cứ xấu trai như thế, đem hết tháng lương của mình nường vào sòng bạc lại không gây được chút xiu thú vị nào trong cái bản tính hài-hước của nàng? lại đã làm nàng nổi giận? đã làm nàng phải hét lên:

— Thế này thì quá thề rồi! Quá thề rồi! Anh đem giết hết vợ con anh đi.

Lúc đó là lúc Triệu vừa thú thật với nàng là chàng đã đánh xì phé thua hết tháng lương vừa lãnh. Thực ra, chàng dư biết, chuyện gì sẽ xảy ra, một khi chàng thú thật. Cho nên, ngay khi rời đám bạc buổi sáng hôm kia chàng đã không dám về nhà. Chàng đi lang thang đến nhà mấy người bạn ở chơi, nấn ná, cố gắng tránh được phút nào hay phút ấy cái cảnh to tiếng trong gia đình. Phần khác, chàng hy vọng có thể mượn được món tiền đảo vào món tiền đã mất. Cuối cùng, không vay ai được, Triệu đành phải vác mặt về. Bởi vậy, khi nghe nàng hét lên như thế, chàng chỉ nín thinh: chàng tự biết lỗi của mình. Chàng lẳng lẳng vào buồng trong, leo lên giường, nằm nhắm mắt, thẳng đơ như người đã «tắt ng - i» rồi. Triệu định tâm, cố nín nhịn vợ, mặc nàng muốn nói gì thì nói, một lát cũng phải nguôi. Chàng hiểu nỗi lo buồn

của Phượng. Và lại, chính chàng, chàng cũng vừa buồn vừa hối hận vì đã làm cho vợ con khổ sở. Bao giờ cũng vậy, mỗi lần đánh bạc, lỡ đề thua hẳn hết tiền, là mỗi lần Triệu chết lịm đi trong nỗi lo buồn, hối hận. Chàng tự xỉ vả, chửi bới mình thậm tệ. Chàng tự hứa với mình, tự tìm lấy cho mình những lời thề độc nhất để ngăn mình từ nay không đánh bạc. Có lần chàng xé nát bộ bài, thề đến chết cũng không thèm nhìn đến nó. Thế nhưng, đến lúc trong túi có tiền, chàng lại tự cho phép mình... đi gỡ. Chàng thầm nhủ là chàng không hề muốn được của ai, chàng chỉ cốt gỡ lại đúng cái số tiền chàng đã thua thôi. Khôn gỡ, bộ đề họ ăn không, ăn khơi khơi đồng tiền mồ hôi nước mắt của mình... sao? Đâu có được. Không gỡ mới là một điều vô lý; mới là một điều đáng làm cho mình tủi hổ. Có lần, chàng năn nỉ Phượng: « Em cứ cho anh gỡ nốt lần này. Lần sau anh mà còn thò mặt đến sòng bài, anh làm giống chó. » Phượng vội xua tay: « Thôi. Thôi. Anh chọn giống khác đi. Anh làm đủ các loại, các giống chó rồi ». Triệu cười: « Một lần này nữa thôi mà. Lần cuối cùng. Lần chót. Rồi tối mai vợ chồng mình đi ciné, khuya về làm thịt con gà, nấu cháo... » Phượng đưa mắt lườm chàng, ra ý bảo: « Thôi đi ông ời. Đừng có dụ. Nem công, chả phượng tôi cũng chẳng thèm. hưởng hồ... » Chàng hiểu cái lườm ấy của vợ. Chàng vờ quanh quẩn bên Phượng một hồi, rồi thừa lúc nàng không đề ý, lén nhanh ra cửa. Sáng sớm

hôm sau, vừa thấy Triệu về, Phượng hỏi, giọng tỉnh bơ: « Tối nay vợ chồng mình ăn cháo gà ở nhà... người khác, phải không? » Triệu vừa muốn bật cười, vừa nghe lòng đau điếng.

Bữa nay chàng cũng nghe lòng đau điếng. Chàng cố nằm im. Mấy đêm không ngủ (vì lo lắng, buồn rầu, hối hận) làm toàn thân chàng mệt mỏi; chàng nghĩ bụng: « Cứ đề bà ấy nói một hồi cho hả. Mình coi như chẳng có gì. Ngủ một giấc, tỉnh dậy, chắc êm... » Trong khi đầu nghĩ vậy, tai chàng vẫn nghe vợ chàng lớn tiếng:

— Con Vinh, con Thảo... đều hết cả rồi. Sung-sướng lắm, còn đi chơi hả. Về đây. Về hết cả đây mà xem bố chúng mày. Sữa, gạo của chúng mày bố chúng mày đem nhờ người ta ăn hộ hết rồi...

Những lời nói ấy như những nhát búa bổ vào đầu Triệu. Chàng vẫn nằm im, tự nhủ: « Cứ đề bà ấy nói một hồi cho hả... » Chàng nghe tiếng mấy đứa con lục-tục kéo về. Không mở mắt nhưng chàng như trông thấy những đôi mắt lăm lét của các con, ngo ngác nhìn chàng, nhìn mẹ chúng, không hiểu chuyện gì. Lòng chàng buốt nhói.

Tiếng Phượng:

— Từ nay ráng mà chịu cho đến tháng sau, các con ạ.

Có lẽ con Quyên hỏi:

— Làm sao mà nhịn hả mẹ?

— Làm sao! Còn làm sao! Hồi bố mày ấy! Đó! Bố mày năm đó. Ra mà hỏi.

Câu nói gắt gỏng của nàng làm con bé con im bặt. Tội nghiệp. Chắc hẳn nó chưa hay biết chuyện gì, nhưng không dám mở miệng hỏi thêm. Triệu muốn ôm các con vào lòng, xin lỗi chúng. Nhưng chàng dư hiểu, mình không thể nào dám mở mắt ra nhìn chúng. Chàng tìm một lý lẽ để tự bênh vực tội lỗi của mình : « Mỗi việc làm đều gây ra hậu quả. Cái hậu quả mà mình đang chịu là sự dầy vò, đay nghiến của lương tâm. Như vậy cũng quá đủ rồi ».

— Dậy đi. Anh dậy mà nhìn các con anh đi. Không phải cứ mỗi lần đi đánh bạc về, nằm dài ra như thế là chúng nó có gạo ăn đâu.

Triệu lại tự bảo mình : « Cứ để bà ấy nói một hồi cho hả. »

— Phải chi anh thức khuya dậy sớm, lo làm lo ăn cho vợ con nhờ, ban ngày anh ngủ đã đành. Đằng này, đánh cờ đánh bạc chán chê, động về đến nhà là lại nằm dài ra ngủ. Không biết xấu hổ với các con. Giá không có cái giường, chắc anh cũng chẳng thêm vác cái mặt về.

Triệu cố dỗ dành mình : « Đàn bà ai chẳng vậy. Thấy chồng thua hết đồng tiền mồ hôi nước mắt, ai chẳng đau lòng. Cứ để bà ấy nói một hồi cho hả ». Có tiếng một vật gì bị ném mạnh xuống nền nhà, nghe cái « xoảng ». Tiếp theo là tiếng Phượng :

— Đẹp hết mấy cái nồi, cái chảo này đi. Ăn xong vớt bữa ra đây để mẹ chúng mày hầu... Con nhà mất dậy !

Có tiếng các con chàng thu dọn bát đĩa trên chiếc đi văng ở nhà ngoài. Bấy giờ chàng mới nhớ, lúc chàng bước vào nhà, vợ con chàng đã vừa ăn xong bữa cơm. Lại có tiếng Phượng :

— Cái mặt gì lì lợm. Người ta nói cho như vậy cũng cố mà nằm. . . Đem hết xuống dưới nhà, rửa sạch rồi treo tuốt luột nồi, niêu, xoong, chảo, bát đĩa ấy lên. Từ nay không cần dùng tới những thứ đó nữa đâu, các con ạ...

Một lát, Triệu nghe tiếng dép của các con liu riu đi ngang phía cuối giường chàng, đi xuống dưới nhà. Sự lặng thinh của chúng đè nặng lên chàng làm chàng ngộp thở. Bất giác, Triệu trở mình, quay mặt vào tường. Chàng tìm cách bênh vực vợ : « Kề thì cũng tội nghiệp nàng. Vừa nói chồng lì lợm, tự biết lỗ lòi, vội la mắng các con để hồng lấp liếm. Ồi. Cứ nói đi một hồi cho hả... »

Vừa lúc ấy, một bàn tay túm chặt lấy cổ áo chàng, giựt mạnh :

— Anh khinh tôi hả ?

Triệu giật nảy mình, quay lại :

— Ô hay. Em làm gì vậy ?

— Bộ anh khinh tôi lắm hả ?

— Ai nói với em ?

— Sao năm chồng dít lại với tôi. Bộ tôi chỉ đáng nói chuyện với cái dít anh thôi, hả ?

Triệu thở dài, toan nằm xuống, lại bị bàn tay Phượng kéo ngược lên :

— Sao ? Anh nghe tôi nói chứ ?

Triệu nhìn nàng, nài nỉ :

— Em đừng cố tình kiểm chuyện với anh. Anh tự biết lỗi của mình.

— Biết lỗi sao nằm im ?

— Anh biết nói gì để em khỏi khò bảy giờ. Mọi khi anh càng năn nỉ, van xin, em càng to tiếng. Em nhớ chứ ?

— To tiếng cũng phải van xin. Tội của anh thì chẳng có hình phạt nào là tương xứng hết.

Triệu chột quắc mắt lên nhìn vợ, nhưng lại dịu ngay :

— Em đừng nói quá, kéo lại lỗ lời. Em luôn luôn để cho cơn giận đè bẹp lý trí của mình.

— Con lý trí anh thì anh luôn luôn để cho cờ bạc nó nghiền nát ra. Tôi chán lắm rồi.

Chàng nhìn vợ :

— Em. Một lần nữa anh nói anh có lỗi...

— Cứ nói có lỗi là mọi chuyện xong hết phải không ?

— Vậy em muốn anh phải làm gì ?

— Làm gì mặc xác anh, miễn tôi có tiền đóng gạo nuôi các con tôi.

Giọng chàng dịu hẳn :

— Thì em hãy để thùng thặng anh lo. Rồi đâu có đó.

— Rồi đâu có đó ! Trời đất ơi. Từ ngày lấy anh, tôi phải nghe cái câu khốn nạn ấy biết bao nhiêu lần rồi.

Bây giờ thì tự ý chàng chống tay lên giường, ngồi hẳn dậy :

— Phụng. Em không định làm mất mặt anh một lần nữa chứ ?

Nàng « hự » lên một tiếng :

— Ôi ! Mất mặt anh ! Cái mặt anh nó mất từ lâu ở chỗ này rồi. Tự anh làm mất mặt anh chứ ai làm nổi.

Triệu nhìn cặp môi cong lên của Phụng trong khi nàng nói ; nhìn cái vẻ vênh-váo của nàng, chàng nghĩ một mình : « Cũng may cho nàng, chính mình là người có lỗi... »

Chàng nói :

— Em liệu giữ lời.

— Anh có giữ tay anh không, anh bảo tôi giữ lời ?

— Anh nói, em giữ lời, nếu không, đừng trách...

Phụng trừng mắt lên nhìn Triệu :

— À. Bây giờ anh dọa tôi đấy phải không ? Chàng nín thinh, nhìn lại Phụng. Nàng nói :

— Đừng tưởng cứ giờ cái thói ấy ra là làm tôi sợ...

Triệu vẫn lặng thinh, nhìn Phụng.

Nàng tiếp :

— Anh nghĩ cái thân anh có đẹp không ? Tội lỗi đầy mình còn đe dọa vợ. Hèn !

Chàng vẫn lặng thinh, nhìn Phụng. Nàng bỗng hét lên :

— Tôi góm cái nhìn ấy của anh. Nó làm tôi ghê tởm.

Triệu vùng bật dậy, nhay vụt khỏi giường :

— Im. Tôi bảo cô im.

Phượng mở mắt to hơn, nhìn thẳng vào chàng. Cái nhìn này nói với chàng nhiều ý nghĩa. Chàng không chịu nổi. Chàng cố dẫn lòng, quay đi, lăm bầm: «Đàn bà! Đã nhện còn làm già. Vô giáo dục!» Phượng kịp nghe thấy. Nàng hét bên tai chàng:

— Anh bảo ai? Anh nói ai vô giáo dục?

Triệu lại lặng thinh. Chàng vừa định bước đi, tức thì bị một bàn tay tóm lại:

— Đứa nào vô giáo dục?

Chàng giờ thẳng cánh tay lên...

Và cánh tay chàng chưa kịp rút xuống, Phượng đã nằm lăn ra nhà, chu chéo:

— Trời ơi. Giết chết tôi đi. Đấy, Giết chết tôi đi. Ồi trời cao đất dày ời. Người ta đánh cò đánh bạc rồi về giết vợ giết con. Trời ơi. Sao cái thân tôi nó khốn nạn thế này.

Triệu đứng trân giữa nhà nhìn Phượng. Chàng vừa hoang mang, bối rối; vừa sùng sốt, ngỡ ngàng. Chàng không dám tin là mình đã chưa đánh Phượng. Triệu ngó lại bàn tay mình. Chàng không còn nghe tiếng nàng kể lẽ; không nghe cả tiếng mấy đứa con chàng, đã tự lúc nào, đến khóc inh ỏi ở phía sau lưng. Khi nhận biết ra, chàng quay lại:

— Im. Bố bảo chúng mày im.

Bốn đứa trẻ nhìn chàng sợ sệt. Chúng lùi dạt lại phía sau, miệng cố giữ cho khỏi bật lên tiếng khóc,

nhưng mắt vẫn đỏ hoe, nước mắt chảy ròng ròng xuống má. Chàng nghe tan nát cõi lòng. Triệu cúi nhìn xuống các con. Con giận của chàng dần dần dịu lại. Chàng ngồi xồm dưới nền nhà, ôm mấy đứa trẻ vào lòng đỡ:

— Nín ngay. Các con nín ngay, bố thương...

Con Vinh nói trong tiếng nấc:

— Bố đừng có đánh mẹ.

— Bậy nào. Bố đánh mẹ bao giờ.

Con Thảo chỉ Phượng:

— Mẹ khóc đó.

Chàng bối rối:

— Mẹ buồn... Ừ. Mẹ buồn mẹ khóc chứ bố không đánh mẹ...

Tiếng Phượng oang-oang:

— Ừ. Người ta không đánh. Người ta chỉ giết mẹ chúng mày thôi. Chúng mày cũng liệu kiếm đường kiếm nẻo đi đi không chết hết cả bây giờ. Người ta không thương gì chúng mày đâu.

Chàng quay phắt đầu nhìn lại. Có cái gì ghen ứ nơi cổ chàng, chàng không nói được. Chàng lại lặng lẽ quay đi.

Triệu moi trong túi, lấy nốt mấy chục lẻ, đưa cho con Vinh, bảo:

— Con đi mua ít bánh đồ em. Dắt các em qua bác Toàn chơi, bao giờ bố gọi hãy về. Ngoan, bố thương.

Con Vinh nhìn bố, ngập ngừng mãi mới cầm tiền. Mấy chị em dắt nhau ra cửa, vừa đi vừa sụt sùi nhìn

lại. Như một cái xác không hồn, chàng cũng đi ra cửa. Triệu đứng nhìn theo các con cho đến khi chúng khuất sau mấy dãy nhà trong khu cư xá.

Lúc hàng trở vào thì đã thấy Phụng ngồi ở mép giường. Nàng không khóc nữa, nhưng nét mặt nàng rầu rầu. Nét mặt ấy làm chàng khó chịu hơn là phải trông nàng khóc.

Thấy chàng, Phụng ngược lên nhìn, hỏi :

— Anh nói tôi vô giáo dục. Anh nghĩ coi, anh có giáo dục không ?

Triệu không trả lời. Chàng lén ra nhà ngoài, đến bàn tìm thuốc hút. Khi chợt nhớ ra, mình hết thuốc từ lâu, chàng trở lại đi vắng, ngồi nhìn ra cửa. Ánh nắng ngoài sân lung linh, rực rỡ. Bên dãy nhà trước mặt, mấy người đàn bà đi qua đi lại ở dưới hành lang, thỉnh thoảng đưa mắt lên trông về phía nhà chàng. «Cái mặt anh nó mất từ lâu ở chỗ này rồi...» Phụng bao giờ cũng nói ra những lời quá đáng. Dù nàng chỉ nói lên sự thật thôi, thì, cách nói của nàng cũng làm sự thật hóa thành quá đáng. Mẹ chàng vẫn bảo, Phụng có máu khùng : Khi giận dữ lên, nàng mất hết tự chủ ; nàng không kiêng nể bất cứ điều gì và bất cứ ai, kể cả những bậc sinh thành. Nhận xét đó của mẹ chàng vẫn làm chàng lo ngại.

— Nhiều khi tôi buộc lòng phải tự hỏi Không hiểu anh còn một chút liêm sỉ nào không ?

Chàng giật mình quay lại : Phụng

đã ngồi ngay phía sau lưng chàng. Nàng dựa lưng vào tường, hai chân duỗi thẳng, bắt chéo nhau, gần tới chỗ chàng.

Chàng nhìn Phụng, nói, giọng nghiêm trang, từ tốn :

— Cô có nghĩ rằng cô đã bắt tôi chịu đựng quá sức tôi không ?

— Giữa anh và tôi, anh nghĩ coi, ai là người phải chịu đựng ai ? Từ ngày lấy anh, tôi được những gì ? Nếu còn một chút liêm sỉ, anh hãy tự ngó lại mình. Anh phải nhận rằng chính anh là người vô-giáo-dục : anh cờ bạc, trai gái...

Triệu ngắt lời :

— Còn cô, cô xứng đáng có một người chồng tồi-tệ hơn thế nữa. Cô cạn-tàu-ráo-máng với hết thầy mọi người, không chừa ai hết, kể cả bố-mẹ-chồng cô. Thực ra, nếu tôi có sinh ra như vậy thì cũng chính chỉ tại cô : Cô biến cái gia đình này thành địa ngục từ lâu rồi ; từ trước những ngày tôi cờ bạc...

Phụng chồm người tới :

— Vậy, bộ anh ngu sao, còn ở với tôi ?

Chàng nhún vai :

— Có lẽ.

— Bây giờ cũng chưa muộn đâu. Nói thật anh hay : trước kia, nếu không lấy anh, giờ này tôi đã trở thành bà nọ, bà kia, lên xe xuống ngựa rồi ; Tôi không đến nỗi thân tàn ma dại thế này ; Tôi không chỉ là vợ của một tên vô danh tiểu tốt như anh...

Triệu bỗng sững sờ nhìn ra ngoài. Chàng ngó thật lâu vào đôi mắt nàng. Có thật nàng vừa nói ra điều đó? Có thật nàng đã nói lên cái điều mà nàng vẫn hằng ấp ủ? Nó đã phát xuất từ đáy lòng nàng?

Chàng cố nhủ mình bình tâm, hỏi lại:

— Cô không cố tình đập nốt cái mảnh còn lại đấy chứ?

— Cái mảnh ấy nó vỡ từ lâu rồi.

— Phụng. Em bình tĩnh không?

— Chưa bao giờ tôi bình tĩnh như lúc này. Tôi suy nghĩ kỹ rồi. Tôi cần cho anh biết: tôi về Sài Gòn. Ngay sáng mai, tôi sẽ đưa các con tôi về Sài Gòn.

Chàng nói mà không tự biết mình nói gì:

— Sao cũng được. Đó cũng là một ý kiến hay.

Phụng không đề ý đến lời chàng:

— Tôi chán tất cả mọi thứ ở chỗ này rồi. Anh là thứ mà tôi nghĩ rằng tôi chán nhất và chán từ lâu nhất...

Triệu ngồi chết lặng trên đi văng. Chàng không muốn tin những lời nàng vừa nói là do thực tâm nàng nghĩ. Có những tiếng lòng bùng mỗi lúc một rõ hơn, dồn-dập trong đầu chàng.

Chàng đứng dậy, đến bên cửa sổ, nhìn sững ra ngoài. Trời còn sớm. Ánh nắng vẫn còn lung-linh, sáng rực trên khoảng sân rộng nằm giữa hai dãy nhà. Đứng một lúc, Triệu trở vào, đi

thor thần qua chỗ Phụng ngồi, qua gian trong, xuống bếp. Tiếng dép dưới chân chàng bật thành tiếng nói: «Hết rồi. Lần này thì hết thật rồi. Hết thật rồi.» Những âm thanh đó dội ngược lên đầu làm chàng choáng váng. Đứng dưới bếp, nhìn quanh quẩn một hồi, Triệu lại trở lên. Lần này, khi đi ngang qua chỗ Phụng ngồi, chàng dừng lại, ngó nàng một lát, đoạn, lại tiếp tục bước đi. Chàng đi hẳn ra ngoài, băng qua khoảng sân rộng.

Buổi sáng hôm sau, khi chàng mới mới trở về, Phụng đã soạn xong đồ đạc. Máy cái valy đặt chổng chát trên giường. Nàng mặc áo dài ngồi gần đó, bên cạnh hỗn đứ con. Con Quỳnh, bé nhất, thấy Triệu về, tụt xuống, chạy ra với bố. Chàng bế bổng nó lên tay, hôn lên má, lên trán con. Ngoài cửa, một chiếc jeep đậu sẵn, người tài xế ngồi ôm vô-lăng, có vẻ nóng ruột. Chàng biết Phụng có ý đợi chàng.

— Tôi tính chờ anh đến đúng chín giờ, tôi cho các con ra bến xe. Anh cần nói điều gì nữa không?

Phụng nói và nhìn ra cửa, không ngó chàng. Triệu quay sang các con:

— Đứa nào ở lại với bố?

Chàng nghe Phụng khẽ «xi» một tiếng: «Ở lại mà nhịn đói!» Chàng lơ đi như không nghe thấy. Triệu gọi các con lại gần, vuốt tóc từng đứa một. Chàng nhìn con Vinh, hỏi:

— Vinh. Con lớn nhất, con hãy cho bố biết: con có thương bố không?

Con bé nhìn bố, không trả lời.

Bỗng, nó òa lên khóc. Những đứa khác cũng bắt khóc theo. Triệu nhìn các con. Bất giác, chàng giụi mặt vào áo con Quỳnh.

Lát sau, chàng lại nhìn Vinh, hỏi :

— Con muốn ở lại đây với bố hay muốn về Sài Gòn với mẹ ?

Con Vinh vẫn sùt sùi, nhìn bố, phân vân, rồi quay nhìn mẹ, phân vân, lại nhìn bố.

Chàng ôn-tồn, bảo :

— Các con còn nhỏ. Các con chưa hiểu chuyện gì. Bố chỉ khuyên các con một điều : dù ở với bố hay với mẹ, các con cũng phải ráng ngoan và cố chăm chỉ học hành để bố mẹ khỏi buồn.

Chàng rút mũi xoa lau mặt cho các con và cho chính chàng. Chàng nói :

— Bây giờ các con cho bố biết : các con muốn ở lại đây với bố hay muốn về với mẹ ?

Con Thảo nói :

— Con muốn ở với bố mà có cả mẹ.

Con Quyên ôm cổ bố :

— Ờ. Ờ. Cả bố cũng về Sài Gòn, há bố há.

Chàng cổ gượng cười, nhìn con, giải thích :

— Không được, các con ạ. Bố sắp đi xa. Mẹ muốn về ở với ông bà ngoại. Bố để các con tự do lựa chọn. Bố hứa là dù các con muốn ở với ai, bố cũng không mắng, không buồn gì các con hết. Nào, bây giờ cho bố biết : đứa nào muốn về với mẹ ?

Cả ba đứa lớn cùng im lặng. Con Quỳnh lấy ngón tay cạy, cạy cái cúc trên cổ áo chàng, miệng kêu : «bố, bố».

Triệu nhìn lần lượt từng đứa con chờ chúng trả lời. Một lúc sau, không thấy chúng nói gì, chàng bảo :

— Vậy, về với mẹ nhé.

Chúng vẫn không trả lời. Thành linh tiếng Phụng vang lên :

— Thôi. Mượn rồi. Chúng mày ra xe kéo người ta đợi.

Nàng ra nhờ người tài xế vào khuôn dùm mấy cái va-ly để phía sau xe. Kể, nàng trở vào bế bé Quỳnh trên tay Triệu, dắt ba đứa lớn đi ra. Một lần nữa, chúng lại ngoái cổ nhìn chàng, cùng òa lên khóc. Khi đã ngồi trên xe, Phụng nói :

— Anh ở lại mạnh giỏi. Kỳ tới, lãnh lương, anh nhớ trả bà Hảo cho tôi mười ngàn. Tôi mới mượn để lấy tiền đưa chúng nó về.

Nàng quay sang người tài xế :

— Đi, anh. Anh đưa thẳng mẹ con tôi ra bến xe.

Chiếc jeep đã đi khuất một lúc lâu, Triệu vẫn đứng nhìn ra cửa. Đến lúc đó chàng vẫn không tin, Phụng đã vừa đem các con đi thật. Chàng càng không tin, Phụng lại có thể về thẳng Sài Gòn. Chàng muốn nghĩ rằng nàng chỉ đưa các con lên nhà vợ chồng người bạn, ở chơi ít bữa, nguôi giận lại về. Nghĩ vậy, Triệu hơi yên lòng. Chàng đóng chặt cửa, leo lên giường, nằm. Suốt mấy đêm liền không ngủ, tinh thần

lại căng thẳng, chàng cảm thấy tay chân rã rời như muốn long ra từng mảnh. Chàng nằm im một lát, rồi ngủ thiếp đi trong cái rã rời ấy của cả thể xác lẫn tinh thần.

Khi chàng tỉnh dậy, trời đã quá trưa. Có lẽ đến một, hai giờ. Mặc dầu các cửa đều đóng kín, nhưng nhờ ánh nắng bên ngoài gay gắt nên trong nhà vẫn sáng. Triệu thấy đói bụng. Bảy giờ chàng mới nhớ, từ sáng hôm qua, chàng đã không ăn uống gì. Tuy vậy, chàng không thấy thèm cơm, không thèm gì hết. Chàng cũng nhớ ra, chàng không còn đồng nào trong túi. Nghĩ đến món tiền đã thua, Triệu ngạc nhiên thấy mình không tiếc như khi vừa rời sông bạc, hoặc như những lần thua trước. Cuộc cãi nhau với Phượng; việc nàng đem hết các con đi, những điều đó chúng quá lớn lao; chúng gây cho chàng quá nhiều xúc động; chúng làm chàng cảm thấy cái việc mất đi một vài chục ngàn chẳng có nghĩa lý gì.

Triệu trở dậy, đi xuống dưới nhà, rửa mặt. Những bước chân vang rõ dưới nền xi-măng nhắc chàng đề ý đến sự thanh vắng của ngôi nhà. Lần trong nỗi buồn vì phải xa vợ xa con, chàng cũng cảm nghe thấp thoáng trong lòng một niềm thanh-thời, thoải mái mà đã từ tám năm nay, bây giờ chàng mới gặp. Vậy là từ nay chàng muốn làm gì thì làm, đi đâu thì đi, ở đâu thì ở; Cao hứng, chàng có thể tếch lên thị xã ở chơi nhà bạn bè vài ba bữa, một tuần cũng không có gì trở ngại, chẳng bị ai mề nheo, phiền trách,

Trở lên nhà, Triệu đi thơ thần, hết nhìn căn ngoài, nhìn đến căn trong. Căn nào cũng như rộng rãi hẳn ra, mặc dầu bàn, ghế, tủ, giường vẫn còn y nguyên như cũ, chỉ thiếu vài cái va ly. Chàng không biết làm gì cho hết thì giờ. Chàng loay hoay qua lại. Sau cùng chàng đến góc nhà, mở cái tủ đựng quần áo của chàng và Phượng: ngăn bên chàng, quần áo còn đầy; ngăn bên Phượng, trống trơn, không còn một mảnh vải. Chàng đứng nhìn hai cái ngăn tủ một hồi, rồi đóng lại. Chàng đi ra chỗ cái com-mốt đựng quần áo của các con. Chàng kéo học trên cùng của con Vinh; trống trơn. Đóng lại. Học thứ nhì của con Thảo: trống trơn. Đóng lại. Học thứ ba của con Uyên: trống trơn. Đóng lại. Học thứ tư của bé Quỳnh: cũng trống trơn. Lần này, chàng đẩy cái ngăn kéo lại từ từ. Sự thanh thoi, thoải mái chàng vừa cảm thấy, vụt tan đâu mất. Bây giờ thì cả cái đầu chàng cũng hó trống trơn, cứng ngắc.

Rời mấy cái tủ, Triệu lại đi quanh quần khắp nhà. Chàng bắt gặp ở góc nhà, đôi giày da đã cũ của con Uyên. Gần đó, con búp bê nhỏ xíu, gãy hết chân tay, nằm ngửa trên nền nhà, trông cô đơn tội nghiệp. Trên mặt cái bàn học của con Vinh và con Thảo, còn lại mấy quyển vở, rách hết bìa, góc quần queo; những chữ i, chữ a ngoằn ngoèo, nhòe nhoẹt. Chàng cầm lên coi; đây là mấy quyển vở học vỡ lòng của con Thảo mà các con chàng vẫn xé ra tập gấp thuyền, gấp chim, hoặc xé nhỏ giả làm tiền chơi bán hàng. Chàng vuốt lại các góc vở, xếp gọn, đút vào

ngăn bàn. Tày chàng đựng phải vật gì cứng và lạnh. Chàng lấy ra xem : cái xe hơi chạy bằng pin của bé Quỳnh. Chàng giờ lên ngắm nghía xoay xoay mấy bánh xe. Những bánh xe xoay xoay làm chàng chóng mặt. Triệu để cái xe hơi vào chỗ cũ. Chàng bước vào buồng trong. Ở đây, chàng tìm thấy trên sợi giây thép căng theo chiều ngang căn buồng, một cái áo cánh màu hoa cà, của Phụng. Triệu nhớ ra ngay, đây là cái áo mà chính chàng đã chọn, hôm đi chợ với nàng cách đây sáu tháng. Chàng rút xuống, đưa lên ngửi: rõ ràng còn mùi mồ hôi của Phụng. Chắc sáng nay nàng thay áo dài, cởi ra vắt đó, rồi không nhớ mang theo. Triệu định đem ra nhà sau, ngâm vào chậu quần áo, song, nghĩ thế nào, chàng lại gấp lại gọn gàng, xếp vào ngăn tủ, bên phía của chàng.

Khi Triệu trở ra nhà ngoài, ngồi xuống đi-văng, chàng bắt đầu cảm thấy hai mắt mình cay sè, đầy cộm : những thứ chàng vừa trông thấy, chúng làm chàng quá đau lòng, chàng hết còn tự kìm hãm nổi. Lúc này chàng mới nhận ra sự nghiêm trọng của vấn đề : chàng đã làm buột khỏi tay mình một người vợ và bốn đứa con. Trong một thoáng rất nhanh, chàng linh cảm, Phụng sẽ không bao giờ trở về căn nhà này nữa. Nàng đã đem các con chàng đi mất thật rồi. Điều đó rõ ràng, hiển nhiên như sự có mặt của chàng trên chiếc đi-văng này vậy. Bây giờ chàng chịu thú nhận với mình là chàng ân hận : sáng nay chàng không nói lời nào giữ Phụng.

Tuy nhiên chàng cũng biết rõ rằng, giá lúc này, Phụng trở lại đây, rồi ra đi lần nữa, chắc chắn chàng vẫn không cố giữ nàng : những lời ràng đã nói, quá nặng nề. Lần này nàng đã khơi động đến chỗ thâm kín, sâu xa nhất của lòng chàng ; nàng đã không chỉ đá kích, đẩy vò tật xấu của chàng, nhưng nàng lại đã xúc phạm, chà đạp lên cả cái danh dự, phẩm cách của một người chồng. Đánh rằng ngay từ hồi mới lấy nhau, Triệu đã nhận ra Phụng là một người nóng nảy, hỗn hào, đôi khi tàn nhẫn. Nhưng chàng vẫn chịu được nàng ; vẫn ăn ở được với nàng bằng đó năm trời, là vì, từ trước đến nay, nàng chỉ hỗn-hào, tàn nhẫn với những người ngoài. Và lại, bên cạnh những tật xấu ấy của nàng Phụng cũng có nhiều tính tốt : nàng thông minh, thành khẩn, đảm đang ; nàng rất mực yêu quý các con và nhất là chung thủy với chồng (ít ra, cho đến bây giờ).

Thế nhưng, chàng không ngờ được, cái tật hỗn hào, tàn nhẫn ấy của nàng, lần này lại đã nhắm thẳng vào chàng ; đã trút đổ hết lên chàng với một mức độ làm chàng sửng-sờ, kinh ngạc.

Bây giờ Triệu hiểu cái gì đã lặn mất tăm giữa chàng và Phụng, cái gì đã chia rẽ được hai người : đó là cái lòng tôn-kính lẫn nhau. Vợ chồng ăn ở với nhau, có thể yêu nhau, có thể không ; mỗi người có thể cứ việc có nhiều tật xấu, nhưng, nếu còn giữ được tấm lòng tôn kính lẫn nhau (nhất là ở phía người vợ đối với người chồng), chắc chắn vẫn còn hạnh phúc.

Còn như đã đến cái độ khinh thường, rẻ rúng lẫn nhau, coi nhau không bằng một cái đồng rác bên đường, 1 m sao tránh khỏi đồ vỡ, chia lìa. Lúc đó, tình yêu cho dù mạnh mẽ đến đâu, cũng hóa thành vô ích; hóa thành bất lực trong việc níu giữ hai người.

Triệu cũng hiểu rằng, lần này, cả Phượng và chàng đều đã không biết ngừng lại đúng chỗ phải ngừng. Hai người đều đã tự ý đi quá cái mức giới hạn của mình, đã như một người mù, thay vì phải dừng lại, nhưng lại bước thêm bước nữa: xây chân, lẫn nhào xuống hố.

Triệu buồn vì mình đã không nhận ra điều đó sớm hơn; đã không nhận ra từ sáng hôm qua, trước khi cãi nhau với Phượng; đã không nhận ra từ trước cái ngày chàng làm quen với cây bài. Có lẽ chàng nên nhận ra sớm nữa: từ trước khi chàng lấy nàng làm vợ.

Bây giờ nhận ra điều đó thì chàng đã lỗ thua rồi; lỗ thua hết nhẫn cả rồi. Chàng thua cả đến cái vốn quý giá cuối cùng: vợ, các con chàng và chính cuộc đời chàng.

12-12-71

DOÃN DÂN

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina 'G'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khải vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071 RVV

Xuất bản trong năm 71

- ☐ Tìm hiểu văn nghệ của Vũ Hạnh
- ☐ Mười lăm gương phụ nữ của Nguyễn Hiến Lê
- ☐ Căn nhà của Mẹ của Thế Uyên
- ☐ Trời Âu qua mắt Việt của Minh Quân
- ☐ Việt Kiều ở Kampuchia của Lê Hương
- ☐ Những cánh Diều của Linh Bảo
- ☐ Bảy ngày trong Đồng-tháp-mười của Nguyễn Hiến Lê
- ☐ Khúc ca «Ái tình chiến thắng» (tuyên truyền quốc tế)
Vi Huyền Đắc, Chương Ngọc dịch
- ☐ Thương hoài ngàn năm của Võ Phiến
- ☐ Bút máu của Vũ Hạnh

Phát hành trong mùa Xuân 72

- ☐ Cô bé treo mũ của Hoàng Ngọc Tuấn
- ☐ Tuổi thơ của Maxime Gorki
- ☐ Khúc ca mùa Thu của Lâm Ngữ Đường
- ☐ Vườn Thúy của Quỳnh Dao
- ☐ Hồi ký 41 năm làm báo của Hồ Hữu Tường
- ☐ Xóm mới ven rừng của Mặc Khải

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

Đ.T. : 92.017

Nói với những mùa xuân phía dưới

Thơ TRẦN HUIỀN ÂN

- ☐ Tôi ngồi đây nhìn xuống các em
Tóc kín tầm vai dáng dịu hiền
Và ngọn bút đăm đăm tờ giấy trắng
Tay vịn trán như ra chiều cố gắng
Như đợi chờ ý tưởng nối chân nhau
Tôi nhủ thầm : Bài có khó chi đâu !
Nếu có khó, chỉ vì không chịu học...
- ☐ Hôm nay âm u, mặt trời không mọc
Mây xám đầy ngoài khung cửa về xa
Tôi cũng cúi đầu gọi bút dâng hoa
Chào Xuân mới đang ngập ngừng sẽ đến
Lòng xuân rộng xóa màng mang bờ bến
Nhưng giữa lòng tôi chưa chớm dòng thơ
Đã bao nhiêu trang giấy trải mong chờ...
- ☐ Các em vẫn đăm đăm nhìn giấy trắng
Mắt lơ đãng, mắt thoáng buồn xa vắng
Tôi lại nhủ thầm : Chưa chắc nghĩ gì đâu !
Nghĩ đến bài làm, xếp ý, dàn câu
Hay nghĩ đến con đường vui trước ngõ ?
Qua bao bận hỏi bài tôi đã rõ
Các em ngượng ngùng, ngơ ngác, im lìm...
- ☐ Tôi biết lựa lời nào trách móc các em ?
Giá là những cậu trai hoang đường, tinh nghịch
Quên sách vở lẫn mình theo ý thích
Tôi sẽ ít buồn, nhẹ mai mả, chua cay
Hơn với các em : Xanh biếc đuôi mây,
Môi tươi thắm nụ cười lên má đỏ
Bàn tay dịu vốc măng hiền ngón nhỏ...

□ Tôi trở về trang giấy đợi thơ Xuân
Bút ngập ngừng trăm ý nghĩ phân vân
Ồ! Tôi cũng như các em rồi đó nhỉ?
Xuân trời đất mệnh mông từ vạn kỷ
Xuân nước nhà quần quai máu xương phơi
Tôi sớm ngu si, không viết trọn lời
Thì sao giận những... mùa xuân phía dưới?

14-12-71

Hương cau

Thơ PHẠM CAO HOÀNG

Hái một bông cau chiều tháng chạp
Cài lên mái tóc của em ngoan
Gió thoảng hương nồng lên mắt biếc
Tôi nghe hương tỏa ngát trong lòng

Những bông cau trắng trời quê mẹ
Nở giữa chiều mưa hiu hắt rơi
Thơm như tóc của mùa con gái
Và đẹp như hồn em của tôi

Hái một bông cau chiều tháng chạp
Tặng em trong buổi chớm xuân về
Ra giêng em sẽ xinh thêm chút
Môi hồng và má thắm hơn xưa

Ai xui con sẻ chiều nay hót
Liu lo như tiếng của em cười
Tiếng chim reo với ngàn hoa trắng
Trầy mùa lộc mới nở trong tôi

Ơi những bông cau chiều tháng chạp
Lòng tôi chưa rượu đã nghe say
Tặng em thêm một bông này nữa
Lỡ xa, em nhé nhớ nhau hoài

Lại một
mùa Xuân sầu xứ
Thơ HOÀNG LỘC

cũng một mình anh nhìn qua cửa sổ
sân nhà người vạn thọ đã vàng bóng
như đôi mắt cũng vàng hoe cổ xứ
nghe hắt hiu chút nắng tại bên lòng

lại một mình anh theo hè phố lạ
chân lênh đênh không bước kịp tình người
nửa kiếp sống — cứ thua hoài thiên hạ
sự nghiệp buồn gió thổi chiều ba mươi

rồi cũng mình anh ngồi thương kỷ niệm
giận ngày xưa quên lính chuyện quay về
khi dong ruổi với trăm lần lỡ vận
bỗng nghe thêm tắm lại nước sông quê

khu vườn nhà anh năm nay bão lớn
biết em còn qua ngõ cũ tìm nhau ?
tóc có đủ che quanh ngày bất hạnh
khi mùa xuân chưa tới đã xanh xao ?

mẹ ở đó cũng buồn hơn tháng chạp
lòng mỗi mòn tựa cửa từng ấy năm
buổi tàn đông trời vẫn làm mưa bắc
ngọn đèn run trong mắt mẹ âm thầm

anh ở phương nam — dòng dòng tưởng nhớ
ôi quê người không thể ấm thân quen
ai hỏi thăm anh — một thằng viễn xứ
hồn đóng đưa trên mấy sợi ưu phiền ?

chỉ biết một mình lui về ngõ hẹp
(đời chung quanh chắc đã đón giao thừa)
anh xa xứ nên mùa xuân với tết
cũng mơ hồ như những chuyện đời xưa

Một ngày cuối năm trên Cao-nguyên

Nắng đã lên sau những ngày chớm lạnh. Chàng hăm hở một cách vô duyên. Nắng hôn lên thị trấn, như tăng thêm sự náo nức của một buổi sáng chủ nhật. Đây là những con đường, đồ về trung tâm chợ búa. Những vách tường tươi thắm dưới ánh nắng mới. Những quầy hàng bắt đầu treo la liệt những quyển lịch mới. Những quầy hàng bán thuốc lá lẻ, những tiệm tạp hóa bình như tấp nập người hơn. Và cuối cùng chàng đã đến quầy bán báo của hai chị em ở cạnh một ngã tư chính. Tiếng hát từ rạp chiếu bóng đang trỗi lên một bản nhạc yêu dấu nhất trong đời chàng. Chàng bỗng đứng xúc động.

Có phải tiếng hát ấy đã một lần tiễn đưa chàng đi, một lần nhớ mong chàng lại, và đã ràn rụa với những nỗi nhớ nhung nghìn trùng ngăn cách. Có phải người nhạc sĩ họ Phạm đã hiểu biết rõ bề sâu của con tim chàng không ? Chàng đứng mò bạc cắc trong túi quần một cách khốn khổ. Tiếng hát lại lướt đi : *trả lại em yêu, con đường mùa hạ, ngọn đèn hiu hiu nổi buồn cư xá, vài giọt mưa sa hôn mềm trên má...* Chàng muốn rung nước mắt đến nơi. *Cơn gió Cao nguyên từng đêm lạnh lùng.* Nắng càng lúc càng thắm vàng trên con đường phố chính. Lính rừng trở về như một ngày hội. Mũ xanh, mũ đỏ, mũ rừng. Thượng, Kinh đầy hè

đầy phố. Chàng nói với cô em bán thuốc lá :

— Cô bán hai điều Pall Mall...

Chàng móc hai chục bạc cắc. Rồi chàng cười :

— Số tiền cuối cùng của tôi đấy.

Cô em nở một nụ cười (nụ cười mà chàng cho là đẹp nhất đời).

— Ông nói dóc hoài.

— Trời ơi tôi nói thực mà.

— Mấy ông lính chỉ biết xạo...

— Bộ cô tưởng tôi giàu lắm sao ?

Chàng cười nói tiếp :

— Chiều nay bắt đầu đói rách rồi.

Cô em đưa hai điều thuốc lẻ, miệng vẫn nở nụ cười trong khi cô chị vẫn làm bộ nghiêm trang. Chàng khẽ liếc tình cô chị rồi vẫn vội đứng trước quầy hàng.

— Gần đến Tết rồi.

Hai chị em không nói. Họ nhìn chỗ khác. Chàng lại than vãn vợ :

— Lại một năm xa quê...

Họ vẫn im lặng. Chàng bắt đầu đốt thuốc, rồi hỏi với cô em :

— Quầy hàng của cô đắt nhứt thị trấn này đó.

— Ông nói xạo.

— Thiệt mà...

— Ở đây tồi tàn, bì làm sao với các tiệm sang trọng.

— Nhưng tôi biết, quầy hàng của cô l i dất nhứt đấy.

— Sao vậy ông ?

— Tại vì hai chị em cô đẹp.

Chàng nói tỉnh bơ. Lần đầu tiên chàng thấy câu nói của mình thật đúng điệu.

— Ông này lại xạo.

Cô chị nguyệt chàng hằng đuôi con mắt rồi nhìn đi chỗ khác. Cô em cúi đầu cười. Chàng cũng cười :

— Thật mà, chị em cô...

— Tội nghiệp mà ông...

Một chiếc xe quân cảnh chạy rờ rờ đến.

Chàng lại cười thề. Hai tên quân cảnh nhìn chàng bằng đôi mắt điều hâu. Chàng không chú tâm đến điều đó, tiếp tục tán cô em :

— Một ngày cô bán được bao nhiêu vé số ?

— Ít ít thôi ông.

— Ít ít là bao nhiêu ?

Cô em lại hỏi chàng :

— Mà ông hỏi làm gì thế ?

Chàng lại cười. Chàng cảm thấy tro trêu lạ lùng. Điều thuốc đã gần tàn. Chàng cố hút một hơi dài, và đầu óc đang tìm một câu hỏi mới. Nhưng cô em đã mời chàng thật lịch sự :

— Ông mua dùm tôi một vé số.

Chàng trả lời tỉnh bơ. Dù chàng cũng muốn mua một vé số lắm. Biết đâu, là một vé số độc đắc...

— Tôi không muốn làm giàu cô ạ...

— Ai cũng như ông, chắc chính phủ phải cắt dôi...

Rồi cô em hỏi chàng :

— Hình như ông mới lên đây.

— Vâng, đây là nơi đầu tiên tôi đặt chân đến.

— Chắc ông ở Sài Gòn ?

— Tôi ở lung tung. Sư đoàn này là sư đoàn thứ ba...

— Ghê nhỉ. Chắc ông có bà xã trên đây chứ gì ?

Chàng nói, và cố tạo gương mặt thật đau khổ :

— Tôi chẳng có ai thương tôi.

— Ông nói xạo hoài. Các ông thiếu gì cô theo...

— Thực tình mà. Tôi bị dày lên đây.

Chàng tiếp tục than :

— Nhất là những ngày gần Tết. Chao ơi là buồn... Cô cho tôi về nhà ăn Tết nhé.

— Không dám.

Bây giờ một toán lính khác cũng nhào vô quầy hàng của hai chị em. Chàng bị xô đẩy ra khỏi đám người hỗn độn ấy. Chàng cảm thấy buồn. Tự dưng, chàng bước đi dưới ánh nắng đầu ngày mà chẳng biết mình đi đâu. Lại một năm sắp trôi qua. Lại một năm sắp đến. Mà chàng chẳng khác một cái bóng tội nghiệp đang thui thủi giữa loài người. Chưa bao giờ chàng thấy bơ vơ như lúc này. Chàng thần thờ nhìn tấm bảng quảng cáo phim xine, và ước ao vào ngồi dựa lưng đốt thời gian quá buồn bã thế này. Nhưng

chàng không còn một đồng bạc cắc trong túi. Khi ngang qua một tiệm cơm, chàng lại bắt gặp mùi vị của một miếng thịt bò chiên thơm ngát tỏa lên. Chàng lại nghe rõ mùi thơm quen thuộc và vô cùng quyến rũ của cà-phê từ một quán nước. Cổ chàng hơi nghẹn. Chàng nuốt nước miếng, bước vội. Chàng chen lấn trong đám thị dân, đến nỗi mồ hôi toát ra...

oOo

Đây là một thị trấn của miền Cao nguyên, lần đầu tiên chàng đặt chân đến. Sáng hôm qua, chàng còn ngồi cùng một tên bạn, trong một quán cà phê dưới bờ biển. Sáng hôm qua, chàng còn nhấp từng hớp cà phê đen nồng nàn và còn đốt từng điếu thuốc tình nghĩa trong khi tiếng sóng dưới bờ vọng lên. Thằng bạn đã dúm cho chàng hai tấm giấy Trần-Hưng-Đạo và lời chúc tụng bình an. Chàng đã rung nước mắt khi nhận số bạc quá quý báu. Chàng nói không ra hơi :

— Mày tha lỗi cho tao, khi tao lại lên đúng vào ngày cuối năm. Còn một ngày nữa, là họ báo cáo tao đào ngũ.

— Ừ, tao biết.

— Tao nghĩ rằng, có ngày bọn mình sẽ gặp nhau. Quả đất này tròn.

Chàng bắt tay hắn, ngậm ngùi bước đi. Tên bạn đã dành lấy cái sắc, nói :

— Để tao đưa mày ra bến xe...

— Thôi, tao đi một mình.

— Thằng này lạ...

Rồi hắn cười :

— Sắc gì mà nhẹ tênh thế này.

Chàng cười ha hả :

— Có gì đâu mà mang khi rời khỏi thành phố này. Tình yêu cũng chẳng có, danh vọng cũng chẳng có... Có chăng ba cuốn sách để đọc giải thì giờ, một bàn chải đánh răng, một khăn lau rồi một tờ sự vụ lệnh ghi rõ : đương sự phải phục vụ ở một đơn vị tác chiến, xa thành phố, xa trục giao thông. Họ sợ tao bám theo đuổi trục thẳng mà về chắc ?

Tên bạn đã ở vùng chàng sắp tới một thời gian dài. Hắn nói :

Những ngày gần Tết, trên ấy lạnh lắm. Sao mày không mang theo áo ấm ?

Chàng cười mỉu :

— Có đâu mà mang... Mà cũng chẳng cần thiết...

Hắn nhìn chàng, vẻ thương hại.

— Hay mày mang áo ấm của tao... Tao tặng mày đó.

— Thôi, khỏi cần.

— Này, hãy cầm lấy. Dưới này, tao sẽ tìm một cái áo khác... Vả lại, khi hậu ở đây ôn hòa, không phải như ở miền Cao nguyên. Rồi mày lên trên ấy, mày sẽ thấy. Gió, mưa và đất đỏ. Nhất là mùa cuối năm, lạnh tàn bạo.

Tên bạn cởi chiếc áo len màu huyết rồi trao cho chàng. Chàng cúi đầu nhận lấy. Hắn lại nói tiếp :

— Mày mang nó vào trong, rồi mang áo trận ở ngoài.

— Cám ơn mày.

— Mày rán giữ mình. Nhất là trong giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến. Tao nghe tin hòa bình sắp đến. Thế nào sang

năm cũng hòa bình.

— Tao nghe lời mày... Nhưng biết làm sao bây giờ...

— Ít nhất mày phải nghĩ rằng mày phải sống, phải còn lại sau khi ngưng tiếng súng.

Buổi sáng tinh sương ấy, chỉ có hai đứa chàng như hai vì sao còn sót lại trong đêm, cùng cúi đầu bước đi. Chàng mang chiếc áo ấm của bạn. Thằng bạn đá một hòn sỏi :

— Tao đã từng ở trên ấy gần hai năm. Giao thừa năm ngoái, tao đã đứng trên một ngọn núi cao hơn một nghìn thước. Đêm đó, dù lệnh cấm bắn súng, nhưng tao đã bắn hết cặp sổ đạn lên trời. Chưa bao giờ tao thấy buồn như đêm giao thừa ấy...

Chàng không đáp. Chàng đang ghen ngào liên tưởng đến vị trí của mình trong những ngày sắp đến. Trước mặt chàng, thành phố chưa mở mắt. Màu tranh tối tranh sáng lấp lửng trên những khóm bàng. Tiếng gió xào xạc những chiếc lá vừa rụng trên đường. Một vài con chó đang tìm ăn bên cạnh những thùng rác. Một người phu đang co ro quét đường, bóng khom xuống nặng nề dưới ánh đèn đường vàng vọt. Tiếng tên bạn vẫn ấm :

— Tao còn nhớ, có một quầy hàng bán thuốc lá, vé số lẻ... Hai chị em đều thật xinh. Mỗi lần hành quân về, tao đến để tán dóc. Bây giờ, mày thay mặt tao...

— Dĩ nhiên.

— Dù sao, ở cái thị trấn buồn hiu ỉu ấy, chẳng có gì vui. Tốt hơn, là cà đến hai chị em nàng để tán gẫu.

Chàng cười lớn. Tên bạn cũng cười

theo. Chàng cười mà chẳng biết cười về cái gì. Hay là chàng cười cho cái số kiếp thanh niên trong thời buổi chiến tranh phi lý này. Hay chàng cười khinh mạn cho tuổi trẻ lênh đênh của chàng. Hay chàng cười để nhận ra trong tiếng cười của chàng, ràn rụa bao nhiêu điều chua xót. Chàng nhắm mắt, đôi vai rung lên. Thành phố đang tiễn đưa chàng. Chàng nghĩ thế... Sóng biển vẫn vọng về, như một cung đàn tiễn biệt. Có tiếng hát trong máy thu thanh từ một ngôi nhà dậy sớm :

— Anh sẽ ra đi về miền cát nóng, cơn gió Cao nguyên từng đêm lạnh lùng...

Tiếng hát ấy đã đến với chàng thật thăm thía. Tiếng hát đã vỗ về niềm đau khổ của chàng trong buổi sáng cuối cùng này. Nhưng có ai hát để đưa chàng lên miền Cao-nguyên mịt mù kia, hay là tiếng sóng u trầm đuổi theo, rồi mất hút trong tiếng gió lạnh.

Khi đến bến xe, chàng bảo bạn :

— Thôi chia tay mày.

— Chúc mày lên tìm được một đứa con gái Thượng thật đẹp.

— Dĩ nhiên...

Ngày thứ hai, chàng ở một hơi xa lạ. Sổ tiền của bạn, chàng đã trả tiền phòng. Sổ tiền cuối cùng là hai chục bạc các chàng đã tiêu hoang khi mua hai điếu thuốc lá thơm. Bây giờ chàng chẳng có một đồng xu để ăn một bữa cơm lót dạ. Suốt ngày hôm nay, chàng đã ôm bụng đói, nằm gượng trên giường nệm trắng muốt, thở dài. Ôi một ngày cuối cùng của một năm, giữa lúc thiên hạ đang đón mừng năm mới, sửa soạn để

cúng giao thừa ; giữa lúc mọi người mở nước sấm sưa ngoài phố xá, thì chàng đang ôm gối, nhìn lên trần nhà thế này. Chàng nghe được mùi vị của một bữa cơm ngon lành thoảng trong gió, từ dưới nhà chủ khách sạn. Chàng lại nuốt nước bọt. Hình như có mùi bột tét chiên bơ, mùi cá chiên mỡ. Chàng lại nghe tiếng mỡ rán sôi dòn dĩa, như quẩy rừ khừu giác của chàng, khiến mũi chàng phải hít liên hồi và tai chàng phải căng ra, bụng chàng thóp xúng. Chiều đã về ngoài khung cửa gió. Chàng đứng dậy, khép cửa sổ. Trời lạnh lạ lùng. Bỗng dưng, chàng nhớ đến cái áo ấm của bạn. Chàng vội cởi áo, và gói trong một tờ giấy nhật trình thật cẩn thận. Chàng thay quần áo vội vàng, bước ra ngoài phố. Buổi chiều cuối năm như một ngày lễ hội. Áo quần sắc sỡ, những mái tóc vừa gội còn thơm mùi xà phòng, những nụ cười hớn hở, để chừng chưa biết âu lo là gì. Chàng ôm chặt chiếc áo đến một tiệm cầm đồ. Nhưng cửa tiệm lại đóng, ngoài treo một tấm bảng : «Bỏn hiệu tạm đóng cửa kể từ ngày hôm nay đến ngày mồng ba Tết» Chàng đứng trước cửa tiệm chười thề. Rồi chàng lại đi tìm một nơi khác, nhưng không tiệm nào mở cửa để tiếp chàng cả. Chàng lại rào hết phố này sang phố khác. Con đường lại hành hạ chàng. Nó bắt đầu réo gọi âm ỉ. Nó làm chàng phải toát mồ hôi hột. Nó khiến chàng lão đảo, run rẩy. Thị trấn đã bắt đầu lên đèn. Tiếng hát từ rạp chiếu bóng lại văng lên với một bài hát quen thuộc : *Anh sẽ ra đi về miền cát nóng, nơi có quê hương một mùa thuốc súng Anh sẽ ra đi về miền mệnh mông, cơn gió Cao-nguyên từng đêm lạnh lùng ..* Chàng đâm chười thề : Con khỉ, anh sẽ ra đi về miền đói rách, nơi chẳng ai

cho một đồng bạc cắc. . Và khi đến trước quầy bán thuốc lá, vé số lẻ, của hai chị em thì cô em đã cười trước :

— Mời ông mua một vé số cuối năm.

Chàng phải gượng lắm, mới cười một nụ cười đúng điệu :

— Cảm ơn cô, tôi không mong làm giàu.

oOo

Đến đêm, chàng lui thủi ôm chặt cái áo ấm trở về phòng ngủ. Gió núi đuổi theo, như sẵn sàng quật chàng xuống đường. Chàng bước giữa một phố cuối năm nghe lòng mông mênh buồn. Giờ này, ở một phương trời xa xôi nào, có những ánh mắt thân yêu đang đợi chờ chàng. Chắc mái tóc của cha sẽ phải bạc trắng, chắc những thằng cháu sẽ phải hỏi ông nội : sao chú không về, hở ông ? Và giờ này, bàn thờ sẽ đầy những món ăn ngon lành. Chàng liên tưởng đến những lát bánh tét béo ngậy, nhân vàng ươm những cuốn chả giò thơm phưng phức, những ly chè đậu xanh ngọt lịm bên cạnh những đùi gà rán mỡ chiên bơ đầy quẩy rừ .. Tất cả đến với chàng như một giấc mơ rồi chấm dứt khi chàng bước vào phòng. Nhưng như một tên du thủ lãnh nghề, chàng đã nhận ra một mâm cỗ trên bàn thờ của khách sạn. Chàng ngó quanh, chừng như không nhận ra có ai. Chàng bước vội đến trước bàn thờ. Chàng ôm trọn cả đĩa gà, một nải chuối, cả đĩa bánh tét, rồi chàng bước vội ra ngoài khách sạn. Chàng vừa đi vừa nhai ngấu nghiến chiếc đùi gà béo ngậy. Chàng vội vã nuốt cả miếng bánh tét... Dưới ánh đèn đường, chàng lại gặp hai chị em. Cô em lại cười, chọc chàng :

— Mời ông mua một vé số...

Chàng đợi một lúc để miếng bánh tét trôi xuống cổ họng, rồi cười hớn hở :

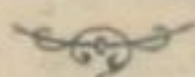
— Mai tôi mua, cô hàng vé số...

TRẦN HOÀI THU

B.M.T 12-12-71

Nhà Xuất-Bản LÁ-BỐI
Giám-đốc sáng lập : Nhất-Hạnh
Lô O, số 121 Chung-Cur Minh-Mạng — Saigon 10

SÁCH MỚI



● NẸO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất-Hạnh

Cuốn sách THIỀN của tác giả Phật-học thâm-quyền

● NGUỒN-GỐC MÃ-LAI CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM

biên khảo của Bình-Nguyên-Lộc

*Một công trình học hỏi 20 năm của tác giả và 6 năm hoàn thành.
Tác phẩm «bóc bỏ tất cả những sai lầm từ cổ chí kim, kể cả cuộc nghiên
cứu về văn minh Đông-Sơn».*

Sách dày nhất trong năm 1971 được sự tín nhiệm của độc giả qua
4 tuần phát hành. (Lá-Bối Tổng phát hành).

● THIỀN HỌC TRẦN THÁI TỔNG

của Nguyễn đăng-Thục

(Lá Bối Tổng-phát-hành)

Mua sách tại Lá Bối được trừ hoa hồng. Luôn luôn bày bán các
sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gởi sách cho bạn đọc ở
các nơi không có sách bày bán, qua bưu điện. Viết thư đề cho

Ông VÕ-THẮNG-TIỆT

TIỀM - SINH

Tiếng người nữ tiếp viên trong máy kéo tôi ra khỏi cơn mơ màng. « Phi cơ sắp đáp xuống phi trường Đà Nẵng, xin quý khách cài lại giây an toàn ». Trí óc đang chập chờn nửa tỉnh nửa mê bỗng trở nên sáng suốt. Tôi nhòai mình nhìn xuống. Ngũ hành sơn hiện ra bên dưới, cô tịch trong làn nước xanh. Trời nhiều mây. Máy bay lượn vài vòng. Những căn nhà chỉ chít lớn dần lớn dần qua khung cửa kính, Tim tôi thắt lại. Không làm sao diễn tả hết nỗi xúc cảm lạ lùng trong tôi. Dù sao thì tôi cũng mới mười chín tuổi và đây là lần đầu tiên tôi xa gia đình lâu đến thế. Hơn một năm. Hẳn là bao nhiêu thay đổi.

Tiếng động cơ nhỏ dần rồi tắt hẳn. Hành khách nối nhau bước xuống. Tôi ngồi yên trên ghế, cốt để lòng bình tĩnh lại trước khi đặt chân xuống vùng đất thân yêu. Tôi bước ra sau cùng. Viên phi công mỉm cười, gục đầu chào. Một làn gió ủa tới, thổi tung hai vạt áo dài bay phất phới như reo vui. Ôi! Thành phố dấu yêu đây rồi.

Những bạn đồng hành của tôi có vẻ háng hái quá. Họ mang đủ loại giỏ xách cồng kềnh và đã vượt qua cánh cổng dẫn vào phòng đợi. Hình như gió chẳng lạnh chút nào đối với họ. Mọi người hối hả lên xe ca. Tôi vẫn la kẻ sau cùng. Người bạn trai quen trên phi cơ nhường một phần ghế.

Xe chuyển bánh. Khu vực phi

trường lùi lại. Con đường dẫn vào thành phố ngắn dần. Hai mắt tôi mở to như muốn nuốt trửng hết cả cảnh vật. Nhưng một nỗi thất vọng se thắt xâm chiếm hồn tôi. Đây là thành phố của tôi sao. Là thành phố bậc nhì của Việt-nam sao. Có phải thành phố mà suốt một năm qua tôi vẫn nghĩ là đẹp nhất thế giới không. Sao có vẻ bờ phờ xơ xác thế, này. Sao có vẻ điêu tàn bất ổn thế này.

Những dãy nhà thấp lè tè nối đuôi nhau chạy qua trước mắt. Đường hẹp, chỉ vừa đủ cho hai xe lớn tránh nhau. Những người đi trên đường nép vào một bên, nhìn theo chiếc xe ca. Hẳn họ đoán được chúng tôi là những kẻ về quê ăn Tết. Hai mươi bốn tháng chạp rồi còn gì.

Hai bên đường, không một bóng cây. Dù gió lạnh, nắng vẫn có vẻ chói chang. Bụi mù thốc lên về phía sau xe.

Bên tay mặt, dòng sông Hàn nước vẫn xanh và đẹp. Xe qua đường bờ sông. Ngày xưa, đây là con đường đẹp nhất của thành phố. Bóng mát những hàng cây là nơi dạo chơi lý thú vào mỗi buổi chiều.

Gió từ mặt sông thổi lên, mọi người suýt soa vì lạnh. Người bạn trai hỏi tôi :

— Chị có cảm thấy chi không ?

— Vui, nhưng buồn buồn.

— Có vẻ bị tàn phá quá phải không

chị. Tàn phá kỹ quá.

— Chiến tranh mà anh. Với lại, đây là vùng địa đầu.

Im lặng, chúng tôi cùng đưa mắt nhìn xuống đường, người bạn thêm:

— Tệ hơn năm ngoái nhiều quá. Càng ngày càng tệ. Tệ hơn mình nghĩ nhiều.

Tệ hơn mình nghĩ nhiều. Thật vậy, mười tám năm tôi đã thở, ăn, ngủ, học một cách thật bình thường trong thành phố. Trong tôi, thành phố vẫn còn nguyên vẻ đẹp của ngày xưa. Dù cho cây càng ngày càng khô, đường càng ngày càng lở, Mỹ càng ngày càng nhiều. Vậy mà chỉ cần một năm xa cách, cái nhìn của tôi bỗng trở nên khách quan, một cách đáng chua xót. Nhưng dù sao đi nữa thì chính lòng người mới đáng kể.

— Chị có định đi đâu không?

— Nhiều lắm. Tôi định đi tất cả các bãi biển, tất cả những ngọn núi, những cánh rừng thuộc thành phố chúng ta. Thanh bình, Nam ô, Mỹ Khê, Nam thọ, Non nước, Sơn chà, Túy loan, Phước tường, Hòa minh, Mỹ thị...

Tôi tuôn ra một hơi luôn, quên cả một vài địa danh nay chỉ còn nghe mà không được đến nữa, đã trở thành đất cấm. Người bạn, có vẻ chín chắn, hẳn có nhiều kinh nghiệm hơn tôi, cười cười:

— Đề rồi coi thử chị đi được bao nhiêu chỗ.

Ga Hàng không như thu nhỏ hẳn lại. Một dãy xích lô chờ sẵn bên

đường. Phương tiện di chuyển duy nhất trong thành phố là xích lô đạp. Lác đác dăm chiếc xe jeep nhà binh vài chiếc gắn máy với những gương mặt đầy vẻ nôn nao. Trong vòng rào của một trại lính bên kia đường vài người lính đứng trông sang bên này.

Tôi vừa đặt chân xuống đường, một bác xích lô đã chạy tới:

— Cô đi xe, cô?

— Dạ, chú chờ cháu lãnh hành lý đã.

Người phu xe chạy vội lại rũ chiếc nệm ngồi. Tôi bước đi, thanh thản giữa đám đông. Không có ai đi đón cả. Tôi muốn về một cách bất ngờ mà. Quanh tôi là một không khí tin cẩn và thân thiện.

Chiếc xe vận tải lớn chở hành lý từ phi trường đã về tới. Hành khách chen nhau vào kho. Những kiện hàng, valise được đầy từng thứ một từ sàn xe xuống nền kho nhờ hai tấm gỗ. Phương tiện thật đơn sơ. Những cánh anh đào cùng chịu chung số phận. À, có cả hành lý của chuyến máy bay Đà Lạt nữa. Mùi hôi của những bắp su bị bứt nát xông lên. Tôi nhận ra chiếc valise của mình trong đống hành lý hỗn độn kia. Trình thẻ cho nhân viên kiểm soát, tôi nhận thấy ông chỉ liếc sơ qua rồi để mặc tôi xách lấy. Một người phu xe chạy đến, đỡ lấy chiếc valise trên tay tôi:

— Xe đây, cô. Đi ngả nì nì.

Tôi theo sau, không để ý rằng bác

chẳng phải là người lúc này. Ra đến cửa, người phu xe lúc này trông thấy, cần nhần :

— Vừa vừa thôi chớ anh. Khi sáng tới chừ tui chờ ở đây chưa được chuyển mô. Có khách thì anh dành mất.

Người phu xe già làm như không nghe thấy, vẫn lăm lúi bước. Đầu tóc hoa râm của ông cúi xuống, có lẽ không phải vì sức nặng của chiếc valise. Người phu xe trẻ nhìn bằng đuôi mắt rồi bỏ đi, lưng chiếc áo ấm nhà binh cũ đã bạc màu phồng lên gì gió.

Một chị bạn năm đệ nhất của tôi ôm mấy cành đào nhìn ngược nhìn xuôi, trông thấy tôi, reo lên :

— Mới về hả ? Vui không ? Saigon ?

Rồi chẳng đợi câu trả lời, chị bưng bả đi về hướng một chiếc xe đang đợi sẵn. Ai cũng nôn nóng muốn về nhà ngay.

Tôi leo lên, nói tên đường cho bác phu xe. Đó là con đường dài nhất dẫn đến nhà tôi, con đường tôi đã đi lại suốt bảy năm trung học. Mười một giờ. Đường còn vắng tanh. Giờ bãi học thường lệ mười hai giờ.

Ngang qua ngôi trường cũ, trông thấy những dãy lầu bé nhỏ thân yêu, tôi chỉ muốn chạy ngang vào để thăm lại các thầy. Một đám học sinh đứng trước cổng trường, nhìn tôi với vẻ tò mò lẫn thích thú.

Đường quá tẻ, nhiều đoạn thiếu cả lề để phân biệt lối cho xe và người

đi bộ. Dù bác xe cố tránh, tôi cũng thót cả ruột gan vì bị dẫn xóc.

— Đường xấu ghê bác hì ?

— Nói chi nữa cô. Tụi Mỹ mà. Tụi hần chạy xe có kẻ chi. Lờ đường lờ sá hết. Queo ngã kia cô hì.

Tôi gật đầu cho bác rẽ trái. Đây là đường dẫn đến trường tiểu học cũ của tôi. Những hàng phượng đã bị đốn ngã khiến tôi thấy là lạ. Hình như nhà thầu chỉ chờ cơ hội là đốn hết cả cây của thành phố. Ngày xưa, đi học ít khi tôi đội nón. Vì nhác cũng có mà vì ỷ lại vào những bóng mát cũng có. Bây giờ ? Tôi thở dài. Không biết những người có trách nhiệm đối với thành phố nghĩ sao về vấn đề này.

Xe chạy ngang khu chợ sầm uất nhất. Dù quang cảnh rộn rịp vẫn không dấu được một vẻ gượng gạo rất khó tả. Bàn hàng họp chợ choán cả một phần đường. Dân thành phố ngày càng gia tăng. Dù bị mệnh danh là thành phố chiến tranh, hầu như dân các tỉnh lân cận đều đua nhau đổ dồn về thành phố. Đề lánh nạn chiến tranh.

Một anh bạn trong đoàn văn nghệ học sinh đi trên lề, trông thấy tôi, anh kêu lên. Tôi không nghe rõ, định ngoái đầu dòm lại thì đã vội thụt ngay vào vì một chiếc Honda phóng ngang qua. Xe cộ đông nghẹt, chen chúc nhau.

Bác cảnh sát loay hoay trên cái bục giữa ngã tư trông thật vất vả. Chẳng rõ bao giờ mới có một hệ thống đèn lưu thông.

— Chợ tết năm ni có vẻ buồn bác hỉ ?

— Chớ tui hỏi cô, tiền mò mà mua sắm nữa. Làm ho ra máu cũng không theo kịp, vật giá đắt đỏ, gạo mấm leo thang. Tui đạp xe từ năm giờ sáng đến tối mịt, giành giật từng người khách mới được vài trăm bạc. Riết rồi không ai đi xe nữa. Họ đi bộ. Thất lưng buộc bụng, khắc khổ cô ơi.

Tôi cười, xót xa. Chiến tranh khiến dân chúng trưởng thành. Bác phu xe đã nói một cách tự nhiên và sành sỏi danh từ lớn lẽ ra dành cho các chính trị gia, kinh tế gia.

Tôi nhìn hai bên đường. Ngõ vào nhà sao lạ hoắc thế này. Những dãy nhà lâu mới mọc lên, vênh váo. Tôi trả tiền, chào bác xe. Chiếc valise khiến tôi không thể bước nhanh. Còn có mấy thước mà sao tôi nôn nóng quá sức, chỉ muốn bay ngay vào nhà.

Chị Duyên đang rửa ly tách trước hiên, trông thấy tôi trước nhất. Chị phóng ra cổng, giăng lấy chiếc valise trên tay tôi, chạy vào, kêu lớn :

— Thu về, Thu về, Mấy đứa ơi...

Hai em tôi chạy ra. Chao ơi, sao chúng thay đổi nhiều thế. Bé Tâm năm ngoái tóc cùn cớn như con trai giờ đã phủ ngang vai, cặp mắt to lém lỉnh chớp lia chớp lịa. Vũ, cậu em út thì đứng cắn móng tay, nhìn tôi, cười cười. Tôi nhay một bước dài từ cửa, bế thốc Vũ lên rồi ôm lấy Tâm, siết mạnh. Cả bốn chị em cùng ré lên cười.

Chị Duyên soạn những món đồ

ra, sắp trên đi văng. Thịnh thoảng chị ngược nhìn tôi, hai mắt long lanh. Có lẽ chị cũng như tôi, mừng đến nghẹn ngào. Tôi chạnh nghĩ, mai kia lỡ hai đứa có chồng xa nhau, làm sao chúng tôi chịu nổi.

— Răng hôm qua Thu không về đưa ông táo cho vui ?

— Em mua vé không được, phải nhờ mấy người bạn. Chen không nổi nôi.

Tôi cởi giày, đi lung tung từ nhà trên xuống nhà dưới, từ buồng trong ra buồng ngoài.

— Cha chưa về hả chị Duyên ? Mẹ cũng chưa nghỉ bán hả ?

— Gần mười hai giờ, cha cũng sắp về rồi đó. Mẹ thì còn bữa ni là nghỉ luôn.

Cha tôi đi làm ở sở chẳng nói làm gì, mẹ tôi cho đến hôm nay vẫn còn phải bon chen, vậy mà gia đình cũng chỉ vừa đủ sống.

Căn nhà thân yêu của tôi vẫn không có gì thay đổi. Vẫn bé nhỏ, ấm cúng và quen thuộc. Phía sau nhà, những cây sầu đông, cây ổi khô cần đã bị chặt từ bao giờ.

— Cha về ! Cha ơi, chị Thu về nì, chị Thu ơi, chị Thu...

Tâm vừa gọi vừa chạy xuống. Tôi đi lên. Cha tôi dựng xe, gỡ kính, nhìn tôi :

— Con về chuyển bảy giờ hả ? Thay đồ đi con. Rồi nghỉ một chút đi xuống mẹ cho mẹ mừng.

Giọng cha tôi hiền từ. Vầng trán cha hình như nhăn thêm và mái tóc

bạc thêm. Ôi, đến bao giờ cha mới được nghỉ ngơi.

Tôi thay chiếc áo dài đã nhàu, mặc áo cụt của chị Duyên. Hai đứa đi xuống chợ. Buổi trưa, gian hàng vắng khách. Mẹ tôi ngồi trầm ngâm. Tôi đi vào, hình như mẹ tôi giật mình. Bà đứng lên.

— Chao ơi, Thu đó hả con. Ráng không đánh điện cho chị đi đón.

Tôi ngồi xuống bên mẹ. Mẹ đặt tay lên vai tôi, vuốt tóc, vuốt lưng, nhìn tôi từ đầu đến chân.

— Tóc con dài quá. Con xanh hơn năm ngoái, ốm nữa.

Tôi cúi đầu, mân mê bàn tay gầy của mẹ, kể cho mẹ nghe về chuyến hành trình vừa rồi. Đôi mắt mẹ không rời tôi, và tôi cảm thấy mình đang nghe thay vì nói. Trong đôi mắt mẹ, hình như những câu hỏi thành hình. Mẹ hỏi tôi đã sống thế nào, đã ăn ngủ thế nào, đã vui buồn, bè bạn ra sao, trong cả một năm trời xa mẹ. Và trong bàn tay mẹ, tôi cảm thấy đời đời mình vẫn chỉ là một bé con yếu đuối.

Trong nhà tôi, việc đón Tết coi như đã sẵn sàng. Những đồ thờ bằng đồng đã được đánh bóng, sáng rỡ. Màn cửa đã được thay mới. Những tủ chén đĩa ly tách được soạn ra, lau rửa lại. Mẹ tôi, đã nghỉ bán và chị Duyên đã nghỉ sở dành hết thì giờ vào việc sửa soạn Tết.

Mẹ mua những thứ trái cây để làm mứt chất đầy nhà. Cả ngày mẹ và chị Duyên bận tít tít với những con dao và cái lò rim mứt. Mẹ còn thêm cho chị

Duyên vài kiêu mứt mới, và tôi chỉ là kẻ dự thính trong những buổi đó.

Nhìn chị Duyên gọt tía công phu những củ cà rốt, củ cải, tôi có cảm tưởng lọ dưa chua của chị phải ngon gấp mười lần những thứ dưa thường mà thật thế, chỉ nhìn những chiếc thau trong những ngăn tủ kính đã thấy rõ là một công trình không phải nhỏ. Những trái kim quất mọng nước đường, vàng óng ả, những múi mứt măng cầu trắng trẻo trong lớp giấy gương. Thau mứt chùm ruột với những trái bé xíu màu đỏ thắm, rồi mứt cà chua, mứt khế, mứt hồng, mứt dứa, mứt bí, mứt gừng, mứt hạt sen cứ loạn cả lên. Đã hết đầu, lại còn bánh khô, bánh tồ, bánh nòn, hạt dưa, hạt bí, đầy hết các ngăn khiến hai em tôi cứ luôn miệng trông mau Tết. Tôi dành làm mứt me dầm, đó là món ruột của mấy đứa tôi.

Mấy năm nay, cha tôi không còn bỏ công ra chăm sóc những chậu cúc, vạn thọ, thược dược vào dịp Tết nữa. Hình như ông đã cảm thấy mỗi mệt với công việc ở sở làm. Cành mai nhỏ nhỏ đã được cha tôi cắt tía cho vừa mắt. Không đẹp nhưng có còn hơn không. Cha tôi bảo thế. Làm gì có mai đẹp. Mai chỉ có ở vùng quê. Mà quê thì chạy hết ra thành phố. Tết đến, về quê quào vài cành, những cành mai đã được cây tự nuôi lấy không có bàn tay của chủ vườn thì đẹp thế nào được.

Chiều hăm tám. Tôi đòi chị Duyên dẫn đi dạo phố mà tôi nói là «em quên hết rồi, không có chị thì đi lạc đường». Tôi giả vờ thế chứ chỉ có mấy con

đường, nhắm mắt lại tôi còn đi được nữa là.

— Với lại cả năm ni hai đứa mình chưa đi với nhau lần mô cả mà.

Lẽ ra tôi không cần nói thế, vì chị Duyên sẵn lòng chịu tôi. Chị nhắc tôi khoác thêm măng - tô. Từ hôm về, tôi chẳng dám đi đâu. Trời lạnh quá.

Đường phố khá tấp nập. Dù chiến tranh dày xéo, dù cuộc sống dấn vất, ngày Tết vẫn là những ngày thiêng nhất.

— Đẹp ghê chị Duyên hì. Cái cảnh phố xá như ri. Ai cũng mặc áo ấm. Chị coi, gió thổi tung cả tóc mấy người kia.

Hình như khu phố chính quy tụ tất cả những khuôn mặt trẻ quen của thành phố. Trong những tiệm cà phê hai bên đường, khói thuốc tạc thành một khung cảnh ấm êm.

Một đám thanh niên khoác măng - tô Đà Lạt đi ngược chiều, ngoái đầu lại nói lớn :

— Trời ơi, rằng hai người giống nhau thế ni. Chị em hả.

Chị Duyên nhìn sang tôi, chúng tôi mỉm cười với nhau.

Hai chị em ghé vào một hiệu sách. Chị Duyên tới chọn nhạc ở kệ nhạc. Tôi đi thẳng vào phía trong. Một thanh niên đang dở mấy cuốn tạp chí Anh, quay lại. Đó là Hà, một người bạn học hơn tôi vài lớp.

— A, Thu — mới về hả ?

— Dạ, anh cũng mới vô ?

— Cỡ một tuần rồi. — Trường chưa nghỉ nhưng anh chuẩn đại.

— Gan hì. — Huế có chi vui không anh ?

— Không khí ngoài nó cũng tựa tựa Đà Nẵng thôi. Không có chi đáng nói.

Hà ngắm chiếc áo tôi đang mặc, chiếc áo dài màu xanh.

— Chao ôi, lớn quá. Răng, có chi vui chưa cô bé ? Vĩnh gửi thư thường chớ ?

Tôi dạ khẽ, đỏ mặt vì câu nói của Hà. Lớn ? Tôi lớn thật hay là vì chiếc áo dài. Tôi chỉ mới mặc áo màu cỡ nửa năm nay. Hà kể một vài kỷ niệm thuở còn ở trung học. Anh nhắc tên một vài người bạn hiện cũng đang học ở Huế mà tôi nghe thật quen.

— Thu đi một mình ?

— Dạ không, với chị của Thu.

Tôi chỉ về phía chị Duyên. Vừa lúc chị trả tiền xong. Tôi chào Hà. Anh nói :

— Tết anh tới nhà Thu đó. Nhớ đề dành hạt dưa nghe.

Bước ra đường tôi thấy vui vẻ hẳn lên. Về đây, thật dễ gặp lại người quen. Ở Saigon, dù thật thân nhau, nếu học khác phân khoa thì mỗi năm tôi chỉ tới nhà bạn độ vài lần. Đứa ở đầu thành phố, đứa ở cuối thành phố, đi lại thực nhọc nhằn. Chén chân giữa một rừng xe cộ là điều tôi kỵ nhất.

Ở đây, tôi có thể thủng thẳng thả bộ đến nhà từng đứa một, hoặc

xuống các hiệu sách, thế nào lại chẳng gặp bạn cũ.

— Đi một vòng bờ sông nghe chị Duyên.

— Ừ, nhưng lạnh lắm, Thu đi rồi không?

— Được mà.

Hai chị em rẽ qua con đường thoai thoai dẫn xuống bờ sông. Gió khiến tôi không bước đi được, phôi tôi nặng nề như có nước đá. Tôi cứ nấp phía sau lưng chị Duyên, hít hà, khiến chị buồn cười. Đường Bạch đằng tương đối khá, có lẽ vì có tòa Thị chính ở đó. Phía trước tòa Thị chính, cái băng đá dưới giàn biện lý tím đã bị rào lại. Giàn hoa héo xau, buông thõng những giấy leo mỗi một trước cái nhìn thất vọng của tôi. Đây là nơi một vài năm trước lũ bạn và tôi vẫn thường xuống ngồi khi có những giờ nghỉ. Và thường thường, cho đến lúc nước sông dâng lên, vỗ vào bờ làm bắn nước lên mình chúng tôi mới đứng dậy.

Về phía tay trái, ngọn Sơn chà vẫn ung dung với một đám mây lững lờ trên đỉnh. Đó là một địa điểm lý tưởng cho những buổi picnic, vào-ngày-xưa. Con suối nhỏ và những đám hoa dại là nơi ghi rất nhiều kỷ niệm thuở 15, 16 của tôi. Đã mấy năm rồi, Sơn chà trở thành vùng cấm địa, từ khi có những giàn ra đa được đặt trên đỉnh núi. Như một may mắn hiếm hoi, chúng tôi đã được đặt chân trên dãy núi này trong một cuộc trại sinh hoạt. Tôi đã đứng ở lưng chừng núi, ngơ ngác nhìn chung quanh.

Phía dưới chân núi, những dãy nhà gỗ đẹp đẽ và kiêu hãnh, hình như là một bệnh viện ngoại quốc. Trên sườn núi cheo leo, những người phu Việt Nam làm lúi làm việc dưới nắng. Họ đưa cao búa đập liên tiếp bên những tảng đá lớn. Một vài người quảy những chiếc thùng nhỏ bước men trên những triền núi. Trông họ tựa tựa những tù nhân, hay tệ hơn, những nô lệ. Có một nhà máy xay đá gần đó thì phải.

Bây giờ, tôi đứng bên bờ sông Hàn nhìn lên đỉnh Sơn chà, như nhìn một miền đất xa xôi nào đã-không-còn-là-của-tôi-nữa.

Gió lồng lộng, bốn tà áo dài quần lấy nhau. Nước sông đập vào bờ làm bập bênh một vài giẻ lục bình lẻ loi. Có lẽ chúng đã trôi đến từ một nơi xa lắm. Tôi phục những cái hoa cánh tím mỏng manh kia đã tấp được vào đây. Bất cứ một thứ gì trôi qua chân cầu Trịnh minh Thế đều bị bắn nát.

Bên kia đường, tòa nhà bưu điện mới xây cất, đẹp đẽ, trang trọng. Phía trước vẫn còn những bức tường đồ nát, di tích một thành trì ngày xưa của Nguyễn tri Phương. Những họng súng cỡ lớn đã bị rỉ sét chia về hướng sông, có lẽ sẵn sàng nhả đạn vào tàu binh Pháp. Vài hôm nữa, chắc người ta sẽ đập phá hết để xây hàng rào.

Phía trên đầu tôi, bầu trời bị chia nhỏ vì những nhánh cây. Những cây còn khô héo, đưa những cành trơ trọi như những bàn tay. Những cây

công thân yêu ngày nào. Thuốc khai quang đã khai tử chúng.

Chị Duyên chỉ cho tôi.

Đây này, Thu, những cây đàn được trồng lại,

Tôi nhìn mấy cây dừa con còi cọc, ngao ngán. Đến bao giờ chúng mới thay thế được những hàng cây cũ. Bao giờ chúng mới cho tôi, cho lũ em tôi một bóng mát. Thuốc khai quang đã khai quang cả bóng mát của tuổi thơ. Thảo nào tâm hồn những người hai mươi hôm nay đều cháy nắng, cằn cỗi.

Hai chị em đi chậm chậm. Ngang qua một căn cứ Hải quân Mỹ mấy người sĩ quan mặc những bộ đồ da đứt tay trong túi quần nhìn chúng tôi. Có lẽ họ thắc mắc không hiểu chúng tôi đứng nhìn cái gì ở bờ sông vào một lúc lạnh lẽo thế này.

Cầu Trịnh minh Thế vẽ những đường cong rất đẹp trên nền trời trắng đục. Ngày xưa, cầu có tên của một viên tướng Pháp đã bỏ mạng ở Việt Nam: De Lattre. Tôi tự hỏi không biết bao giờ tôi mới được đứng tay một cách thoải mái trên những lan can cầu để ngắm dòng nước đang trôi bên dưới. Bây giờ, những cặp mắt và những mũi súng trên các vọng gác là một đe dọa thường xuyên cho các bộ hành.

Cỏ viện chàm nằm khuất bóng, buồn rầu ở một góc phố. Cây đa lớn vẫn sum sê. Trong óc tôi, những hình ảnh cũ hiện ra. Tôi đã đến đây nhiều lần, đã chơi trên những cầu tuột,

xích đu kia, đã chăm chú vẽ cho giống một vài bức tượng Chàm để lấy điểm như lời cô giáo bảo. Một dân tộc đã bị tiêu diệt. Đây là những gì còn lại của nền văn hóa ấy. Mấy người cảnh sát đã chiến đóng phía trong sân, nằm ngổ la liệt. Rất nhiều kẽm gai giăng kín lối ra vào. Tôi nhớ tới lời hứa với lũ em. Làm sao dẫn chúng vào xem như lời chúng thường ao ước đây. Những bức tượng thấp thoáng bên trong hình như đang nhìn ra bên ngoài, qua những vòng kẽm gai. Hình như chúng có một ước ao nào đó, muốn được thoát ra ngoài những vòng kẽm tủa. Tôi tự hỏi có bao giờ mình cũng biến thành những bức tượng như thế chẳng.

Không !!! Tôi kéo tay áo chị Duyên, hai đứa đi lui trở lại.

— Kẽm gai nhiều quá chị Duyên ơi.

Không nhìn tôi, chị Duyên quay sang phía dòng sông.

— Nước sông Hàn trong và xanh ghê chưa. Rứa mà có một thời gian nước đã đục đi vì lụt đó, Thu nọ.

Tôi ậm ừ. Vâng, có lẽ nước sẽ cuốn trôi tất cả rác rưởi ra một vùng biển xa xăm nào đó.

Khi đã mỏi chân và không còn chỗ nào để đi, trời đã tối, chúng tôi ghé vào chợ. Chị Duyên mua thêm vài ký kẹo, mấy chai rượu, một ít trái cây. Đó là những thứ dành cho bọn trẻ tuổi. Phố đã lên đèn từ lâu. Ai nấy vội vã bước nhanh.

— Tết mới được đông người như

ri. Thu biết không, ngày thường cỡ bảy tám giờ là người ta lo đóng cửa hết cả. Đạo ni hay nề lắm.

Tôi nhìn quanh. Quả thật, phố xá đã mất hẳn cái sinh khí một ngày cận Tết. Có phải là bảy giờ bốn, mười chiều hăm tám tháng chạp không đây.

Trong một quán cà phê, người thu ngân ngồi chống tay nhìn những bàn ghế trống. Một giọng hát rã rời vọng ra.

— « Anh nằm xuống, sau một lần đã đến đây... »

Đời sống và nỗi chết ôm lấy nhau.

oOo

Ba mươi Tết. Từ sáng sớm mẹ và chị Duyên đã lo gói bánh tét. Mẹ muốn nấu chín để kịp vớt cúng giao thừa. Tôi phải làm bữa cơm rước ông bà, một bữa cúng chay. Tụi em lặt xăng bên tôi, lặt rau, gọt trái cây. Đứa trẻ giúp việc vặt đã xin về quê từ hôm hai mươi. Mẹ vẫn chú ý vào việc làm của tôi, từng lúc. Mẹ bảo :

— Tập làm cho quen. Lớn rồi.

Câu nói của mẹ khiến tôi cúi mặt. Tôi nghĩ tới Vĩnh. Lá thư của anh, tôi vẫn còn cất trong tập, chưa trả lời.

Còn lại mười hai giờ, chúng tôi dọn cơm lên cúng. Cha tôi quỳ trước bàn thờ lẩm râm khấn vái. Đèn sáng trưng. Bức vải điều phủ trên bức hình ông nội bề nội được giờ xuống khiến tôi thấy bàn thờ có vẻ là lạ.

Buổi chiều, khi mọi công việc đã xong xuôi, tôi xin phép mẹ ra khỏi nhà, nói là đi xem cảnh đường phố

chiều Ba mươi Tết, tôi dắt theo hai đứa em. Trời lạnh cắt ruột. Mặc hai áo len, khoác thêm áo choàng thể mà hai hàm răng tôi cứ đập vào nhau. Hai em tôi có vẻ thích thú được đi như vậy lắm. Chúng ôm lấy hai cánh tay tôi.

Hầu hết các nhà đều kéo kín cửa. Một vài gian còn mở hé. Họ đang rước ông bà, khói hương nghi ngút. Trên những lan can lầu, vài thanh niên nhìn xuống đường, những đầu thuốc đỏ rực lên khi có gió.

Tôi hỏi đứa em về thầy cũ, một giáo sư :

— Thầy Quân còn dạy trường Tâm không ?

— Dạ hết rồi. Thầy về hưu rồi.

— Chừ thầy làm chi ?

— Em cũng không biết nữa, mà đều mấy đứa bạn trong lớp nói là thầy đi xe thồ.

Đi xe thồ. Đó đâu phải nghề của một người ốm yếu, ít nói như thầy. Tôi nhớ đến hai người con thầy đang học ở Saigon đều học sư phạm. Vài năm nữa, họ sẽ ra trường, tiếp tục nghề dạy của cha. Thầy Quân đã dạy tôi, dạy em tôi và bây giờ thầy đi xe thồ.

Ba chị em đi qua chợ. Những ngọn đèn soi rõ bức tranh hỗn độn. Trên mặt sinh màu đen sánh đặc, lẫn lóc những trái cây thối, những giấy gói đồ, những rác rến của cả một năm cũ. Thật không còn gì xơ xác hơn cảnh chợ chiều ba mươi. Vài gian hàng vẫn còn mở cửa, cố níu kéo

những người khách cuối cùng. Tiếng một người đàn bà vọng ra.

— Chao ơi, bán tháo bán đồ thế ni mà không ai mua thì làm chi cho hết hả trời.

Tôi nhìn vào. Những đồng bom cam cao ngất nghều như nhạo báng nỗi tuyệt vọng của người chủ hàng. Dù có nhiều vitamin, trái cây vẫn là một xa xỉ phẩm.

Những bãi rác không lồ khắp đường bốc một mùi chua chua thật gớm ghiếc khiến tôi lợm giọng. Một gian hàng hoa được dời ra ngay trên mặt đường. Người bán mời tôi, gần như nài nỉ :

— Cô ơi, mua dùm một chục đi cô. Tươi lắm ngày mai nở vừa kịp đó.

Ban chiều mẹ tôi đã mua mấy chục hoa rồi nhưng tôi cũng dừng lại. Những bó huệ trắng muốt óng ánh nước, những búp glaiêul tươi rói. Tôi lựa mấy hoa cúc vàng, một búp hồng đỏ, vài nhánh măng tây rồi trả tiền. Người đàn bà thối lại, rồi rít cảm ơn. Tôi nhìn thấy trên ngực bà ta một miếng băng tang.

Bước đi, tôi chia cho hai em mỗi đứa một hoa cúc:

— Hoa cúc tượng trưng cho sự cao quý của giòng giống.

— Việt-Nam hả chị Thu.

Câu hỏi của Vũ rất bất ngờ nhưng tôi cũng ừ.

Đường vắng tanh. Thỉnh thoảng một người còng lưng trên chiếc xe đạp vút qua. Trước mắt tôi chỉ có

những ngọn đèn đường. Ánh điện rải một thứ ánh sáng trắng trẻo lên lề đường dơ bẩn. Khuất trong tối, người phu quét đường chậm chạp đưa từng nhát chổi. Có lẽ ông ta là người phải làm việc cho đến phút chót của năm.

Đến khu phố chính của thành phố, ba chị em tôi quay lại. Gọi một chiếc xích lô vừa trở tới, chúng tôi ngồi lên. Hai em tôi có vẻ dăm chiêu chẳng hiểu chúng đang nghĩ gì. Tôi gọi chuyện với bác xe :

— Giờ ni bác còn chạy xe nữa không bác ?

— Định chở cô xong tui về đây. Còn rước ông bà nữa cô ơi.

Tôi ngồi im, không dám hỏi thêm. Với người nghèo, cái khổ phải được chia sẻ cho cả ông bà nữa.

Vũ chỉ vào cái bóng chúng tôi in trên đường, reo lên. Cái bóng đổ về phía trước, chạy lùi chầm chậm, gần dần, đứng lại rồi ngã về đằng sau, lúc một dài ra. Tôi giải thích hiện tượng đó do những ngọn đèn đường cách quãng nhau, cái bóng khi đến gần một cột đèn nào sẽ đổi chiều theo cột đèn đó.

Hình như lâu rồi em tôi không có dịp đi đâu vào ban đêm. Thành phố Đà-nẵng giới nghiêm từ 9 giờ tối.

oOo

Chiều mùng một, tôi ngồi khai bút cho Vĩnh. Đã ba năm nay, luôn luôn Vĩnh là người tôi viết cho trước tiên. Tách trà trên bàn vẽ những đường khói ảo lả trên bức tường màu xanh. Cành mai chỉ mới nở vài bông. Hình như vì trời lạnh quá. Đóa Lồng tôi

cắm trong chiếc lọ nhỏ vừa hé nở, tỏa một mùi thơm rất nhẹ. Đỉnh trầm nghi ngút trên bàn thờ khiến không khí quanh tôi có vẻ ấm áp và thanh thoát.

Tôi đọc lại bức thư của Vĩnh :

« ... Dù đã tự hứa là sẽ không buồn, anh biết mình sẽ chẳng giữ được lời. Lần này là lần thứ ba anh đã phải ăn Tết một mình. Kề ra cũng có bạn bè đó nhưng họp nhau lại mà mặt đũa nào cũng buồn bã, đăm chiêu thì cũng chẳng hơn gì. Vả lại, thành phố này chỉ có rất ít sinh viên Việt-nam.

« Không đâu bằng quê hương cả, Thu nhỉ. Dù quê hương có điều tàn xơ xác hay thế nào chẳng nữa. So sánh thành phố của chúng mình và thành phố anh đang sống, về phương diện kỹ thuật, thật là một trời một vực. Nhưng anh tin chắc không có dân tộc nào trên thế giới chịu đựng được một cuộc chiến dài dai như trên quê hương mình.

« Ở đây bình yên quá, sự bình yên đôi khi khiến anh khó chịu. Nhiều lúc anh có một ao ước rất độc ác là phải chỉ nơi này cũng biến thành một vùng lửa đạn, để anh xem phản ứng của dân chúng thế nào. Họ sống hồn nhiên quá, hơn cả một trẻ em nước mình.

« Nhiều đêm khi giật mình thức giấc, anh không sao ngủ lại được vì cảm thấy thiếu thiếu cái gì. Hình như là tiếng súng ì ầm, hình như là tiếng phản lực gầm gừ, hay là cái ánh sáng hỏa châu bệnh hoạn. Tuổi trẻ mình đã

buộc chặt với chiến tranh mất rồi. Anh ngồi dậy, mặc áo quần vào đi xuống những công viên trong thành phố. Sau một ngày sống no đầy, thành phố ngủ một giấc thật phủ phê. Anh cảm cúi bước như một tên không nhà. Những đóa hoa trong vườn như kiêu ngạo với vẻ đẹp của mình, lộ vẻ trêu cợt sự điên rồ của anh, lang thang vào lúc hai ba giờ khuya trong mưa tuyết.

« Thu ơi, gần Tết rồi. Tết. Tết. Ôi ! Anh nhớ nhà quá. Nhớ Thu quá. Nhớ tiếng pháo ròn rã trong đêm giao thừa. Nhớ những con đường xôn xao quần áo mới. Nhớ hương trà và vị cay của lát mít gừng. Nhớ buổi sáng đầu xuân lác rắc mưa phùn. Nhớ cây sấu đông buồn ủ rũ trong những cơn mưa. Nhớ nhiều, nhiều lắm, Thu ơi.

« Ba năm rồi, anh không được nhìn thấy những hoa sấu đông bé nhỏ, duyên dáng ấy. Ba năm rồi, mau nhưng lâu quá phải không Thu. Còn mấy năm nữa...

« Nhưng thôi, anh không thêm buồn như thế nữa vì đã có Thu ăn Tết dùm anh mà. Nhớ nghe, Thu.

« Mấy món quà Thu gởi qua khiến anh cảm động. Nhưng quý nhất thương nhất vẫn là tấm hình của Thu. Thu mặc áo màu sậm trông lạ hẳn ra. Cô gái con ông chủ nhà khen Thu khả ái đó.

« À, Thu có đi chùa T.Q. không. Anh gởi lời thăm khu vườn ăn trái nhé. Anh biết rằng đêm nay anh bị mất ngủ. Gởi Thu tất cả những thương nhớ của anh...»

Tôi chớp mắt. Ba năm rồi. Hân Vinh đã khác đi nhiều lắm, cũng như tôi đôi khác. Tôi còn nhớ cặp mắt sáng, lúc triu mẩn, lúc tinh quái của anh, đôi môi ngạo nghệ và khuôn mặt bất cần đời. Bỗng dưng một tình cảm dào dạt dâng lên khiến tôi muốn khóc. Tôi muốn có Vinh bên tôi, ngay bây giờ. Chúng ta cách xa nhau nhiều quá, Vinh ơi.

«Anh Vinh,

«Chiều mồng một, em đang ở nhà. Ở nhà để viết cho anh, vì có bạn tới rủ đi chơi mà em không đi. Em đang hưởng những ngày Tết đáng nhớ nhất, những ngày đầu tiên của năm hai mươi tuổi. Giã từ tin-tin rồi đó, anh Vinh. Anh có biết là em buồn đến thế nào không. Chẳng bao giờ tìm lại được tuổi mười chín nữa, phải không anh.

Khi hôm, giờ giao thừa, em nằm thao thức nghĩ lan man đến trăm thứ chuyện. Dĩ nhiên nghĩ đến anh, nhiều nhất. Chung quanh em, một yên tĩnh lạ lùng. Hằng đêm, có tiếng súng ầm vang về Nhưng đêm này, huy chiến. Hân những người lính của cả hai bên đang nát lòng nghĩ đến gia đình. Dù huy chiến nhưng nào có ai được về nhà đâu. Đèn trên bàn thờ chói ngợp, ba em đang làm lễ Giao thừa.

Mười hai giờ, bỗng có tiếng pháo dòn tan. Đã có lệnh cấm đốt pháo nhưng vẫn có người làm và vẫn có người đốt. Họ không đáng bị trừng phạt. Tết mà không có pháo thì còn chi nhạt nhẽo hơn. Đã ba năm ni nhà em không đốt pháo. Đó là một thiếu

sót lớn, phải không anh Vinh ? Buồn ghê.

«Em ra đứng trước hiên. Nền trời âm u, lặng lẽ. Gió thổi từng luồng buốt cả da. Viên Trung úy trước nhà em bắn một loạt súng chỉ thiên. Tiếng nổ khiến em vui quá. Giá mà giờ đó súng có loạn cả lên em cũng ngỡ là pháo. Hân không có ai ra đường vào giờ đó cả dù giới nghiêm được giải tỏa một đêm.

«Sáng ni, em đi chùa sớm với mẹ và chị Duyên, lúc bốn rưỡi. Mẹ bảo xuất hành giờ đó mới tốt. Em quỳ sau lưng mẹ. Đố anh biết em cầu nguyện điều chi. Em xin một cái Tết thanh bình, ngày đó mọi người đều mặc quốc phục. Con gái thì mặc áo dài hân rồi nhưng con trai cũng phải áo dài khăn đóng. Chắc vui lắm, anh Vinh hỉ. Anh cũng mặc áo dài chứ bẽ. Nhưng, có phải áo dài người ta hay mặc để làm... đám cưới không anh? Em thấy mắc cỡ vì ý nghĩ của mình.

«Rồi em xin một điều riêng cho em. Đố anh biết điều chi. Em không nói ra đâu. Anh có đoán được thì đoán.

Lúc về, em cũng hái một cành lộc. Sáng ra, mới hay đó là một cành ngâu. Có phải mưa ngâu là nước mắt của Chức nữ Ngưu lang không hở anh.

«Trời Đà nắng lạnh lắm, nhưng chắc không thắm vào đâu so với xứ anh đang ở. Hình như khoảng 10°. Nhưng chừng nó đủ khiến em không dám ra đường rồi. Em đã

uống dùm anh một tách trà rồi đó. Và cho em một tách nữa, tưởng tượng là anh đang cùng ngồi uống với em. Anh ăn mứt gì ? Mứt gừng ? Hay là mứt me do em làm, chua chua, ngọt ngọt, ngon lắm.

« Có lẽ chiều mai hay chiều mốt em sẽ đi chùa T. Q. Và thư sau em sẽ gửi cho anh một món quà bất ngờ... »

Tôi nhìn đóa hồng trước mặt. Tôi sẽ ép và gửi qua cho Vĩnh. Hân là anh vui lòng.

Phía nhà sau, mọi người đang đồ xẩm hường. Tiếng hột va vào thành bát leng keng. Tiếng hô vang lên từng lúc :

- Tứ tự.
- Nhị hường.
- Thượng mã.
- Hạ mã.

Tôi gấp sách lại. Sẽ viết tiếp cho Vĩnh mỗi ngày, kể cho anh tất cả những chuyện xảy ra trong lần Tết thứ hai mươi của tôi.

oOo

Chiều mồng ba, mẹ đi chùa T. Q. bảo tôi và Vũ đi cùng. Thế là giữ được một lời hứa với Vĩnh.

Trên xe, tôi ngồi phía ngoài để dễ nhìn ra hai bên đường. Xe rời thành phố thì trời lắt rắc mưa phùn. Vùng ngoại ô có vẻ im lìm, kém rộn rịp. Những đồng rác cao ngất ở phía bắc thành phố vắng bóng những trẻ em la lết. Ít ra các em cũng được hít thở cái không

khí trong sạch trong một đôi ngày. Một khu tân lập nằm giữa một nghĩa địa rộng lớn. Đây là những dân mới định cư trong vài năm nay. Họ đã xây nhà ngay trên những ngôi mộ. Thật là kinh khiếp đối với tôi nếu phải kê giường trên một phần mộ nào đó.

Câu chuyện của hai người thanh niên rất trẻ bên băng kia lọt vào tai tôi :

— Chừng nào mày đi trình diện ?

— Đừng hỏi. Khi mô tau thích thì tau đi. Ăn cái Tết ni xong đã. Lĩnh chi cũng là lính. Thủ đức cũng là lính mà Quang trung cũng là lính.

Màn mưa khiến cho những dãy núi quanh thành phố trở thành mờ nhạt. Càng xa những dãy núi càng trở nên hư ảo như trong một cơn mơ. Thành phố dấu yêu của tôi được che chở bởi những vòng tay thiên nhiên. Tôi nhìn những dãy núi hiền lành dễ thương kia tự hỏi vì sao trở về đêm chúng lại xanh xanh đỏ đỏ một cách dĩ thỏa đến không ngờ.

Vùng đồi này có rất nhiều lính Mỹ. Ngày thường có những cô gái áo quần lòe loẹt phấn son diêm dúa đứng hai bên đường chờ xe Mỹ đi ngang là vẫy kêu lên ầm ỹ. Hôm nay đường vắng tanh. Có lẽ các cô ấy cũng dành một vài ngày để nhớ tới ông bà. Đa số các cô đã đến từ các vùng lân cận hơn là đã sinh trưởng ở thành phố.

Xe qua một khu phố đã bị thiêu rụi trước đây vì một vụ nổ kho đạn. Nhà một chị bạn của tôi cũng thuộc vùng này. Nhà chị là một ngôi nhà

cổ và khang trang nhất xóm trước kia. Bây giờ nhìn những dãy nhà mới được cất lên tạm bợ tôi chẳng biết nhà chị thuộc dãy nào. Nhà nào cũng trông như nhau, cũng vá vúi một cách thảm hại. Vách là những tấm gỗ tháo từ thùng Mỹ. Mái là tôn thứ mới, được chằng thêm những bao cát, có lẽ để gió khỏi thổi trốc. Bụi đỏ đóng từng lớp dày trên tất cả các mái. Tôi đọc được những dòng chữ nguệch ngoạc : ice cream, barber-shop, tailor. Vài gian nhà được cất bằng gạch, có vẻ cách biệt với chung quanh, kẻ những bảng hiệu màu sắc lòe loẹt ; vài cô gái đứng ở cửa ngõ trông ra đường.

Một chiếc xe dodge Mỹ chạy ngang, có tiếng reo hò tỏ mở vọng xuống, một vài chiếc đầu thò ra, nheo mũi, nhìn mặt. Tôi quay mặt vào phía trong.

Xe đỗ bến. Lác đác chỉ có vài chiếc xe đang đậu chờ khách. Vùng ngoại ô này cũng thuộc hạng đông dân nhưng ngày Tết trông vắng và buồn quá. Vài đứa trẻ chạy đùa trên hiên nhà nhìn ra rồi thản nhiên tiếp tục cuộc chơi. Mẹ dắt tay em Vũ.

Ba mẹ con đi chậm chậm. Qua một vài đường đất, ngõ vào chùa rất quen thuộc, hơi vắng lạnh một chút. Trong những nhà hai bên đường vang lên những giọng nói miền quê. Vài cô gái đứng trong sân, nhìn tôi với vẻ tò mò.

Cổng chùa mở rộng. Một đám trẻ con đang ví nhau trong sân. Những chiếc áo ấm dày che bớt một phần

các cặp đồ mới toanh của chúng.

Ngôi chùa bị sụp hẳn một bên đang được sửa sang lại. Trước đây một chiếc phi cơ bị hỏng máy đã tạo nên tai nạn khủng khiếp ở vùng này. Cả một vùng rộng lớn đã bị san bằng khi chiếc phi cơ trên lết đi một khoảng hàng trăm thước. Ngôi chùa cũng nằm trong số những thiệt hại do tai nạn đó. Tôi nói với mẹ.

— Cõi có vẻ buồn thảm ghê hả mẹ.

Mẹ gật đầu. Ba mẹ con vào lễ Phật. Điện Phật vẫn trang nghiêm. Mẹ cho hai đứa qua chào vị thượng tọa trụ trì. Rồi mẹ ngồi lại hầu chuyện. Tôi dắt Vũ ra phía vườn rau. Những loại cây ăn trái được trồng thành luống, mơn mẫm tươi, có vẻ được chăm sóc kỹ càng.

Tôi chỉ cho Vũ những cây trong vườn :

— Đây này, Vũ thấy những dây đậu tây không, đậu mà mình hay xào với thịt đó. Cà tím là để hấp cơm hay nướng. Vũ thấy giàn su nhiều trái ghê chưa. Đây này những trái chanh còn non, khéo kéo gai chanh sướt vào mặt. Đó kia, hoa cải vàng đẹp không. Cây cà pháo ní người ta làm mắm đó..

Em tôi bỗng hỏi lại :

— Răng em thấy cái nhà mình ăn không có hoa nơi thờ.

— À, vì đó là cái non. Còn ở đây thấy đề giống, lấy hạt, đem gieo chỗ khác.

Vũ ngó mấy bụi ớt xiêm, trái nhỏ xiu, lại có những cây ớt tím, ớt vàng

chen vào. Dưới gốc cây vả, những trái vả bám chi chít.

Những luống xà lách chạy dài đến cuối vườn, tươi nõn. Một chú tiểu đang giặt đồ ở phía giếng nở một nụ cười hiền hậu với hai chị em.

Tôi dắt Vũ ra sân giữa. Trước những bụi cúc, hai cây anh đào trổ hoa lác đác, những đóa hoa bé nhỏ có vẻ khờ dại và lẻ loi. Tôi dạy Vũ phân biệt một cây trắc bách diệp với cây thuộc bài, những cây tùng và cây thông thiên, thiên tuế. Đàng xa là những gốc mít, gốc xoài rất già cạnh những cây bồ đề mới được trồng.

Đứa em chín tuổi có vẻ ngạc nhiên với tất cả. Chưa bao giờ em tôi được trông thấy một cảnh vườn rộng lớn thế này. Đề mặc Vũ chạy rong khắp nơi, sờ cái hoa này, ngửi chiếc lá kia, tôi tới ngồi trên một bụi thềm. Trong những bồn được viền quanh bởi gạch đỏ, những bụi mồng gà rực rỡ bên cạnh hoa dạ lai hương màu tím. Bên cạnh tôi, những chậu hải đường với những hoa be bé màu hồng, lá hải đường thật xanh và bóng láng. Những chậu cúc trắng cúc vàng với những hoa sồn sò, sung mãn. Khắp chợ hoa ở Đà Nẵng cũng không được một chậu cúc thế này. Tôi cúi xuống trên những bông hoa. Mùi hương rất nhẹ chỉ nghe thoang thoang.

Đưa mắt qua khu vườn ăn trái, hồn tôi bỗng nhiên vàng vọt một chiếc lá thu. Trong khu vườn có

rất nhiều ổi, đào, vú sữa, măng cầu, sabotis đó, lần đầu tiên tôi đã gặp Vĩnh. Bốn năm rồi. Có lẽ ngày ấy tôi bé lắm vì câu đầu tiên mà Vĩnh nói với tôi là :

— Cô bé ơi, làm chi đó ? Hái cây hả ?

Tôi rất ghét ai kêu mình là cô bé, nhưng cũng chẳng nói gì, chỉ lẳng lẳng bước đi, tung tức trong bụng vì nghĩ có thể người ta đang nghĩ mình hái trộm.

— Người học giỏi khó tính thật. Năm ni, cô bé còn lãnh một lúc hai ba phần thưởng không ?

Tại sao ông này biết mình kìa, tôi hơi thắc mắc nhưng chỉ đứng im khoanh tay nhìn lên mấy quả đào vừa chín ửng ửng.

— A, cô bé không thích nói chuyện với tôi, cô bé chỉ thích trái cây. Vĩnh với tay ngắt đưa tôi chùm đào ấy. Và tôi, cũng đưa tay đón, vô tình chấp nhận sự làm quen của anh. Rồi Vĩnh tự giới thiệu mình, hỏi tên tôi, tôi trả lời. «Kề ra Vĩnh cũng dễ thương», đó là ấn tượng đầu tiên của tôi về Vĩnh.

Qua mấy năm, tình cảm của chúng tôi vẫn trong trẻo nhẹ nhàng như lần gặp gỡ đầu. Và biến chuyển một cách âm thầm sang một bên tình cảm khác mà tôi không hay. Từ khi Vĩnh viết cho tôi, một ngày cách đây hai năm. «Thu có biết anh không chỉ nghĩ tới Thu bằng trí óc, anh còn nghĩ cả bằng trái tim nữa». Vĩnh khiến tôi thao thức mấy đêm liền. Tôi chẳng biết

phải nói gì với Vĩnh. Trong thư trả lời, tôi không đá động gì đến chuyện đó, coi như sự im lặng của mình cũng đã là một cách trả lời.

Vĩnh ơi, sao vườn xưa xơ xác quá, Lá cây thưa thớt, héo hon. Bây giờ là mùa xuân hờ anh. Sao cảnh vật ứa khô, buồn bã thế này. Có lẽ một phần vì đợi chờ anh đó.

Mẹ đi ra, cúi xuống bên tôi.

— Con gái hư ghê, ra đây ngồi. Thầy hỏi thăm con đó. Vũ mô rồi. Vô chào thầy rồi về con.

Chẳng biết cậu Vũ của tôi chạy đâu mất rồi. Tôi đi vòng quanh, hy vọng tóm được cậu em có đôi chân thỏ. Tôi bắt gặp cậu bé đang niu một hàng rào kẽm gai, nhìn lom lom vào sân nhà bên cạnh. Ở đó, tôi thấy một bầy gà con kêu chiu chít dưới chân gà mẹ, một chú khỉ bị xiềng dưới gốc mít và mấy con ngỗng đang kêu cang-oác. Cơ khổ, em tôi chưa trông thấy con ngỗng bao giờ. Nó bảo:

— Mấy con vịt ni bự quá chị Thu hi.

Chúng tôi chào thầy, lễ Phật rồi ra về. Mẹ dắt Vũ đi trước, tôi bước chậm rãi đằng sau. Nhìn em tươi tắn, trong sáng như một bông huệ tung tăng nắm vạt áo dài của mẹ, tôi thấy buồn nghèn nghẹn. Bây giờ em tôi chín tuổi. Chiến tranh có còn tiếp tục mười năm nữa hay không? Chính tôi, cha mẹ tôi tưởng dễ được hít trở không khí thanh bình mà rồi tuổi tôi chỉ được ươm bằng tiếng súng. Nếu là con trai, hẳn tôi đã là một mối lo nghĩ cho cha mẹ.

Tôi đưa mắt nhìn hai bên đường. Những khóm tre mới nứt mạng những lá màu xanh cạnh những gốc già đã bị gãy ngang. Tiếng tre nghiêng vào nhau cho tôi cảm tưởng đang bước trên đường làng quê ngoại. Đã lâu lắm rồi tôi không được về quê, miền quê đã cưỡng bị đoạt và san bằng bởi xe bọc sắt.

Đây là vùng mà bụng chiếc phi cơ bị nạn đã lết ngang qua. Trong vòng rào kẽm gai, những thân cây bị đứt ngang, trơ trụi giữa một bãi đất trống. Mắt tôi dán vào những cái gốc sần sùi, cằn cỗi đó, và, tôi trông thấy ..

Ôi ! Mầu nhiệm làm sao ! Có phải những mầm xanh mơn mớn được phủ ngoài bởi một lớp phấn cây mỏng không ? Có phải những chiếc lá li ti non bóng còn dán sát vào nhau đó không ? Tôi buột miệng reo lên :

— Cây sầu đông !

Cây sầu đông yếu ớt, nạn nhân đầu tiên của thuốc khai quang. Cây sầu đông, sau những năm tháng ngắc ngoải, khô hết nhựa đất vẫn còn sống sót, vẫn chống lại được những cơn gió bụi điên đảo của cuộc chiến tranh này.

Sức sống tiềm tàng trong thân cây đã thắng.

Thế nào tôi cũng tìm xin một nhánh đem về trồng trong sân. Ngày Vĩnh về nước, chắc hương hoa đã rộn khắp mùa hè.

Mẹ tôi đang đi, quay lại. Thấy tôi vẫn còn đứng nhìn vào bên trong một vùng kẽm gai, mẹ hỏi :

— Chi đó, con ?

— Chồi non, mẹ à

VÔ ƯU

Thơ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Cảm đề HOA TRẮNG

(thi tập của nữ sĩ UYÊN-HƯƠNG)

Tà áo Giang-Nam nhạc vắng
Gương xưa hồi ảnh nghiêng lòng
Ngày tháng lên theo Hoa-Trắng
Khuôn vàng trong như nước trong.

Thuyền trôi nắng
Bụi mê hồng
Trời thơ hẹn với cỏ Bồng tròn sương...
Giữa cõi Vô-thường

Tin trao Hoa-uyên bình hương.
Kìa muôn cánh thiên nga hải hạc
Sớm nay từ những hành tinh khác
Về dệt Hòa-âm trắng đáy gương !

oOo

Cảm đề BAY NGHIÊNG VÒNG ĐỜI

(thi tập của nữ sĩ TUỆ-MAI)

Vẻ tuyết bay nghiêng vòng đời
Qua bao nhiêu trạm Không-Thời rồi đây ?
Trường đình một nghỉ cánh mây
Càng tăng độ dốc cho đầy chiều cao ...
Ba ngàn thế-giới đêm nào
Đường bay thẳng đứng, Thơ vào truyền tin ?

Sài-đô tiết Đông-Chí
năm Tân Hợi (25-12-71)

GHI-CHÚ — Hai thi tập HOA TRẮNG và BAY NGHIÊNG VÒNG ĐỜI của đôi khuê-hữu này đã được ấn hành trong khoảng thời gian sau tiết Trùng-dương và đã hoàn tất vào những ngày đầu của tiết Đông chí (tháng 12 Tây lịch 1971)

XUÂN DU

Thơ BÙI KHÁNH ĐÀN

Áo

Cúi gắm sên sang nhuộm nắng trời

Hương rừng từng lớp dậy Mùa Tươi

Tơ tri kỷ mắc đường ngang dọc

Vàng cổ nhân pha tiếng nói cười

Biển cuốn Đài Thơ trên sóng mắt

Thành nghiêng Lầu Nhạc giữa làn môi

Gió xuân hẹn khách ngoài muôn dặm

Tó bóng hoa đương hiện bóng người

Mùa xuân trở lại thành

Thơ LÊ PHỒ ĐỨC

Mùa Xuân trở lại thành

Chiếc nạng chống thay chân

Kính đen buồn che mắt

Xót đau cũng khó dần

Mùa Xuân trở lại thành

Con đường không ánh đèn

Tôi lần tìm khu phố

Ngôi nhà còn tro đen

Mùa Xuân trở lại thành

Người mẹ xưa đã khuất

Thân xác cháy rã rời

Trong lửa đạn Mậu Thân.

Mùa Xuân trở lại thành
Hỏi cha người bị bắt
Chôn sống mùa loạn trước
Hỏi chị người đã mất
Trong trận lửa bom sau !

Mùa Xuân trở lại thành
Đề khóc người em gái
Theo chồng ở Hậu giang
Chết trong đêm pháo kích
Khi chiến tranh vào làng

Mùa Xuân trở lại thành
Tưởng nhớ người bạn thân
Lên đường buổi đầu Xuân
Được tin về cuối Hạ
Xác anh chìm đáy sông

Mùa Xuân trở lại thành
Vợ dứt sớm sữa con
Ngực dành tay dì chúng
Say ánh sáng vũ trường
Kỷ niệm vui quên lãng
Đừng nghe hồn trống không

Mùa Xuân trở lại thành
Tiếng nạng khua chiều vắng
Đi tìm những người thân
Tôi lẫn vào nghĩa địa
Khi trời xuống hoàng hôn,

Câu đối Tết Nhâm Tý

BẢO - VĂN

Dán TÒA-soạn BÁCH-KHOA

*Mấy trăm số phát hành, chuyện lạ, văn hay
Thời đại Tết*

*Mười sáu năm xây dựng, lời cao, ý đẹp
Bách-khoa Xuân*

Dán NGHỊ TRƯỜNG

*Chúng tôi đã phờ râu, chỉ muốn **Tương-lai**
thêm sáng sửa*

*Các ngài đều nặng túi, đâu cần Nghị-viện
bớt lem nhem !*

Dán ĐẤT NƯỚC

*Hết cảnh ăn nằm, Heo đọi Xuân sang lê bụng cút
Gặp thời đục khoét, Chuột chờ Tết đến kéo đuôi về !*

Dán LIÊN-HIỆP-QUỐC

*Hồi, Ấn đã giao tranh, phát động mới ghê
trò Bép-nép !*

*Ai, Do còn hục hặc, giàn hòa thêm chán
chuyện U-than...*

Dán ĐỊA CẦU

*Phóng thẳng tới Nguyệt-cầu, dẫu chỉ vài người,
bao kẻ biết*

*Chìm sâu vào Hỏa-ngục, tuy hàng triệu mạng,
mấy ai hay ?*

đàm thoại với Phạm-Duy về cuộc hội-thảo « Âm nhạc Việt-nam » tại Viện Đại-học Nam Illinois

L.T.S. Nhạc sĩ Phạm Duy vừa có dịp đi qua Nhật, Mỹ, Gia-nã-đại, Pháp... trong vòng 3 tháng, từ thượng tuần tháng 9 đến đầu tháng 12-71.

Khi qua Pháp, đáng lẽ anh còn sang thăm Thụy-điền, nhưng vì bị cảm lạnh ở Ba-lê nên anh phải trở về Việt-Nam sớm hơn dự định. Thấy về Saigon, Phạm Duy bị đau nên Bách-Khoa không tiện hỏi chuyện anh ngay. Nay anh đã khỏe hẳn, chúng tôi xin ghi lại cuộc đàm-thoại sau đây để bạn đọc biết những hoạt động của Phạm-Duy ở nước ngoài, nhất là cuộc hội thảo về âm nhạc V.N. tại Đại-học S.I.U. ở Carbondale, miền Nam Illinois, mà anh đã tham dự cùng các nhạc sĩ Trần văn Khê — ở Ba-lê tới — và Nguyễn Vĩnh Bảo, Giáo sư đàn tranh tại trường Quốc gia Âm-nhạc Sài-gon.

Cách đây đúng 5 năm (trên Bách Khoa số kỷ niệm 10 năm () Bách-Khoa đã có dịp phỏng vấn Phạm-Duy, sau chuyến đi Hoa-kỳ đầu tiên của anh. Trong cuộc đàm thoại này tác giả « Tâm ca » đã có dịp nói tỉ mỉ về chuyến đi của anh cùng các loại nhạc mà anh đã sáng tác, cả cuộc đời mê ca hát của anh nữa... Vì khi Bách-Khoa kỷ niệm 10 năm người phỏng vấn đã hỏi Phạm Duy quá nhiều nên trong số BK. kỷ niệm 15 năm này chúng tôi chỉ hỏi anh về chuyến đi vừa qua và cuộc Hội thảo ở Nam Illinois mà thôi.*

Hai lần đi trước.

BÁCH KHOA : Anh đi Hoa-kỳ lần này là lần thứ mấy ?

PHẠM DUY : Lần thứ ba.

B.K. Hai lần đi trước anh đi vào những dịp nào ?

P.D : Lần đầu vào năm 1966, Chương trình trao đổi Văn hóa mời tôi đi viếng nước Mỹ. Tôi là một khách được mời — cùng một vài người V.N nữa — và một số người các nước khác nữa như Hi Lạp, Phi châu v.v. cũng được mời như tôi. Thực ra những người được mời là để đi thăm

viếng đất nước Mỹ và để có dịp hiểu thêm về văn hóa, về nếp sinh hoạt của dân tộc Mỹ ; người được mời chỉ là một thứ du khách, nhưng du khách được đãi thọ cả về ăn ở lẫn phương tiện chuyển dịch. Nhưng riêng tôi là một nhạc sĩ, lại có máu du ca trong người, nên hễ ở đâu trình diễn được, hát được là tôi nhảy vô liền : các đài phát thanh, đài truyền hình, các đại hội Dân ca địa phương v.v. Tóm lại mục đích cuộc thăm

(*) Bách-Khoa số 241-242 tháng 1-1967.
— Phỏng vấn do Lê-Phương-Chi thực hiện trên 2 số BK 241-242 và 243.

viếng Hoa-kỳ lần đầu của tôi, không phải như có người đã lầm tưởng, là đề hát Tâm ca, Dân ca cho người Mỹ nghe; tôi không bị bó buộc phải trình diễn cho ai nghe cả, vì tính tôi thích hát nên bất cứ nơi nào biết tôi là nhạc sĩ, mời tôi hát thì tôi nhận lời ngay.

Lần thứ nhì tôi đi cùng một phái đoàn để nghiên cứu gửi một đoàn văn nghệ VN sẽ đi trình diễn tại các nước trên thế giới trong đó có cả Hoa-kỳ; chẳng hạn nghiên cứu về luật lệ của từng nước, như vào đất Mỹ không phải người ngoại quốc nào muốn hát ở đâu cũng được. Tổ chức Liên hiệp các Nhạc sĩ và Ca sĩ, họ sẽ kiện ngay. Như vậy phải vào tổ chức Liên-hiệp này, rồi khi hát thu được bao nhiêu tiền, họ sẽ đánh thuế, khấu trừ một phần đi. Đại khái như vậy, nghĩa là chỉ nghiên cứu hoàn toàn về địa hạt chuyên môn thôi.

Cuộc hội thảo về âm nhạc VN.

BK : Còn lần thứ ba này.

PD : Lần này thì có một Đại-học ở miền Nam Illinois (Southern Illinois University (S. I. U.)) họ mời. Thực ra họ tiếp xúc với chúng tôi từ trước đây 8 tháng; họ tiếp xúc với ông Trần văn Khê ở Ba-lê, ông Nguyễn Vinh Bảo cựu giáo sư đàn tranh trường quốc-gia Âm nhạc Saigon và tôi. Họ mời ba chúng tôi có lẽ vì cho rằng mỗi người sở trường về một môn. Ông Trần văn Khê là người đã viết một luận án về nhạc cổ truyền V. N. nói rõ: nhạc Việt cổ truyền

như thế nào, chịu ảnh hưởng của nhạc Trung-Hoa, nhạc Chăm... ra sao tức là nói đến tương quan nhạc Việt với nhạc Á-châu. Ông Nguyễn Vinh Bảo là một người tài hoa, đánh được đủ mọi thứ đàn cổ truyền và đặc biệt là theo đúng truyền thống V.N., ông làm đàn cũng rất giỏi như chơi đàn. Riêng về phần tôi thì tôi nghiên cứu nhiều về dân nhạc, không phải tôi chỉ biết về nhạc dân tộc Việt, mà cả dân tộc Chăm, dân Việt gốc Miên và những dân tộc khác trên đất nước Việt-Nam nữa...

Có điều may mắn là cả 3 người đều nói thông thạo được tiếng Anh. Nếu không lại phải mượn một thông dịch viên nữa thì cũng phiền.

B.K. Nhưng tại sao họ lại mời các anh sang để nói về âm nhạc Việt-Nam

P D : Nguyên là ở Đại-học này có một Trung tâm Việt học. Trung tâm này dạy cho người Hoa kỳ biết về văn chương, về lịch sử V.N. v.v.. có các giáo sư Việt như Giáo sư Nguyễn đình Hòa, Giáo sư Nguyễn khắc Hoạch mà chúng tôi đã gặp cả ở bên đó. Ban Giám đốc của Trung tâm muốn cho các sinh viên hiểu biết thêm về Văn hóa V.N. nên mới tổ chức một cuộc hội thảo về âm nhạc V.N.. Trong chiều hướng đó họ cũng có thể tổ chức sau này những cuộc hội thảo khác về hội họa, về sơn mài V.N. chẳng hạn. Ngoài Trung tâm Việt học ra thì Viện Bảo tàng Dân tộc Nhạc học của Viện Đại học cũng bảo trợ cho buổi hội thảo này nữa. Cuộc hội thảo được tổ chức



Từ trái sang phải :
Vĩnh Bảo, Trần Văn Khê,
Phạm Duy ở Illinois

vào ngày 5-11-1971. Buổi sáng từ 9 giờ đến 11 giờ 30 Trần văn Khê, Nguyễn Vĩnh Bảo và tôi lần lượt thuyết trình về lịch sử âm nhạc V.N., nhạc lý V.N., các nhạc cụ cổ truyền V.N., và sự tiến triển của dân ca : dân ca cổ truyền, dân ca hiện đại. Buổi trưa từ 1 giờ 30 đến 4 giờ là mục thảo luận. Những người lên chất vấn, hỏi han, rất sôi nổi, hào hứng, trong số này có cả những ông giáo sư Mỹ, già đời nghiên cứu về âm nhạc. Chúng tôi thay nhau trả lời và có thể nói những người hỏi, sau đó, đều rất thỏa mãn. Có người hỏi một phần ông Khê ông ấy giải thích đến bốn phần, nên sau cùng ai cũng hả hê vui vẻ cả. Buổi tối là trình diễn...

B.K Buổi hội thảo như vậy là có kết quả tốt đẹp ?

P.D : Có thể nói rằng những người ngoại quốc hầu như không hiểu gì về văn-hóa Việt-nam cả, Về nhạc Việt, họ cũng biết rất mơ hồ, cho rằng nhạc Việt có vẻ Tàu, nhạc Việt là loại nhạc cổ sơ (primitif). Nhưng sau buổi hội

thảo, những người tham dự, sau khi nghe ba chúng tôi thuyết trình, trả lời các câu hỏi, sau khi nghe ông Vĩnh Bảo chơi đàn, thì họ đều thấy rõ là nhạc Việt quả có một nền tảng chắc chắn, có một truyền thống riêng của nó ; mặc dầu nó có chịu ảnh hưởng của nhạc Tàu, nhạc Chăm, nhưng nó vẫn có phần độc lập rất lớn. Có dân ca dân nhạc thời xưa của Việt-nam, nhưng cũng có dân ca dân nhạc V.N. hiện đại, phản ảnh xã hội ngày nay nữa. Có một kết quả cụ thể là cái lớp dạy đàn tranh của ông Vĩnh Bảo, sau đó, đông người học hơn cả cái lớp học tiếng Nga nữa và ông có đến 18 học viên, có những anh Mỹ bàn tay to như cái quạt cũng nhấn gảy đàn tranh các bài Tạ, Ngũ diêm v.v...

Nhạc cổ truyền và nhạc hiện đại

B.K. : Chúng ta hãy trở lại buổi hội thảo. Xin anh cho biết những người nào được tham dự cuộc hội thảo đó ?

P.D. Các giáo sư và sinh viên trong Viện Đại-học đang nghiên cứu về văn hóa Việt-nam, các nhà nhạc học, các nhà dân tộc nhạc học, cả các nhạc sĩ địa phương và một số khách được mời tới nữa.

B. K. Anh có thể nói cho độc giả Bách Khoa biết thêm chi tiết về những gì các anh đã thuyết trình hôm đó và những gì các anh đã giải đáp không?

P. D. Như tôi đã kể lại, bữa đó anh Khê nói về lịch sử nhạc Việt-nam từ thượng cổ đến nay, về nhạc lí Việt nam, anh Vĩnh Bảo nói về các cây đàn Việt nam cùng khả năng của mỗi cây đàn, tôi trình bày về dân ca, dân nhạc.

B. K. Có phải trình diễn làm thí dụ không?

P. D. Khi nào cần đưa ra những thí dụ, như anh Khê chẳng hạn, có khi anh mang trống ra đánh, có khi anh lại làm điệu bộ hát tuồng giảng cho người ta rõ tuồng V.N khác tuồng Tàu thế nào. Buổi thảo luận, có người còn bắt anh Khê ngâm cho nghe một đoạn Kiều vì họ học "Đoạn trường tân thanh" họ muốn biết người Việt "kể kiều" như thế nào? Tôi còn nhớ hôm đó anh Khê ngâm: «Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa...»

B. K. Trong buổi thảo luận, họ có hỏi mình nhiều không?

P. D. Nhiều chứ! Lúc mình nói buổi sáng thì họ ghi chép; đến chiều, căn cứ vào đó họ hỏi lại mình. Mà không phải hỏi khơi khơi một cách

tò mò đâu. Đó là những câu hỏi của những nhà nhạc học, của những người nghiên cứu nhạc, họ hỏi về nhạc ngữ Việt nam, về âm giai ngũ cung v.v. Tôi với anh Khê phải nói cho họ biết rằng nhạc V.N. có bài hát chỉ cần tam cung, tứ cung chứ không cần đến ngũ cung và phải tìm thí dụ.

B. K. Như thế các anh chỉ nói về nhạc cổ truyền V.N thôi sao, có nói đến nhạc hiện đại không?

P.D. Có chứ. Như anh Khê anh ấy nói về nhạc cổ truyền, về dân nhạc. từ xưa cho đến lúc nước Việt chia đôi thì ở miền Bắc nhạc Việt tiến triển ra sao, ở miền Nam nhạc Việt có xu hướng gì... thí dụ nhạc Đỗ Nhuận thay đổi thế nào, ở Bắc thì tiến tới giàn nhạc giao hưởng, hoặc sáng tác ca kịch theo kiểu opéra trong khi ở miền Nam thì ông Nghiêm Phú Phi đã đưa đàn bầu và đàn tranh vào một giàn nhạc hòa tấu v.v...

Còn tôi thì tôi cũng nói dân ca ngày xưa hát với ngũ cung, có những cây đàn dây tơ hòa theo, ngày nay dân ca được phổ biến trong dân chúng, nhất là trong giới trẻ, giới sinh viên, học sinh, thì lại bằng cái guitare gỗ, guitare điện, vậy phải có những chuyển biến: có thêm chuyển-hệ (métabole), có thêm hòa âm... có thêm lời mới, có thêm cả tư tưởng chiến tranh và hòa bình nữa.

Tôi cho các thỉnh giả hôm đó biết là nhạc ngữ ở trong dân ca

Việt-nam rất là phong phú. Thí dụ bài *Lý con sáo* chẳng hạn: « Ai đem con sáo sang sông, để cho con sáo sồ lông bay ra », thì ngoài Bắc hát thể này, ngoài Trung hát thể này và trong Nam hát thể này, nghĩa là nếu nghiên cứu âm giai, cấu phong chữ đệm, chữ lót... thì rõ là 3 bài khác nhau, mà đối với người Việt lại vẫn chỉ là một bài «*Lý con sáo*» mà thôi.

Tôi có nói về dân ca ở Việt-nam trong hai ba mươi năm nay được tiếp tục như thế nào. Có nhiều nước, dân ca trong vòng mấy chục năm nay ngừng lại, nhưng ở Việt-nam, nó vẫn được tiếp tục. Như trong thời kỳ kháng chiến người ta làm những bài lấy âm hưởng dân ca để nói lên tâm trạng thời đại, rồi sau này có người lại dùng những nét nhạc cổ truyền để tạo thành bài mới. Tôi có nhắc đến và hát bài «*Tiếng xưa*» của anh Dương Thiệu Tước và nói về sự thành công của bài này trong sự dùng những nét nhạc ngày xưa.

Bây giờ tuy người ta hát lại những bài dân ca ngày xưa, nhưng bài hát dân ca đó đã được thêm tiết tấu, có hòa âm, chẳng hạn ban tam ca Đông Phương hát những bài dân ca có hòa âm là một thí dụ về dân ca hiện đại được thính giả chấp nhận.

Có trường hợp một bài dân ca xưa cũ, mọi người không ai còn nhớ nữa, nay tôi tìm lại được, tôi thêm lời ca mới vào lời ca ngày trước, miễn là không phản lại với nội dung của bài hát, thế là bài dân

ca lại sống lại với những lời ca hiện đại. Công việc tìm lại các bài dân ca cũ và làm cho nó sống lại với thời bây giờ là công việc của người phục hồi dân nhạc (restaurateur). Tôi cho rằng người phục hồi dân nhạc phải có một quan niệm động thì mới thành công được; giữ quan niệm tĩnh thì thất bại ngay. Một bài hát ở thế-kỷ thứ 16, tìm lại được, mà đem y nguyên về cho người thế kỷ thứ 20, thì khó mà người ngày nay chấp nhận được là bài hát của họ bây giờ.

Bản thể động của dân nhạc Việt

B.K. Nhân đây anh cho tôi hỏi thêm về dân ca. Có người cho rằng dân ca là những bài hát không có tác giả, như vậy nói ai là tác giả bài dân ca này, dân ca nó là không hợp lý. Anh nghĩ sao về ý kiến này.

P.D. Về vấn đề cho rằng dân ca phải là những bài hát không có tác giả (anonyme) thì tôi thấy đó là quan niệm xưa quá, cách đây cả mấy chục năm rồi. Ngay như Nga-sô là một nước tiên đồn về dân ca mà tôi đọc một cuốn sách dịch của Nga nói về dân ca cũng thấy họ đã loại bỏ quan niệm dân ca không có tác giả từ khuya rồi... Họ có dẫn chứng những bài dân ca cổ ở miền Turkestan, ở mỗi câu hát sau cùng đều có nói tên tác giả là X, hay Y... Dân ca có thể là một bài ca do một người sáng tác đầu tiên rồi lâu đời bị quên đi, hoặc do một vài người cùng thêm bớt, sửa chữa, hoặc là một sáng tác tập thể. Nhưng ngày xưa các bài dân ca đều truyền khẩu cả thì còn ai biết được là ai đã

lên ra bài này bài kia nữa. Như những câu «Sao tua chín cái năn kề; Yêu em từ thuở mẹ về với cha» tại phải có một người đã làm ra câu đó rồi hát lên chứ không thể là một công trình không có tác giả được.

Nhưng câu chuyện này cãi vã nhau không bao giờ hết được. Có điều mà lần này tôi học được của anh Trần văn Khê, nhân dịp anh em gặp nhau trao đổi ý kiến lúc ở Illinois, mà tôi cho rằng anh Khê rất có lý. Đó là hiện nay người ta đang đi tìm những điệu hát cổ truyền thật đúng với thời trước, các bài Hành vân, Lưu thủy, Cỏ bản, Nam xuân v.v. thật đúng. Nhưng cái truyền thống của dân nhạc Việt nam theo anh Trần văn Khê, thì cũng một bài hát đó người miền Tây hát khác người miền Đông, cho nên người ta mới có Vọng cổ miền Đông, có cái giây Rạch giây có cái giây Bắc liêu v.v... Mà cái nguyên do để cho bài Vọng cổ mấy chục năm nay không chết được là một vài năm nó đổi một lần và không có người nào hát Vọng cổ giống người nào cả; người ta chỉ kính trọng những cái nhịp, chỗ này vào xề, chỗ kia vào sang, chỗ kia vào cống v.v.. còn ở giữa là sáng tạo tùy hứng (improvisation) Cũng như ông Út Trà-Ôn hát bài Vọng cổ thì bữa mai ông có thể hát không giống bữa nay nữa, tuy ông ấy vẫn phải kính trọng những cái mốc. Cho nên cái động lực chính của âm nhạc cổ truyền Việt-Nam cũng giống y như âm nhạc Ấn-độ, là đặt nền tảng trên

sự sáng tạo tùy hứng. Trước đây tôi cũng mơ hồ về vấn đề này, nhưng anh Trần văn Khê anh ấy đã am tường nhạc của rất nhiều quốc gia ở Á-đông: Nhật-bản, Ấn-độ, Mã-lai, Á-rập..., nên khi nhìn về nhạc Việt anh ấy nhận ra rằng cái bản-thể (essence) của nhạc Việt là một bản-thể động, như trên tôi vừa nói. Đó cũng là điều mà anh ấy đã nêu ra trong bản thuyết-trình ở Đại học Nam Illinois. Bởi vậy, tôi nghĩ những người có trách nhiệm phát huy nhạc cổ truyền V.N nên tổ chức những Đại hội địa phương, đề cho này nở những sáng tác mới, những nhân tài mới và khuyến khích cho các trường phái địa-phương càng phát triển được nhiều càng hay. Như vậy mới là biết khai thác cái bản-thể động của nhạc Việt mà phát huy nhạc Việt.

Cuốn sách đặc khảo về dân nhạc V.N.

B.K. Sau buổi hội thảo các anh chia tay nhau ngay hay có còn trình diễn ở đâu nữa không?

P.D. Sau buổi hội thảo chúng tôi cũng có trình diễn ở một vài nơi có đông kiều bào nữa, rồi vì anh Khê bận việc ở Paris phải trở về, anh Vĩnh Bảo thì bận về cái lớp dạy đàn của anh, còn tôi, tôi phải phụ với ông Giám đốc ngành Dân tộc Nhạc học ở Đại học SIU và một cô người Việt, cô Anh-Thư, dịch ra Anh ngữ một cuốn sách về dân nhạc V.N. mà tôi đã viết xong cách đây 10 năm rồi.

B. K. Anh có thể cho biết qua nội dung cuốn sách của anh được không?

P. D. Cuốn sách của tôi, do anh Khê đề tựa, có thể nói là một đóng góp vào cuốn sách của anh Khê đã xuất bản. Nếu cuốn sách của anh Khê là lịch sử và nhạc lý của nhạc cổ truyền V.N. (Histoire et Théorie) thì cuốn sách của tôi là một cuốn đặc khảo về dân nhạc (Monographie). Trong cuốn sách của tôi, tôi có nói về nhạc Việt rất kỹ nhưng ngoài ra tôi khảo cả về nhạc của các dân tộc ngoại Việt như Chăm, Bahnar v.v...

Trong sách này tôi phân loại (catégoriser) cũng khác với những phân loại đã có từ trước đến nay. Thí dụ: người ta vẫn cho «Hò» là một điệu hát làm việc vì khi hát phải hô lên, nhưng tôi cho là lúc nghỉ ngơi cũng vẫn có «Hò», nên tôi chia làm 4 loại: Hò làm việc, Hò nghỉ ngơi, Hò ái tình và Hò hội.

Tôi phân tích rất kỹ chẳng hạn «Ru» khác «Hò» ra sao, «Hò» khác «Hát ví», «Hát ví» khác «Ngâm» ra sao.

Đáng lẽ trong cuốn sách này tôi phải nói thêm nhạc của các dân tộc thượng du miền Bắc nữa mới đủ, nhưng hoàn cảnh đất nước chưa cho phép tôi làm được những cuộc khảo sát đó, nên đành chịu phần thiếu sót này. Tôi cũng có nói điều này trong «Lời nói đầu» và mong sau này sẽ có người tiếp tục đề bổ túc công việc của tôi.

BK : Sách của anh dịch ra Anh ngữ rồi ai sẽ xuất bản. Và nơi nào sẽ tiêu thụ ?

PD : Trường Đại học S. I. U có một cơ quan xuất bản, cơ quan này

sẽ ấn hành cuốn sách của tôi, và tất cả các Thư viện Đại-học ở Hoa-kỳ sẽ mua ngay cuốn sách này, như họ đã mua cuốn « Musique traditionnelle du V.N. » của anh Khê vậy. Cuốn sách bằng Pháp ngữ này cũng đang được điều đình để dịch sang Anh ngữ.

BK : Tại sao anh không cho in bản Việt-ngữ ở nhà ? có phải trước đây anh đã trích ở cuốn sách này một số bài đăng ở « Sáng dọi Miền Nam » và « Vạn Hạnh » không ?

PD : Những bài đăng ở « Sáng Dọi Miền Nam » là lần viết đầu. Sau đó tôi có sửa lại, viết lại, và những bài đăng ở « Vạn Hạnh » là có sửa và bổ túc rồi. Sau tôi lại xem lại, sửa chữa lần nữa rồi mới cho dịch và in. Tôi rất muốn in ở nhà và thế nào cũng in, nhưng phải nhận rằng in cuốn này tốn nhiều bản kẽm, lại sợ khó tiêu thụ, nên ít nhà xuất bản dám nhận in.

Nhóm Đông du...

BK : Trước khi đến Illinois dự hội thảo anh có ghé qua Nhật, vậy anh có gặp anh em sinh viên ở đó không ?

PD : Tôi có qua Nhật một tuần. Lần này tôi được gặp một số anh em sinh viên Việt-nam du học trong một tổ chức lấy tên là « Đông-du ». Cũng là việc ngẫu nhiên. Hồi 1966 tôi sang Nhật có gặp anh Hoè, nay sang gặp lại mới hay anh là người chủ trương nhóm « Đông-du » nên anh « bắt cóc » tôi lại sinh hoạt với nhóm này.

Ai cũng rõ là sinh viên du học ở đâu cũng thấy bơ vơ lắm, nhất là những năm đầu. Nay ở Nhật các anh em sinh viên có sáng kiến họp nhau lại, sống tập thể theo một kỷ luật riêng ở một cư xá riêng, đề tiện bề học tập và đỡ tốn kém, nhóm này nhớ đến phong trào Đông-kinh Nghĩa thực xưa kia nên lấy tên là « Đông du ». Nhóm « Đông-du » không làm chính trị, chỉ giúp đỡ anh em có chỗ ăn ở đầy đủ mà tiết kiệm được chi tiêu lại có môi trường học tập, sống lành mạnh. Nhóm này cũng không xin viện trợ của chính quyền và chỉ xin sự trợ giúp của tư nhân thôi. Chẳng hạn xin cho mượn nhà để làm cư xá Nhà cũ, họ sửa chữa lại, nên nay đã có đến 2 cư xá. Tôi rất vui thích được sinh hoạt với các anh em ở nhóm « Đông du » và có cảm tưởng như sống với một tổ chức Hướng đạo sinh vậy.

Nói về Georges E. Gauthier

B.K. Ở Nhật rồi anh đi đâu ?

P.D. Ở Nhật rồi tôi sang Montréal, Gia-nã-đại. Thú thật là tôi đi chuyến này cũng có chủ ý đến thăm Gauthier ở Montréal nữa. Một người đã bỏ công nghiên cứu và viết về nhạc của mình như vậy thì sự lịch sự tối thiểu buộc mình phải gặp họ để cảm ơn đáp lễ. Tôi là một nghệ sĩ, nghĩa là loại người giàu tình cảm, thì tôi lại càng cảm động hơn nữa. Nên nếu Gauthier có ở Bắc-cực, tôi cũng phải sống chết tìm cách lặn lội đến gặp anh ta được một lần để đáp lại

cảm tình người ta đã dành cho mình.

B.K. Anh thấy Gauthier bằng xương bằng thịt thế nào ?

P.D. Gauthier là một người trẻ tài hoa, thông minh, dễ thương, rất đa cảm và say mê. Anh ấy yêu nước Việt-nam và yêu nhạc Việt-nam thật tình. Anh ấy cũng yêu tôi nữa và thú thật với anh là anh ấy yêu hơi quá ! Vì vậy tôi sang gặp anh ấy ngoài việc đáp lễ, cũng còn để Gauthier thấy rõ con người tôi hơn và bớt yêu tôi đi. Ở đời, hề ở xa thì dễ yêu nhau, nhưng lại gần thì lại dễ ghét nhau ; nên Gauthier gần tôi sẽ ghét tôi đi một ít bù vào cái yêu trước kia là vừa ! Tôi rất sợ cái quá độ (extrême), tôi không muốn ai ghét tôi quá nhưng cũng không muốn ai yêu tôi quá nữa. Anh phải thông cảm cho tôi như vậy mới được !

B.K. Ở Montréal anh có dịp gặp các anh em sinh viên không ?

P.D. Anh em sinh viên V.N. ở Gia-nã-đại đông lắm. Ngay tại Montréal tôi có gặp mấy anh trước kia ở nhà là *du ca*, bởi vậy mấy ông ấy lại lôi tôi đến Đại học bắt hát, Nhưng tôi không hát bữa đó, mà chỉ đàm luận với anh em như dự một buổi họp mặt, buổi sinh hoạt với anh em sinh viên ở đó mà thôi. Anh em nào hỏi về tình hình nhạc ở bên nhà thì tôi sẵn sàng trả lời.

B.K. Còn lúc sang Pháp, anh có gặp anh em sinh viên ở Paris không ?

P.D. : Ở Paris tôi có một cô cháu trong nom một cư xá có 90 Việt-kiều cư ngụ. Các anh em sống chung với

nhau ở đó cũng như nhóm Đông-du ở Nhật, nhưng không tổ chức chặt chẽ như ở Nhật. Tôi cũng phải dự một đêm nói chuyện và hát. Hát cả «Tục ca» nữa, vui lắm. Bữa đó có một ông già 78 tuổi, người Nam, nghe tin có tôi tới hát, ông cũng đến dự và cũng đứng lên hát một bài lý thời xưa, điệu rất cồ, người nghe thật cảm động. Đêm đó thức đến 2 giờ sáng.

Sáng tác cho ai ?

B.K. Một câu hỏi chót : Anh đã đọc

cuốn sách của anh Nguyễn Trọng Văn viết về anh chưa ?

P.D. : Tôi có đọc cuốn đó bởi vì được tác giả gửi tặng với lời đề rất thân ái. Tôi cảm ơn tác giả cũng như tôi đã cảm ơn tất cả những người phê bình tôi trong suốt 30 năm soạn nhạc. Đối với một nghệ sĩ lời khen hay chê đều quý cả, nhưng cũng phải nói thực với anh rằng suốt 30 năm nay tôi soạn nhạc trước hết là cho tôi. Bởi thế khen chê cũng vậy thôi !

● Khi còn ở Illinnois cảnh rừng cây vào Thu khiến Phạm Duy nhớ lại những mùa Thu hồi trẻ và anh đã nhớ tới bài thơ của Hữu-Loan «Màu tím hoa xim», nên anh đã sáng tác ngay bên đó bài «Áo anh sứt chỉ đường tà» ; Khi trở về anh lại làm thêm được bài «Nụ hôn đầu» thơ của Trần Dạ Từ.

Mở đầu cho năm 72 của Phạm Duy là một bài «Tục ca», một bài «Tục ca» xứng với danh hiệu này nhất, có cái tên là : M. Đ. Bài trên đây là bài Tục ca thứ 8. Thường thường, theo tác giả, những bài «Tục ca» là anh làm chơi, nên anh ít khi phổ biến, bởi vậy hầu như người ta chỉ biết bài «Gái lội qua khe» (Thơ Bùi Giáng) và bài «Tôi có người yêu» (đăng trên B.K. với lời ca còn thiếu). Nếu có những lúc người ta chửi thề, văng tục thì Phạm Duy làm «Tục ca» thay cho một lời chửi thề. Thế thôi.

BÁCH KHOA

Thương tiếc

Nhà văn TAM ÍCH, từ trần chiều ngày 5-1-1972 tại Saigon, hưởng thọ 58 tuổi,

Xin trân trọng chia buồn cùng tang quyến và cầu nguyện anh hồn nhà văn Tam Ích sớm siêu thoát về nơi Cực lạc.

TẠ TỰ, PHAN LẠC PHÚC, HÀ THƯỢNG NHÂN, PHẠM DUY, NGUYỄN HIẾN LÊ, MINH QUÂN, VÕ PHIẾN, NGUYỄN NGU Í, TỪ MÃN (nhà xuất bản Lá Bối), THANH TUỆ (nhà xuất bản An Tiêm) LÊ NGỘ CHÂU.

Cadao mới phát hành: Hộp thư: 2287 Saigon

— **Chinh phục hạnh phúc** của Bertrand Russell, Nguyễn Hiến Lê dịch. Sách chỉ dẫn cách vui sống và yêu đời của một triết gia nhân bản.

— **Dạ khúc Chim** của Taha Hussein, Tôn Thấ Hoàng dịch, Hoài Khanh giới thiệu. Cuốn tiểu thuyết thơ mộng và bi thảm của một văn hào Ai Cập.

— **Tuổi trẻ băn khoăn** của Hermann Hesse, Hoài Khanh dịch. Sách in lần hai, có bổ khuyết. Một tuổi trẻ ý thức không ngớt băn khoăn về «các niềm tin và học thuyết đã suy vong», và sống sro cho «thật sự hoàn toàn là chính mình».

— **Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại** của Bertrand Russell, Nguyễn Hiến Lê dịch. Sách nói đến những vấn đề cấp thiết như: chiến tranh, hòa bình, triết lý, hạnh phúc, tương lai nhân loại, v.v...

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC



(BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PHO: TÂN-TRÍ

MN 226.9YT

Truyện Tàu thế kỷ 20 :

Một số dòng họ từ đời Tam-quốc bên Tàu còn sót lại ở... Việt-nam

Buổi chiều ngày 22 tháng 11, năm 1971 tại phi trường Tân-Sơn-Nhứt, có một người khách lạ đến thăm Việt-nam. Khách đi chuyển phi cơ thường lệ Vọng-Các-Sàigon, nói là đến Saigon để thăm bà con. Và cũng chiều hôm ấy, ở phi cảng cũng có một người đứng đón. Nhưng khi hai bên gặp nhau — bà con gặp nhau — thì một nhân viên tòa Đại-sứ Trung-hoa tại Saigon phải đứng ra giới thiệu! Người khách lạ đó là ông Lưu-Sùng-Linh (Liu Chung Linh) hiện ở Hà Bắc, ông vừa đi thăm một số bà con ở Hồng-kông, Tân-gia-ba, Thái-lan và nay thì đến Việt-nam. Ông là chủ tịch Long-Cương thân nghĩa thế giới hội, ông cũng là một Ủy-viên trong Viện Lập pháp Trung-hoa (Quốc hội Trung-hoa) nhưng ông đến Việt-nam với tư cách du lịch, chứ không với tư cách là dân, biểu một nước bạn.

Bà con ông là những ai, mà đến rồi hai bên gặp nhau, nếu không có sự giới thiệu của tòa Đại sứ, thì không ai biết ai cả! Đó là bốn dòng họ hiện ở Việt-nam, khá đông ở Chợ-lớn, và đã sống đã vào Việt-tịch, là các ông trong họ Lưu, Quan, Trương, Triệu.

Nói đến Lưu, Quan, Trương, những ai đọc Tam Quốc đều nhớ

chuyện Đào viên kết nghĩa, và nghị ngay đến ba người là Lưu Bị tức Lưu Huyền Đức, Quan Vũ tức Quan Vân Trường và Trương Phi tức Trương Dực Đức. Ba người này ở ba phương gặp nhau tại một địa điểm (Trác huyện), tuy khác họ, nhưng cả ba nguyện kết làm anh em, « đồng tâm hiệp lực, cứu khổn phò nguy » và nguyện « chết cùng năm cùng tháng » với nhau.

Chính vì có sự tích Đào viên kết nghĩa mà con cháu Lưu Bị, con cháu Quan Vũ và con cháu Trương Phi đều coi như anh em trong cùng một họ.

Tất cả những chi tiết này đều có nói trong sử sách. Trong Tam Quốc Chí diễn nghĩa, với tài tiêu thuyết hóa của La Quán Trung, vấn đề kết nghĩa Vườn Đào đã nói lên một hình ảnh rất đẹp của những người đồng tâm, đồng chí hướng mà không cần phải là đồng tộc, đồng tông.

Tuy nhiên, trong loại diễn nghĩa, La tiên sinh đã lược bỏ đi một số chi tiết, mà trong đó có một chi tiết — được nói đến trong các dã sử, đó là câu chuyện kết nghĩa ở Long-Cương. Số là ngay lúc đầu Lưu Bị mới gặp Triệu Vân tức Triệu tử Long, lòng đã lưu luyến, nhưng chưa có dịp liên kết. Mãi đến khi Lưu Bị từ Hà Bắc bôn đào xuống

miền Nam, mới gặp lại Triệu Vân ở Cổ thành. Từ đó Triệu Vân đã đem hết tâm sức ra phục vụ cho Lưu Bị để thoả cái ước nguyện của kẻ làm trai. Trong thời gian này, Triệu Vân đã chẳng nề hà vào sinh ra tử, nhất là khi Lưu Bị bại trận nơi Tân Dã phải chạy về bến Hàm Tân. Ở trận Đương Dương, Triệu Vân phải hôn chiến, đi tìm Lưu phu nhân và A đầu rồi sau Lưu phu nhân tự vẫn, Triệu Vân lại tả xung hữu đột mang A đầu ra khỏi trận địa. Chính vì thế mà Lưu Bị cảm cái ơn của Triệu Vân, từ đó coi Vân như em út. Đã sử chép là Lưu Bị vỗ vai Triệu Vân mà gọi là em, trước mặt Quan. Trương và các tướng lãnh khác. Địa-điểm đó là Long-Cương (ở xứ Đương Dương lúc bấy giờ).

Gần đây, Tại Đài-loan có xuất hiện một hội gồm bốn họ, mang tên là Thế Giới Long-Cương Thân Nghĩa Tổng hội (Lung Kong World Federation), trụ sở đặt tại Taipei Hsien, Đài-loan, mà Chủ tịch chính là ông Lưu Sùng Linh (Liu Chung Ling) vừa qua thăm họ hàng ở Saigon. Hội này có chi hội ở Hong kong, Thái-lan, Tân-gia-ba, Gia-nã-đại, Nữu-ước, Cựu-kim-sơn ở, Việt-nam, hiện chưa có chi-hội Long-Cương, tuy nhiên sự xuất hiện những dòng họ này thì đã có trên phương diện pháp lý. Ngày 15 tháng 5 năm 1971 ông Tổng trưởng Nội-vụ đã ký nghị định cho phép Hội Tương tế họ Quan hoạt động trong «tình thân ái giữa những người họ Quan, trợ

giúp lẫn nhau khi gặp cảnh túng quẫn và rủi ro» (Điều thứ ba, Điều lệ Hội Tương tế họ Quan). Trụ sở họ này hiện đặt tại đường Đồng-Khánh, xẽ cửa nhà hàng Đồng-Khánh. Hội Tương tế họ Trương đã thành lập trước họ Quan mấy năm và hội Tương tế họ Lưu cũng đã được phép hoạt động. Riêng hội Tương tế họ Triệu, còn đang chờ giấy phép.

Trong bốn dòng họ, đa số đều là các thương gia, một số mở tiệm ăn, riêng họ Quan và họ Triệu, có nhiều người đi dạy học, và họ Quan còn có người đi làm thuốc (Đông Y và Tây Y).

Tại các trụ sở hội, đều có bàn thờ tổ, Tại nhà họ Triệu, người ta thờ Triệu Vân. Tại trụ sở hội Tương tế họ Trương, người ta thờ ông Trương Phi. Tại trụ sở Hội Tương tế họ Lưu người ta thờ ông Lưu Bị và tại trụ sở Hội Tương tế họ Quan, người ta thờ ông Quan Vũ tức Quan Vân Trường.

Những vị được thờ đây, chỉ là những bàng tổ. Xét về viễn tổ, người ta chưa rõ viễn tổ họ Trương, và họ Triệu. Đối với họ Lưu, bàng tổ là Lưu Bị, cháu 19 đời của Hoàng đế Hiếu Cảnh, mà viễn tổ là Lưu Bang, một vị đình trưởng, lập nên cơ nghiệp nhà Hán sau khi đã diệt Tần phá Sở (Hạng Võ). Đối với họ Quan, bàng tổ là Quan Vân Trường mà ta còn gọi là Quan Công (tước Công) hay là Quan Đế, Quan Thánh (Đức Thánh Quan) (theo huyền thoại, Quan Vũ bị sát hại thì hiển thánh), Viễn tổ của họ

Quan là ông Quan Long Bàng. Ông là con cháu đức Chuyền Húc, một trong Ngũ Đế, sáng lập ra nước Trung-hoa ngày nay, một bầy tôi của vua Thần Nông, có công dẹp loạn mà lập nên nghiệp đế (theo *Sự kiến hàng sư ngoại truyện*).

Mỗi dòng họ Lưu, Quan, Trương Triệu dĩ nhiên đều thờ ông tổ của mình, tuy nhiên, riêng đối với họ Quan, Quan Vũ mà người đời sau xưng tụng là Đức Thánh Quan, hay Đức Quan Đế, thì không những người họ Quan thờ, mà nhiều dòng họ khác nữa cũng thờ.

Tại Hà-nội, giữa thành phố, trong chùa Ngọc Sơn có bàn thờ đức Quan Đế. Cũng ở Hà-Nội, tại Hội Quán (nơi tụ họp của người Trung-Hoa) hàng Buồm, có bàn thờ. Và ngay tại phố hàng Buồm, cũng có riêng một ngôi đền thờ đức Quan Đế.

Tại miền Nam, ở Chợ lớn cũng như ở Lục tỉnh, cũng có rải rác những ngôi đền thờ đức Quan Đế. Người ta thờ đây là để tỏ lòng tôn kính một vị trung thần nghĩa sĩ, một bậc đại trượng phu mà tư

tưởng và cách xử thế có thể làm gương sáng cho mọi người đời sau noi theo.

Trong bốn dòng họ, người ta chỉ thấy ở bên ngoài có đền thờ đức Quan Đế, (thường trên bức hình vẽ còn có thêm Chu Xương và Quan Bình) ngoài ra cũng không thấy ở đâu có thờ Lưu Bị, Trương Phi hay Triệu Vân cả. Phải chăng, riêng Quan Vân Trường mới được mọi người tôn sùng và ghi nhớ một trang nghĩa sĩ mặt đỏ, râu dài, với lòng khí khái của một bậc đại trượng phu (Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất)...

oOo

Ở Việt-Nam còn một số dòng họ nữa, cũng lập nên hội tương tế, tuy nhiên, không thấy ai thuộc về dòng Tào Tháo hay Gia Cát Lượng. Và những sinh hoạt của những hội tương tế này cũng bình thường không sôi nổi mật thiết như bốn họ Lưu, Quan, Trương, Triệu.

THIỆN-Ý sưu tầm

TIN VUI

Được hồng thiệp báo tin lễ vu quy

Em

Cậu

HOÀNG SY VINH cùng VÕ CÔNG CHÂU

Hôn lễ sẽ cử hành tại Đà-nẵng ngày 07-01-1972.

Chúng cháu thành thật góp vui cùng bác và em.

TRẦN CÔNG CHÍNH, TRẦN CÔNG TÁ,
NGUYỄN ANH TUẤN, LÊ THANH XUÂN

Đầu Xuân Nhâm-Tý, xin đọc :

MỘNG DU TRÊN ĐỈNH MÙA XUÂN

Thơ NGUYỄN ĐỨC SƠN — AN TIÊM xuất bản

« Đọc đáo, hết sức đọc đáo ! Việt-Nam, hết sức Việt-Nam ! »
Đó là ý kiến của nhà phê bình Tam-Ích trong một bài tham luận về thơ Nguyễn-Đức-Sơn mà tạp chí VĂN nhất quyết không chịu đăng, và KHỞI HÀNH thì đã trích bỏ sau một năm lưu giữ. Còn các bạn, nếu các bạn không thấy ngay cái gì sau khi đọc những câu thơ sau đây :

*Có mỗi đêm tôi ở trường dưới nguyệt
Tắm huy hoàng trong ánh sáng lung linh
Ôi thân thể những đêm vàng bất tuyệt
Tôi hiểu rồi ý nghĩa của vô minh*

thì xin quý bạn cũng đừng tìm đọc VỌNG, tập thơ thứ năm của tác giả khó ưa đó, do AN TIÊM xuất bản vào khoảng đầu đông này.

Muốn biết :

- ☐ Tình Kiến Hòa bị chia cắt như thế nào ?
- ☐ Giấc mộng không thành của nhà bác học Nguyễn-Ngọc-Bích ra sao ?
- ☐ Đường hướng Giáo dục và Tò chức của Đại-học Tiền Giang.
- ☐ Tết Saigon năm 1868...

Của các cây bút danh tiếng : Học giả Hồ-Hữu-Tường, nhà văn Võ-Hồng, nhà văn Lê-Hương, Kỹ sư Lê-văn-Danh (Tổng thư ký Hội đồng Văn-hóa Giáo-dục), nhà thơ Duy-Năng...

Hãy đón đọc : *Đặc san Xuân* **BÓNG DÙ A**
của Hội Ái-hữu Cựu Học sinh Trung học Kiến-Hòa

— Phát hành đầu tháng Chạp Tân Hợi.

— Bán tại các nhà sách lớn Saigon, Mỹ Tho và khắp tỉnh Kiến Hòa.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nhà văn Tam-Ích không còn nữa

Nhà văn Tam Ích đã lìa đời chiều ngày 5-1-1972. Tam-Ích tên thực là Lê Nguyên Tiệp, quê ở làng Ngọc Đờng, Tổng Vân Trai phủ Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Tam Ích vào Nam từ năm 1935 và cũng như nhiều trí thức miền Nam anh tham gia nhóm Cộng-sản Đệ Tứ của Tạ Thu Thâu. Thời kỳ kháng chiến, Tam Ích ở Saigon cùng Thiên Giang và Thê Húc lập nhóm «Chân Trời Mới» viết báo chống Pháp và hồi đó những bài của anh được độc giả đón đọc nồng nhiệt. Do đó anh bị Pháp bắt giam và sau cùng bị an-trí tại Hội-an.

Khi được trả tự do, Tam Ích có nhiều nỗi buồn gia-đình trong đó có cả nỗi buồn về thân phụ anh, Cụ Cử Lê Nguyên Long đã bị Cộng-sản đấu tố đến phải tự vận ở quê nhà.

Từ sau hiệp-định Genève, anh đọc sách và viết báo về Triết học.... Có thời kỳ anh cũng dạy học ở Đại-học Vạn-Hạnh và làm Giám khảo Văn học trong các Giải thưởng Văn chương toàn quốc.

Anh đã sửa soạn cái chết của anh rất chu đáo từ nhiều ngày trước. Anh để lại 4 lá thư tuyệt mạng, có lá thư viết rất dài. Chiều ngày 5-1-1972 khoảng 4 giờ, trên căn gác anh vẫn cư ngụ những năm gần đây, anh mặc Âu phục chỉnh tề, xếp một chồng sách để trên lên, rồi đập đồ chồng sách mà thất cồ tự vận. Trước đó anh đã cẩn thận tự nhét mũi xoa vào miệng và tự buộc cả hai tay lại.

Tin anh Tam Ích tự vận đã làm bàng hoàng xúc động văn giới, nhất là vào thời kỳ này... Hôm đưa anh tới nghĩa trang Mạc-đĩnh-Chi, sáng Thứ hai 10-1-72, người ta thấy có mặt ở mộ anh rất đông các anh em văn nghệ sĩ, già có trẻ có: Lê văn Siêu, Hoàng trọng Miên, Phạm thiên Thư v.v... có nhạc sĩ Phạm Duy, họa sĩ Tạ Ty, kịch sĩ Mỹ Tín, đạo diễn Nguyễn ngọc Liên... cùng một số khá đông học trò của anh.

Cái hình ảnh đập đồ chồng sách — mà có thể anh vẫn lần dở hàng ngày — để cho sợi dây xiết chặt, cắt đứt cuộc đời, đã là đề tài bàn tán của nhiều văn hữu đưa anh đến nơi an nghỉ cuối cùng. Một người bạn đã hỏi đùa Tạ Ty là trong chồng sách bị đập xuống hôm đó có tác phẩm nào của anh chẳng, và đề nghị với Tạ Ty nên làm một bài thơ vĩnh biệt Tam Ích. Ngay chiều hôm đưa đám, Tạ Ty đã làm xong bài thơ khóc Tam Ích: «Anh đã đi rồi». Ngày Tam Ích tự trần, khi được tin, nhà thơ Vũ Hoàng Chương

xúc động cũng viết luôn thành bài « *Gửi theo Tam Ích* ». Chúng tôi xin đăng cả 2 bài thơ sau đây để bạn đọc tiện làm tài liệu :

ANH ĐÃ ĐI RỒI

Khóc Tam - Ích

Anh đã đi rồi ư
Đi về đâu thế nhỉ
Hồn lẻ lạc ưu tư
Chập chờn màu đạo lý

Trời Sài-gòn còn Thu
Hay đã sang Đông ủa
Mà sao vẫn heo may
Trong lá vàng vóc lựa

Bạn bè những ai đó
Tâm sự chắc vơi đầy
Giọt lệ buồn nào rỏ
Có dài bằng sợi dây ?

Chồng sách dưới xác thân
Từng đêm anh lần giở
Đèn chong bắc lui dần
Gục đầu ôi ! tiếc nhớ

Triết lý với đời rồi
Hiện sinh và vực thẳm
Tư tưởng vút mù khơi
Ngã theo chiều chân đầy

Thế rồi lời ị sống
Chữ nghĩa coi như thừa
Mắt khép lòng mở rộng
Nhập vào siêu thoát chưa ?

Cuộc đời có gì đâu
Quần quanh cùng ảo ảnh
Hư vô phủ mái đầu
Trôi dần vào hiu quạnh

Cơm áo nào ra chi
 Mò giăng giăng tù ngục
 Tình đau tiếng bắc chi
 Ưp mặt khóc rưng rức

Tam Ích ! hồn đi đâu
 Nếu trở lại mai sau
 Xin đừng về chốn cũ
 Lưới nhện đã buông sâu

Đất lạnh anh nằm đấy
 Tôi cười với thế nhân
 Vì thương nên muốn gọi
 Đến tên nhau một lần.

TẠ TỶ
 (10. 01. 1972)

GỬI THEO TAM ÍCH

Tôi không còn lệ để khóc anh ơi
 Nhưng anh sá kể nghi thức trò đời
 Tôi không còn vắn để khóc anh ạ
 Nhưng anh chẳng cần ai khóc anh cả
 Vắn khó lê cạn đời tôi lòng tôi
 Lấy chi tiền bạc vào vòng Luân hồi
 Tôi đau năm nọ anh còn đến thăm
 Ai hay mới đó đã người ngàn năm
 Giải ngay trong Kết đau chẳng bụi hồng
 Tor tầm rút hết chỉ là số không

Saigon 5-1-72
 VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Bài thơ Nô-en của Ngê-Bá-Lí

Trong một vài năm nay, anh Nguyễn Ngu Í yêu cầu cho đổi bút hiệu là Ngê-Bá-Lí. Cũng vài năm nay, anh bệnh nhiều hơn trước và cả năm vừa qua anh là khách gần như thường trực của Dưỡng-trí-viện Biên-Hòa. Bởi thế những lúc anh tỉnh trí trở lại, về Saigon, tuy anh đòi viết, nhưng anh em ai cũng khuyên anh phải tỉnh dưỡng cho khoẻ hẳn. Mặc dầu vậy, anh vẫn làm thơ, và nhân dịp Lễ Giáng sinh anh có một bài thơ Nô-en gửi Bách Khoa. Tiếc rằng Tòa soạn nhận được bài thơ quá trễ nên đăng số trước không kịp, chúng tôi dành lại số này để Ngê-Bá-Lí cũng có dịp góp bài cho số kỷ niệm 15 năm anh đã góp mặt với Bách Khoa.

Quà Nô-en

*Ta là ông già Nô-en
Mà em mong đợi trong đêm lạnh này,
Này bé Việt, trả lời ngay
Món quà lịch sử em này muốn chi
— Xin thưa : Hòa bình tức thì*

Nông trại A Dưỡng-trí-viện, đêm 23-12-71

NGÊ-BÁ-LÍ

(Tiếng hát người cuồng trời đất Việt)

Bài thơ của Phạm-Tăng

Họa sĩ Phạm Tăng trước đây được nhiều người biết đến về các tranh hài hước của anh trên nhật báo Tự Do. Anh cũng minh họa các truyện cho tạp chí Bách Khoa trong mấy năm đầu. Sau anh được sang Ý du học, và 12 năm qua, sau khi thành tài, anh đã vẽ rất nhiều, triển lãm tranh ở rất nhiều nước Âu-châu và đưa tranh sang cả Hoa-kỳ... Các cuộc triển lãm của anh ở nước ngoài đã gây được khá nhiều tiếng vang, vì các nhà phê bình nghệ thuật, các báo chí ở những nơi có bày tranh của Phạm Tăng, đều có những bài phê bình, ca ngợi một họa sĩ đã thể-hiện cái tâm hồn Á-Đông trên các họa phẩm của mình.

Trong một lá thư gửi về Tòa soạn hồi cuối năm 71, nói về sự đổi thay quan niệm Nghệ thuật của mình sau hơn một chục năm qua, Phạm Tăng đã

tâm sự : «Từ cái bên ngoài, tôi nhìn vào cái bên trong, từ cái lớn, tôi nhìn vào cái bé. Con người nghệ sĩ cứ thu nhỏ dần lại để chỉ còn lại cái khoảng không gian nhỏ bé như hạt nhân của tế bào». Phan Tấn Văn «làm thơ và hút thuốc lòn» trong những đêm không ngủ được, và anh đã viết lại một đoạn trong bài ca trường thiên, mà đoạn đầu anh đã làm từ khi còn ở nhà, để gửi cho số Bách Khoa kỷ niệm 15 năm :

*Thơ không viết nên thơ thành diễm tuyệt,
Giấy không ghi nên giấy tuyết còn trinh
Tưởng như bút mực vô tình,
Nhớ nhau mở rộng Tâm mình Trống không !*

*Đây những trang sách của cuộc đời,
tôi viết để chúng mình cùng xem cùng đọc
trong những lúc im lìm câu cười tiếng khóc
vắng vẻ thế nhân
đang đắm đuối cuồng say trong cuộc đời ô trọc
quanh mình*

*Đã bao lần tôi trần trọc trâu canh
túi phận thương mình vướng vào vòng sinh tử
như giọt lệ buông trôi xuôi giòng biển khổ
cùng với hăng hà sa số
hàng lệ thế gian
những giòng lệ người
tuôn nhập vào nhau và gây thành bão tố đại dương.*

*Giọt nước trôi đi không lối trở về nguồn
như cuộc sống là chuyến phiêu lưu không bao giờ trở lại,
đã rớt vào đời*

*là trôi trôi mãi
từng phút giây là một chuyến đi
chuyến đi này liên tiếp chuyến đi kia
như nước chảy triền miên không có định kỳ
ôi ! lạnh lẽo giòng sông định mệnh.*

Những cái tôi riêng tư
thực ra chỉ là ảo ảnh
như ánh nước lặn tẩn phản ánh mặt trời ;
khi nắng thì huy hoàng như bạc rắc vàng rơi
khi mưa thì âm thầm mịt mù khói sóng ;

Những cái tôi riêng tư
là những mảnh gương g con soi bóng
chiếu cảnh trời cao đất rộng
tưởng mình vĩ đại mệnh mông
nào có ngờ đâu chỉ là ánh nước củ giòng sông

Thực hảo huyền thay
những ước vọng vô cùng
của cá nhân muốn thoát vòng thực tại.

Tôi muốn hỏi
cùng chìm đắm trong giòng sông khổ ải
có giọt nước nào khác giọt nước kia chẳng ?
sóng cuộn mệnh mang lớp lớp chùng chùng
trong hay đục cũng xuôi giòng định mệnh.

Trong mạch đất âm thầm tê lạnh
ngàn năm nước vẫn trôi xuôi
xô đẩy nhau về cùng một chốn một nơi
và kết tụ ở trong lòng biển khổ
để tiếp tục làm bão bùng giông tố
đắm chìm thế gian

Nước bốc lên mây
thành gió núi mưa ngàn
và đổ xuống nguồn khơi mạch này
và suối cạn sông khô theo nhau lại chảy

Nếu cuộc sống cứ tuần hoàn đổi thay như vậy
nếu cái tôi riêng tư không có tìm đâu thấy
thì cuộc đời tôi có ý nghĩa gì hơn
hay những việc tôi làm đây
chỉ là để trả nợ áo cơm
nuôi thề xác là mầm đau khổ
như giọt nước nuôi mầm bão tố
chứa sẵn trong lòng

Cả cuộc đời nay ước mai mong
tìm hạnh phúc riêng tư không bao giờ có
nước vẫn âm thầm trôi về biển cả
đắm chìm trong cái mệnh mông

Biết tìm đâu
ý nghĩa và mục đích của cuộc đời
anh thấy có buồn không ?

PHẠM TĂNG

Giải Nobel 1971

(tiếp theo trang 22)

Cũng nên biết khám phá đã không phải được khai ra sau một cuộc khảo cứu liên tục. Giáo sư Gabor chỉ nhờ suy luận hay và đúng mới đưa ra một lý thuyết mà chính ông cũng không thể chứng nghiệm được vì thiếu phương tiện. Thật vậy, cách chụp hình của giáo sư Gabor đã cần đến những dụng cụ mà lúc trước ông không thể có.

Ta biết ánh sáng là sự truyền đạt những luồng sóng điện từ. Hình ảnh ta thấy là một cách trang trải ánh sáng. Những luồng sóng đã đem lại cho mắt ta, cũng như kính ảnh, những tài liệu về vật thể cho nên ta thấy được hình thể, màu sắc, độ cách. Trong lý thuyết vật lý học, một luồng sóng được ba yếu tố xác định: cường độ, tần số và tuần kỳ. Nhưng mỗi khán giả chỉ có một hình ảnh tùy theo chỗ đứng của họ so với vật thể. Mười người đứng quanh một vật thể thì có được mười hình ảnh khác nhau của vật thể vì mỗi người chỉ nhận được một phần các luồng sóng phát ra. Đương khác, kính ảnh thì phải trưng bày một khoảng thời gian nên không đăng ghi được tuần kỳ của luồng sóng nên không phục hồi được độ cách của vật thể.

Ý định của giáo sư Gabor là kiếm cách phục hồi những tài liệu đã thiếu nghĩa là phải cho đăng ghi lên kính ảnh tất cả những luồng sóng mà vật thể đã phát ra. Muốn vậy, ông đã nghĩ cho chiếu vào vật thể hai chùm tia sáng. Người ta đã biết khi hai tia sáng cùng tần số gặp nhau mà hai luồng sóng trùng nhau thì cường độ tăng lên, và ánh sáng trở nên lớn. Trái lại, nếu đỉnh một luồng sóng 1 hằm vào đáy luồng sóng kia thì chúng tiêu hủy nhau và ánh sáng mất bớt. Nhưng với ánh sáng thiên nhiên thì người ta chẳng thấy gì được vì ánh sáng thiên nhiên hỗn độn. Vì vậy lý thuyết của giáo sư Gabor phải đợi khám phá và ứng dụng tia laser là một nguồn ánh sáng kết hợp (xem Bách khoa các số 181 và 192) mới được chứng nghiệm.

Năm 1962, hai nhà vật lý học Hoa-kỳ Emmet Leith và Juris Upatnieks thực hiện lần đầu tiên những thí nghiệm toàn vẹn theo lý thuyết Gabor. Từ đây kỹ thuật ngày càng hoàn hảo nhờ những kính ảnh đặc biệt được chế tạo ra. Người ta cũng đã thành công được những hình ảnh toàn vẹn bằng màu. Gần đây, môn holographie (holo : toàn vẹn) còn được ứng dụng trong lãnh vực âm học vì người ta đã thành công thực hiện được những bức hình toàn vẹn với những luồng sóng âm thanh.

Rồi đây, cuộc ứng dụng sẽ còn lan tràn qua các địa hạt quan sát vi sinh, khảo cứu biến hình các chất rắn... Người ta sẽ mục kích những bức hình cũng như những phim ảnh ba chiều tuy kỹ thuật cũng còn phải đợi ít lâu nữa mới thành công được.

Ngoài ra, còn có một địa hạt vô cùng quan trọng khác là công việc tích trữ tài liệu mà giáo sư Gabor cũng là một nhà chuyên môn. Ngày nay chúng ta đã quen với những băng nhạc, rồi đây sẽ có những băng hình bền chắc và không dễ hư hỏng vì bụi bặm hay cọ xát. Ngành vô tuyến truyền hình vì vậy sẽ có một bộ mặt mới. Trong các máy tính điện tử, khả năng thực hiện những bộ não đầy đủ cũng sẽ gây ra một cuộc phát triển mãnh liệt. Cũng nên biết thêm là tiến triển của ngành holographie đã thúc đẩy kỹ thuật thực hiện những máy móc quang học tinh vi.

Vì vậy trong giới chuyên môn không ai lấy làm lạ khi biết giáo sư Gabor đã từng được giải Holweck của Hội Vật lý học Pháp và giải Christophe-Colomb của thành phố Gênes trước khi đi qua Stockholm lãnh giải thưởng cao quý nhất về vật lý học.

VÕ QUANG YẾN

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Trái tim Việt-nam tập thơ nhạc của Phạm-Thế-Mỹ, do Đối Diện xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in offset khổ 21 x 21 gồm 14 bản nhạc mới nhất do chính nhạc sĩ viết nhạc và lời ca, L.M. Nguyễn Ngọc Lan đề tựa, tranh bìa và phụ bản của Hồ đắc Ngọc. Giá 200đ.

— Rừng phong tập thơ của Vũ Hoàng Chương, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in lần hai dày 142 trang, bản đặc biệt, in trên giấy trắng dày, nền hoa, rất đẹp, gồm 35 bài thơ ; tranh màu của Đình-Hùng và bìa do Văn Thanh trình bày.

— Chữ Thời Triết lý an vi của Kim Định, do Thanh Bình xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm nền móng trong bộ Triết Việt Nho, in lần thứ 2 có thêm 3 chương quan trọng và xếp đặc lại cho dễ lĩnh hội, dày 480 trang gồm 3 phần: Cơ cấu, Vận hành, và Thâm thấu. Giá 500 đ.

— Thế giới thi-ca Nguyễn-Du của Nguyễn Đăng Thục do Kinh Thi xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 380 trang gồm 8 chương từ « Cảnh hưởng xã hội Lê mạt Nguyễn sơ » đến « Biện pháp giải thoát của thi sĩ qua Nghệ Thuật » Giá 500 đ.

— Động hoa vàng tập thơ của Phạm Thiên Thư do Tiếng Thơ xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ 5 của Phạm Thiên Thư dày 94 trang

gồm 400 dòng lục bát, trình bày rất trang nhã, Nguyễn Hữu Nhật vẽ chân Dung tác giả. Bản đặc biệt.

— Căn bản địa chất học của Trần kim Thạch, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Tài liệu giáo khoa dùng cho học sinh lớp 10 Vạn vật, sinh viên Khoa học, Sư phạm, Văn khoa, Nông nghiệp và Kỹ thuật, dày 320 trang, gồm 3 phần lớn : Nguyên lý địa chất học, Tinh. khoáng-học và nham-thạch-học, Địa chất học ứng dụng với nhiều hình vẽ và hình ảnh. Có thêm bản đối chiếu Việt, Pháp, Anh thuật-ngữ địa-chất-học. Giá 460đ.

— Nhân vật Bình-Định của Lộc xuyên Đăng quý Dịch do soạn giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang gồm trên 5 chục các vị lương đồng, trung thần, anh kiệt, Đại khoa, hiền hoàn, túc nho, chân tu và liệt nữ của tỉnh Bình Định. Có thêm phần phụ lục về Phong trào kháng thuế năm 1908 và tìm hiểu địa danh. Giá 380đ

— Chinh phục hạnh phúc nguyên tác « The conquest of Happiness » của Bertrand Russell, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, do Ca Dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 244 trang gồm 2 phần lớn : Nguyên nhân của đau khổ và nguyên nhân của hạnh phúc. Giá 300đ.

— Bộ khay kỷ lạ truyện thiếu nhi của Nam-quân, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 194 trang, loại « Hoa đỏ », bản đặc biệt. Giá bản thường 80đ.

— Khúc Nam-ai truyện dài của Kim-Hải, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 164 trang, dành cho tuổi 16 trở lên, loại « Hoa tím », bản đặc biệt, in rất đẹp. Giá bản thường : 100đ.